VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
tác giả & tác phẩm
ngô nguyên dũng ● nguyễn ý thuần ● thế uyên

văn học và chính trị
mai kim ngọc
từ trong truyện kim dung
trần văn tích

đêm phi châu
lệ hằng
bờ xa đã cạn
đặng mai lan
và các truyện ngắn của
võ đình ● trần doãn nho ● nguyên hương
thơ
trần thị lai hồng ● đoàn nhật ● hải phương
vạn giả ● thuận nhiên ● trần mộng tú

SỐ 113 ● THÁNG 9 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

VănHọc

Số 113, tháng 9 năm 1995

VĂN HỌC	2	thư toà soạn
MAI KIM NGỌC	3	văn học và chính trị
TRẦN VĂN TÍCH	15	*từ* trong truyện kim dung
THỤY KHUÊ	45	nguyên lý song song
TRẦN THỊ LAI HỒNG	51	*khi về*
ĐOÀN NHẬT	52	*tháng giêng, tháng hai*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC HẢI NGOẠI
TÁC GIẢ & TÁC PHẨM

NGÔ NGUYÊN DŨNG	53	*trả lời phỏng vấn*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	54	chủ nhật của những người yêu nhau
HẢI PHƯƠNG	66	*khuất thân*
NGUYỄN Ý THUẦN	67	*trả lời phỏng vấn*
NGUYỄN Ý THUẦN	68	cuối năm
VẠN GIẢ	74	*tiếng động từ quá khứ*
THẾ UYÊN	75	*trả lời phỏng vấn*
THẾ UYÊN	86	truyện già Cao

LỆ HẰNG	99	đêm phi châu
ĐẶNG MAI LAN	112	bờ xa đã cạn
THẬN NHIÊN	119	*kiều ơi!*
VÕ ĐÌNH	120	lầu xép
TRẦN DOÃN NHO	124	nắng trên đồi
TRẦN MỘNG TÚ	131	*uống trà*
NGUYÊN HƯƠNG	133	quà muộn
VĂN HỌC	139	giữa người đọc và người viết
NGUYỄN HUY THẠCH	144	ghi chép
VĂN HỌC	155	toà soạn với bạn đọc
		giới thiệu sách báo mới

Tác giả và Văn học giữ bản quyền, 1994-1995
© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved, 1994-1995

Thư Tòa soạn

Văn Học vui mừng vì cuộc thảo luận về văn học Việt Nam Hải ngoại càng ngày càng có nhiều đóng góp hào hứng. Sau khi Giáo sư Nguyễn văn Trung đặt câu hỏi về Văn học Hải ngoại trên số trước, trong giới những người cầm bút lâu nay quan tâm đến văn chương đã có những bàn cãi sôi nổi. Cách nhìn của Giáo sư Nguyễn văn Trung - trong bối cảnh lịch sử và xã hội của Việt Nam trải dài hai thế kỷ - gợi ra một số vấn đề đáng được bàn cãi, như tương quan chính trị văn học, văn học và tôn giáo, vấn đề Bắc Nam...chưa kể những câu hỏi "rất thời sự" như văn học hải ngoại đi về đâu, liên lạc giữa trong và ngoài nước nên như thế nào.

Nhà văn Mai Kim Ngọc bắt đầu cuộc thảo luận với Giáo sư Nguyễn văn Trung bằng bài "Văn học và Chính trị" đăng trên số này. Văn Học hy vọng sau ý kiến của Mai Kim Ngọc, sẽ có những ý kiến khác soi sáng thêm chủ đề Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Phần "Tác giả và Tác phẩm" kỳ này, Văn Học xin giới thiệu ý kiến và sáng tác mới nhất của ba nhà văn Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Ý Thuần và Thế Uyên.

Biên khảo văn học thì có bài biên khảo công phu và sâu sắc của Trần văn Tích về thể từ trong truyện Kim Dung, và bài tiếp của Thụy Khuê về thi pháp.

Về truyện ngắn, ngoài ba truyện Thế Uyên, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Ý Thuần chọn lựa để tự giới thiệu mình với bạn đọc, còn có truyện của nhà văn Lệ Hằng ở Úc, Đặng Mai Lan ở Pháp, Võ Đình và Trần Doãn Nho ở Mỹ.

Về thơ, Văn Học xin gửi tới bạn đọc một số khá lớn thơ tự do của các nhà thơ Trần Mộng Tú, Đoàn Nhật, Hải Phương và những bài thơ có vần của Trần thị Lai Hồng, Vạn Giả, Thận Nhiên. Trong số các nhà thơ vừa kể, Văn Học hân hạnh giới thiệu vài tên tuổi mới đối với bạn đọc Văn Học: Thận Nhiên và Hải Phương.

Văn Học

Văn Học Và Chính trị

Nhân đọc bài "Văn Học Hải Ngoại?" của Nguyễn Văn Trung.

Mai Kim Ngọc.

Bài "**Văn học Hải ngoại?**" của ông Nguyễn Văn Trung (Văn Học số 112) kể như không đề cập đến khía cạnh văn học nghệ thuật của văn học. Tác giả xem ra đặt trọng tâm lý luận ở diện chính trị và xã hội của vấn đề, và tôi nghĩ đành phải dợi dịp khác nếu muốn thưởng lãm tài thưởng lãm văn học nghệ thuật của ông.

Trong khung tư tưởng *chính trị và xã hội* chọn lựa như thế, ông viết về văn học hải ngoại. Và trong một cái mở ngoặc rất lớn, ông viết nhiều hơn về miền Nam. Cả hai đề tài *Hải ngoại* và *miền Nam* được viết một cách đối chiếu và đối đãi với miền Bắc.

Có lẽ sự mở ngoặc này, đưa thêm vào dàn bài những vấn đề bất ngờ (liên hệ Nam Bắc, sự áp đặt hiện giờ và trước kia của miền Bắc trên miền Nam...), tuy liên hệ nhưng không trực tiếp nằm trong đề tài Văn học Hải ngoại, đã làm mạch văn không thông suốt và khó theo.

Đọc "Văn học Hải ngoại?", tôi có vài cảm nghĩ, từ thế nhìn của một người đọc cũng như của một thành viên ban biên tập Văn Học. Tôi không bàn về phân loại văn học thành dòng này dòng kia, hay sự lưu thông của những dòng ấy, nguyên vẹn hay không nguyên vẹn từ Bắc vào Nam rồi trôi ra hải ngoại... Tôi cũng không bàn về những khám phá công phu của người này người nọ về những dòng nhỏ đã cạn và mất hút, phát hiện được qua những cuốn sách hiếm mà chuyên gia về văn học sử nghe nói hay kiếm được. Tôi nghĩ những đề tài ấy thuộc về giảng đường cho tú tài ban C, hay cho lớp dự bị trường văn, hay trong những cuộc hội thảo diễn giảng của những người chuyên môn... Tôi thú nhận không có cái tha

thiết bác học về những phân loại những giả thuyết ấy... Chuyện này xin dành cho những chuyên gia hay những sinh viên trường văn đang soạn thi tốt nghiệp..

Nhưng tôi rất lưu tâm với một số phát biểu của ông Nguyễn Văn Trung về tương quan văn học và cuộc sống giữa hải ngoại và quốc nội, giữa Nam và Bắc... Và nhất là với quan điểm của ông về văn học hải ngoại, từ tác giả tác phẩm cho tới quần chúng. Tôi xin chia sẻ sau đây với độc giả và trao đổi với tác giả cảm nghĩ của tôi về những vấn đề ấy.

Bài lý luận văn học có chỗ làm tôi thích thú. Nhiều chỗ khác làm tôi ngạc nhiên và ngỡ ngàng.

Chuyện **thích thú** là thái độ tích cực của tác giả với miền Nam, từ văn học miền Nam tới chế độ miền Nam trước 1975.

Ông ghi nhận trong khi miền Bắc chỉ có *văn học phải đạo* phò đảng và *văn học chui* chống đảng, miền Nam có những ba dòng văn học, từ dòng văn học *tâm lý chiến*, dòng văn học *phi-chính-trị* và dòng văn học *trên-chính-trị*. Còn dòng văn học *chui* thì không cần thiết, vì ở miền Nam ai nghĩ gì thì cứ viết ra, không cần ẩn dụ hay giấu diếm.

Và ông ghi nhận sự tốt lành của chế độ Việt Nam Cộng Hoà, tuy không tránh khỏi thối nát tham nhũng ở cá nhân một số viên chức các cấp, đã đủ lành mạnh để tạo ra một nền văn học như vậy...

Tôi nghĩ ông rất công bình ở điểm này, và sự ghi nhận của ông làm nhiều người mát ruột một cách đích đáng...

Tôi không được sống tại Việt Nam thập niên cuối cùng trước 75, nhưng tôi tưởng tượng nếu cái nhìn tích cực của Nguyễn Văn Trung về những điều tốt lành của miền Nam đã được phổ biến mạnh mẽ thời ấy thì lịch sử miền Nam biết đâu đã không rẽ theo một ngả khác... Và tôi chạnh nghĩ đến các anh các chị trong Tâm Lý Chiến hai ba chục năm trước, lúc câu chuyện đang còn thời sự, bên cạnh phần việc hàng ngày của chức năng, đã đem tâm huyết ra viết cũng chân lý này, mà hình như công sức và máu và nước mắt của họ chưa được ghi nhận đúng mức...

Tôi cũng xúc động với những trang tác giả viết về việc Lữ Phương thi hành biện pháp đàn áp và lăng mạ văn nhân miền Nam (trong đó có tác giả), nhằm xoá bỏ văn học miền Nam trong văn học sử và văn hóa sử đất nước... Tài liệu này phối kiểm và bổ sung với tài liệu của những nhân chứng khác sẽ ghi lại đầy đủ một khoảng thời gian bất hạnh, để chúng ta khỏi quên và để bảo đảm lịch sử sẽ không tái diễn trong tương lai một cách thê thảm như vậy, để không bao giờ vì cực đoan và cuồng tín, con

người nói chung và trí thức và văn nghệ sĩ nói riêng bị chà đạp nhân quyền như những năm tiếp cận 75...

Chỉ nhờ bản lĩnh thần kinh vững vàng của dân tộc tính mà phần lớn đồng bào nạn nhân, Nam cũng như Bắc đã phục hồi, ở đây trong việc xây dựng một cộng đồng hải ngoại nói chung thành công và lành mạnh, và ở nhà trong việc mưu cầu hạnh phúc cho bản thân và gia đình... Tuy nhiên không phải ai cũng phục hồi được. Biết bao nhiêu cuộc đời đã tan nát, biết bao cột sống lưng đã dập gẫy...

Quá trình gian khổ của nạn nhân, như Nguyễn Văn Trung đã ghi lại, giúp ta hiểu được những bất thường có thể xảy ra về sức khoẻ thể xác cũng như tâm thần của họ, khi họ trở lại thế giới bình thường. Trong danh sách trợ cấp tật nguyền dành cho những bầm dập phủ tạng hay tâm thần tại sở xã hội, sự hiện diện của những cựu nạn nhân chính trị gốc Việt không phải là không đáng kể.

Là y sĩ, tôi đã xót xa chứng kiến hội chứng của những người đã bị tổn thương, có khi tiềm tàng gần như bình thường, có khi bột phát đến chỗ nguy hiểm từ ngôn từ đến hành động, cần cô lập trong dưỡng trí viện... Và tôi hoàn toàn tán thành sự rộng rãi của các viên chức xã hội hay an sinh trong việc xử lý những hồ sơ trợ cấp tàn phế ấy, phản ảnh tấm lòng nhường nhịn kiên nhẫn và cảm thông... Những nạn nhân ấy xứng đáng được đền bù.

Và cũng theo mạch nghĩ này, tôi nghĩ cả miền Nam xứng đáng được đền bù, và tôi đồng ý với giáo sư Nguyễn Văn Trung khi ông tố cáo những bất công miền Nam đã phải chịu đựng từ ngày thống nhất, trong đó có sự áp chế văn hóa và văn học của những năm đầu...

Tôi hoàn toàn chia sẻ lòng ưu ái của ông dành cho miền Nam, nhất định nói về miền Nam, dù đề tài là văn học hải ngoại.

Tuy nhiên tôi không tâm đắc với ông được, nếu ông nhìn sự bạo ngược của Lữ Phương và những người như Lữ Phương đối với miền Nam không chỉ phản ảnh hận thù quốc cộng sau một cuộc chiến cam go, mà còn phản ảnh một liên hệ không lành mạnh giữa hai miền Nam Bắc.

Tôi không theo nổi ông khi ông khai triển rằng cái liên hệ Bắc Nam đã không công bằng, đã đầy hiềm khích từ trước đến nay, từ thời Pháp thuộc, từ thời đằng Trong đằng Ngoài Trịnh Nguyễn phân tranh, và còn xa hơn nữa, từ *khúc ngoặc* lịch sử Nam tiến... Ông viết:

Sự kiện Nam tiến hình thành một miền Nam Việt Nam đánh dấu một khúc ngoặc trong lịch sử vì nó đem tới những yếu tố mới chưa từng có về mặt

kinh tế, chính trị, văn hóa tạo ra hai lối nhìn khác nhau về vùng đất mới.

Bỏ qua chuyện định nghĩa Nam là đâu và Bắc là đâu, và khúc ngoặc nào trong tiến trình gần như liên tục của lịch sử Nam tiến, tôi chỉ ghi nhận nơi đây quan điểm của ông rằng miền Bắc luôn luôn trục lợi và áp chế miền Nam:

Người vùng đất cũ coi vùng đất mới là một hỗ trợ cần thiết về kinh tế cho vùng đất cũ và đòi hỏi thống nhất đảm bảo vai trò đóng góp và cứu trợ kinh tế của miền Nam, đồng thời mở rộng vùng lãnh đạo chính trị của người vùng đất cũ; còn về mặt văn hóa, vùng đất cũ coi vùng đất mới như không có hoặc có nhưng không đáng kể...

Theo ông, cả đến các nhà soạn sách văn học và giáo khoa như các ông Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Hoài Chân, Thanh Lãng, Phạm Thế Ngũ, Phạm Văn Diêu vân vân, cũng đã góp phần vào sự áp chế hay phủ nhận miền Nam, về diện văn học:

Tuy nhiên những truyện viết theo lối Tây phương đã xuất hiện rất sớm ngay từ khi người Pháp mới sang. Điều đáng lưu ý hơn là nội dung các thể loại văn học ở miền Nam, đặc biệt cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã phản ánh nếp sống ở vùng đất mới, thể hiện những mẫu người, nhất là mẫu người phụ nữ khác những mẫu người ở vùng đất cũ... và không thấy bày tỏ một hoài niệm nào vùng đất cũ. Mảng văn học mang đầy đủ cá tính miền Nam này thật phong phú đa dạng bắt đầu bị lép vế dần sau khi có đường xe lửa nối liền Nam Bắc, chuyển vào Nam nền văn học miền Bắc đang thời kỳ khởi sắc cũng phong phú đa dạng; rồi mảng văn học miền Nam bị bỏ quên vào hồi 1954 khi đông đảo giới cầm bút miền Bắc di cư vào Nam, làm văn học bác học.

Sau 75, những người cầm bút gốc Bắc di tản ra nước ngoài, làm văn học hải ngoại tiếp tục lề lối cách nhìn văn học của người miền Bắc. Do đó đứng trên bình diện địa lý chính trị, có thể nói văn học hải ngoại nối dài văn học miền Bắc trước 54 và sau 54 đến 75. Còn văn học chính gốc miền Nam đã bị cắt đứt với truyền thống văn học mang đầy đủ cá tính miền Nam do người miền Nam làm; nền văn học này đã hầu như hoàn toàn bị bỏ quên bỏ qua trong các cuốn văn học sử của Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản, hai cuốn phê bình văn học của Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh Hoài Chân trước 54 đến các bộ văn học sử của Thanh Lãng, Phạm Thế Ngũ, Phạm Văn Diêu v.v... sau 54, tất cả đều trình bày lịch sử văn học Việt Nam dựa vào diễn tiến văn học miền Bắc mà thôi.

Và ông viết về miền Nam lỏng lẻo móc vào tổ quốc với chút tình nghĩa mỏng manh:

Trái lại người vùng đất mới coi vùng đất mới là giang sơn của mình: Tự cung, tự cấp. Nếu đưa mắt nhìn ra ngoài miền Nam, về kinh tế, người vùng đất mới lại chú ý nhìn theo hướng phía Tây (Cao Miên, Thái Lan...) hơn là về phía Bắc. Người Pháp sau này cũng có lối nhìn như vậy. Người Việt ở vùng đất mới

không thấy cần ca tụng vùng mình cư ngụ vì đã nhận nó là quê hương, thỏa mãn các nhu cầu của mình; khác hẳn người vùng đất cũ, đặc biệt vùng Bình Trị Thiên, Thanh Nghệ làm rất nhiều văn thơ ca tụng vùng mình, nhưng lại tìm cách vào Nam lập nghiệp sinh sống. Thực ra, người miền Nam chỉ có quan hệ thuần túy tình cảm đối với người miền Bắc, cho nên làm gì giúp gì chỉ vì tình nghĩa mà thôi.

Tôi hoàn toàn lạc mất ông, khi lần thứ hai, trước khi chấm dứt bài viết, ông lại phát biểu trên những cơ sở mà tôi không thấy rõ, rằng cái liên hệ miền Nam với miền Bắc chỉ vì tình nghĩa ấy, *"có thì hay và không có thì thôi"* nếu có sự mặc cả giữa hai miền.

Tôi hy vọng tôi đã hiểu lầm những gì ông viết.

Tôi vẫn nghĩ cái xi-măng gắn bó những bộ phận Trung hay Nam hay Bắc của đất nước, là một thứ xi-măng thượng hạng, và đất nước có bể vụn ra thành ba kỳ Pháp thuộc, hay thành đàng Trong đàng Ngoài Trịnh Nguyễn phân tranh, hay thành mười hai mảnh thập nhị sứ quân, sự phân chia chỉ tạm thời... Những mảnh vụn ấy không bao giờ mất keo sơn căn bản, hễ hoàn cảnh cho phép là tức thì gắn bó nguyên vẹn lại với nhau. Tôi nghĩ không phải vì một tập thể hay một cá nhân bất công với miền Nam, mà miền Nam sẵn sàng tách rời để thực thụ thành một nước khác.

Có lẽ tôi vẫn ám ảnh bởi những bài báo Pháp thời Pháp thuộc (và gần hơn nữa của thời Nguyễn Văn Thinh), khai triển những nét riêng biệt bi phu của một xứ Cochinchine tự trị hay độc lập, để chứng minh rằng miền đất này có khả năng trở nên một nước riêng, song đôi với Việt Nam (phần còn lại) như hai nước chị em trong liên hiệp Pháp...

Cũng có lẽ cuộc nội chiến đầy máu và nước mắt của những "nước" mới thành lập từ những mảnh vụn của Nam Tư cũ, ngày ngày thấy trên các kênh tin tức của vô tuyến truyền hình, làm tôi dị ứng một cách bất thường với những lập luận chỉ thoáng vị phân hoá...

Trở về chuyện văn học hải ngoại.

Tôi nghĩ ông có những phán đoán quá khắc nghiệt dành cho nền văn học này, cho người viết, cho người đọc... Ngay trong mở đầu, ông đã chấp nhận như một chân lý là văn học hải ngoại tất sẽ tàn và tất biến đi. Thắc mắc chăng là những nguyên nhân ngoài-văn-học nào sẽ quyết định chuyện ấy. Ông viết:

...Phải chăng sự kiện văn học hải ngoại có mặt vào một thời điểm rồi có thể biến mất ở một thời điểm khác nguyên nhân không phải do chính những nguyên

nhân văn học quy định, mà do những nguyên nhân ngoại tại: chính trị, văn hóa, xã hội?

Hay ở một chỗ khác, cũng một ý ấy:

...Văn học Hải ngoại là một hiện tượng bất thường, và chính những người đang làm ra nó không mong gì hơn càng sớm chấm dứt nó mau chóng bao nhiêu càng hay bấy nhiêu.

Ông cho rằng người viết chỉ vì không thông thạo ngôn ngữ địa phương mà họ viết bằng Việt ngữ:

... Do đó đông đảo những người cầm bút viết văn, viết sách ở Việt Nam không thể hoặc chưa thể hội nhập vào văn hóa của nước mình cư ngụ và chỉ còn con đường tiếp tục viết bằng tiếng Việt...

Ông khai triển thêm về họ ở những đoạn khác:

...Văn học hải ngoại xuất hiện vào một thời điểm nhất định, do những nguyên nhân mà ai cũng đã biết qui định. Dòng văn học này tồn tại thế nào và trong bao lâu tùy thuộc vào ý định và khả năng hội nhập. Thế hệ đang cầm bút tạo ra dòng văn học này vì không thể hay chưa thể hội nhập văn hóa bản xứ nước mình cư ngụ...

Ông trách họ:

... Tại sao không viết về đời sống cam go phức tạp trước mắt? Nói cách khác, sách báo chỉ nói nhiều về tâm tư lưu vong, hoặc niềm hoài hương hay tranh đấu chính trị chống cộng, ít nói về đời sống của cộng đồng người Việt ở nước ngoài...

Và ông gán cho họ những động cơ tầm thường trong việc làm văn học:

...Rút cục phải chăng người thuộc thế hệ thứ nhất cầm bút không nhằm phục vụ người đọc ở hải ngoại, mà chỉ để khẳng định sự có mặt của mình trước bạn bè hay người cùng giới, trao tặng sách cho nhau, rồi gửi lưu trữ ở thư viện?

Tại sao? Phải chăng để né tránh hay che giấu sự bất lực trước những vấn đề tế nhị cam go của cộng đồng hoặc sự bất lực hội nhập vào diễn đàn bản xứ, quốc tế để tranh đấu thiết thực trước hết cho cộng đồng và sau đó cho đất nước bằng cách ẩn mình vào hoài niệm quá khứ hay tranh đấu cho những mục tiêu hoàn toàn ở ngoài tầm tay của mình? Cũng biết như thế là tự lừa dối, không thực tế, để được an tâm, nhưng nói mãi rút cục tin là thật điều tự lừa dối. Phải chăng đó là nguỵ tín?

Về những người hải ngoại khuynh tả (viết văn?) ra nước ngoài trước 75, ông rất nặng tay với những bẽ bàng của họ trong liên hệ với chính quyền cộng sản, với sự lạc lõng của họ trong cộng đồng hải ngoại, mặc dầu sự kiện này (nếu có?), không quan trọng gì cho đề tài ông đang thuyết minh:

...Ngay cả những người đi du học trước 75 mang tiếng là "thân" cố gắng

hàng mấy chục năm trời còn giữ thông hành Việt Nam ngày nay cũng buộc lấy quốc tịch nước ngoài và bị ruồng bỏ sau 75... và chán ngán vì chế độ bên nhà không nhìn nhận họ. Họ trở thành lưu vong đến hai lần: Lưu vong với quê nhà, và đối ngay cả với cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

Xử lý xong tác giả hải ngoại, ông đề cập đến độc giả hải ngoại.

Để tiên đoán người đọc hải ngoại sẽ không trung thành với văn học hải ngoại, ông đề cập đến sự hội nhập của những thế hệ trẻ vào văn hóa địa phương. Theo ông sự hội nhập ấy tùy thuộc dân tộc tính, một khi hoàn tất sẽ không còn độc giả cho văn học hải ngoại nữa. Và cũng theo ông, dân tộc tính của chúng ta quá yếu về bản lãnh văn hóa, và sự hội nhập sẽ quá nhanh.

Ông phán xét dân tộc tính của chúng ta còn khe khắt hơn khi ông phán xét văn giới hải ngoại. Khả năng hấp thụ những làn gió mới từ những văn hóa khác, một đức tính của người Việt và một ưu điểm trong thời đại thế giới cởi mở và đa nguyên này, cũng bị ông nhìn một cách rất tiêu cực:

Bản lãnh văn hoá của người Việt: *Đây là điều đáng ngại hơn cả. Người Việt có tính thần đối kháng mãnh liệt trong trường hợp ngoại bang xâm lược, đe dọa sự tồn tại của dân tộc, nhưng về văn hoá, thường có thái độ sẵn sàng đón nhận nhhững văn hoá nước ngoài được coi như có ý nghĩa phổ biến, không cứ chung cho cả nhân loại, không phải là vì Tàu hay Tây; thái độ đón nhận những nền văn hóa lớn nhất thế giới như Trung quốc, Pháp, Hoa Kỳ, Nga mà người Việt cảm phục càng dễ dàng và do đó mối nguy cơ mất gốc càng tăng...*

... Hàng ngàn năm bị đô hộ đã tạo nên một tâm tình cảm phục người ngoại quốc, kẻ thống trị mình về văn hóa...

... Sự kiện thời nào, dưới bất cứ chế độ chính trị nào, những người cầm bút luôn luôn lo lắng về văn hóa dân tộc chúng tỏ bản lãnh văn hóa của người Việt chao đảo thế nào trong khi người Hoa hình như chẳng bao giờ bận tâm về bản lãnh văn hóa của họ. Họ hội nhập về kinh tế, nhưng không hội nhập về văn hóa...

Một ngoại lệ hiếm hoi ông chấp nhận là trường hợp người Việt ở Thái Lan. Viện dẫn Đào Trinh Nhất theo nhà báo Ngọa Long kể lại, ông viết:

... Cách đây trên 200 năm, có hai đợt di dân vì lý do chính trị và tôn giáo. Đợt đầu những người chạy theo Nguyễn Ánh và đợt sau, những người Công giáo tỵ nạn trước những chính sách bắt đạo của Minh Mạng Thiệu Trị...

Ông kể lại rằng theo tài liệu trên, đám theo vua Gia Long hoàn toàn hóa bản xứ nhất thiết ngôn ngữ, phong tục, không còn chút gì vấn vương cố hương. Duy có đám di dân Ky-tô giáo còn giữ được nhiều bản sắc, kể cả tiếng mẹ đẻ... Họ còn học tiếng quốc ngữ, mở trường dậy tiếng này cho con em, mở nhà in bằng tiếng quốc ngữ...

Đề cao vai trò tôn giáo trong việc bảo tồn văn hóa cho đám di dân này, ông bình luận:

Kinh nghiệm Thái Lan cho thấy gì? Phải chăng chỉ các cộng đồng tôn giáo có chút hy vọng tồn tại lâu dài nhờ những sinh hoạt tôn giáo (kinh tế, nghi thức v.v...) bằng tiếng Việt. Sở dĩ những sinh hoạt này vẫn thu hút lôi cuốn được người tham dự là vì ngoài tính chất tôn giáo, có đông đủ những yếu tố tạo thành một sinh hoạt văn hoá, văn nghệ hấp dẫn...

Tôi lấn cấn với cách ông nhìn *kinh nghiệm Thái Lan* này. Nếu tôn giáo cắt nghĩa sự khác biệt về bảo tồn văn hóa gốc nguồn của hai nhóm di dân, ta sẽ phải giả thử rằng đám di dân theo vua Gia Long là phường vô đạo. Ta không có cơ sở để nói vậy về một đám người tận trung phò Chúa, xuất phát từ một xã hội với nền văn minh cổ kính của Tam Giáo. Trừ phi ông đề nghị đạo của đám thân binh và quần thần của Nguyễn Ánh không hiệu nghiệm trong việc bảo tồn văn hóa cội nguồn...

Ngoài ra, có những chi tiết chưa chu đáo lắm trong giả thuyết của ông, như đợt di dân vì sự cấm đạo của các Vua Minh Mạng Thiệu Trị không thể trên 200 năm (vua Minh Mạng lên ngôi 1820, vua Thiệu Trị lên ngôi 1840), và sách vở bằng tiếng quốc ngữ của giáo dân dưới hai triều này không phản ảnh tiếng Việt 200 hay 300 năm trước. Tôi cũng thắc mắc việc nghi thức đạo Ky-tô thời ấy được cử hành bằng tiếng Việt (thay vì tiếng La-tinh hay tiếng Pháp) cho đám dân lưu vong tại Siam. Vả lại, tiếng quốc ngữ bấy giờ không thể gọi là tiếng gốc rễ của *bản lãnh văn hóa* Việt Nam, mà còn là một sản phẩm rất mới do giáo hội Ky tô đưa vào.

Thật ra, tôi nghĩ ông nên coi giai thoại Đào Trinh Nhất (sao lại bởi một nhà báo) như chuyện nghe qua rồi bỏ, thay vì lại rút tỉa ra những hệ luận không những vẩn vơ mà còn chứa đựng một sự so sánh tôn giáo này với tôn giáo khác. Chuyện này không cơ sở, không cần thiết, bây giờ cũng như bao giờ, trong cũng như ngoài văn học.

Sau cùng, ông cho vận mệnh của nền văn học hải ngoại tùy thuộc chính quyền quốc nội:

Nhưng chấm dứt văn học hải ngoại, tình cảnh lưu vong, lại không tùy

thuộc những người Việt ở nước ngoài còn mang tâm trạng đó mà chủ yếu tùy thuộc chế độ đã buộc họ rời bỏ đất nước. Ngay cả những người đi du học trước 75 mang tiếng là "thân" cố gắng hàng mấy chục năm trời còn giữ thông hành Việt Nam ngày nay cũng buộc lấy quốc tịch nước ngoài và bị ruồng bỏ sau 75... và chán ngán vì chế độ bên nhà không nhìn nhận họ. Họ trở thành lưu vong đến hai lần: Lưu vong với quê nhà, và đối ngay cả với cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

Theo ông, nếu chính quyền quốc nội không bắt bí người hải ngoại và *xử lý có trách nhiệm tiến hành những thay đổi thực sự*, thì:

Thế thôi! Lúc đó văn học hải ngoại không còn dặt ra nữa!

Tóm lại, cuộc lập thuyết của ông Nguyễn Văn Trung về văn học hải ngoại có một điểm tích cực lớn: nó ghi nhận sự tự do về văn hóa và văn học của miền Nam trước 75, cũng như sự tốt lành của chế độ miền Nam, mặc dầu những khuyết điểm, đã cho phép sự tự do văn hóa ấy nảy nở.

Ông đã có cơ hội tích cực khi nêu lên những khuyết điểm của văn học hải ngoại và người hải ngoại, về phía người đọc cũng như người viết, về chuyện nọ chuyện kia. Những khuyết điểm ấy, không phải là không xảy ra trong một số trường hợp, nếu được nêu lên với mức độ cân xứng với tầm quan trọng giới hạn của vấn đề, có thể đã là một phê bình xây dựng đóng góp tích cực cho cộng đồng và văn học hải ngoại. Nhưng ông không dùng cơ hội ấy.

Tổng quát hóa những khuyết điểm ấy để tới những kết luận tổng hợp về người hải ngoại và dân tộc tính của toàn thể đồng bào, ông đã làm điều không nên và không công bằng.

Cũng xu hướng ấy, tổng quát hóa chính sách Lũ Phương thi hành ở miền Nam mấy năm sau 75 thành một bằng chứng cho sự **đố kỵ Nam Bắc qua lịch sử** cũng là một điều quá đáng... Sau cùng, khi bàn đến sự khác biệt của hai đám dân tị nạn sang Thái trong quá khứ, về việc giữ gìn bản sắc dân tộc nhờ đạo Ky-tô, xu hướng tổng quát hóa không cơ sở cũng đã làm ông không cẩn trọng trong vấn đề tế nhị này...

Bài "Văn học Hải Ngoại?" lẽ ra có thể thành một đề tài tranh luận hào hứng, dù không hẳn trực diện những vấn đề thuần túy văn học. Thật đáng tiếc trong khi lập thuyết, cung cách lập ngôn của ông có khả năng xúc phạm và gây thương tổn rất cao, cho rất nhiều người. Cách xử lý không cẩn trọng những vấn đề thiêng liêng và tế nhị như thống nhất Nam Bắc, như lương giáo đoàn kết, như bản lĩnh văn hóa dân tộc, cũng không tạo cho ông thiện cảm. Những khuyết điểm ấy đem lại tính chất

tiêu cực gần như cho toàn bộ bài văn.

Nhiều câu hỏi của độc giả chờ đợi ông, và tôi tin là ông sẽ trả lời thỏa đáng những câu hỏi ấy.

Riêng tôi, một lần nữa tôi mong là tôi đã hiểu lầm ông, hay là ông đã viết không rõ. Tôi vẫn mong đến một lúc nào đó ông sẽ nhìn văn học cũng như con người hải ngoại một cách thân thiện hơn, và chuyện đất nước một cách quân bình hơn.

Lúc đó ông sẽ thấy văn chương hải ngoại, ngoài Ngô Thế Vinh (một nhà văn bác sĩ rất đôn hậu và yêu văn học) mà ông đơn cử, còn có rất nhiều tác giả khác viết về đủ mọi đề tài, từ chống cộng, hoài niệm, cho đến phi-chính-trị hay trên-chính-trị (những loại văn học ông thích).

Và trong mọi thể loại đã xuất hiện những sáng tác văn học giá trị. Chỉ riêng tờ Văn Học nhỏ bé ông đang cầm trong tay, trong năm qua đã xuất hiện những truyện hay, hay theo mọi tiêu chuẩn, và có thể được thưởng lãm trực tiếp với thích thú cao độ bởi những người từ văn học bản xứ, nếu họ biết tiếng Việt, hay trong tương lai xa gần, qua bản dịch. (Nhưng câu nệ gì chuyện độc giả tây phương đọc mình sớm hay muộn một năm hay một thập niên hay một thế kỷ...)

Trở lại những truyện hay trong Văn Học, tôi giới thiệu với ông một vài truyện theo thứ tự xuất hiện trong năm nay, như *Trí Nhớ Của Loài Chim* của Hoàng Chính (VH số 109), như *Trong Sương Mù* của Đặng Mai Lan (VH số 110) như *Đêm Thâu* của Nguyễn Quý Đức (VH số 111), như *Mộng dời trôi nổi* của Hoàng Nga (VH số 111). Trong những năm trước, độc giả Văn Học nói riêng, và giới thưởng lãm nói chung cũng đã thích thú đón nhận những sáng tác rất đặc sắc của nhiều người viết khác như Trần Vũ, Đinh Phụng Tiến, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Hiền, Trần Doãn Nho, vân vân và vân vân.

Ngay cả văn học chống cộng cũng có những tác phẩm rất hay, như *Thằng Người Có Đuôi* của Thế Giang, khởi đăng cũng từ Văn Học... Còn truyện hoài niệm của Võ Phiến trước cũng như bây giờ vẫn là những áng văn hiếm có...

Và ngoài Văn Học, ngoài những thí dụ trên, còn biết bao nhiêu tập san, bao nhiêu sách truyện khác, chứa đựng bao nhiêu tác phẩm hay, một lúc kể sao cho hết...

Và tôi mong ông sẽ khám phá ra là người viết ở Mỹ viết bằng tiếng Việt không phải vì không sõi tiếng Anh, hay vì không nắm được văn hóa địa phương. Nguyễn Quý Đức đã xuất bản cuốn truyện thành công bằng Anh ngữ trước khi viết *Đêm Thâu* cho Văn Học. Nếu rảnh ông nên đọc, và cuốn *Where The Ashes Are* không những bán chạy, mà còn có giá trị văn học cao, đã được bình rất tích cực bởi trang văn học của mấy tờ

báo lớn bản xứ.

Tôi tin với thời gian, ông sẽ thấy lòng chân thành đóng góp cho văn hóa tiếng mẹ là động cơ chủ yếu thúc đẩy đa số người viết hải ngoại, và họ không có mặc cảm là xuất bản bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp mới là một sự thăng tiến hay vinh hạnh tuyệt vời.

Tôi cũng mong ông sẽ thôi trách người làm văn học hải ngoại không làm như ông muốn, tức là *"...hội nhập vào diễn đàn bản xứ, quốc tế để tranh đấu thiết thực trước hết cho cộng đồng sau đó cho đất nước..."*

Với thời gian, ông sẽ hiểu là tranh đấu về những diện ấy ở đây được thực thi theo đường lối vạch sẵn bởi thể chế dân chủ, bằng lá phiếu, bằng trao đổi hay cộng tác với những vị dân cử hữu trách...

Văn học bằng thơ, bằng tiểu thuyết, bằng truyện ngắn truyện dài, không có khả năng làm những việc ấy như đã làm nửa thế kỷ trước tại các thể chế chính trị chậm tiến và mỵ dân. Những cung cách tranh đấu ồn ào bằng xuống đường, bằng viết những bài báo cường điệu, hay gào thét khẩu hiệu trên dài truyền thanh hay trên bục giảng, không có công dụng ở xã hội đã tổ chức ngăn nắp này. Một cây bút là một sư đoàn là chuyện rất kỳ khôi, có thể tạo ra ngạc nhiên đến chỗ hài hước nơi người hải ngoại hay bản xứ.

Tuy nhiên, người Việt hải ngoại trong hay ngoài văn giới **có** làm việc cộng đồng, **có** tranh đấu cho cộng đồng, chỉ có điều họ không đội mũ nhà văn khi làm việc ấy.

Về việc ông tiên đoán phần số yểu mệnh của văn học hải ngoại, tôi cũng xin trình bày thêm đôi lời. Chủ yếu, ông cho rằng người hải ngoại ra đi vì chính quyền quốc nội nghiệt ngã; Do đó nếu chính quyền này không còn nghiệt ngã mà tiến hành những thay đổi thật sự, thì động lực ra đi không còn nữa và người hải ngoại trở về; Sau cùng là như ông viết, *" Thế thôi! Lúc đó văn học hải ngoại không còn đặt ra nữa!"*

Tôi nghĩ ông đã quên mất một yếu tố khác rất quan trọng. Đó là quãng thời gian hai thập niên đã trôi qua từ 1975 cho đến nay. Hai mươi năm ấy, người hải ngoại không bị cách ly với đời sống, không phải luôn luôn thao thức nghe ngóng tiếng công an đập cửa ban đêm, không li bì say ngủ trong hận thù cũ và kiến thức cũ... Họ xót xa cho thân nhân ở nhà chưa được hưởng bao nhiêu nhân quyền, đôi khi ân hận vì cuộc sống mình đang sống tự do quá so với đời sống của người còn kẹt lại... nhưng họ vẫn sống vẫn phát triển như một con người tự do... Họ đã thấy rất nhiều, đã học hỏi thêm được rất nhiều, tại lớp học hay qua va

chạm với văn hoá và đời sống địa phương trong sinh hoạt hàng ngày, kể cả trong việc mưu sinh bằng một nghề không văn học...

Hai mươi năm ấy không phải là *quãng đời đánh mất* cho người hải ngoại.

Họ không phủ nhận quá khứ, nhưng họ cũng không hóa thạch với những đau thương cũ, những công an phường, những cán bộ quân quản, những Lữ Phương và những người như Lữ Phương. Không, người hải ngoại không hoá thạch với những động cơ nội tâm cũng như ngoại cảnh của hai thập niên trước.

Do đó, nhà cầm quyền quốc nội, thay đổi hay không thay đổi, là một yếu tố quan trọng nhưng không quan trọng tới mức quyết định việc ở hay về. Chuyện người viết hải ngoại viết nữa hay không viết nữa cũng vậy, không lệ thuộc vào nhà cầm quyền quốc nội như ông đã nghĩ. Sự việc sẽ không đơn giản như vậy.

Tôi nghĩ động lực thúc đẩy người viết hải ngoại bao la và đa dạng, và cung cách những nhà cầm quyền quốc nội không phải là đối tượng độc nhất cho tất cả mọi nhà văn hải ngoại. Động lực ấy cũng đa dạng như động lực viết của văn nhân trong bất cứ nền văn học nào.

Nhà văn chân chính nói chung, Việt cũng như Mỹ như Pháp... coi văn học là một sinh hoạt nghệ thuật và trí tuệ để khám phá và thưởng lãm cõi nhân sinh, để tìm những cái đẹp trong những cái chưa đẹp nội tâm hay trong ngoại cảnh cuộc sống. Động lực viết của người hải ngoại không phải bao giờ cũng phát sinh từ mặc cảm hận thù. Do đó, tôi không nghĩ là được công an văn hoá hay chính quyền quốc nội chấp nhận hay dễ dãi thì văn học hải ngoại sẽ không còn lý do để tồn tại.

Tôi nghĩ văn học hải ngoại sẽ trường tồn, và sẽ cùng với văn học quốc nội, và rộng hơn, văn học thế giới, đóng góp cho đất nước và cho con người nói chung những tác phẩm có giá trị, xây dựng từ những thế nhìn rộng rãi, trau dồi bằng những tiện nghi văn học hiện đại. Trong những tác phẩm ấy, cái nhìn đối đãi gắt gao lưỡng cực -không những giữa Nam và Bắc mà cả giữa người với người trên toàn thế giới- sẽ nhẹ dần đi để nhường chỗ cho cái tự tại thanh thoát bất nhị sẵn có của tâm hồn Việt Nam...□

Từ Trong Truyện Kim Dung *

Trần Văn Tích

Tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung thỉnh thoảng nhắc đến một số thể loại văn học. Chúng ta gặp thể Ký qua danh tính Phạm Trọng Yêm với bài *Nhạc Dương lâu ký* trong *Anh hùng xạ điêu*, thể *phú* với bài *Lạc thần phú* mô tả điệu Lăng ba trong *Thiên long bát bộ*, thể *câu đối* khi Hoàng Dung tranh tài văn chương với Tân mùi Trạng nguyên vào dịp được Quách Tĩnh cõng đi cầu Nhất Đăng Đại sư trị thương v.v... Nhưng được nhắc đến với tần số cao nhất thì lại là thể *từ*. Hơn nữa, *từ* được Kim Dung vận dụng theo rất nhiều kiểu cách qua quá trình bố trí cốt truyện đa tuyến và xây dựng hình tượng nhân vật. Điều này có lý lẽ của nó. Và lý do nổi bật hơn cả là lý do văn học sử. Nền văn học chữ Hán mỗi triều đại có một thể loại thịnh hành. Hán thì có *phú*, Đường thì có *thi*, Tống thì có *từ*, Minh Thanh thì có *khúc*. Mà bối cảnh lịch sử các truyện chưởng Kim Dung chủ yếu là nhà Tống.

Nhà văn Hương Cảng trình bày nhiều hệ thống biến cố phức tạp nhằm tái hiện nhiều bình diện của cuộc sống ở những thời kỳ lịch sử nhất định; nhằm mô tả lý lịch diễn biến đa dạng của nhiều nhân vật hư cấu và có thật. Cốt truyện đa tuyến như thế đương nhiên bao hàm một dung lượng trữ tình, tự sự, kịch tính lớn lao. Nhưng không chỉ có nhiều về mặt số lượng, không chỉ được triển khai qua không gian và thời gian rộng rãi, hệ thống biến cố trong cốt truyện đa tuyến còn được chia thành nhiều dòng, nhiều vẻ, nhiều tuyến khác nhau gắn liền với số phận, lối sống của các nhân vật chính và phụ trong tác phẩm. Cho nên người đọc Kim Dung thường xuyên tìm thấy những tuyến dị biệt được trình bày dưới hình thức những câu chuyện nhỏ lồng vào câu chuyện chính. Nhưng mỗi chi tiết nhỏ nhặt như thế vẫn có cái giá trị to lớn của nó và độc giả tinh tế có thể thấy rằng một số tuyến cốt truyện, tuy chỉ xuất hiện ngắn ngủi, thoáng qua, không tái hiện, vẫn giữ một vai trò quan trọng ngang

với những tuyến khác, được nhà văn chiều đãi hơn, mô tả chi li hơn; trong chủ dích sáng tác nhằm bộc lộ chủ đề và tư tưởng tác phẩm. Hãy lấy một ví dụ cụ thể. Ở đoạn đầu *Thiên long bát bộ*, khi Chung Linh đòi Tu Không Huyền đưa thuốc giải độc cho Đoàn Dự thì lãnh tụ Thần Nông bang đã đọc tên các vị thuốc bằng ám ngữ để cho người ngoại cuộc không biết dược thành phần thang phương. Gã đã nhắc đến *Mãn giang hồng, Giang thành tử, Niệm nô kiều, Phát tinh tinh*. Đó đều là tên những điệu *từ*. Tu Không Huyền chỉ là một vai trò phụ hạng năm hạng sáu trong số hàng trăm nhân vật phụ của truyện chưởng Kim Dung. Gã chỉ xuất hiện trong một thời gian rất khiêm tốn. Nhưng chỉ nội chi tiết gã đan cử một lúc—và như một phản xạ—ba bốn điệu *từ* để ứng phó với tình huống bất ngờ trước mắt đủ nói lên ý thức của tác giả Cảng thơm kết hợp cung cách miêu tả một cách xác thực các sự kiện và cứ điểm lịch sử với khả năng sáng tạo những tính cách và hoàn cảnh do tưởng tượng hư cấu phác họa nên. Bởi vì ở vào thời đại đó, ở vào bối cảnh *Thiên long bát bộ* đó, thể *từ* đương hết sức phổ biến ở Trung quốc; phổ biến đến nỗi một tay võ lâm cường đạo cũng biết đến và dùng đến. Trong *Võ lâm ngũ bá*, khi Châu Bá Thông lên tửu điếm Túy tiên lâu thì cũng đã được hai cha con chuyên nghề đàn hát đưa cho xem một danh sách những khúc ca mà tất cả đều chỉ là các điệu *từ* khác nhau. Giả thử Kim Dung viết một thiên tiểu thuyết võ hiệp xoay quanh những nhân vật sống đồng thời với Kinh Kha thì đã không thể có được chi tiết như vừa kể. Rồi trong *Lộc đỉnh ký*— với bối cảnh lịch sử cuối Minh đầu Thanh— thể *từ* sẽ không còn đắc dụng trong Kim Dung mà nhường chỗ cho *khúc*, chẳng hạn *Viên Viên khúc* của Ngô Vĩ Nghiệp, tác phẩm được chính người đẹp Trần Viên Viên vừa đàn tỳ bà vừa hát nhạc bản cho Vi Tiểu Bảo nghe hay *Trầm giang khúc* trích từ *Đào hoa phiến* của Khổng Thượng Nhiệm do Ngô Lục Kỳ cao giọng hoành tráng ngâm cho Tổng đà chúa Thiên địa hội Trần Cận Nam nghe trên sóng nước Liễu giang.

Là một thể loại văn học có từ Vãn Đường - Ngũ Đại, một thứ thơ gắn chặt với âm nhạc, dựa vào nhạc thức mà đặt lời, thích hợp với đài ca quán vũ, lời lẽ hoa lệ, sắc màu sặc sỡ, phong cách ủy mị, từ chuyên tả đàn bà con gái, chan chứa hương thơm, ngạt ngào son phấn. Thoạt tiên đó là những bài thơ phổ nhạc do ca kĩ, nhạc công sống bằng nghề đàn hát lấy ở ca khúc dân gian hoặc thi ca tuyệt tú của văn nhân. Tiếp thu hình thức biểu hiện của những làn giọng quần chúng hay các thi phẩm văn chương, giới con hát nghệ nhân sáng tạo và phát triển thêm. Để phối hợp với tiết tấu của âm nhạc, tập thể xướng ca cải biên hay sáng tác một số hình thức vần điệu mới, đưa ra những dạng câu dài ngắn xen kẽ. Do

đặc tính có câu dài câu ngắn như vậy nên *từ* còn được gọi là *trường đoản cú thi*. Là nhạc phẩm nên *từ* có *điệu*, và tổng số điệu *từ* lên đến hàng mấy trăm. Công trình thống kê do vua Khang Hy chỉ đạo biên soạn (*Khâm định từ phổ*) tổng kết được tất cả 820 điệu *từ* với 2300 biến thể. Các nhà văn khố Trung hoa vạch rõ rằng chỉ riêng đời Tống (960-1279) đã truyền lại cho hậu thế 20,000 bài *từ*, do 1331 tác giả (không kể các tác giả khuyết danh) sáng tác, trong số có 873 tác giả còn lưu lại tiểu sử với ít hay nhiều chi tiết lý lịch. Đỉnh cao của *từ* thuộc thời Nam Tống (1127-1279).

Từ là tổng hòa *thi* và *nhạc*. Nó bắt nguồn từ nghệ thuật truyền thống. Thoạt kỳ thủy là dân ca đời Chu, kế đến là nhạc phủ đời Hán, rồi về sau chuyển thành những điệu *từ* đời Đường. Âm nhạc cổ Trung hoa vào thế kỷ VIII—tức là vào buổi sơ sinh của *từ* —có ba loại:

- nhạc *Nhã*, thịnh hành trước đời Tần (221 tr. TCGS); lời ca còn ghi lại trong *Kinh Thi*, tương truyền là do Khổng Tử san định;

- nhạc *Thanh*, rất phổ biến dưới đời Hán và Lục triều (từ thế kỷ II. tr. TCGS đến thế kỷ VI sau TCGS); lời ca thuộc *nhạc phủ*;

- nhạc *Yên*, dưới đời Tùy, Đường; góp nhặt nhạc các lân quốc trung thổ như Thiên trúc (Ấn Độ), Cao ly (Triều tiên), An quốc (Trung Á), Phù nam (Cao miên), Nụy quốc (Nhật bản) v.v... với lời ca thông thường là các bài *từ*. Vì môi trường trình bày và thưởng thức thi nhạc là các yến tiệc nơi cung đình, lầu các nên mới gọi là *yến nhạc*. Nhạc cụ chủ yếu là cây đàn tỳ bà bốn dây, hai mươi tám giọng; và nhạc công quen thuộc là giới đào hát. Không phải ngẫu nhiên mà kiệt tác *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị, khúc *Thính Dĩnh sư cầm* của Hàn Dũ mô tả nghệ thuật cung thương điêu luyện của hàng ca kỹ, đều được thai nghén vào đời Đường.

Bên cạnh Hoàng Dung làm *từ* để họa đáp Tân mùi Trạng nguyên (*Anh hùng xạ điêu*), hệ thống nhân vật của Kim Dung có ba từ gia là Đoàn Chính Thuần, Mai Phương Cô và Lý Mạc Thu. "Bố hờ" Đoàn Dự tặng người yêu Nguyễn Tinh Trúc một bài *từ* theo điệu *Tấm viên xuân*, cả bài chỉ dùng toàn vần bằng (*Lục mạch thần kiếm*). Đoàn Chính Thuần là một con người cực kỳ đào hoa phong lưu, đi đến đâu cũng tình ái trăng hoa, cành chim lá gió; *từ* lại là một thi loại không bị niêm luật bó buộc, dễ biểu tình đạt ý; hơn nữa *điền từ* là nhằm ca hát nên không còn thi loại nào thích hợp hơn để Đoàn vương gia biểu lộ tác phong *galant* đối với người đẹp. Trong trường hợp này, sự lựa chọn của tác giả Hương cảng thật xác đáng. Mai Phương Cô, con gái Mai Văn Hinh, hơn hẳn tình địch là Mẫn Nhu về vốn liếng tri thức văn học vì mới đến tuổi cài trâm, cô đã biết làm thơ làm *từ*. Đó là một tâm hồn khuê nữ mơ mộng yêu đương, say đắm yêu Thạch Thanh mà không được đáp ứng và mối tình vô vọng này là thảm kịch giữ vai trò thắt nút trong *Hiệp khách hành*. Lý Mạc Thu trong

Thần điêu đại hiệp là người đa sầu đa cảm, tuyệt vọng thất tình nên chỉ có *từ* mới đáp ứng tối ưu nhu cầu biểu đạt tâm trạng của nàng.

Khi lấy bối cảnh lịch sử là hai triều Bắc và Nam Tống để dựng truyện (không kể *Cô gái Đồ long*) Kim Dung đề cập đến nhiều điệu *từ*:

- *Tiếu ngạo giang hồ*, quyển 5, trang 891: điệu *Lương châu từ*,
- *Võ lâm ngũ bá*, quyển 3, trang 704: bản tiếng Việt ghi *"khúc Đại giang đông khứ"*, nhưng thực ra đây là một bài *từ* theo điệu *Niệm nô kiều* của Tô Đông Pha; câu *Đại giang đông khứ* là câu mở đầu bài *từ*;
- *Võ lâm ngũ bá*, quyển 3, trang 890, điệu *Mãn giang hồng* (chú không phải *"Mãn Hồng Hồng"*);
- *Cô gái đồ long*, quyển 3, trang 83, điệu *Niệm nô kiều*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 2, trang 210, điệu *Thụy hạc tiên*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 3, trang 143, điệu *Thủy long ngâm*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 5, trang 76, điệu *Phong nhập tòng*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 5, trang 85, điệu *Vọng hải triều*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 5, trang 231, điệu *Liên hoa lạc*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 6, trang 54, điệu *Dịch ngân đăng*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 6, trang 191, điệu *Mãn giang hồng*, điệu *Tiểu trùng sơn*;
- *Anh hùng xạ điêu*, quyển 6, trang 251 và các trang tiếp theo, điệu *Sơn pha dương*;
- *Thiên long bát bộ*, quyển 1, trang 166, các điệu *Mãn giang hồng*, *Giang thành tử*, *Niệm nô kiều*, *Phát tinh tinh*;
- *Thiên long bát bộ*, quyển 2, trang 621, điệu *Thái tang tử*;
- *Thiên long bát bộ*, quyển 2, trang 667, điệu *Nguyễn lang qui*;
- *Thiên long bát bộ*, quyển 2, trang 714, điệu *Tỳ dạ ca*;
- *Lục mạch thần kiếm*, quyển 2, trang 183, điệu *Tấm viên xuân*;
- *Thần điêu đại hiệp*, quyển 7, trang 150, điệu *Giang thành tử* v.v...

Dẫu có nhiều điệu đa dạng như vậy nhưng nội dung *từ* thì lại rất thống nhất, nhất là ở buổi sơ khai: *từ* vốn đậm đà yếu tố cảm xúc, *từ* chủ yếu mang nặng dấu ấn trữ tình, *từ* chứa tứ thơ nùng diễm; *từ* là một thi thể *hoa gian tôn tiền* (trong hoa trước rượu). Thậm chí có tác giả, khi làm thơ thì rất *ngôn chí* nhưng khi *điền từ* thì lại sa đà vào chuyện yêu đương, thương nhớ, rượu chè, ca hát, hoa lệ phong lưu đến nỗi người đọc *từ* và *thi* của cùng một ngòi bút lông có cảm tưởng như của hai tác giả khác nhau! Đó là trường hợp điển hình của Âu Dương Tu trong văn học sử chữ Hán. Nhưng qua đời Tống, nhất là vào cuối Tống, Tô Thức và đặc biệt Tân Khí Tật, Lục Du đã dần dà bỏ hết những nét hương phấn, mơ mộng, lượt là, quấn quít, uyển chuyển của loại *từ trần hạ* (bụi bậm, thấp kém) để dẫn dắt *từ* vào một nội dung cường tráng, lành mạnh, đầm ấm,

có khi hào hùng, xán lạn như tiếng gươm tiếng giáo hay ít ra thì cũng khoáng đạt, thanh thoát như tiếng tơ tiếng trúc.

Một bài *từ* tương đối dài—gọi là *trường điệu*—thường được chia thành nhiều đoạn, phân ra nhiều lớp. Và trong mỗi đoạn, số chữ từng dòng vốn cố định; có như vậy *từ* mới hợp điệu nhạc và mới sát *từ phổ*. Hơn nữa, vì là thi loại để ca hát nên *từ* chịu sự chi phối của luật *đốn tỏa*, tức là qui tắc ngừng hơi, cách thế buông bắt, phương thức chuyển cảnh; chúng chủ yếu là điểm kết thúc tạm của đoạn trên hoặc đoạn trước hàm chứa ý tứ mở ra một đoạn dưới hay đoạn sau. Những chi tiết về hình thức nghệ thuật vừa kể phải được tôn trọng khi ấn loát trình bày một bài *từ* và điều này thì các bản dịch Việt ngữ những tác phẩm của Kim Dung thường không biết đến, do sự kiện dịch giả tuy có kiến thức song ngữ cơ bản nhưng lại thiếu kiến thức bổ trợ về văn học sử.

Có những điệu *từ* vốn nguyên thủy do cá nhân đặt ra. Điệu *Trúc chi từ* là do Lưu Vũ Tích đời Đường phát minh. Trong tên gọi điệu *Tử dạ ca* thì Tử Dạ chính ra là tên riêng của một bậc nữ lưu đời Tấn; nhưng rồi về sau giới văn học quen đọc thành danh *từ* chung là *Tý dạ ca*.

Nền văn chương của cha ông chúng ta cũng có một số bài *từ*. Bài *từ* đầu tiên còn truyền lại được cho hậu thế là của Đại sư Khuông Việt ở thế kỷ thứ mười, theo điệu *Vương lang qui*. Bài *từ* cuối cùng là của Tản Đà; đó là bài *Tống biệt* viết theo điệu *Hoa phong lạc* năm 1917. Giữa hai thời điểm đó, thỉnh thoảng cũng có tác gia vận dụng thể *từ*. Về phái nữ có Liễu Hạnh tiên chúa với các bài theo điệu *Bộ bộ thiềm, Xuân quang hảo, Cách phố liên, Nhất tiễn mai*; Trương Quỳnh Thư với hai điệu *Tây giang nguyệt* và *Nhất tiễn mai*; Hồ Xuân Hương với điệu *Xuân đình lan*. Về nam giới có thể kể chúa Trịnh Cương với điệu *Kiều dương cách*; Ngô Thì Sĩ với điệu *Tô mộ già*; Tùng Thiện Vương với điệu *Trúc chi từ*; Đào Tấn với gần hai mươi điệu: *Mãn giang hồng, Bồ tát man, Nhất lạc sách, Ngư phủ từ, Lâm giang tiên, Trường tương tư, Giá cô thiên, Ức vương tôn, Ức giang nam, Hậu đình hoa, ỷ la hương, Ngu mỹ nhân, Tiểu trùng sơn, Như mộng lệnh, Điệp luyến hoa, Chuyển ứng khúc, Bốc toán tử* v.v... Thi hào Nguyễn Du cũng có ít nhất một bài theo điệu *Hành lạc từ* và mười lăm bài theo điệu *Trúc chi từ* (mà tác giả *Truyện Kiều* gọi là *Trúc chi ca*).

Đội ngũ từ gia Việt Nam tương đối không đông vì nhà nho vốn mực thước, nghiêm cẩn nên chỉ thích thơ Đường đoan trang, đứng đắn; trong khi *từ* chủ yếu nhằm hé mở trước người đọc cái tôi suy tưởng và trữ tình qua ngòi bút lông. Tuy nhiên các nhân vật hư cấu như Thúy Kiều, như Tô Hữu Bạch trong các truyện Nôm phóng tác theo Hán văn thì lại rất ưa *diễn từ*.

Nơi Tuyệt tình cốc, Dương Qua đón chờ ngày tái ngộ cùng Tiểu Long Nữ sau mười sáu năm nhớ thương chia cách. Từ một thiếu niên hồn nhiên chàng đã trở thành một trung niên hán tử. Nghĩ đến tuổi trẻ qua mau, chàng nhớ lại *"vài vần thơ trong bài 'Sở từ' bèn cất tiếng ngâm*:

Thập niên sanh tử, lưỡng mang mang
Bất tư lượng, tự nan Vương!
Thiên lý cô phần, vô xứ thoại thê cương.
Trúng xứ tương phùng ưng bất thức!
Trần mãn diện... Phát như sương."

Dịch giả bản Việt ngữ chuyển thành:

Đường sanh tử nẻo chia hai,
Mịt mờ không biết ngắn dài là bao!
Không nghĩ đến sự khổ đau,
Mười năm rốt chịu gian lao mấy kỳ.
Nấm mồ hoang, cỏ phủ đầy,
Ngàn dặm hiểm trở, ai đến đây?
Thắp nén hương... lời khấn nguyện.
Hỡi!... Hồn thiêng bớt nỗi thê lương.
Muốn gặp nhau, bắt tin nhàn cá.
Để rồi... mặt rám nắng tóc tợ sương.
Ai ơi! Cõi đời như giấc mộng huỳnh lương.

Đó là, theo bản quốc văn, *"Bốn câu thơ tựa rút trong bài 'Sở từ' đắc ý nhứt của Tô Đông Pha"*.

Tiếp tục thủ pháp độc thoại nội tâm, bản dịch quốc ngữ trình bày tình cảm Dương Qua đối với Tiểu Long Nữ qua cuộc ước hẹn mười sáu năm tái ngộ, nhưng *"có lẽ giờ này nàng nằm dưới nấm mộ hoang, hương tan ngọc nát..." "Rồi chàng lại nhớ đến đoạn kết của câu thơ mà tác giả đã nằm mộng thấy người vợ hiện ra*:

Dạ lai, u mộng hốt hoàn hương,
Tiểu hiên song, chỉnh thục nữ.
Tương đối vô ngôn bất ngữ,
Duy hữu lệ thiên hàng!
Liệu đắc niên niên trường đoạn xứ.
Minh nguyệt dạ, đoản Tòng Cang."

Dịch:

"Đêm nằm mộng, thấy về quê.
Nhìn qua bóng sổ, thấy nàng đứng trông!
Gặp nhau không nói được lời.
Chỉ đôi dòng lệ thay lời tình chung!
Ai ngờ gặp cảnh đoạn trường,

Năm dài tháng ngắn nghĩa tình đoạn ly."

Trước hết, đây không phải là "*bài Sở từ*" mà là một bài *từ*. Văn học sử chữ Hán dùng khái niệm *Sở từ* chỉ để riêng chỉ thi ca, từ phú của người Sở, một dân tộc cư ngụ nơi lưu vực Trường giang thuộc miền nam Trung quốc; ở vào lĩnh vực hai tỉnh Sơn đông và Hà nam ngày nay; với những tác phẩm nổi tiếng nhất là của hai ngòi bút có tâm sự gần giống nhau Khuất Nguyên và Tống Ngọc. Sở lập quốc cả chục thế kỷ trước Tây lịch. Người Trung Hoa coi họ là dị tộc, thường gọi là *man di* hay *kinh nam*. Trong khi đó thì Tô Đông Pha (1037-1101) là người đời Tống, quán đất My sơn, nay thuộc tỉnh Tứ xuyên, thuộc tộc Hán chính cống; như vậy làm sao viết được *Sở từ*?

Điệu của bài *từ* là điệu *Giang thành tử*. Cho nên về hình thức, nó phải được trình bày thành hai ngữ đoạn với số chữ giống nhau trong từng câu, dẫu rằng các câu trong toàn bài thì dài ngắn khác nhau. Điều này không hề thấy trong bản Việt ngữ (không rõ nguyên tác in ở Hương cảng trình bày ra sao?). Sau đây là văn bản chính xác của Tô Đông Pha:

Thập niên sinh tử lưỡng mang mang.
Bất tư lương,
Tự nan vong.
Thiên lý cô phần,
Vô xứ thoại thê lương.
Tùng sử tương phùng ưng bất thức,
Trần mãn diện,
Mấn như sương.

Dạ lai u mộng hốt hoàn hương.
Tiểu hiên song,
Chánh sơ trang.
Tương cố vô ngôn,
Duy hữu lệ thiên hàng.
Liệu đắc niên niên trường đoạn xứ,
Minh nguyệt dạ,
Đoản tùng cương.

Câu thứ nhất đoạn I có bảy chữ thì câu thứ nhất đoạn II cũng vậy. Rồi đến hai câu ba chữ ở cả hai đoạn. Kế tiếp là một câu bốn chữ và một câu năm chữ, thì đoạn I cũng y như đoạn II. Trở lại một câu bảy chữ ở cả hai đoạn. Và cả I lẫn II đều chấm dứt bằng hai câu, mỗi câu ba chữ. Bắt buộc phải có công thức trình bày nghệ thuật y hệt nhau như thế thì mới phổ nhạc được để cho Dương Qua cảm khái cất giọng du dương, trầm bổng ca ngâm. Ngoài ra, tác giả họ Tô khi điền *từ* đã phải tuyệt đối tuân

theo những vần qui định sẵn trong *Từ vận*, gieo sai vần sẽ phạm lỗi *lạc vận*. Vần là luật thép của *từ*. Vần trong bài *từ* chúng ta đang phân tích thuộc *bình thanh*; hoặc *đoản*: *mang, lương, vong, lương, sương; hương, song, trang, ngôn, cương;* hoặc *trường*: *phần, hàng* xen kẽ với *thượng thanh*: *thúc, xú* và *hạ thanh*: *diện, dạ*. Ngày xưa đi thi mà làm thơ gieo sai vần thì dẫu thơ hay đến mấy, quan trường cũng cứ đánh trượt. Người viết *từ* cũng phải luôn luôn tuân thủ luật *hợp vận* như thế.

Bài *từ* nầy Tô Đông Pha làm ngày hai mươi tháng giêng năm Ất Mão 1075, theo lời nguyên chú: *"Ất mão chính nguyệt nhị thập nhật dạ ký mộng"* nhằm ghi lại giấc mộng khi ông nằm mơ thấy bà vợ chính Vương Phất mất trước đó mười năm. Cho nên nó mới mở đầu bằng câu

Thập niên sinh tử lưỡng mang mang.

Thời gian qua đi, thời điểm đổi khác—mười năm đối với họ Tô, mười sáu năm đối với họ Dương—nhưng lòng người thì vẫn vậy: vẫn nhớ nhung sầu khổ, thương tiếc khôn nguôi; có biết bao điều muốn nói ra nhưng không nói được hay không có dịp để nói.

Nó chấm dứt bằng hai ngữ đoạn:

Trần mãn diện,
Mấn như sương.

và:

Minh nguyệt dạ,
Đoản tùng cương.

Một cung cách chấm dứt nửa đời nửa đoạn, dở dang lơ lửng, lan tỏa âm vang, chứa đựng cái ý không cùng. Chúng ta thấy rõ tấc nôi Dương Qua sau mười sáu năm chia cách xé lòng: *mấn như sương* và *trần mãn diện* mô tả hình hài cơ thể nhưng cũng cực tả nội tâm xúc cảm; *đoản tùng cương* và *minh nguyệt dạ* chụp hình môi trường ngoại giới mà lại minh họa tình cảnh thương đau. *Thi đầu từ kết* là thế: đối với một bài thơ, thi tứ xoáy vào phần mở đầu; ở trong một bài *từ*, đoạn kết mới là trọng điểm. Thiên nhiên trong thi ca là để liên quan với tâm can tâm tình: vành trăng vẫn sáng trên ngọn đồi thông cứ tươi nhưng mái tóc thì đã mất màu xanh và gương mặt thì đã phong sương dày dạn. Dương Qua đã xót xa cay đắng nghĩ thế khi đọc lại hàng hàng nét chữ do ai khắc sâu ngày nào trên đá cứng: *"Mười sáu năm sau chúng ta sẽ gặp mặt tại đây, vợ chồng nghĩa nặng xin đừng lỗi hẹn."*

Nội dung bài *từ* chuyển sang văn xuôi quốc ngữ như sau:

Mười năm qua rồi, sống và chết chia đôi biền biệt.
Dù không nghĩ tới,
Mà cũng vẫn chẳng quên nổi.
Nấm mồ đơn chiếc xa xôi,

Lạnh lẽo nói làm sao cho xiết.
Dù có gặp nhau cũng chẳng nhận ra nhau,
Gương mặt đầy cát bụi,
Tóc mai đà bạc trắng như sương.

Đêm qua trong giấc mộng buồn chợt thấy trở về quê cũ.
Đứng tựa cửa sổ,
Lúc đó nàng đang gỡ tóc.
Nhìn nhau không nói,
Chỉ có nước mắt tuôn trào.
Tưởng chừng năm năm dứt ruột,
Mỗi lúc đêm trăng sáng,
Trên đồi ngả bóng thông.

Tùng cương (đồi thông) là thủ pháp uyển ngữ nhằm chỉ nghĩa trang, nơi bà họ Vương nghỉ giấc ngàn thu. Yun Shi và Jacques Chatain (*Poèmes à chanter Tang & Song*) chuyển sang Pháp ngữ:

Jiang chen zi
Rêve du trente [1] du premier mois lunaire de l'année du lapin
Depuis dix ans, morte et vivant s'ignorent.
On veut ne plus se souvenir,
mais c'est inoubliable.
Tombe isolée loin à mille lis
où tristesse épancher.
On se reverrait sans se reconnaître:
visage couvert de poussière,
cheveux de givre.

On rêve la nuit du retour au pays:
près de la vitre claire,
la voici se parant.
Se regarder en face sans parler,
mille colonnes de larmes: rien d'autre.
Année après année, entrailles arrachées:
la nuit au clair de lune,
tertre planté de pins.

Mới quen Vương Ngọc Yến, Đoàn Dự đã đoán biết được mối u tình giữa nàng và người anh con cô con cậu Mộ Dung Phục. Chàng bèn lựa lời ướm hỏi mỹ nhân những khi đàm đạo cùng họ Mộ Dung có đề cập đến nỗi niềm thầm yêu trộm nhớ hay không. Nhưng là người tinh tế và

nho nhã, thái tử họ Đoàn nước Đại Lý đã trình bày thắc mắc của mình một cách rất văn chương trong *Thiên long bát bộ*: *"Tiểu thư cùng chàng bàn văn luận võ, có lúc nào đề cập đến những khúc 'Tử dạ ca' hoặc 'Hội chân ký' không?"*

Tính cách nhân vật trong tiểu thuyết chưởng Kim Dung được khai thác trên nhiều bình diện, đặc biệt là qua vận dụng ngôn ngữ nhân vật; khiến bộc lộ xuất sắc được tâm trạng, suy tính và cảm nghĩ của từng con người hư cấu. Trong thể hiện nghệ thuật, nhà văn coi trọng tính chất phân hóa sâu sắc của ngôn ngữ ở quá trình cá tính hóa nhân vật. "Đồ đệ" của Đoàn Dự là Nam Hải Ngạc Thần xốc nổi, hiếu thắng, có lời ăn tiếng nói riêng; gã Triệu Tiền Tôn thất tình phẫn chí, ương ương gàn gàn diễn tả tư tưởng theo cách chỉ mình gã có. Ở ngoài đời không thể tìm ra hai con người ăn nói hoàn toàn giống nhau cho nên ngôn ngữ là một cơ sở biểu đạt phẩm chất và tính cách của mỗi cá thể. Viết những tác phẩm văn học có qui mô lớn, mang độ dày cao, bao gồm một khối lượng nhân vật đông đảo, với hệ thống tính cách được triển khai theo nhiều chiều hướng phức tạp, Kim Dung dành nhiều công sức trong việc khắc họa lý lịch nhân vật và từ đó, sử dụng ngôn ngữ nhân vật một cách có hiệu lực; góp phần khơi gợi ở trí tưởng tượng của người đọc hình dung ngoại hình nhân vật. Là thể văn thuộc loại hình tự sự, truyện võ hiệp Kim Dung dành cho ngôn ngữ các nhân vật một tỷ lệ thấp nhỏ giữa đại dương từ ngữ của tác phẩm. Một tỷ lệ thấp nhưng sử dụng đắt, khiến tính cách nhân vật nổi hẳn lên. Cảm thụ nghệ thuật vốn gắn bó với bình giá: độc giả nhớ mãi phong cách *văn chương nết đất* của Đoàn Dự chỉ vì một hai câu nói, thậm chí chỉ vì một hai từ ngữ thốt ra từ cửa miệng chàng. Kim Dung đã tìm kiếm một cách công phu, đã tiến hành lựa chọn chu đáo trong khi thể hiện ngôn ngữ Đoàn công tử. Và tác giả đã tuyển hai khái niệm *Tý dạ ca* và *Hội chân ký*. Về *Hội chân ký*, chúng tôi đã bàn trên Văn học số 110. Giờ đây chỉ xin nói rõ về *Tý dạ ca*.

Đó là một điệu *từ*, tên gọi đúng là *Tý dạ ca*, cho nên các tài liệu Pháp ngữ thường dịch là *La chanson de minuit*. *Tý* là nửa đêm, giờ tý. Bản Kim Dung tiếng Việt in *Tử dạ ca* vì cả hai từ *tử* và *tý* đều cùng một tự dạng trong Hán văn nhưng phiên âm như vậy là không đúng nếu xét về khía cạnh văn học sử.

Đa số những nhà làm *từ* Trung quốc, từ Ôn Đình Quân, Vi Trang thuộc phái *hoa gian* đời Đường-Ngũ Đại đến Chu Bang Ngạn, Lý Thanh Chiếu thuộc phái *cách luật*, phái *uyển ước* thời Bắc Tống đều rất chú trọng đến việc trau chuốt kỹ xảo, dùng *từ* thể hiện những vấn đề thuộc phạm vi sinh hoạt riêng tư, thác ngụ tình cảm. *Từ* của họ thuộc thể trữ tình. Lý Thanh Chiếu (1084-1151) chẳng hạn, nữ từ gia kiệt xuất đời Tống, nữ thi

nhân lớn nhất trên thi đàn cổ điển Trung hoa, đã mang tâm sự gởi gắm vào *từ*, ghi lại được những tình cảm chân thành, đằm thắm, thanh cao với lời thơ rất giàu hình tượng, hàm súc và gợi cảm. Như khi xa chồng, trong một bài *từ* gửi chồng điệu *Túy hoa âm* viết vào ngày Trùng cửu, nàng đã có những câu:

(...) Đông ly bả tửu hoàng hôn hậu,
Hữu âm hương doanh tụ.
Mạc đạo bất tiêu hồn,
Liêm quyển tây phong.
Nhân tự hoàng hoa sấu.
(Rào phía đông [cúc nở], uống rượu sau buổi hoàng hôn,
Có hương thầm đầy tay áo.
Chớ nói hồn không mòn mỏi,
Gió tây thổi cuốn bức rèm,
Dáng người gầy như hoa cúc).

Hoàng Tạo dịch thanh thơ, vẫn theo điệu *Túy hoa âm*:

(...) Giậu đông cất chén bóng chiều khuất,
Hương thầm áo thơm ngát.
Ai chẳng tái tê lòng,
Gió cuốn rèm tây,
Người sánh hoa vàng quắt.

Bản Pháp văn của Yun Shi và Jacques Chatain trong *Poèmes à chanter Tang & Song*:

Zui hua yin
Le Double Neuf
(...) Le soir, je lève mon verre aux chrysanthèmes,
leur parfum jusque dans mes manches.
Quoi que l'on dise, chagrin nuit à l'âme,
rideau plié par le vent d'ouest,
plus étiolée qu'une fleur jaune.

Truyền thống diễm tình đó cắt nghĩa tại sao Đoàn Dự lại nhắc đến thể *từ Tỳ dạ ca* vào buổi sơ giao cùng Vương Ngọc Yến và người đẹp cũng đã ửng hồng đôi má e lệ thẹn thò thấu hiểu ngay ẩn ý trong câu hỏi.

Sau đây là một bài *từ* theo điệu *Tỳ dạ ca* của Lý Dục (937-978), tức Trùng Quang, còn có tên là Lý Hậu Chủ (ông vua cuối cùng nhà Nam Đường). Từ 907, nhà Đường coi như đã sụp đổ; đất nước bị chia cắt và chuyển sang thời Ngũ Đại. Dòng dõi nhà Đường chỉ còn chiếm giữ một khu vực nhỏ ở phía Nam gọi là Nam Đường; đến thời Lý Dục thì bị nhà Tống phương Bắc thôn tính. Lý Dục đã nếm đủ mùi nhục nhã của một ông vua sa cơ thất thế hàng địch mất nước; bị đày ải, bị cách ly vì năm

975, họ Lý bị bắt cầm tù và đưa về kinh đô nhà Tống, bị cưỡng ép phải uống thuốc độc tự vận, lúc mới 42 tuổi. Khi còn làm vua thì ca *từ* của Lý Dục cũng chỉ luẩn quẩn trong vòng đề tài gió trăng, tửu sắc, tình ái yêu đương chốn lầu vàng điện ngọc. Khi mất nước, lại bị sỉ nhục thì sáng tác chuyển sang u uất, nhớ nước, thương nhà; lắm bài rất thâm trầm, do đó ông được coi như người tiên phong mở rộng chân trời cho thể loại *từ*, đưa hình thức thi ca này vượt khỏi vùng nhạt nhẽo của sinh hoạt cung đình hay sắc tình ủy mị. Không có thi nhân nào trước Lý Dục lại mang số phận bi thảm như vị vua vong quốc này; không có thi nhân nào sau Lý Dục lại viết được những dòng thơ bi lụy hơn. Cho nên giới bình thơ xếp Lý Hậu Chủ trên Ôn Đình Quân (813-870) và Vi Trang (836-910) vì thi từ họ Lý không viết với mực xạ như họ Ôn hay bằng lệ nhòa như họ Vi mà bằng máu huyết. Vương Quốc Duy (1877-1927), nhà phê bình văn học cuối Thanh, thì cho rằng ở Ôn Đình Quân hình thức *từ* xuất sắc (*cú tú*), ở Vi Trang nội dung *từ* nổi bật (*cốt tú*), ở Lý Dục thì ý tú *từ* cao siêu (*thần tú*).

Bài *từ* điệu *Tỳ dạ ca* của Lý Dục là một lời thầm thì lâng lâng nhẹ nhàng, tha thiết quyến luyến những kỷ niệm quá khứ, xót xa tiếc thương tình yêu, quẩn quại nhớ nhung tổ quốc:

Nhân sinh sầu hận hà năng miễn?
Tiêu hồn độc ngã tình hà hạn!
Cố quốc mộng trùng qui,
Giác lai song lệ thùy!

Cao lâu thùy dữ thượng?
Trường ký thu tình vọng.
Vãng sự dĩ thành không,
Hoàn như nhất mộng trung.
(Người đời có ai sống mà không buồn không hận?
Chỉ hồn ta cay đắng không bến bờ!
Mơ về lại quê xưa,
Tỉnh giấc lệ chan hòa!
Ai lên cao cùng ta?
Nhắc đến mùa thu tình nhớ.
Chuyện cũ rồi cũng thành không.
Tựa hồ trong giấc mộng).

Đường Tống từ tuyển nhất bách thủ do Xu Yuanzhong (tác giả không ghi tên chữ Hán) chuyển sang tiếng Pháp, hiểu bài *từ Tỳ dạ ca* này như sau:

Le temps passé
(sur l'air de "La chanson de minuit")
Y a-t-il une vie sans regret ni douleur?
Le chagrin brise mon cœur.
J'ai rêvé de mon pays au loin si plein de charmes,
Je me trouve au réveil, baigné de larmes.

Qui montera avec moi dans la haute tour?
Me rappeler l'automne et ses beaux jours?
La vie passée est vaine et vide.
Comme un rêve ancien qui se ride.

Bản dịch không mấy *tín* nhưng khá gọi là *nhã*.

Thực ra giới phẩm bình thi ca quốc tế ưa chuộng hai bài *từ* khác của Lý Hậu Chủ, một bài theo điệu *Ngu mỹ nhân*, một bài theo điệu *Lãng đào sa*. Bài *từ* theo điệu *Ngu mỹ nhân* có tựa đề *Cảm cựu*, tương truyền là thi phẩm đã khiến vua Tống Thái Tông bắt Lý Dục tự tử bằng độc dược sau khi đọc:

Xuân hoa thu nguyệt hà thì liễu,
Vãng sự tri da thiểu?
Tiểu lâu tạc dạ hựu đông phong,
Cố quốc bất kham hồi thủ nguyệt minh trung?

Điêu lan ngọc thế y nhiên tại,
Chỉ thị chu nhan cải.
Vấn quân năng hữu kì da sầu?
Khắp tự nhất giang xuân thủy hướng đông lưu.
(Hoa xuân và trăng thu khi nào thì tàn tạ,
Chuyện xưa mình đã sống bao lần?
Đêm qua gió xuân lại thổi trong căn gác nhỏ,
Nhớ nước cũ khôn kham lưu luyến ánh trăng vàng!

Song của chạm, thềm nhà ngọc vẫn còn đó,
Chỉ có nét kiều đã đổi thay.
Hỏi mình sầu khổ bao nhiêu độ?
Sầu giống dòng sông xuân xuôi hướng đông).

Bản dịch chữ Pháp của Xu Yuanzhong:

Souvenir de ma terre natale
(Sur l'air de "La Belle Madame Yu")
Y aura-t-il toujours la lune automnale
Et les fleurs du printemps

Pour me remémorer tant de songes vivaces?
Hier soir le vent de l'est soufflait sur ma terrasse,
Eveillant le souvenir cruel de la lune brillant
Sur ma terre natale.

Balustrades et perrons sculptés
Doivent encore se dresser,
Mais les beaux visages sûrement fanés,
Si vous voulez savoir ma tristese profonde,
Regardez dans le fleuve, à l'est, couler les ondes.

Một bản dịch khác của hai tác giả Yun Shi và Jacques Chatain:

Yu mei ren
Fleurs du printemps lune d'automne,
quand s'évanouiront-elles?
Choses passées qui sait combien,
vent d'est à nouveau hier soir au petit pavillon.
Souvenirs insupportables du pays vaincu,
dans le clair de lune!

Les parapets sculptés les escaliers de jade
existeront toujours.
Seul changement: mines plus pâles.
On demande combien de chagrin tu peux contenir.
Autant qu'un fleuve de printemps qui coule
infiniment vers l'est.

Kỹ thuật chuyển ngữ được vận dụng là lối trực dịch, chú trọng đưa ra những đơn vị ngữ nghĩa tương đương mà coi nhẹ ngữ pháp ngôn ngữ đích. Bản tiếng Đức của P. Eugen Feifel trong *Geschichte der chinesischen Literatur*:

Wehmutsvolle Erinnerung an die Vergangenheit
(zur Melodie "Die schoene Yue")
Fruehlingsblueten und der Herbstmond, wann werden sie ein Ende nehmen?
In der Vergangenheit, wieviel hab' ich erlebt.
In der vergangenen Nacht wehte wieder Fruehlingswind in meinem kleinen Haus.
Ich wollte gern mein Gesicht nach meinem frueheren Garten (andere Leseart: Reich) wenden, doch der Mond schien zu hell.

Die geschitzten Bruestungen und die Stufen aus edlen
Steinen sind wohl noch dort.
Nur die bluehenden Gesichter werden gewechselt haben.
Fragst Du mich, wieviel Leid ich wohl habe:
Es gleicht einem Strom, der, von Fruehlingswasser
geschwollen, nach dem Osten fliesst.

Bài *từ* theo điệu *Lãng đào sa* thuộc thể ngắn, quen gọi là *lệnh*, để đối với điệu *Lãng đào sa* thể dài gọi là *mạn*:

Liêm ngoại vũ sàn sàn,
Xuân ý lan san
La khâm bất nại ngũ canh hàn.
Mộng lý bất tri thân thị khách,
Nhất hướng tham hoan.

Độc tự mạc bằng lan!
Vô hạn giang san,
Biệt thì dung dị kiến thì nan.
Lưu thủy lạc hoa xuân khứ giả,
Thiên thượng nhân gian!

Bản dịch tiếng Pháp của Paul Demiéville (*Anthologie de la poésie chinoise classique*):

(sur l'air court "Les vagues baignent le sable")
Derrière les rideaux, la pluie sans fin clapote.
La vertu du printemps s'épuise.
Sous la housse de soie, l'intolérable froid de la cinquième veille!
Quand je rêve, j'oublie que je suis en exil.
Doux réconfort tant attendu!

Ne t'appuie pas tout seul contre la balustrade:
Fleuves et monts à l'infini...
Les adieux sont aisés, malaisé le retour.
L'eau coule, les fleurs tombent, et le printemps s'enfuit,
En plein ciel ou parmi les hommes.

Để so sánh, chúng tôi xin dẫn cứ bản dịch của một người đồng hương với Lý Hậu Chủ (Xu Yuanzhong: *Cent poèmes lyriques des Tang et des Song*):

Rêve de mon pays perdu
(sur l'air des "Vagues baignant le sable")
La pluie se fait entendre à travers le rideau,
Le printemps n'est plus jeune, n'est plus beau.

A minuit le froid dans ma couche s'est glissé,
En rêvant, j'ai oublié que j'étais exilé,
De ce plaisir si court je me suis enivré.

Tout seul, contre la balustrade ne prends pas appui
Pour regarder fleuves et monts à l'infini,
Car ce qui est perdu ne peut être repris.
Les fleurs tombent, l'eau coule et le printemps s'enfuit,
Au paradis d'hier, au monde d'aujourd'hui?

cùng một bản hợp dịch của Yun Shi và Jacques Chatain:

Lang tao sha
Murmure de la pluie au-delà du rideau,
c'est la fin du printemps.
L'aube froide perce la couverture en soie.
On oublie en dormant qu'on n'est que de passage,
on s'abandonne à cette joie tout éphémère.

Peur d'entrevoir, appuyé seul au parapet,
les vastes territoires.
Facile est le départ, pénible le retour.
Flots filés pétales tombés printemps passé,
vie splendide du ciel disparue à jamais!

P. Demiéville cố gắng trung thành với nguyên ý, Xu Yuanzhong nặng về hình thức vần điệu. Tác giả người Pháp dùng đại từ xác định ngôi số một để trực tiếp bộc bạch tình cảm Lý Dục; hai ngòi bút đồng dịch dùng đại từ bất định ngôi số ba nhằm khái quát hóa tâm trạng kẻ vong quốc. Mỗi người một vẻ. Trong một năm, mùa mưa ở lưu vực sông Dương Tử bắt đầu vào lối tháng tư dương lịch, khi tiết xuân chấm dứt; trong thơ cổ chữ Hán, đó là thời điểm khiến thi nhân liên hội đến tình phù du hư ảo của những cuộc vui và hạnh phúc đời người; cho nên khi *vũ sàn sàn* thì *xuân ý lan san*. Trong một ngày, canh năm–lối từ 3 đến 5 giờ sáng–là canh dài nhất (thời gian tâm lý) vì vào lúc đó mà vẫn còn biết được canh nào thì túc là vật vã trằn trọc không ngủ hầu như trắng đêm. *Lan*—có khi là lan can, có khi là song cửa—là chỗ thi nhân hay họa sĩ thích đứng nhìn bao quát thiên nhiên. Lý Dục *mạc bằng lan* vì chẳng muốn nhìn cảnh trí mênh mông, nó chỉ tổ gợi lòng sầu xa xứ. *Thủy, hoa* và *xuân*, ba hình tượng văn học biểu hiện sự tàn tạ và sự bất ổn: nước, hoa và mùa xuân tan mất trong *thiên thượng* và nơi *nhân gian*; tan đi đâu, tan đi mãi, tan đến không cùng. Lại vẫn là *thi dầu từ kết*. Bởi vậy, *từ* lời ít ý nhiều, mang một trạng thái mông lung, luôn luôn khêu gợi suy nghĩ

bâng khuâng và cảm xúc vấn vương cho người đọc. Tập hợp định ngữ nghệ thuật *vô hạn giang san* là chỉ tổ quốc đã rơi vào tay giặc, tổ quốc đã không còn nữa. Lý Dục mượn thủ pháp đối lập ẩn dụ quen thuộc của thi ca Đường Tống: dùng cái vô hạn để nói cái tuyệt không, dùng tiếng âm vang để chỉ cảnh lặng lẽ, dùng sự hiện hữu để chỉ sự tiêu vong v.v... Tâm trạng *mộng lý bất tri thân thị khách* là một triệu chứng lâm sàng rất quen thuộc của khoa tâm thần học tù đày: con người mất tự do chỉ khi ngủ mơ mới được sống những phút giây thoát khỏi vòng kẽm gai, cổng sắt.

Nội dung bài *từ* này như sau:

Ngoài bức mành mưa rơi nhẹ,
Ý xuân rời rã.
Chăn là không che được cái lạnh canh năm.
Trong cơn mơ, quên đi mình đang tù đày,
Một thoáng vui bất chợt.

Một mình không dành tựa chấn song!
Núi sông trải khắp,
Chia ly vốn dễ, tái hồi khó quá.
Nước chảy, hoa trôi, xuân qua mất,
Trên trời và trong lòng.

Trong *Võ lâm ngũ bá* (quyển 1, trang 191), khi Vương Trùng Dương lần đầu tiên gặp gỡ Hoàng Dược Sư, Vương cũng được nghe thân phụ Hoàng Dung ngâm một thi phẩm của Lý Hậu Chủ, lời thơ ai oán. Tên húy của vị vua này được bản dịch tiếng Việt ghi là Lý *Nhứt* hay Lý *Nhất*. Ở quyển 2, trang 424, *Võ Lâm Ngũ Bá* lại ghi tên Lý Hậu Chủ là Lý *Lập*. Chữ này 㬎 (mười ba nét, bộ *hỏa* bên trái; chữ *viết* trên, chữ *lập* dưới, bên phải) theo phép phiên thiết trong Khang Hy tự điển (*dư lục thiết*) phải phát âm là *dục*, không phải *nhất*, *nhứt* hay *lập*. Đối với chữ Hán, khi gặp một từ ít thông dụng và không rõ cách phát âm thì không thể cứ đoán mò hay phiên ẩu, mà phải tra cứu từ điển và dựa vào cách phiên thiết của từ điển để suy ra lối phát âm. Nguyên tắc phép phiên thiết là ghép phụ âm hay khung của chữ thứ nhất với nguyên âm hay khung của chữ thứ hai thành cách đọc của *từ* được phiên thiết. Trong trường hợp chúng ta đang bàn luận thì *dư* ghép với *lục* thành *dục*. Cũng có thể xem đây như một hình thức nói lái.

Phòng khuê và/hay ca kỹ là hai đối tượng được ưa chuộng của *từ*, nhưng *từ* của Nhạc Phi và Tân Khí Tật lại khác.

Anh hùng xạ điêu kể rằng nơi cấm địa của bang Thiết chưởng, chỗ an táng thi hài tất cả các vị bang chủ đã viên tịch, Quách Tĩnh và Hoàng

Dung đã tìm được hai cuốn sách do Hàn Thế Trung sao lục tất cả các văn liệu của Nhạc Phi như sớ, tấu, biểu, hịch bên cạnh thi ca của vị danh tướng triều Tống. Về thi phẩm, Quách Tĩnh đọc được hai bài *từ*, điệu *Mãn giang hồng* và điệu *Tiểu trùng sơn*. Vì Kim Dung không ghi văn bản nên dịch phẩm Việt ngữ cũng không có các bài *từ* này.

Hàn Thế Trung là một nhân vật có thật trong lịch sử. Khi Trung quốc bị giặc Kim từ phía Bắc xâm lấn, trong triều có hai phe đối lập, một chủ hòa một chủ chiến. Hàn Thế Trung là một danh tướng, luôn luôn đứng về phe chủ chiến, đồn trú quân ở Sở Châu, ra sức chống giữ ngoại địch nên nhuệ khí của quân Kim mới nhụt bớt.

Trong khi đó thì Nhạc Phi cầm quân giữ thành Tương dương. Trong *Anh hùng xạ điêu* và *Thần điêu đại hiệp*, Tương dương là nơi Quách Tĩnh Hoàng Dung, Dương Qua góp sức cùng quân dân Đại Tống chống Kim Mông.

Nhạc Phi (1103-1141) tự Bằng Cử—Kim Dung thỉn thoảng đã cho các nhân vật của mình nhắc đến tự hiệu này của Nhạc Phi với sắc thái ngữ nghĩa trân trọng— người huyện Thang âm là một vị anh hùng dân tộc của nòi Hán thời Nam Tống. Sống giữa lúc quân Kim xâm phạm đất nước, Nhạc Phi kiên quyết chiến đấu đến cùng, được nghĩa quân khắp nơi hưởng ứng—trong số có Vương Trùng Dương, sư tổ Toàn Chân phái—thanh thế rất mạnh. Suốt mười năm ròng, nhiều lần Nhạc Phi đánh bại quân Kim, tiến đến Chu tiên trấn, nhưng bị phe chủ hòa xung quanh vua Tống Cao Tông và bè lũ Tần Cối cam tâm hàng giặc, mưu sát trong ngục tối Đại lý tự, nơi Phong ba đình. Lúc chết ông mới có 39 tuổi. Những bài thơ và *từ* của Nhạc Phi đều toát lên một tinh thần yêu nước nồng nàn và một ý chí chiến đấu sắt đá. Tại Tây hồ nơi chân núi Thê hà ở Hàng châu (Chiết giang)—Quách Tĩnh và Hoàng Dung cùng rất nhiều nhân vật võ hiệp Kim Dung khác từng đến đây du ngoạn—hiện còn lăng mộ Nhạc Phi, được quần chúng Trung hoa sùng kính thờ phụng. Khách hàn mặc nước ngoài cũng hẳng mượn mộ Nhạc Vũ Mục—Vũ Mục là tên thụy được truy tặng—để làm đề tài ngâm vịnh. Nguyễn Du của chúng ta chẳng hạn đã ít nhất hai lần có thơ vịnh Nhạc Phi với những câu:

Trung nguyên bách chiến xuất anh hùng,
Trượng bát thần thương lục thạch cung.
(Nhạc Vũ Mục mộ)
(Anh hùng xuất hiện trong trăm trận đánh ở Trung nguyên,
Với chiếc thương thần dài trượng tám và chiếc cung nặng sáu thạch)

và:

Đại tướng không hoài bang quốc sỉ,
Quân vương đĩ tuyệt phụ huynh thân.

(Yến thành, Nhạc Vũ Mục ban sư xứ)
(Đại tướng luống ôm nhục nước nhà,
Quân vương thì dứt hẳn mối tình cha anh).

Nguyễn Du thuở đi sứ nhắc đến quốc sĩ (nhục nước), Nhạc Phi lúc sinh thời nói đến Tĩnh Khang sỉ (nhục Tĩnh Khang) đều một ý nghĩa. Và Quách Tĩnh cũng như Dương Khang đã được Khâu Xứ Cơ đặt tên như vậy trước cả khi lọt lòng mẹ cũng là để nhớ đến mối nhục Tĩnh Khang; đối tượng bài *từ* điệu *Mãn giang hồng* của vị danh tướng Tống triều:

Nộ phát xung quan,
Bằng lan xứ,
Tiêu tiêu vũ yết.
Dài vọng nhìn,
Ngưỡng thiên trường khiếu,
Tráng hoài kích liệt.
Tam thập công danh trần dữ thổ,
Bát thiên lý lộ vân hòa nguyệt.
Mạc đẳng nhàn,
Bạch liễu thiếu niên đầu.
Không bi thiết.

Tĩnh Khang sỉ,
Do vị tuyết;
Thần tử hận,
Hà thì diệt?
Giá trường xa, đạp phá Hạ lan sơn khuyết.
Tráng chí cơ xan Hồ lỗ nhục.
Tiếu đàm khát ẩm Hung nô huyết.
Đãi tòng đầu, thu thập cựu sơn hà,
Triều thiên khuyết.

Chuyển nghĩa sang tiếng Việt:

Khí giận xông lên tóc dựng ngược,
Đứng tựa lan can,
Cơn mưa sầm sập vừa dứt.
Ngước mắt trông,
Ngửa mặt nhìn trời kêu dài,
Nỗi hùng tâm khích liệt.
Ba mươi tuổi, công danh như cát bụi,
Tám ngàn dặm đường dưới bóng mây và ánh trăng.
Chớ coi thường,
Khi mái đầu đã điểm bạc,

Thì đau xót cũng bằng thừa.

Mối nhục Tĩnh Khang,
Chưa rửa sạch;
Nỗi hận tôi con,
Bao giờ mới hết?
Gióng xe lên dẫm lỏ núi Hạ lan.
Chí mạnh khi đói ăn thịt giặc Hồ.
Nói cười dấy mà khi khát thì uống máu Hung nô.
Đợi bao giờ lấy lại được non sông,
Sẽ vào chầu cửa khuyết.

Bản dịch của P. Demiéville trong *Anthologie de la poésie chinoise classique:*

(sur l'air "Du rouge plein le fleuve")
De colère, mes cheveux se dressent sous mon bonnet.
Appuyé au balustre, sous la pluie qui s'apaise,
Je lève au ciel un regard lointain en jetant un long cri strident.
Mon coeur valeureux s'exaspère:
Trente exploits glorieux ne sont plus que boue et poussière;
Les huit mille stades parcourus, un nuage sous la lune.
Ne va-t-elle pas blanchir dans l'oisiveté, la tête de mes jeunes ans?
Oh! douleur vaine!

La honte de Tsing-k'ang
N'est pas encor lavée.
Mon affiction,
Quand donc sera-t-elle apaisée?
A la tête de longs chariots, en un fougueux élan,
Je briserai les défenses de la montagne Ho-lan.
Quand les vaillants soldats auront faim, que la chair des esclaves barbares leur serve de nourriture!
Et quand, dans leurs gais entretiens, ils auront soif, que le sang Hun les désaltère!
Et quand enfin j'aurai reconquis nos montagnes et nos rivières,
J'irai présenter mon hommage à la Porte du Ciel!

Xu Yuanzhong cung cấp một bản dịch có vần điệu:

Reconquérir le pays perdu
(sur l'air du "Fleuve tout rouge")
Les cheveux hérissés de colère, je m'appuie
A la balustrade, voyant la pluie
Cesser peu à peu.

Les yeux levés vers les cieux,
Je pousse de longs soupirs sans que s'appaise ma colère.
Le renom acquis à trente ans n'est plus que poussière;
Les huit mille li
Parcourus, comme des ombres se sont évanouis.
Si ma jeune tête dans l'oisiveté grisonnait,
J'en aurais un mortel regret.

Nous sommes humiliés
De voir nos empereurs prisonniers.
Quand pourrons-nous réparer
L'affront que nous avons essuyé?
Nos chars de guerre franchiront mille montagnes;
Vaillamment nous tuerons les ennemis
Et leur sang arrosera les campagnes.
Une fois le pays perdu reconquis,
Au palais céleste je m'engage
A porter notre hommage.

Hơi thơ thật là thấm thía, khi hùng hồn, đầy hào khí; khi tha thiết, đi sâu vào tình cảm và lý trí người đọc; ý thơ sắc bén, lời thơ uyển chuyển, có tác dụng truyền cảm mạnh mẽ. Tuy nhiên giới khảo chứng văn học còn nghi ngờ về tác quyền bài *từ* này, cũng được Tổ Thiên Thu trích ra hai câu để bình giảng cho Lệnh Hồ Xung nghe trong *Tiếu ngạo giang hồ* (quyển 5, trang 891).

Trong *Poèmes à chanter Tang & Song*, Yun Shi và Jacques Chatain trình bày bài *Mãn giang hồng* này vừa bằng tiếng Pháp vừa theo lối chữ thảo:

Man jiang hong
Cheveux hérissés de colère à faire tomber le chapeau.
Au parapet, la pluie cesse de murmurer.
Les yeux levés au loin,
hurlement vers le ciel,
brûler d'un noble désir de combat.
Trente ans déjà: rien que poussière et terre,
nuage et lune: huit mille lis.
Ne pas attendre cheveux blancs,
tout remords sera vain.

La honte de Jing Kang n'est pas encore lavée,
comment chasser mon immense chagrin!

Manœuvrer le char de combat,
faire une brèche dans le mont Helan.
Héroique, on veut manger la chair de l'ennemi,
en souriant et bavardant boire son sang.
Lui reprendre les monts et les fleuves perdus,
révérence aux palais impériaux.

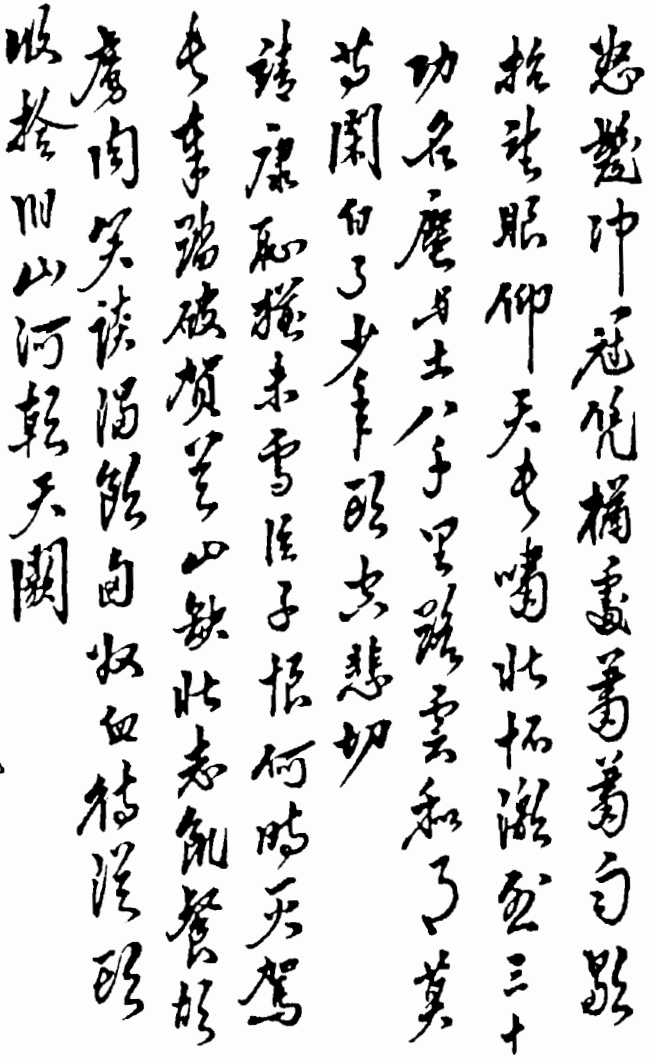

Anh hùng xạ điêu cũng trình bày một bài thơ (nhưng không ghi nguyên tác chữ Hán, chỉ có bản dịch) của Nhạc Phi khắc trên bia đá ở đình Thúy vi, cạnh Tây hồ và chép trên một bức tranh sơn thủy:

"Cát bụi chinh yên nặng mái đầu
Nhàn lai dạo gót "Thúy vi lâu"
Non xanh nước biếc nhìn chưa thỏa
Trống trận biên thùy dục vó câu."

Hoàng Dược Sư đã cho con gái biết là *"năm Thiệu hưng thứ mười một, mùa đông, Nhạc gia bị Tể tướng gian thần Tần Cối làm hại ở Phong ba đình"*. Thời điểm chính xác Nhạc Phi bị bức hại, theo sử liệu Hoa văn, là ngày 29 tháng Chạp năm thứ mười một niên hiệu Thiệu hưng tức ngày 27.01.1142. Nguyên tác bài *Trì châu Thúy vi đình* như sau:

Kinh niên trần thổ mãn chinh y,
Đặc đặc tầm phương thướng Thúy vi.
Hảo thủy hảo sơn khan bất túc,
Mã đề thôi sấn nguyệt minh qui.
(Bao nhiêu năm áo chiến nhuốm đầy đất bụi,
Nay đặc biệt lên tìm hoa trên đình Thúy vi.
Sông đẹp núi đẹp, ngắm nhìn chưa thỏa,
Thì vó ngựa đã vội về dưới ánh trăng sáng).

Trần Trọng San dịch thơ:

Cả năm cát bụi ngập chinh y,
Lộc cộc tìm xuân, lên Thúy vi.
Núi đẹp, sông trong, xem chẳng thỏa,
Đường về, ngựa giẫm bóng trăng đi.

Vũ Mộng Hùng dịch thơ:

Áo chiến liền năm đất bụi pha,
Bước lên đình Thúy dạo tìm hoa.
Nước non xinh đẹp xem chưa khắp,
Vó ngựa theo trăng giục lại nhà.

Trâu nước Quách Tĩnh nhiều lần chê bai phong cách và đối tượng của *từ*, chẳng hạn khi thưởng thức bài *từ* theo điệu *Phong nhập tòng* nơi một tửu điếm ở Đoạn kiều cạnh Tây hồ. Tuy không phải là khách văn chương, nhưng nhận xét của Quách Tĩnh về bản chất của *từ* rất chính xác, như chính chúng ta đã có dịp đánh giá. Tuy nhiên *từ* dưới ngòi bút của Tân Khí Tật thì lại tải nội dung khác hẳn.

Tân Khí Tật (1140-1207), tự Ấu An, hiệu Giá Hiên, người đất Lịch thành, nay thuộc Tế nam, tỉnh Sơn đông. Ngay khi ra đời thì quê hương

bị ngoại tộc xâm lấn, gia đình bị cướp phá, phải đi lánh nạn. Từ nhỏ đã nuôi chí trả nợ nước thù nhà, từng tổ chức quân khởi nghĩa chống Kim và lập chiến công trên đường mưu nghiệp lớn. Về văn học, Tân Khí Tật hầu như chỉ chuyên làm *từ* và là một từ gia rất xuất sắc. Tác phẩm để lại có tập *Giới Hiên từ* qui tụ hơn sáu trăm bài, được hậu thế xem là *bao la vạn hữu* (có đủ muôn sự). Đặc sắc của *từ* Tân Khí Tật là nhiều bài có nội dung khí thế yêu nước nồng nàn và ý chí diệt thù sôi nổi, kể cả các bài sáng tác trong những năm dài bị chế độ bỏ rơi phải nằm chờ thời nơi sơn dã. Nhiều bài *từ* nổi tiếng theo các điệu *Thủy điệu ca đầu, Thủy long ngâm, Hạ tân lang, Phá trận tử* v.v... thể hiện một cách hào hùng hoài bão khôi phục lãnh thổ. Chính vì thế mà giới phê bình văn học đánh giá là Tân Khí Tật đã góp phần mở rộng phạm vi thể hiện của *từ*, không những chỉ giải phóng *từ* khỏi khuôn sáo nhi nữ nhàn tình mà còn đưa *từ* đến cuộc sống xã hội rộng rãi hơn, nâng *từ* lên một giai tầng cao quí hơn.

Kim Dung nhiều lần nhắc đến Tân Khí Tật. Chỉ riêng trong *Anh hùng xạ điêu*, ít nhất đã có ba lần (quyển 1, trang 80; quyển 5, các trang 79 và 210). Ở quyển 1, bản dịch Việt ngữ ghi nhầm là Tân (có dấu huyền) Khí Tật; ở quyển 5, bản dịch ghi là Khí Tật đại nhân. Tuy nhắc đến tác giả *Giới Hiên từ* nhưng nhà văn Hương Cảng không hề trích dẫn bài *từ* nào của ông.

Chúng tôi xin chọn hai bài. Bài *từ* theo điệu *Thái tang tử* kể lại kinh nghiệm cuộc đời buồn thương đau khổ đến chai sạn dửng dưng:

Thiếu niên bất thức sầu tư vị,
Ái thướng tằng lâu,
Ái thướng tằng lâu,
Vì phú tân thi cưỡng thuyết sầu.

Nhi kim thức tận sầu tư vị,
Dục thuyết hoàn hưu,
Dục thuyết hoàn hưu,
Tức đạo "Thiên lương hảo cá thu!"
(Thuở trẻ chưa biết phong vị buồn đau,
Ưa lên lầu cao,
Ưa lên lầu cao,
Làm thi làm phú cực tả cảnh sầu.

Giờ đây đã biết phong vị buồn đau,
Chẳng thiết nói nữa,
Chẳng thiết nói nữa,
Nếu không là khen cảnh thu đẹp và khí trời lành).

Bản dịch Pháp văn của P. Demiéville:

(sur l'air "La cueillette du mûrier")

Dans ma jeunesse, ignorant le goût de la mélancolie,
Je cherchais l'inspiration dans les hauts pavillons;
Dans les hauts pavillons,
Composais de beaux vers, très, très mélancoliques.

Maintenant que je n'ignore plus rien du goût de la mélancolie,
Je ne veux plus rien en dire.
Ne veux plus rien en dire,
Sinon: "Le temps est frais; quel bel automne!"

Bản dịch của Xu Yuanzhong:

Le crève-cœur

(sur l'air de "La Cueillette des mûres")

Jeune, ne sachant pas ce qui crevait le cœur,
J'aimais monter sur la hauteur.
J'aimais monter sur la hauteur,
Faisant des vers, je me plaignais de mon malheur.

Maintenant ce qui crève le cœur, je le sais,
Mais je m'en tais.
Mais je m'en tais,
Ne parlant que du bel automne et du frais qu'il fait.

Bản dịch thứ ba của Yun Shi và Jacques Chatain:

Cai sang si

Jeunesse: goût du chagrin ignoré,
aimer monter plus haut,
aimer monter plus haut,
vers et proses simulant le chagrin.

Aujourd'hui: goût du chagrin épuisé,
le dire s'arrêter,
le dire s'arreter,
dire enfin: "Que cet automne est glacé!"

Sống trong một chế độ hà khắc, từ gia họ Tân vừa viết vừa lách: hoài bão thuở thiếu thời không thực hiện được vì triều đình đầu hàng, nhưng nhà thơ tránh đá động đến điều đó, mà chỉ trực tiếp và công khai nói chuyện... thời tiết!

Bài *từ* theo điệu *Phá trận tử* tiêu biểu cho chí khí quật cường, văn

phong hoành tráng:

Túy khỏa thiêu đăng khán kiếm,
Mộng hồi xuy giác liên doanh.
Bát bách lý phân huy hạ chích,
Ngũ thập huyền phiên tái ngoại thanh,
Sa trường thu điểm binh.

Mã tác đích lô phi khoái,
Cung như tích lịch huyền kinh.
Liễu khước quân vương thiên hạ sự,
Doanh đắc sinh tiền thân hậu danh,
Khả liên bạch phát sinh!
(Rượu say ngắm kiếm dưới đèn,
Tưởng như nghe tiếng tù và bất tuyệt.
Dưới cờ quân chia nhau lương khô,
Trong điệu nhạc cung đàn biên tái,
Khi điểm binh chốn sa trường mùa thu.

Ngựa trận phóng như bay bổng,
Giây cung bật như sét đánh.
Xong việc vua việc nước,
Còn để lại tiếng thơm,
Chỉ đáng thương đầu đã bạc).

Bản dịch ngoại ngữ của Xu Yuanzhong:

Rêvant de la manœuvre d'automne
(sur l'air de "La Danse de la cavalerie")

Ivre, j'allumais la lampe et vis l'épée;
En rêve, j'entendis le cor de camp en camp.
Nos guerriers partagaient la viande grillée
Sous les bannières;
Cinquante cordes jouaient l'air martial des frontières.
On faisait la manœuvre d'automne au champ.

Les coursiers galopaient comme s'ils volaient;
Les cordes des arcs tendus résonnaient.
Le pays perdu reconquis,
Grand était le renom acquis.
Hélas! sur ma tête les cheveux ont blanchis!

Bản dịch của Yun Shi và Jacques Chatain:

Po zhen zi

Poème de combat pour Chen Tongfu
Ivre allonger la mèche pour mieux voir l'épée,
réveillé par les trompes des casernes.
Viande rôtie pour les soldats, au campement à huit cents lis,
orchestre de cinquante cordes à la frontière,
parade d'automne au champ de bataille.

Coursiers galopant comme Dilu,
arcs vibrant comme le tonnerre.
Accomplir l'idéal de l'empereur:
gagner une gloire immortelle.
Et pour moi, plus rien que des cheveux blancs.

A Bích đã dùng bàn tính gảy điệu *từ Thái tang tử* trên đường đưa Đoàn Dự, Cưu Ma Trí, Thôi Bách Kế và Quá Ngạn Chi vào Yến tử ổ, chỗ ở của họ Mộ Dung ở Cô tô. Trước đó, cô đã cất cao giọng hát điệu *Hạm thiều hương*. Trong số khách du Tây hồ hôm ấy, chỉ có thế tử họ Đoàn là có đủ trình độ thẩm âm để thưởng thức hai điệu *từ*. Đoàn Dự thật là tốt số. Vì chẳng những họ Thôi, họ Quá không biết nhạc thức hai điệu *từ* và Cưu Ma Trí là người Thổ phồn tất nhiên cũng không biết nốt; mà dân tộc Trung hoa ngày nay cũng chẳng còn có cơ may thưởng ngoạn các điệu *từ* thời A Bích A Châu. Trong khi đó thì đời Tống có đến hơn tám trăm điệu *từ* với những biến thể khác nhau, như chúng ta đã thấy. Hiện nay, để ghi lại những điệu *từ*, chỉ có cách ghi bằng chữ, chữ nào trong câu thanh bằng, chữ nào trong câu thanh trắc, chữ nào bằng cũng được trắc cũng được; hoặc ghi bằng phù hiệu để phân biệt trắc bằng. Còn ký âm pháp các điệu *từ* thì đã thất truyền.

Mất nhạc thức, *từ* đã chịu sẵn số phận hẩm hiu. Đến khi chuyển sang Việt ngữ, *từ* còn mất thêm diện mạo, dạng hình nguyên thủy.

Bốn bài *từ* theo cùng một điệu *Sơn pha dương* do Hoàng Dung và ông Tiều sáng tác—văn cảnh dịch phẩm Việt ngữ cho thấy rõ người dịch không có kiến thức về *từ phổ, từ luật, từ pháp*—đã được trình bày rất khác nhau trong *Anh hùng xạ điêu* mặc dầu đây không phải là những biến thể của cùng một *điệu từ*. *Sơn pha dương* vừa chỉ *từ* vừa chỉ *khúc*. Trương Dưỡng Hạo chẳng hạn từng sáng tác một bài *từ* theo điệu *Sơn pha dương* (*Đồng quan hoài cổ*).

Cô gái Đồ long, quyển 3, trang 83 ghi *"bài văn Đại Giang Đông Khứ của Tô Đông Ba"* với một câu chữ Hán ngộ nghĩnh mà tôi chép lại nguyên văn, kể cả cách viết hoa và dấu nối:

Nhất-Tôn Hoàn-Trù Giang-Nguyệt.

Cũng một bài *từ* đó của Tô Đông Pha (không phải Tô Đông Ba!) *Võ lâm ngũ bá*, quyển 3, trang 704 gọi là *"khúc Đại giang đông khứ"*. Lối định danh *từ* loại bằng câu mở đầu nhiều khi trở thành cần thiết đối với giới nghiên cứu. Nguyên do là vì thứ nhất, một tác gia có thể sáng tác nhiều bài *từ* theo cùng một điệu; và thứ hai, các bài *từ* phần lớn không mang đầu đề. Chẳng hạn Vi Trang có ít nhất hai bài theo điệu *Nữ quan tử*, một bài bắt đầu bằng câu *Tạc dạ dạ bán*; bài khác nhập đề với câu *Tứ nguyệt thập thất*. Tân Khí Tật có ít ra cũng một bài điệu *Tây giang nguyệt* với câu thứ nhất *Minh nguyệt biệt chi kinh thước* và một bài khác cùng điệu với câu đầu tiên *Túy lý thả tham hoan tiếu*. Do đó, đối với mỗi bài *từ*, thư tịch Hán văn thường ghi hai chi tiết: điệu *từ* và câu thơ thứ nhất. Chẳng hạn ghi: Tô Thức có những *từ phẩm* tiêu biểu sau: *Giang thành tử (Lão phu liêu phát thiếu niên cuồng), Thủy điệu ca đầu (Minh nguyệt kỷ thời hữu), Niệm nô kiều (Đại giang đông khứ)* v.v... Chúng ta thấy ngay rằng phải cung cấp hai thông tin như thế vì bài *từ* điệu *Giang thành tử* của Tô Thức trích dẫn trên kia trong bài viết hôm nay đã khởi đầu bằng câu *Thập niên sinh tử lưỡng mang mang*. Bài *Giang thành tử* này khoác phong cách du dương chan chứa ý vị phong lưu; bài *Giang thành tử* với câu *Lão phu...* đưa Tô Đông Pha lên hàng tiền đạo khai sáng *từ phái* hào phóng. Hai bài cùng một điệu mà khác nhau một trời một vực. Bài *"Đại giang đông khứ"* thì mang giọng ngâm hoài cổ triền miên mà bi hùng hoành tráng. Câu được bản Kim Dung của nhà Đại Nam ghi *"Nhất-Tôn Hoàn-Trù Giang-Nguyệt"* chính ra là *Nhất tôn hoàn lỗi giang nguyệt* và có nghĩa: một chén rượu tạ cùng trăng nước. Nó chấm dứt bài *từ* liên hệ.

Trong *Võ lâm ngũ bá*, quyển 2, trang 519, Châu Bá Thông nghe Hoàng Dược Sư đọc *"bài từ Thắng Vương Các"*. *"Bài từ Thắng Vương Các rất dài (...)" "Hoàng Dược Sư đọc đến trang cuối của bài từ tới hai trang chót trong bài thơ thất tuyệt (...)"*. Bên cạnh lối hành văn lủng củng đến vô nghĩa của bản tiếng Việt—đã *"đến trang cuối"* lại *"tới hai trang chót"*—nội dung đoạn văn dịch còn tạo rất nhiều nghi ngờ cho độc giả am hiểu văn học Trung hoa. Trước hết, một bài *từ* không thể *"rất dài"*, khiến Hoàng Dược Sư vì muốn trêu tức Châu Bá Thông nên ngâm thực lâu, nhằm làm cho họ Châu bụng đói cồn cào mà chả được ăn vì chủ nhân đọc chưa hết thì phẩm. Điệu *từ* dài nhất là điệu *Oanh đề tự* chỉ có hai trăm bốn mươi chữ. Thứ nữa, một bài *từ* không thể chấm dứt bằng một *"bài thơ thất tuyệt"*. Vì những lỗi tam sao thất bản vốn rất phổ biến trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung in bằng quốc ngữ nên tôi nghi chắc nhà văn Hương Cảng đã để cho Hoàng Dược Sư ngâm nga bài *Đằng Vương các tự* của Vương Bột và như vậy vì các lý do sau:

– *Đằng Vương các tự* nghe rất gần gụi với *từ Thắng Vương Các*,

– bài *Đằng Vương các tự* là một bài thơ dài: từ câu mở đầu *"Nam Xương cố quận"* đến câu chót *"Tú vận câu thành"* có tất cả một trăm bốn mươi hai câu thơ với bảy trăm sáu mươi bảy chữ chia làm chín đoạn;

– cuối bài có tám câu thơ vịnh gác Đằng Vương theo thể thất ngôn; có nhiều phần chắc đó là *"bài thơ thất tuyệt"* do Hoàng Dược Sư đọc.

Trong *Thần điêu đại hiệp*, Dương Qua vừa nghĩ đến Tiểu Long Nữ vừa đàn bản *Đào yêu*:

Đào chi yêu yêu,
Thược thược kỳ hoa
Chi tử vu qui
Kỳ nghi gia thất.

Bản tiếng Việt cho rằng đây *"là bài từ phổ theo đàn để hòa tấu trong khi trai gái kết hôn"*. Nếu người dịch không phụ lòng tin cậy của chúng ta qua quá trình chuyển nghĩa thì đây là một trường hợp điển hình *từ* được thụ tinh từ noãn bào ca dao. Bởi vì bốn câu thơ vừa kể có gốc gác từ *Kinh Thi*, cũng với đầu đề *Đào yêu*. Đó là một bài dân ca *Quốc phong*, phần *Chu nam* nói về tình yêu nam nữ, duyên phận vợ chồng. Bản Kim Dung tiếng Việt có lẽ đã in sai một số chữ nếu so với nguyên tác *Kinh Thi*:

Đào chi yêu yêu,
Chước chước kỳ hoa.
Chi tử vu qui,
Nghi kỳ thất gia.
(Cây đào non xanh tươi,
Hoa nhiều rậm rạp.
Nàng đi lấy chồng,
Gia đình thuận hòa êm ấm).

Bài *từ* do Đoàn Chính Thuần tặng Nguyễn Tinh Trúc theo điệu *Tấm viên xuân* ghi trên bức tú bình mà Tiêu Phong đọc nhưng không hiểu hết đã được dịch theo trình tự *giao vận* (vần xen kẽ) trong khi *Từ vận* qui định điệu *Tấm viên xuân* chỉ được dùng nguyên một vần bằng. Tuy nhiên dịch *từ* là điều không dễ. Cho nên nền văn học của chúng ta không thiếu những bản dịch thơ Đường mà hầu như chỉ có một Phạm Thái sáng tác *từ* bằng quốc âm và một Phan Kế Bính chịu khó dịch một vài bài *từ* sang tiếng Việt.

Phép kể chuyện cốt ở chỗ làm cho người nghe hồi hộp chờ đợi nóng lòng muốn biết câu chuyện sẽ kết thúc ra sao. Trong dòng sinh hoạt văn học nòi Hán, đây là một thủ pháp rất quen thuộc. Qua các thiên *Liệt truyện* bộ *Sử ký* chẳng hạn, Tư Mã Thiên đã nhiều lần sử dụng thủ pháp đó nhằm đưa kịch tính cốt chuyện lên đến cao độ, tạo nhưng nút thắt thật chặt, tưởng chừng không gỡ nổi, giống như những *noeuds gordiens*.

Nhưng rồi Tử Trường lại mở nút một cách dễ dàng, gọn gàng mà bất ngờ, hợp lý. Kế thừa phong cách và cung cách dựng truyện ấy, Kim Dung đã viết nên những thiên truyện chưởng kiếm hấp dẫn, được nhiều người hâm mộ. Nhưng tính cách quyến rũ của truyện võ hiệp Kim Dung thật ra còn cao hơn khi người đọc sinh sống trong cùng môi trường văn hóa với tác giả nguyên tác. Vì chương trình giáo dục cổ văn trong các trường học trên vùng đất lưu vực hai con sông Hoàng hà và Dương tử vốn đề cao thể *từ*. Được chọn giảng dạy chẳng hạn là hai bài *từ* cùng the điệu *Thoa đầu phụng* gắn liền với mối tình duyên ngang trái Lục Du Đường uyển [2]. Giới thưởng ngoạn còn truyền tụng giai thoại liên quan đến Lý Thanh Chiếu với bài *từ Túy hoa âm* mà chúng tôi đã trích đoạn ở phần giữa bài này. Người Tàu thích kể rằng sau khi sáng tác bài *từ* đó vào tiết Trùng dương, nữ *từ* gia họ Lý bèn gửi cho đấng trượng phu. Chồng bà vừa cảm kích thích thú vừa tự ti mặc cảm. Ba ngày ba đêm liền, không ăn không uống, đóng cửa tạ khách, ông ta dụng công viết được năm mươi bài *từ* rồi đem cả bài *từ* của vợ cộng là năm mươi mốt bài giao cho một người bạn sành sõi văn chương đọc mà không nói rõ là trong số có cả bài của người hôn phối. Sau khi xem thật kỹ, người bạn kết luận bài *từ* hay nhất chính là bài *từ* điệu *Túy hoa âm*! Bởi vậy đối với giới phẩm thơ cổ văn Hán tộc, mỹ nhân thi sĩ đã cầm một ngọn cờ riêng biệt trên *từ* đàn Lưỡng Tống.

Tiểu thuyết Kim Dung thường phản ánh từng giai đoạn lịch sử với nhiều sự kiện phức tạp xoay quanh nhưng nhân vật tiêu biểu và những hoàn cảnh éo le. Cái có thật, phần tưởng tượng, dạng kể chuyện, lời bình luận v.v... xen kẽ nhau. Chúng ta gặp những tình huống xung đột giàu kịch tính, những cảm xúc thấm đẫm chất trữ tình, những cảnh đời luôn vận động đổi thay bên cạnh những lời đối thoại sinh động hay những suy tư tinh tế. Chúng ta thấy có sự kết hợp nhiều phương thức biểu hiện: tự sự, trữ tình, miêu tả, phóng sự; nhiều dạng vẻ diễn tả: ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ người kể chuyện, độc thoại và đối thoại, độc thoại bên ngoài và độc thoại bên trong v.v... Như G. Sand (*Histoire de ma vie*, IV Partie, Chap. XXVIII) nói: *"tiểu thuyết vừa là một tác phẩm thi ca vừa là một tác phẩm phân tích: trong tiểu thuyết phải có những tình huống thực, những tính cách thực, có thật là khác, quây quần xung quanh một nhân vật có chức năng tổng kết tình cảm hay chủ đề chính của sách"*, tiểu thuyết Kim Dung không hề thiếu chất thơ. Khái niệm *chất thơ* được hiểu theo cả nghĩa den lẫn nghĩa bóng. □

CHÚ THíCH

* Trích từ *Văn, sử, y, dược trong Kim Dung*, sẽ xuất bản.

(1) Hai dịch giả nhầm: đáng lẽ phải là "vingt" chứ không phải "trente".

(2) Trần Văn Tích - "Vườn Thẩm". *Làng Văn*, số 129, tháng 05.95.

Nguyên Lý Song Song

Thụy Khuê

I. Từ láy trong ngôn ngữ

Tính chất song song hiện diện trong ngôn ngữ qua những từ kép, từ láy. Trong *Khái niệm về ngữ pháp Việt Nam* (Sàigòn, 1963) Nguyễn Hiến Lê và Trương Văn Chình hợp láy với ghép vào một khái niệm chung, gọi là từ kép: *"Tiếng đôi, tiếng ba tiếng tư ta gọi là từ kép."* Trong *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam* (Sàigòn, 1972) Lê Văn Lý gọi từ láy là *"từ ngữ kép phản phúc! Đó là những từ ngữ đơn được lắp đi lắp lại trong những yếu tố thành phần của chúng."* Hoàng Văn Hành trong *Từ láy trong tiếng Việt* (Hà Nội, 1985), đưa ra một nhận định hoàn chỉnh hơn: *"từ láy trong tiếng Việt chịu sự chi phối của xu hướng hoà phối ngữ âm. Xu hướng này biểu hiện ở quy tắc điệp và quy tắc đối. Điệp và đối ở đây được hiểu với nghĩa rộng: Điệp là sự lặp lại, sự đồng nhất về âm, về nghĩa; còn đối là sự sai khác, sự dị biệt, cũng về âm,về nghĩa."*

Đái Xuân Ninh, trong *Hoạt động của từ tiếng Việt* (Hà Nội, 1978), nhắc lại lập thuyết của Haudricourt[1]: *"Thanh điệu tiếng Việt hiện nay là do sự rơi rụng của những nhóm phụ âm đầu và cuối trong tiếng tiền Việt mà thành,"* ví dụ, chữ *bả* dùng hiện nay đã có một quá trình như sau:

paspah (đầu Công nguyên, không có thanh điệu) → **pà** (thế kỷ II, 2 thanh điệu) → **pả** (thế kỷ XII, 6 thanh điệu) → **bả** (hiện tại, 6 thanh điệu).

Dựa vào lập thuyết trên đây của Haudricourt, Đái Xuân Ninh đưa ra nhận xét: *"Trên cơ sở những từ hình vị[2] đơn âm tiết này, ta sáng tạo ra những từ đa âm tiết (từ láy, từ ghép, từ nhánh) để đáp ứng nhu cầu diện đạt ngày càng cao."*

Láy đôi:	lạnh	→	lạnh lẽo		
Láy ba:	mờ	→	lờ mờ	→	lờ tờ mờ
Láy tư:	bềnh	→	bập bềnh	→	bập bà bập bềnh

Nhận xét sơ khởi:

Từ đơn: âm không vang, nghĩa rõ, ít khả năng gợi hình, hình vị tự do[3]

Từ láy: âm vang, nghĩa mờ. hoặc chuyển nghĩa, gợi ý, gội hình, gợi chuyển động, hình vị giới hạn[4].

Theo Đái Xuân Ninh thì từ láy có ba tác dụng chính: làm giảm hoặc tăng ý nghĩa của từ chính, láy để lặp đi lặp lại và láy để biểu thị ý nghĩa xấu.

1. Láy giảm nghẹ hoặc tăng cường nghĩa:

a. Giảm nhẹ: Cường độ của một hành động hay mức độ của trạng thái giảm đi, so vơ5i từ gốc.Trong turờ3ng hợp này, trọng âm (hòn vị cơ bản) rơi vào âm tiết thứ nhì:

nhẹ → nhè **nhẹ** Mưa rơi *nhè nhẹ* trong hồn (Huy Cận)

dịu → dìu **dịu** Rơi roi *dìu dịu* rơi rơi (Huy Cận)

b. Tăng cường: cường độ của một hành động hay mức độ của trạng thái tăng lên, so với từ gốc. Trong trường hợp này, trọng âm nằm trong âm tiết đầu.

lạnh → **lạnh** lẽo

trong → **trong** veo Ao thu lạnh lẽo nước *trong veo* (nguyễn Khuyến)

vắt → **vắt** vẻo Tiếng ca *vắt vẻo* lung chừng núi (Hàn Mặc Tử)

đỏ → **đỏ** lòm → **đỏ** lòm lom

Khác với hình thức giảm nhẹ, hình thức tăng cường có thể láy lại nhiều tầng, ý nghĩa lại càng nhấn mạnh thêm:

	Khít	**Sát**
Giảm nhẹ	Khin **khít**	San **sát**
Tăng cường 1	**Khít** khịt	**Sát** sạt
Tăng cường 2	**Khít** khìn khịt	**Sát** sàn sạt
Tăng cường 3	**Khít** khịt khìn khin	**Sát** sạt sàn san

Hình thức điệp kép thuộc sở trường của Nguyễn Khuyến và Hồ Xuân Hương:

Nút làm hai mảnh *hỏm hòm hom* (Hồ Xuân Hương)
Nảy vùng quế đỏ *đỏ lòm lom* (Hồ Xuân Hương)
Đúc thầy đã *mỏng mòng mong* (Nguyễn Khuyên)
Quyên đã gọi hè *quang quáng quác* (Nguyễn Khuyến)
Gà từng gáy sáng *tẻ tè te* (Nguyễn Khuyến)

2. Láy biểu thị ý nghĩa lặp đi lặp lại:

a. Lặp lại, tăng cường ý nghĩa:

lớp → lớp lớp *Lớp lớp* mây cao đùm núi bạc (Huy Cận)

quốc → quốc quốc Nhớ nước đau lòng con *quốc quốc* (Bà Huyện Thanh Quan)

thùng → thùng thùng *Thùng thùng* trống đánh ngũ liên (ca dao)
Trời *biếc biếc* nước *xanh xanh* một vẻ (Nguyễn Khuyến)
Non non nước nước không nguôi lời thề (Tản Đà)

b. Lặp lại, diễn tả ý nghĩa tiếp diễn trong thời gian:
Mưa mưa mãi ngày đêm rả rích (Tản Đà)
Đêm đêm cưới vợ, lại làm quan (Tản Đà)

3. Láy biểu thị ý nghĩa xấu: Lập lại phụ âm đầu, thêm iếc, các nhà ngữ học thường gọi là hiện tượng iếc hóa, hiện tượng này ít thấy trong thơ:

hát → hát hiếc
kịch → kịch kiếc

Ngoài ba tác dụng trên, láy còn có khả năng tạo từ mới, làm giàu ngôn ngữ:

rối → bối rối, rối rem, rối rắm, ...

vì thế từ láy giữ một địa vị quan trọng trong ngôn ngữ nói cũng như ngôn ngữ văn chương.

Đái Xuân Ninh làm một thống kê về từ láy trong các tác phẩm của 4 thi sĩ: Chế Lan Viên, Tố Hữu, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du và nhận thấy hiện tượng sau đây:

–Thơ Chế Lan Viên, trong 1600 câu có 70 từ láy, tỷ lệ 22 câu có 1 từ láy.

–Thơ Tố Hữu, trong 3157 câu có 375 từ láy, tỷ lệ 8,5.

– Chinh phụ ngâm: 452 câu có 85 tỷ lệ 5.

– Kiều: 1000 câu đầu có 218 từ láy, tỷ lệ 4,5.

Tóm lại Nguyễn Du và Đoàn Thị Điểm dùng từ láy gấp 5 lần Chế Lan Viên. Điều đó giải thích sự giàu có về âm nhạc và hình tượng trong thơ cổ điển.

Từ láy có thể xem như đơn vị song song nhỏ nhất trong ngôn ngữ, là sự hòa phối âm thanh và ngữ nghĩa giữa hai yếu tố tương đương hoặc đối lập, tự bản chất đã có khái niệm nhị nguyên của đời sống, mang sẵn hình ảnh âm dương, hai yếu tố tác thành mối sinh động của muôn loài. Cấu trúc này giải thích khả năng biểu cảm, biểu niệm, tượng thanh, tượng hình của từ láy, giúp người đọc, người nghe không những nhận diện được vật thể bằng tên gọi, mà còn hình dung ra dáng dấp, nghe được âm thanh và đôi khi cảm thấy cả chuyển động của vật thể. Do đó, từ láy có một địa vị quan trọng trong thi ca, mà cấu trúc cơ bản dựa vào hình ảnh, nhạc điệu và cảm xúc: *Dòng nước* là một vật thể, nhưng khi Nguyễn Du viết: *Nao nao* dòng nước thì chính nao nao đã trở nên tâm hồn của dòng nước, biến dòng nước thành một nhân cách.

Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang
(Nguyễn Du)

II. Tính chất song song trong thơ

Theo Jakobson[5], tính chất song song trong thơ được khám phá qua nhiều giai đoạn:

Từ ngữ "song song" xuất hiện lần đầu trong thi học năm 1778, khi Robert Lowth khảo sát về thơ cổ tiếng Hébreu của người Do Thái, tuyên bố: *"Tôi gọi tính chất liên vận giữa hai câu thơ là tính song song"*. Hai từ, hai ngữ đoạn hoặc hai câu thơ cạnh nhau được gọi là song song khi chúng đáp ứng tính chất sau đây: Tương đương hoặc đối lập về mặt ngữ âm, ngữ nghĩa. Lowth phân biệt ba loại song song:

Song song tương đồng: Hai câu thơ đi đôi, có quan hệ tương đồng trong âm và nghĩa.

Chòng chành như nón không quai
Như thuyền không lái, như ai không chồng. (Ca dao)

Song song đối ngẫu: Vế đối vế, từ đối từ.

Chìm đáy nước cá lừ đừ lặn,
Lửng da trời nhạn ngẩn ngơ sa. (Cung oán)

Song song tổng hợp: Hai câu thơ cạnh nhau có quan hệ tương liên, câu sau bổ nghĩa cho câu trước, cả hai hợp thành một toàn bộ hoàn chỉnh.

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên. (Chinh phụ ngâm)
Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau. (Kiều)

(Song song tổng hợp giữ một địa vị quan trọng trong thơ cổ điển, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này).

Ba thể loại song song ấy tính chất khác nhau, hiệu quả khác nhau, hiện diện trong cấu trúc thi ca, tạo nên một toàn thể đa dạng và thẩm mỹ.

Năm 1928, J. F. Davis trong khi khảo sát thơ Trung Quốc, đã tìm thấy tính chất song song tổng hợp mà Lowth còn gọi là Tổng hợp - Xây dựng, như một đặc tính cơ bản trong cấu trúc hình thức thơ Trung Quốc.

François Cheng sau này (1977), khi khảo sát ngôn ngữ thơ Trung Quốc, coi nguyên lý song song như sự thể hiện tư tưởng triết học biện chứng Trung Quốc, xây dựng trên nguyên tắc tuần hoàn và đối cực giữa âm và dương, giữa không và có, đặc biệt trong thơ Đường.

Sự khám phá toàn diện về tính chất song song trong thơ kim cổ thuộc về Gérard Mauley Hopkins. Trong một bài báo, khi còn là sinh viên, thiên tài này đã khám phá ra nguyên lý: *"Tất cả thủ pháp của thi ca dựa trên nguyên tắc song song"* (Toute forme d'artifice se réduit au principe du parallélisme). Thơ dựng trên cấu trúc song song liên tục, đối cục hay đồng chiều:

Song song trong nhịp điệu: Nhắc đi nhắc lại một số chu kỳ ngắt câu:

2 / 2 : *Buồn trông / cửa bể / chiều hôm* (Kiều)

3 / 3 : *Mai cốt cách / tuyết tinh thần* (Kiều)

2 / 2 / 3 : *Mây trắng / trời trong / đêm thủy tinh* (Xuân Diệu)

v.v...

Song song trong âm luật: Lập lại một số chu kỳ chữ: 4 chữ, ngũ ngôn, lục bát, song thất, song thất lục bát, ...

Tám chữ : *Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt*
Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi
Du khách đi, du khách đã đi rồi. (Xuân Diệu)

Song song trong niêm luật: (bằng trắc) Trắc - Trắc - Bằng - Trắc

Ngũ ngôn: *Cử nhân cậu Ấm Kỷ*
Tú tài con Đô Mỹ
Thi thế cũng dòi thi
Ối khỉ ơi là khỉ (Tú Xương)

Song song trong sự láy âm vị (phonéme)

Láy nguyên âm:
Đố ai biết lúa mấy cây
Biết sông mấy khúc biết mây mấy tầng (Ca dao)

Láy phụ âm:
Đầu tường lửa lựu lập lòe dâm bông (Kiều)
Những luồng run rẩy rung rinh lá (Xuân Diệu)

Láy âm tiết:
Sương nương theo trăng **ngừng lưng** trời (Xuân Diệu)

Láy hình vị (morphème):
*Nhớ **ai**, **ai** nhớ, bây giờ nhớ **ai*** (ca dao)

Láy từ:
Gió** theo lối **gió** **mây** đường **mây (Hàn Mạc Tử)

Láy đoản ngữ (cụm từ):
***Làm cho** cho mệt cho mê*
***Làm cho** đau đớn ê chề cho coi* (Kiều)

Láy câu:

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông (Bích Khê)
Người ơi! Người ở đừng về
Người ơi! Người ở đừng về (Quan họ Bắc Ninh)

Nguyên lý song song trong thơ phải chăng đi từ song song trong từ láy? Hay bắt nguồn từ tuổi thơ khi trẻ con ê a lập lại tiếng mẹ đẻ? Bập bẹ tập nói, con người đã ứng xử song song trước cuộc đời? Hay song song thể hiện cái lý nhị nguyên trong đời sống qua hai yếu tố âm dương kết hợp?

Dù sao chăng nữa, song song không phải là sự lập lại tầm thường mà đó là một cấu trúc nghệ thuật có tổ chức, nằm trong một tổ chức rộng lớn hơn: hệ thống ngôn ngữ. Và François Cheng đã không lầm khi ông nói một cách rất hàm súc: nguyên lý song song là một toan tính tổ chức không gian trong diễn biến thời gian của ký hiệu ngôn ngữ (tentative d'organisation des signes dans leur déroulement temporel).

A: *Thuở trời đất nổi cơn gió bụi* *Thiên địa phong trần*
B: *Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên* *Hồng nhan đa truân*

Hai câu thơ Chinh phụ ngâm nói về số kiếp gian truân của người phụ nữ trong cơn phong trần chung của cuộc đời. Câu A, tiền đề, bối cảnh vũ trụ (trời - đất) mênh mông, mịt mùng gió bụi. Câu B đến sau, đi vào thực tiễn số phận con người, người phụ nữ. Câu A mở rộng không gian vũ trụ. Câu B đi vào thế giới nhân sinh. Tính cách vừa độc lập, vừa chuyển tiếp, vừa bổ xung, đối xứng, hiện diện đầy đủ trong hình thức song song này. Độc lập: vì cả hai tách rời đã là một "thể" (forme) toàn bích. Đối xứng: vì đối diện vũ trụ với con người. Nhưng khi để cạnh nhau thì lập tức phát sinh sự chuyển tiếp và một sức hút vô hình giữa A và B: Câu A đã làm xong chức năng nghệ thuật. Có thể đứng vững một mình. Câu B đến. Không phải để tiếp tục ý nghĩa và hình ảnh của câu A, mà để mở ra một bối cảnh khác. Bối cảnh thứ hai này, vừa song song với bối cảnh thư nhất, vừa đối cực với bối cảnh thư nhất (vũ trụ trời đất - thế giới nhân sinh), vừa có tính cách xác định câu đầu (trời đất và nhân sinh cũng đả giống nhau), vừa biện hộ cho sự hiện diện của chính mình (chẳng hạn như số phận của người đàn bà).

Tính chất vừa đối đáp vừa bổ xung giữa hai yếu tố độc lập làm thành một toàn thể nhất quán và hoàn chỉnh khiến như cả hai tự cấu tạo một vũ trụ riêng, bền bỉ, trong không gian, thoát khỏi sự tàn phá, hủy hoại của thời gian để trở thành vĩnh cửu.❐

CHÚ THÍCH

1. André Georges Haudricourt (1911) chứng minh rằng tiếng Việt không thuộc dòng Hán, mà thuộc họ Nam Á, và có liên lạc mật thiết với ngôn ngữ của các dân tộc

Khi về
TRẦN THỊ LAI HỒNG

khi về
nương ngọn núi Nam
thấy đời bỗng nhẹ cho tâm thu nhàn
khi về
tóc điểm mầu sương
sợi dài sợi ngắn vẫn thương nhau hoài
khi về
thắp sáng nụ cười
lửa hoàng hôn rạng mặt trời soi đêm
khi về
rũ bớt muộn phiền
cánh hồng tung gió trên triền núi xanh
khi về
mai rộ đầu cành
đất trời riêng giữ thôi dành thế gian.

thiểu số trên đất Việt.

2. Hình vị (morphème): đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, có ý nghĩa.

3. Hình vị tự do: tự nó có thể làm thành một từ như: lạnh, mờ, ...

4. Hình vị giới hạn: tự nó không làm thành một từ như lẽo trong lạnh lẽo, trẻo trong trong trẻo, v. v...

5. *Questions de poétique* (Những vấn đề thi học), Roman Jakobson, Editions du Seuil, 1973

Tháng Giêng
ĐOÀN NHẬT

Nghe hiu gió
Trên ngọn ngày
Vạt chim côi
Bóng
Đủ đầy quạnh riêng
Nghe rắc hạt
Mưa mốc miền
Nhìn mênh ngọn nước
Cập thuyền
Bến không
Và sâu, chuông
Vang
Mông mông
Chân xiêu lạc
Mắt thẳm cùng
Cõi hư....

Tháng hai
ĐOÀN NHẬT

Vượt qua
Vượt qua sa mù
Tầm cốt nhục
Và
Gió ù gốc quê
Ngày mênh mông
Mây đóng bè
Bước qua
Rơi động
Lá
Nghe rú rừng
Chân cắt đá
Đêm mưng mưng
Và
Khuya
Hạt lạnh
Lưng lưng cõi hồn...

ngô nguyên dũng

Tên thật: Ngô Việt Dũng, sinh năm 1951 tại Sài gòn.
Du học và định cư tại Đức từ 1970.
Cộng tác với *Làng Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21.*

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Dòng chữ tâm tình* (Văn Nghệ, 1988),
- *Mười hai hoa cúc* (Văn Lang, 1988),
- *Đêm* (Làng Văn, 1989),
- *Tiếng núi* (Làng Văn, 1992),
- *Chuông đêm* (Làng Văn, 1992),
- *Gia đình Cún* (Làng Văn, 1994),
- *Âm bản* (Minh Văn, 1995).

Tôi nhận được thư ngỏ của nguyệt san Văn Học *hơi muộn. Tôi lại không muốn gởi một vài viết cũ, dù ưng ý. Càng muộn hơn. Tôi muốn mượn bài viết kèm theo để trả lời những câu hỏi của các anh trong ban biên tập* Văn Học, *mà chính tôi, từ lâu, vẫn thắc mắc. Đã nhiều lần tôi dụng truyện với nhân vật chính là văn sĩ phái nam. Lần này tôi thử ép mình vào trường hợp một nhà văn nữ. Dáng lẽ văn chương phải vượt ngoài những phân định này. Không phái tính. Không bị ràng buộc bởi không gian và thời gian. Hoàn toàn không có định kiến nhân sinh. Thực tế lại không như vậy. Nhà văn, chính họ, vẫn còn bị những quan niệm riêng trói buộc. Tôi luôn cố gắng tháo bỏ những thông lệ đó.*

Minh gọi điện báo sẽ tới thăm Quỳnh vào cuối tuần. Quỳnh hơi bối rối. Minh là con riêng người vợ kế của cha nàng, gọi nàng bằng chị. Đã lâu rồi, nàng không nghe tin tức gì của Minh. Một hôm, bất ngờ nàng nhận được lá thư của một độc giả nhờ toà soạn chuyển, ký tên Trần văn Minh. Thư Minh kê khai lý lịch ngắn gọn, hỏi nàng có phải là "bà con" không? Kể từ đó, thỉnh thoảng Minh lại gọi điện trò chuyện cùng Quỳnh. Thường vào buổi tối. Giọng Minh ngọt, ấm, nhưng không gợi cho Quỳnh ý niệm nào. Trí nhớ nàng chỉ váng vất mờ nhạt dáng một đứa bé trai thập thò sau lưng người đàn bà diện mạo sắc sảo, khi cha đưa vợ kế về "giới thiệu" với mẹ nàng. Rồi, mỗi năm đôi ba lần, vào những dịp giỗ tết, nàng mới gặp lại Minh. Thuở nhỏ, Minh rụt rè, gần như nhút nhát, không để lại trong Quỳnh một ấn tượng nào. Thế nên, khi bắt lại liên lạc với Minh, nàng không mừng vui, chỉ hơi bối rối lẫn một chút tò mò.

Quỳnh đón Minh ngoài sân ga vào chiều thứ sáu. Minh là người Á châu duy nhất trong đám người lên xuống hỗn độn. Quỳnh đứng trong một góc khuất, dò xét. Minh cao vừa phải, hơi ốm. Áo khoác nỉ mỏng, xám nhạt, quần xanh thẫm, giày đen, tay xách xắc vải nâu sậm. Minh bước chậm, chốc chốc lại dừng chân, quay đầu dáo dác. Một cơn gió cuối đông thốc lên, thổi tóc người con trai và chuôi khăn quàng cổ bay phất. Quỳnh rời chỗ đứng, bước tới, nụ cười nở trên môi. Nàng giơ tay, cất tiếng:

—Minh?

Người con trai gật đầu, mắt đen nhấp nháy:

—Chị Quỳnh?

Quỳnh cười giòn:

—Lâu quá mới gặp lại.

Minh lúng túng buông xắc vải, nắm lấy tay Quỳnh:

—Lúc ấy Minh còn nhỏ, không nhớ mặt mũi chị ra sao.

—Chị cũng chẳng biết Minh mập ốn, tròn méo thế nào.

Quỳnh đặt tay lên vai Minh, vỗ nhẹ:

—Thôi, mình đi tìm cái gì ăn. Chắc em đói bụng?

Minh bước thoăn thoắt theo Quỳnh:

—Không đói lắm.

—Không đói cũng phải ăn. Mấy hôm nay chị lãn công, không làm bếp.

—Sao vậy?

—Không có thì giờ.

—Thì giờ chị để làm gì?

—Đi làm.

—Còn khi rảnh?

HỘI VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Quỳnh không đáp. Minh tự trả lời:

—Để viết văn chứ gì? Mấy lúc sau này Minh thấy bài viết của chị xuất hiện thường xuyên. Bài nào Minh cũng đọc kỹ. Chị tìm ý ở đâu mà nhiều quá vậy?

Quỳnh cười mỉm, hỏi lảng:

—Em thích ăn hiệu nào? Tàu, Tây, Ý, Đại hàn, Thổ nhĩ kỳ hay Tây ban nha?

—Em muốn ăn cơm.

—Thì vào quán Tàu.

Quán cơm thưa người. Đèn lồng tù mù. Âm nhạc ngũ cung khe khẽ, réo rắt. Quỳnh chọn chỗ ngồi cạnh bồn cá kiểng. Hầu bàn trờ tới, xoè lửa châm nến, đưa mỗi người một quyển thực đơn. Minh mở xoạc, bày ra bàn, chăm chú đọc như trẻ nhỏ học bài. Quỳnh vừa chọn thức ăn vừa len lén ngắm người con trai. Hai mắt Minh to, sâu. Sống mũi thẳng. Cặp môi đầy. Dưới cằm, bên phải, hiện lờ mờ vết sẹo dài chừng hai phân.

chủ nhật của những người yêu nhau

ngô nguyên dũng

Khuôn mặt ấy không gợi cho Quỳnh kỷ niệm nào. Đang ngồi trước mặt nàng là một nam thanh niên hoàn toàn xa lạ. Thế nhưng tại sao nàng lại sẵn lòng cho anh ta tới thăm, trong khi đời sống tình cảm nàng đang rã rời như một cánh diều đứt? Lồng ngực Quỳnh thắt lại bứt rứt khi chạnh nhớ đến đôi mắt nâu to của Tí Tẹo, đứa con của nàng với Bách. Và nàng không khỏi không nghĩ đến giọng nói chua chát của chồng: "Tôi chưa thấy người đàn bà nào như cô. Người ta có thể lìa chồng, xa vợ, nhưng không ai bỏ con cả." Nàng tức tưởi: "Không, ...không, em không lìa anh, cũng không bỏ con, em chỉ muốn... muốn đi tìm..." Bách gầm gừ: "Tìm cái gì?" Quỳnh muốn nói, tìm chính mình, nhưng cảm thấy lạ lùng thế nào, nên chỉ đáp quanh: "Không có người đàn ông nào khác trong em lúc này, ngoài anh. Em chỉ đang bất an, không thể chu toàn bổn phận làm vợ, làm mẹ. Anh cho em sống riêng một khoảng thời gian." Bách chất vấn: "Để làm gì?" Quỳnh giải thích lòng vòng. Càng giải thích, nàng cảm thấy càng sa vào lối cụt. Không thể giải thích lòng đam mê văn chương. Trong nàng như có những khuôn mặt, những linh hồn, những cá tính vừa vỡ vụn lả tả như rừng lá tháng mười. Tâm tính nàng có khác thường không? Tại sao nàng không thể chấp nhận một đời sống gia đình bình dị như những người đàn bà khác? Khiêm tốn, nhẫn nại, sẵn sàng hy

sinh cho chồng, cho con. Tại sao nàng không thể an phận đời con ốc nhỏ mà cứ muốn tìm ra đại dương đầy sóng bão?... Quỳnh chớp mắt, cắn môi ngăn khoé lệ bi quan.

—Minh chọn món số... Chị làm sao vậy?

Giọng Minh ngơ ngác. Quỳnh ngẩng mặt, cười gượng:

—Có làm sao đâu.

Rồi nàng ngượng ngập nói quanh:

—Người Á châu nói chung, người Việt nam nói riêng, có lối cười nhiều khi thiếu tế nhị, nếu không nói là kém duyên. Đâu cứ phải cười là được lòng người khác.

—Chị khó tính.

—Chắc vậy.

Nói xong, nàng cố nhịn cười khi nhìn nét mặt Minh trở nên trịnh trọng. Quỳnh dịu dàng:

—Nói vậy, không có nghĩa là chị cấm Minh cười. Chị cho phép Minh cười thả cửa, thích gì cười đó.

Minh tươi tắn:

—Em chọn món số 59.

—Món gì vậy?

—Vịt bát bửu.

—Chắc ngon. Minh chọn giùm chị thêm một món nữa đi! Tránh thịt bò và hải sản, chị dị ứng với mấy thứ đó.

—Gà quay giòn nhé?

—Gì cũng được.

—Chị có vẻ không thích.

—Đã nói, gì cũng được mà.

—Chị có dị ứng với thuốc lá không?

—Có.

—Còn rượu?

—Kẻ thù số một.

—Chị khó tính thật đó.

Quỳnh giả vờ nghiêm mặt:

—Chị có nói mình dễ tính bao giờ.

—Người nào lấy chị, sẽ khổ.

Quỳnh cao giọng:

—Cấm bàn chuyện gia đình ở đây, mất vui.

Minh hỏi vặn:

—Như vậy có nghĩa, chị đã lập gia đình?

Quỳnh viển vông:

—Văn phạm tiếng Việt không chia động từ, thì quá khứ phải thêm

chữ đã, nghe như chuyện đã rồi.

—Chị ưa đánh lạc hướng điều tra quá.

—Lập gia đình là một cái tội hay sao?

—Đối với vài người, đó là một trói buộc.

Quỳnh thêm vào:

—Một trói buộc không tránh được. Còn Minh?

Minh ngơ ngác:

—Chị muốn hỏi cái gì?

Quỳnh bật cười:

—Cứ làm như ngây thơ.

Minh nhếch môi cười. Lúm đồng tiền mũm mĩm ở má bên trái.

—Em mới ngoài ba mươi.

Quỳnh gật gù:

—Ừ, cứ hưởng thụ trước đã. Có vợ con rồi, Minh phải vất bỏ nhiều thứ lắm, cả một vài thói quen riêng tư.

—Thì được này, mất kia. Chị thì sao?

Hầu bàn mang thức ăn ra đặt trên tấm lưới giữ nóng bằng hai ngọn nến con. Món ăn bày biện đẹp mắt. Cơm đựng trong tô sứ màu ngọc thạch. Đĩa ăn viền chỉ vàng, vẽ hoa cúc đại. Dao, nĩa sáng bóng, chuôi khắc tên tiệm. Khăn in hình hoa lan tiên hài. Hầu bàn còn mang thêm chén đũa cho hai người. Có cả vật gác đũa hình con vịt trắng. Cách trang hoàng của quán ăn này không hoàn toàn trung hoa, ít màu đỏ và rồng phượng.

Quỳnh xới cơm ra chén, khẽ nói:

—Chị cam đoan với Minh, chủ tiệm phải là một người đàn bà.

Minh ngừng tay múc thức ăn, nhíu mày:

—Sao chị biết?

—Minh không để ý sao, lối trang trí rất nhã nhặn và nhiều nữ tính.

Minh đảo mắt nhìn quanh, gật đầu:

—Chị tinh mắt quá. Mời chị.

—Mời Minh.

Quỳnh an tâm nhận thấy Minh ăn uống từ tốn, vén khéo. Nàng ngại ngồi trước một người khác phái nhai ngốn ngồm ngoàm, nói lúc miệng còn đầy thức ăn, hoặc uống để lại vết mỡ trên vành ly. Minh khác Bách điểm này. Nhưng tại sao nàng lại so sánh Minh với Bách? Quỳnh ngần ngừ gắp khoanh cà-rốt đưa vào miệng, nhai chậm. Đáng lẽ giữa hai người là chiếc ghế cao dành cho trẻ con và không khí bữa ăn không lặng lẽ thế này, mà nhốn nháo bàn tay chỉ trỏ cùng giọng nói ngọng nghịu đòi hỏi của bé Tí Tẹo. Đáng lẽ trước mặt nàng là Bách với đầu tóc húi ngắn, thưa sợi và đã hoa râm. Lúc nào, ở đâu Bách cũng ăn uống tự nhiên như ở

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

nhà. Ăn nhiều và nhanh. Uống nhiều và ồn. Sau mỗi bữa ăn, mặt bàn chỗ Bách ngồi, nếu không có một vệt vang đỏ, vài vết sốt vương vãi thì cũng là dăm hạt cơm rơi. Đã nhiều lần Quỳnh phàn nàn về chuyện này, nhưng Bách không sửa đổi được. Bách bảo, đã thành thói rồi, khó sửa lắm. Rồi chàng còn thêm vào, có khi nào em bỏ được tính say mê viết tiểu thuyết nhảm nhí không? Hừm, đàn bà con gái như vậy là không tốt. Quỳnh im lặng. Nàng không thể giãi bày cho chồng hiểu. Chính nàng cũng không hiểu nổi. Đôi khi, có nỗi thúc bách mạnh bạo như cánh tay lực sĩ xô nàng ngồi vào bàn, bắt nàng nâng bút, ý tưởng cứ thế mà tuôn trào theo dòng mực. Lúc ấy, một cảm giác khó tả chiếm lấy hồn nàng. Hoan lạc và khổ sở. Lâng lâng bay và nặng nặng rơi. Nàng không còn là Quỳnh, vợ của Bách, mẹ của bé Tí Tạo, con của cha mẹ nữa; mà đã hoá thân thành một Châu Ngọc Quỳnh của những nhân vật văn chương hư cấu. Chỉ thế thôi. Không có lý do bắt đầu. Cũng không có mục tiêu kết thúc.

—Chị đang nghĩ gì?

Minh buông đũa, hỏi nhỏ. Quỳnh nâng khăn chặm môi, nhìn vào mắt Minh. Vòm mắt Minh sáng quá. Cặp môi lóng lánh mỡ. Vẻ mặt tươi tắn chờ đợi. Bỗng nhiên Quỳnh có cảm tưởng, nàng đã gặp Minh đâu đó nhiều lần rồi. Không phải thằng bé Minh dúi mặt e thẹn vào tà áo mẹ, mà là một Minh trai tơ hâm hấp sinh lực của một mùa hè rực nắng biển. Minh từ quá khứ ngoi dậy trong tiềm thức nàng hay Minh là một vai trò nào của văn chương nàng?

Quỳnh nhấp một ngụm nước suối, buông tiếng:

—Nghĩ vẩn vơ.

—Chị chưa kể Minh nghe về đời sống riêng của chị.

Quỳnh chớp mắt, ngập ngừng:

—Đâu có gì để nói.

Minh giăng bẫy:

—Nếu chị cần người chia sẻ, chị cứ nói!

Quỳnh lấp lửng:

—Để coi.

Đột nhiên Minh mềm giọng:

—Chị Quỳnh này.

—Gì?

—Chị không biết chuyện này đâu.

Quỳnh chau mày. Minh tiếp lời:

—Khi còn ở quê nhà, có lần theo mẹ đến thăm gia đình chị, em lạc bước vào phòng chị, lúc chị không có ở đó...

Quỳnh sửng mặt, chăm chú nhìn Minh. Đôi mắt người con trai nhíu

lại thành hai rãnh hẹp. Quỳnh tưởng tượng đó là khe cửa hắt nắng vào phòng tối. Sáng, sáng lắm. Rực rỡ như phép lạ.

—...Tự dưng em xúc động. Thuở ấy em đâu chừng mười hay mười một tuổi gì đó, còn hôi sữa mà. Vậy mà cái ấn tượng ấy cứ bám riết lấy em. Đậm nét nhất là mùi hương và màu nắng soi lên tường nhà, loá cả kệ sách bằng mây. Sách nhiều quá. Nắng tươi quá. Bầu không khí bình an, trong lành tinh khôi như một mặt gương ấn náu triền miên trong lòng mình. Dẫu tháng năm có làm vẩn đục, chỉ cần một làn hơi nhẹ, mặt gương lại hiện ra những khung cảnh và khuôn mặt thân thiết cũ. Trong tâm hồn Minh có một tấm gương thanh xuân như thế.

Quỳnh cảm động thật sự. Nàng thốt khẽ:

—Ý nghĩ của Minh văn hoa đẹp quá.

Người con trai long lanh mắt:

—Chị thấy không? Sau nhiều biến động dồn dập, từ quê hương vượt biển sang đây, Minh vẫn chưa quên một vài kỷ niệm vụn vặt thời thơ ấu.

—Chị cũng vậy.

—Chị còn nhớ kỷ niệm nào?

Quỳnh nghiêng mặt nhìn ra khung kính. Những lòng đường đèn vàng, sáng tối không đều nhau. Dòng xe cộ tất tả ngược xuôi. Tiếng động rù rì, đục lờ như bị trấn nước. Thoắt cái, Quỳnh thấy mình bé lại loắt choắt, tóc cắt bum-bê, áo quần vải hoa, nhón chân khuân từng tập lưu ảnh gia đình từ giá gỗ xuống. Con bé Quỳnh nằm sấp trên nền nhà lót gạch bông, nhấc một vai, áp đầu vào lòng tay trái, tay mặt thận trọng lật từng trang, từng trang. Những tấm ảnh đen trắng ố vàng nước thuốc. Những khuôn mặt gia đình và họ hàng. Có người, bé Quỳnh chỉ nghe nhắc tới. Tất cả đồng loạt trở lại cùng nàng tối nay. Người đã chết cũng như người còn sống...

Quỳnh hạ giọng:

—...Những chuyện buồn khổ như mất người thân hay hạnh phúc đổ vỡ, mình nhớ đã đành; còn những kỷ niệm kia, có gì đâu mà cũng đeo đuổi lấy mình. Lạ thật.

—Vì vậy mới có người trở thành văn sĩ.

Quỳnh bật cười:

—Nghệ sĩ tính là một *charisma*, đâu phải muốn là được. Thời buổi này còn có người giàu xúc cảm, không phải chuyện thường tình. Nói vậy, không có nghĩa, nghệ sĩ là kẻ may mắn. Chị đâu muốn viết văn, làm thơ. Nhưng có nhiều khoảnh khắc, không hiểu tại sao, lòng mình ứ đọng thành một đốm sáng đặc kín chữ nghĩa. Cả tâm hồn mình ngứa ngáy, ray rứt như thời tiết chuyển mùa. Cảm hứng này bắt chị phải viết, phải

trải tâm tình và ý tưởng mình ra giấy. Lúc ấy chị trở thành kẻ ích kỷ ghê gớm, vì chị chỉ nghĩ tới mình. Chị hoá thân thành vô số nhân vật. Chị quên mất phái tính mình để tuyệt vọng bi thảm vì ái tình như một người nữ, hay kiêu hãnh ngụy tạo trước nghịch cảnh như một người nam. Với chị, văn chương có sức mạnh như thế!

Quỳnh ngưng tiếng, nâng ly. Minh chống tay lên bàn, ngón trỏ mân mê vành môi, đăm đăm nhìn Quỳnh. Nàng không đẹp, nhưng chuôi mắt và khoé môi nàng khi kể chuyện toát ra từ tính kỳ lạ. Không những thế giới văn chương Quỳnh, cả con người nàng ngoài đời cũng tạo cho Minh cảm giác thoải mái. Minh không đến với Quỳnh như một người thân mà như một người ái mộ, hay hơn thế nữa... Minh chợt thấp thỏm với ý nghĩ sẽ ở lại qua đêm với Quỳnh cho đến chủ nhật. Minh đoán biết, Quỳnh đang sống một mình.

Quỳnh thao thức trong bóng tối chờ đợi. Cửa kính mở hé. Tấm sáo buông hờ, hắt yếu đuờng sáng nhá nhem. Vào những khuya trăng đầy, Quỳnh thường khó ngủ. Thần xác nàng như bị phân cực, bị những từ trường vô hình hút đẩy bấn loạn. Nàng nằm cong như con tôm luộc, kẹp tay giữa đầu gối. Quỳnh nhớ tới bé Tí Tẹo, tưởng tượng ra mùi da thịt thơm sữa của con, ứa lệ rưng rưng. Tại sao vậy? Tại sao nàng không thể bằng lòng với đời sống làm vợ làm mẹ bình thường như mọi phụ nữ khác? Lý do nào đã bắt nàng miên man quan tâm đến những khúc mắc nội tại, cứ xô kéo nàng vào những ngõ ngách hoài nghi phức tạp? Chướng nghiệp ư? Hay đó là cái quả hiện thành từ cái hạt nàng đã gieo từ tiền kiếp?

Quỳnh mê mải suy tư. Hương hoa đầu xuân lan ngai ngái vào phòng. Hơi đêm dịu mát. Thân thể nàng cũng dịu dàng mở ra những búp non. Nàng nghĩ tới bàn tay Bách và những ngón cúng cáp sục sạo. Có những khuya oi bức, hai người ngủ không quần áo. Đêm rạo rực đồng loã. Cảm giác câm nín dìu Quỳnh vào giấc hoang tưởng dục tính với những nam nhân vật, nàng đã tạo dựng. Bách nào biết điều đó. Ảo giác quen thuộc ấy trở về với Quỳnh đêm nay. Nàng cảm nhận bàn tay ai dò dẫm trên ngực áo. Hơi thở nhẹ lướt ấm lên cổ, má và vành tai nàng. Quỳnh lặng lẽ hứng lấy. Nàng như một căn phòng trống, nhiều năm khoá trái, và bàn tay ai vừa mở bung tất cả cửa nẻo cho nắng sáng tràn vào. Trên bệ cửa, những chậu hoa chết héo run bật theo gió. Vạt áo nàng là rèm cửa được kéo toạt ra. Bầy ve kỷ niệm khởi sự tấu khúc vĩ cầm nuối tiếc tuổi vàng. Quỳnh bỡ ngỡ như gái xuân, kiễng chân nhìn vào phía sau cánh cửa lá sách. Phiến đầu ai gục xuống trũng ngực nàng, rồi di chuyển dần xuống. Quỳnh bấu lấy gáy tóc mềm, nhắm mắt tưởng ra những chốn, những

đêm ngày và những gương mặt thân quen. Vòm ngực nở. Vòng tay khép lại, gân guốc mạnh. Hương thịt da bốc ngây dại.

Có tiếng gọi khẽ:

—Mở ra! Mở ra đi!

Quỳnh thấy mình sửng sốt nép người sau lưng cửa, chết điếng. Nhưng tiếng Minh thúc bách đáng thương như của một khách lỡ đường ghé vào xin một chén nước. Quỳnh xoạc chân, mở cửa. Minh luồn vào gấp rút. Mồ hôi trưa nắng tươm hạt lóng lánh trên cổ, trên trán người thanh niên. Minh rên rỉ:

—Cho Minh xin...

Quỳnh hối hả kê miệng chén vào môi người con trai. Tay run. Nước sóng sánh. Minh hớp lấy hớp để, ngậm cả những ngón tay Quỳnh lẩy bẩy khum quanh miệng chén. Cảm xúc cho và nhận nối tiếp xô giạt như sóng liếm bãi. Quỳnh mở ra, dang rộng, thảnh thơi một mảnh ván đắm thuyền trên đại dương mênh mông. Nắng lấp lánh. Cả không gian reo lên thống khoái, đánh rơi những vì sao rập rờn lên mặt nước. Biển dậy sóng. Hứng khởi trong Quỳnh cũng dậy sóng. Cả người nàng buốt rợn như móng vuốt của loài thú man rợ đang cào sướt những vết hoan lạc. Quỳnh gọi thầm tên một người vắng mặt, mà không hiểu tại sao.

Minh dí đầu ngón trỏ lên vành môi Quỳmh, mân mê. Quỳnh hỏi nhỏ:

—Sao vậy Minh?

Minh gục đầu xuống vai Quỳnh, thầm thì:

—Minh thương chị.

—Thương chị hay văn chương chị?

—Cả hai.

—Đừng lẫn lộn như vậy chú! Văn chương là điều lý tưởng, còn chị chỉ là chút hồn xác tầm thường, nhạt nhẽo, vô giá trị.

—Em thương điều lý tưởng, thương cả tính tầm thường, nhạt nhẽo, vô giá trị.

—Tham lam.

Minh đứng lên, trần truồng lờ mờ trong bóng tối vây kín.

—Minh kéo sáo lên nhé!

—Chi vậy?

—Hôm nay là ngày rằm.

Không đợi Quỳnh trả lời, Minh đã thong thả kéo sáo. Luồng sáng nhờ nhợ ngân nhũ tràn vào, lấp đầy căn phòng hẹp. Quỳnh kéo chăn phủ lên phần thân thể chưa khép. Một cảm giác lạ lùng ùa tới. Nửa đầy nửa vơi. Nửa vui nửa buồn. Có đấy rồi mất đấy. Mọi sự đều bất định, lơ lửng. Quỳnh nghĩ đến những bài viết chưa xong. Những bào thai đang

đợi nàng khai sinh. Những tĩnh vật đang chờ nàng truyền sự sống. Chữ nghĩa là những giọt máu tiếp sức hay chỉ là ý nghĩ rác rưởi của một trò chơi tửu hậu? Quỳnh xúc động vô cớ. Đời sống nàng cũng chỉ là một quyển tiểu thuyết. Nhiều khi nàng bị những nhân vật văn chương mê ám đến nỗi không thể phân định rõ giữa thực và hư. Nàng thấy mình như người hát xiệc đu bay trên vực thẳm của tư tưởng. Nàng lộn nhào ngoạn mục vào cõi không gian sáng tạo. Nơi đó, nàng bắt gặp những đốm lửa đã đốt rụi bầy thiêu thân đam mê. Chữ là lửa. Nàng là con thiêu thân khờ khạo, suốt đời lao mình vào vùng ánh sáng chết. Lửa liếm hung bạo những trang giấy. Quỳnh nhăn nhúm cháy theo những dòng chữ câm.

...Quỳnh nấc lên một tiếng, gập người ngồi dậy. Cạnh nàng, Bách cũng choàng tỉnh, cất giọng ngái ngủ:

—Mơ gì vậy?

Quỳnh thẫn thờ, không đáp. Một tay chặn ngực, tay kia bấu lấy chéo chăn, hai mắt nàng trừng trừng vào vệt sáng lem nhem của sớm mai hắt lên tường vôi. Cảm xúc vẫn nóng rát. Giấc mộng còn tươi rói như dấu roi quất lên lưng trần. Minh, Minh ơi. Quỳnh kêu thầm, cõi lòng nhói đau nghìn mũi kim châm.

Đã nhiều đêm rồi, Quỳnh mơ thấy những giấc mộng tiếp nối như thế.

Quỳnh dọn bàn điểm tâm sáng chủ nhật ngoài vườn sau.

Hôm nay cả nhà thức dậy muộn. Quỳnh tỉnh giấc, bắt được tiếng chim kêu lẻ từ ngoài vọng vào, nhìn sang thì thấy Bách không còn đó nữa. Quỳnh dúng dậy, tới kéo màn cửa, nhìn xuống. Bách đang cắm cúi nhổ cỏ dại cạnh hàng rào. Chàng mặc áo thun trắng, quần đùi màu vỏ trứng, đội nón vải. Trông Bách khoẻ mạnh, lạc quan như thanh niên tuổi vừa đôi mươi. Quẩn quanh chàng, bé Tí Tẹo đang nô nức với những trò vui trẻ con. Lâu lâu thằng bé lại sà đến cạnh Bách. Không hiểu hai cha con nói những gì mà Quỳnh nghe Tí Tẹo cười húc lên. Tiếng cười leo lẻo như âm thanh muỗng thiếc gõ vào ly pha lê. Quỳnh tưởng tượng ra những vòng âm ba lớn dần, lớn hơn và chìm hút vào không gian nồng nàn nắng mới. Quỳnh quyết định, sẽ sửa soạn một bữa điểm tâm thịnh soạn cho gia đình. Đã lâu rồi nàng xao lãng việc nội trợ.

Bàn điểm tâm có trứng luộc, trái cây, nước cam vắt, bánh mì ngũ cốc, mật ong, sữa tươi cho Tí Tẹo, cà-phê cho chính nàng và trà cúc cho Bách. Từ khi Bách lâm bệnh tim, chàng tránh uống cà-phê, một thói quen tưởng không bỏ được. Dù vậy, thỉnh thoảng chàng vẫn phá lệ, ăn trứng chiên thịt mỡ un khói hay tự tay pha một tách cà-phê nhạt, không

đường không sữa.

Tí Tẹo reo lên, hối hả chạy tới quấn lấy chân Quỳnh. Bách dừng tay, ngẩng mặt. Ngược nắng, hai mắt chàng nhíu lại. Nụ cười điểm nhẹ trên khuôn mặt an lành. Tí Tẹo tíu tít những lời trẻ con. Quỳnh vừa bày thức ăn ra bàn, vừa đối đáp với con. Bách bỏ dở việc, tới kéo ghế ngồi xuống. Tia mắt chàng rực lên. Giọt mồ hôi lăn ngập ngừng bên thái dương. Quỳnh đưa cho chồng mảnh khăn giấy. Bách chặm mồ hôi, lau tay, nói trống:

—Điểm tâm sáng chủ nhật, hơi trễ!

Quỳnh rót sữa ra ly cho Tí Tẹo rồi ngồi xuống đối diện với Bách, thấp giọng như xin lỗi:

—Đêm qua em lại nằm mơ, nên thức dậy muộn.

Bách thả thỏi đường vào tách trà:

—Em nói mớ hơi nhiều.

—Những gì vậy?

—Ú ớ không rõ.

Bách khuấy lanh canh. Quỳnh đặt vào đĩa Tí Tẹo lát bánh mì thoa bơ và mật ong. Bách bốc quả trứng luộc, dùng dao vạt phẳng một đầu, rắc muối tiêu, lấy muỗng múc. Cử chỉ chàng tự nhiên, đầy sức sống.

—Em mơ thấy gì?

Bách ngọt giọng hỏi. Quỳnh rót sữa vào tách cà-phê cho tới khi nước đổi màu nâu nhạt mới thôi. Một chút bâng khuâng dâng lên hồn nàng. Quỳnh cười lấp liếm:

—Anh biết mà, mỗi khi em viết một bài văn mới là em mơ thấy toàn những nhân vật trong truyện.

—Lần này là ai?

Quỳnh úp mở:

—Thế nào anh cũng được đọc.

Bách đặt tách trà xuống đĩa con, nói như trách:

—Em bắt đầu đổi tính rồi đó Quỳnh.

Quỳnh ngơ ngác:

—Vậy à?

Bách tiếp lời, giọng thản nhiên:

—Kể từ dạo em tự cho mình là người của văn chương, em không còn như trước nữa. Anh hiểu và thông cảm lắm. Trong khi những phụ nữ khác thích kim cương, chưng diện và ngồi lê đôi mách, em lại có một thú vui tao nhã là viết văn, đáng lẽ anh phải khuyến khích chứ. Có, lúc ban đầu. Nhưng dần dần anh thấy em dường như bị chữ nghĩa mê ám. Em lơ là chuyện đời sống gia đình. Em thờ ơ với thực tế, để chìm đắm trong ảo tưởng. Em có thấy như thế là quá đáng không?

Bách ngưng nói, chau mày nhìn Quỳnh, tia mắt van lơn. Quỳnh cúi mặt, luống cuống lấy khăn giấy chặm vết sữa bên mép cho Tí Tẹo. Tự dưng nàng cảm thấy mệt mỏi quá. Làm vợ, làm mẹ, làm người tạo dựng những giấc mơ cho độc giả. Ôi, những gánh nặng oằn vai.

Quỳnh thong thả cất lời:

—Em sẽ sắp xếp lại thời khoá biểu, sẽ dành nhiều thì giờ hơn cho gia đình. Em biết mình sai, vì đã quan trọng hoá sở thích văn chương. Nhưng có nhiều lúc em không thể cưỡng lại sức mạnh thôi thúc của ý nghĩ. Nó bắt em phải viết, phải sáng tạo, phải sinh sản. Nhưng từ từ em phải nhìn nhận một điều, tất cả đều không thật. Từ cái danh cho đến những nhân dáng văn chương đã lẽo đẽo theo em vào giấc mộng. Họ ăn ngủ, chia sẻ cùng em những sầu vui. Họ là bạn, là tình nhân, là những khuôn mặt mà em hằng mơ tưởng. Em vẫn nghĩ mình thừa sức vượt qua những lằn ranh tư tưởng. Nhưng không, cuối cùng vẫn còn rành rành đó những giới hạn của định kiến, của cả những kinh nghiệm cá nhân đã lún sâu vào tiềm thức mình.

Bách kêu lên:

—Quỳnh.

Hai mắt Quỳnh long lanh hướng về phía chồng. Sau lưng chàng là nắng mới, lá hoa tươi và một chủ nhật an lành. Không gian là bàn tay vô biên mở ra dòng thời gian cuồn cuộn chuyển hoá. Nhịp sống đời nàng phẳng lì, có sao nàng lại chọn lối quanh co mà đi?

Tí Tẹo tuột xuống ghế, chạy ra sân, leo lên xe nhựa, vừa đạp vừa kéo chuông miệng bi bô.

Bách thở nhẹ:

—Em thấy đó, có khi nào anh cấm đoán em điều gì. Anh chỉ sợ tinh thần em bị khủng hoảng vì những chuyện vô lý.

—Em đang bị khủng hoảng.

Bách nhìn sâu vào mắt vợ. Một khoảng câm lặng ùa tới. Chàng rợn người liên tưởng đến bầy gia súc kề cận chàng thời thơ ấu. Con thú nào cũng có ánh mắt tuyệt vọng bi thương trước khi bị đập đầu, cắt tiết hay đem đi cho người khác. Những dịp ấy, chàng lại âu sầu nhớ thương mất vài hôm. Rồi, không hiểu sao, những hình ảnh đó cứ bám riết lấy Bách. Đôi mắt thú trước khi chết. Dáng bò xệu xạo kiệt lực của mấy con dế được chàng trả tự do lúc tàn mùa chơi.

Bách nói để dập xoá những ám ảnh không lạc quan:

—Em có muốn đi đâu hôm nay, anh chở đi?

—Không, anh muốn đi chơi, cứ đi! Nhớ về đúng giờ cơm!

—Em định nấu món gì?

—Chưa biết.

—Tự dưng anh thèm ăn cháo với tôm khô, củ kiệu, ngâm nước mắm pha. Thuở trước, thỉnh thoảng gia đình anh lại ăn món này vào sáng chủ nhật.

—Món điểm tâm à?

—Ừ.

Vừa lúc, có tiếng chim buông rời rạc trên chòm anh đào chua. Bách và Quỳnh đồng loạt ngước lên. Nắng chói loà. Không thấy chim, chỉ bắt được âm vang chầm chậm, buồn buồn như nuối tiếc điều gì.

Quỳnh xô ghế, đứng lên dọn dẹp bàn ăn, cố nhẹ tay để khỏi làm chim kinh động. Tiếng kêu chợt đứt ngang, gẫy gọn như một bút lìa, không chút vướng víu. Tại sao lại có loài chim hót tiếng buồn bã như thế? Hay vì lòng mình đang rối bận những hoài nghi? Quỳnh thầm nghĩ bâng quơ, thừ người đứng trong gian bếp loáng nắng, bên bồn nước dậy mùi thơn thuốc rửa chén. Trong khắc giây lơ lửng giữa nhiều bất định vô cớ, Quỳnh hình dung ra những nhân vật văn chương đã dan díu cùng nàng bấy lâu nay. Rõ nét và nổi bật hơn cả vẫn là Minh. Quỳnh nhớ lại lưng bàn tay trắng hồng, rắn rỏi gân xanh của người con trai khi bóp vỡ chiếc bánh hạnh phúc trong quán cơm trung hoa tối nào. Minh rút ra mảnh giấy con, đọc lẩm nhẩm rồi cười một mình. Quỳnh hỏi, Minh nhận được câu phúc đoán gì? Minh đáp, *hạnh phúc đang chờ đợi bạn ở cuối cầu vồng*. Có sao lại ở một nơi không có thật đó? Đến giờ này Quỳnh vẫn còn thắc mắc. Nàng luống lự vài giây rồi quay lưng, vào phòng mở hộc bàn, lấy xấp bản thảo viết dang dở ra đọc lại. Nàng không hiểu tại sao lại chọn cái tựa *"Chủ nhật của những người yêu nhau"*. Minh đến thăm nàng vào chiều thứ sáu, sẽ ở lại đến chủ nhật. Thứ bảy chưa thức, Minh đã bỏ đi, mang theo dòng văn hứng đứt đoạn trong tâm tư Quỳnh, mang theo cơn mộng dục tính không trọn vẹn. Cảm xúc Quỳnh chới với khi sực tỉnh. Những xao động còn nồng hơi ấm. Muốn bám víu mà không biết phải vịn vào đâu. Quỳnh cảm thấy bị bỏ rơi và đơn độc như ngòi bút cạn tình trước những đòi hỏi của giấy trắng. Ý bút tươi đẹp, tình giấy phơi phới, thế mà lòng nàng hiu quạnh như con nước cạn. Minh xa rồi. Bàn tay mười ngón thanh tao đã đành đoạn đóng xập những ô cửa tư tưởng. Quỳnh thấy lại đôi mắt Minh chập chờn lay láy trên những hàng chữ dập xoá. Thôi, quên đi! Quỳnh kêu thầm, với tay chụp lấy con dao rọc giấy cứa ngang dọc lên xấp bản thảo. Một đường dao lỡ cắt lên lưng tay trái Quỳnh. Máu loang ra giấy, hoà với mực, chữ nhạt nhoà phai. Hai mắt Minh khép lại, vấy máu. Quỳnh thảng thốt nhận ra, đó chính là những huyết lệ của lòng nàng trổ bông trên giấy. ❐

Khỏa thân

HẢI PHƯƠNG

bởi vì thơ thì trần truồng như chân lý
và em
khỏa thân

đêm trải dài thân thể trôi mềm
ướt sũng đòng Xuân Thu Nhã Tụng
Kinh địa tầng rung nhẹ nhánh sông êm
lớp sóng thời gian cuộn tròn bốn ngàn năm đĩ vãng
ta đi tìm ta trong xứ sở em
và mùa màng trong tóc rối.

thông điệp của trí tuệ khi gửi tới hoang vu
trôi bềnh bồng trên ngàn mây mộng du
và buổi sáng em tinh khôi như thơ
lấp lánh trên vòm địa cầu của tuổi ấu thời
tặng phẩm của bà tiên trao tặng
và em
khỏa thân
như thơ.

bởi vì thơ thì trần truồng như chân lý
và em
khỏa thân
hai bờ vai mềm con suối chảy ngân nga
ướt sũng dòng Xuân Thu Nhã Tụng
giao hưởng càn khôn khép mở ra.

nguyễn ý thuần

Tên thật Nguyễn Quốc Hợp sinh ngày 19 tháng năm, năm 1953 tại Hà Nội, lớn lên tại Nha Trang.

Trước 30 tháng tư 75: Đi học, đi tu, đi lính.

Sau 30 tháng tư 75: Đi tù, đi Mỹ.

Hiện tại: Đi làm.

Bắt đầu viết năm 1986 trên *Làng Văn, Văn Học, Nhân Văn, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Người Việt, Hợp Lưu* v.v...

Tác phẩm đã xuất bản

- *Tối Tháng Năm Tại Quán Ăn Đường Fifth* (Truyện ngắn, Văn Nghệ 1989)
- *Sợi Chỉ Trong Hồn* (Truyện dài, Thời Văn 1990)
- *Người Lính Còn Lại* (Truyện ngắn, Nhân Văn 1991)
- *Ở Chốn Không Quen* (Truyện ngắn, Thời Văn 1994).

Với tôi, viết cũng như làm tình. Trước để thỏa mãn mình, sau đến đối tượng. Khi viết được một truyện ngắn hay cho cả mình và người đọc đều thấy, đều nhận, đó là một lần làm tình trọn vẹn. Cả hai bên đều... dã! Còn viết ra chỉ mình thấy hay, người đọc không thỏa mãn thì coi chừng, bạn đang trên đường... yếu sinh lý. Cần đến một ông lang nào gấp! Mà, ông lang cho những người cầm viết có thể là một chuyến đi rong, một tủ sách hay là cái gì đó, tùy theo từng người... Để phục hồi sức khỏe.

Nói thì kỳ, nhưng nghĩ lại xem, có phải hai trường hợp có nhiều điểm

na ná như nhau. Khi viết không được mà còn ráng viết để dè người khác xuống dọc thì rõ ràng bị bạo dâm. Nếu bị nặng trong trường hợp này có thể bị lâm vào tình trạng... hiếp dâm. Hoặc viết không được ai đọc, buồn quá đi làm báo chửi bới, làm dài phát thanh để lăng xê chính mình, tự thỏa mãn các ẩn ức v.v... nên gọi là thủ dâm. Hay viết ra chẳng ai buồn ngó đến, năm bảy ông/bà chụm lại, khen lẫn nhau trong một thứ vòng tự chế ra, coi giống như đồng tình luyến ái! Cứ thế, ta sẽ thấy các trường hợp khác.

Còn tại sao viết trong hoàn cảnh khó khăn? Cái gì là khó khăn với nhu cầu sinh lý cũng như nhu cầu văn nghệ? Ở đâu mà con người không cần đến và tại thời điểm nào thì không có? Tù thì có văn nghệ kiểu tù, làm tình theo cách tù. Tu thì có văn nghệ nhà tu, làm tình bằng... rau răm! Robinson và An Tiêm chắc hẳn phải có lúc nghêu ngao vài câu chèo cổ để thỏa mãn chính mình thì kể chi chút khó khăn, chật hẹp của thời gian và đời sống tại hải ngoại?

11 giờ 42 phút.

Bây giờ tôi hiểu rõ sự thèm khát của mình. Đó là ánh nắng. Không phải thứ nắng tạm bợ rơi trên sân mỗi ngày nửa tiếng. Phải có gió hòa nhập. Phải có bầu trời phủ khắp. Cái hạn hẹp của bốn bức tường bao quanh đã thành ý nghĩa. Và thời gian là mấu chốt. Sự co giãn của từng sớ thịt khi chờ giờ ra sân thành nhịp rung quen thuộc. Tôi đã bồn chồn nhìn từng nấc kim đồng hồ nhảy. Dãy hành lang chắn giữa hai hàng phòng với hàng đèn chạy dài đột nhiên mờ nhạt. Chỉ còn mặt chiếc đồng hồ treo trên đầu người cảnh sát đang ngồi là rõ nét. Ngay cả tiếng ồn ào phát ra từ những căn phòng cũng chìm lắng. Tưởng như chỉ có nhịp đồng hồ vang động. Tôi đã chờ. Sau ba năm tại đây.

John quay lại phía giường tôi. Miệng hắn đang nhồm nhoàm thức ăn. Một vệt sốt cà chua vương trên mép phải. Mầu đỏ nổi bật trên nước da trắng ngoét.

—Mày không ăn?

—Không.

—Tại sao?

—Không thích.

—Bịnh?

—Không.

John nhún vai. Quay lại và tiếp tục với phần ăn bỏ dở. Tấm lưng to tròn như đè nặng lên lớp mỡ bụng tạo thành nếp vòng cung căng cứng

lần vải áo. Cái đầu cúi xuống lõa xõa những sợi tóc vàng hoe trên gáy. *Một cái đầu ngu độn với đống hamburger, hot dog. Đã có lần John nói với tôi khi bàn tay mập ú dập dập lên cái trán thấp. Tôi cười an ủi hắn. Mày là thằng tù hồn nhiên. Hắn nhún vai theo thói quen. Vậy sao? Nhưng tao đã giết người. Tôi cười lớn hơn. Bởi thế mày mới là thằng tù hồn nhiên. Hắn nhìn tôi một lúc. Tao không hiểu. Lại nhún vai. Mày có vẻ hồn nhiên hơn tao. Và cười.*

Cái đầu ngu độn đó đang cúi xuống đĩa thịt. Sự thích thú hiện rõ trên từng tiếng nhóp nhép. John ăn thật chậm rãi. Bên ngoài dãy song chiếc xe đẩy phần ăn cho đám tù chung thân đã quay lại. Hai người cảnh sát nhìn vào. Ánh mắt khó chịu rõ ràng. John thản nhiên bẻ từng mẩu bánh mì nhỏ. Chân phải chợt rung lên. Bàn chân nhịp đều dặn. Hai người cảnh sát nhìn nhau, rồi một bỏ đi về phía thang máy. Người cảnh sát còn lại dựa vào chiếc xe đẩy. Bàn tay quay quay chùm chìa khóa. Những tiếng leng keng vang lên. Âm thanh sắc đục. Tôi nhắm mắt, kéo tấm chăn phủ kín mặt. Âm thanh nhỏ hẳn nhưng sự khó chịu lại gia tăng. Tôi muốn im lặng. Đừng có một tiếng động nào cả. Tất cả hãy trống không. Cái trống không cần thiết của không gian để trở thành thiêng liêng trước giờ giao thừa. Giờ này hẳn mẹ tôi đang khấn vái trong sân nhà, giữa tiếng pháo. *Mẹ vẫn khỏe. Em vừa nhận được thiếp hồi báo của mẹ. Diễm vừa nói vừa giơ tấm thiếp hồi báo của một hãng hàng không. Dù khoảng cách giữa chúng tôi thật rộng, không thể đọc được nhưng tôi vẫn hình dung từng nét chữ cong queo, xiêu vẹo của mẹ tôi. Người cảnh sát đến cạnh Diễm. Hắn hắn hỏi về tấm thiếp, lúc đôi mắt ngắm nghía. Rồi gật đầu bỏ đi sau khi Diễm nói một câu gì đó. Diễm quay về với tôi bằng một nụ cười. Nàng nói đủ thứ chuyện. Tôi nghe nhiều hơn. Vậy mà vẫn thiếu. Mãi lúc hết giờ nàng mới bảo tôi. Mốt là Tết ta đó anh. Và mắt đỏ hoe nàng theo người cảnh sát ra cửa.*

cuối năm

nguyễn ý thuần

Bây giờ đang giao thừa ở Việt nam. Ý niệm về thời gian làm tôi khó chịu. 12 giờ trưa giữa một nhà tù. Giao thừa giữa tiếng leng keng của chùm chìa khóa trên tay người cảnh sát. Tôi làm gì bây giờ? Phải làm một việc gì đó. Nhưng làm gì? Tôi muốn bật dậy, hất tấm chăn sang bên cạnh. Ra bàn ngồi với John, nhìn cái trán dần độn của hắn để thấy mình là thằng sát nhân. Cặp mắt hắn sẽ nhíu lại, ánh xanh biếc sẽ lờ đờ. Hắn vẫn tránh tia mắt tôi mỗi khi nói chuyện... Hay thọc tay vào túi quần, đi đi, lại lại trong phòng. Mười tám bước đến gặp bức tường. Mười tám

bước lui dụng chấn song. Lại gầm gừ bài thơ của Thế lữ, khi John co mình một góc nhìn tôi chăm chú... Hay chạy ào đến bồn cầu, vốc nước tạt vào mặt, cho da bớt nóng, mặt bớt căng những ý nghĩ về thời gian... Nhưng tôi vẫn nằm yên. Tấm chăn vẫn phủ trên mặt. Tiếng leng keng đã dứt. Có tiếng tra ổ khóa. Chắc John đã ăn xong và đang ngồi kéo từng hơi thuốc như mọi buổi trưa. Tôi ngửi phảng phất mùi thuốc trong hơi thở.

—Mày cho tao điếu thuốc.

Tôi kéo tấm chăn xuống. John đứng trước mặt tôi. Khuôn mặt ngây ngây vẻ ngu dại và bối rối.

—Tao xin lỗi. Cho tao điếu thuốc, tao đã hết.

Tôi đưa hắn gói thuốc. Hắn rút một điếu, trả lại tôi gói thuốc, buông thõng giọng.

—Cám ơn.

Và bước về chiếc ghế với những hành động *như mọi hôm*. Co hai chân trên ghế và bật lửa. Mùi khói phảng phất trong hơi thở tôi. *Hắn mới bắt đầu hút*. Vậy mùi thuốc tôi ngửi khi trùm chăn chỉ là mùi thuốc *cảm thấy*, theo sau những động tác tưởng như đã làm của John hàng ngày.

3 giờ 17 phút.

Người cảnh sát lầm lũi bước trước, kế đến là John, tôi đi sau cùng. Hành lang kéo dài với hàng đèn trắng đục đột nhiên ồn ào những bước chân. Các cánh cửa được mở, những người tù chung thân đã đến giờ phơi nắng. Ba người chúng tôi đi thành nhóm dọc. Một vài tiếng chào vang lên. Rồi im lặng. Những diễn biến rập khuôn thành quen thuộc. Hết dãy hành lang. Qua một cầu thang. Lại một hành lang kín bưng là đến những song chắn. Và không gian của nắng bên ngoài.

Đó là khoảng sân vuông vức, bốn chung quanh là lưng của dãy nhà tù quây lại. Những bức tường kín mít. Không một ô cửa sổ. Thứ tường câm như không khí. Chúng tôi bước vào. Đám tù chia thành từng nhóm ba người, ngồi rải rác. Người cảnh sát dẫn chúng tôi đến góc cũ —cái góc tôi và John đã ngồi phơi nắng từ ngày vào đây —John gật đầu, sự khoái trá hiện lên gương mặt dần độn. Tôi im lặng ngồi xuống, xoãi hai chân và bàn tay trái xòe ra. Ánh nắng ôm choàng lấy thân thể. Hơi nóng thấm vào mông âm ấm. Tôi rùng mình xoa hai tay vào nhau. Lại xòe bàn tay trái, màu vàng óng của nắng chiều làm bàn tay đổi sắc. Tù lòng bàn tay, cảm giác khoái lạc lan rộng. Thứ khoái cảm dịu dàng của sự thụ hưởng nhỏ nhoi được cơ thể bỏ ngỏ, đón nhận. Những sớ thịt co giãn đón nắng. Tôi nhuộm vàng trong cảm giác. *Diễm cười. Anh có biết mỗi lần sắp Tết, Nha trang có gì lạ không? Không khí bao quanh. Diễm lắc đầu. Không phải, đó*

là nắng quái của những chiều cuối năm. Nắng quái? Vâng ! Những chiều cuối năm , đi học về ngang đường Nhà thờ, nắng bám vào áo em, tóc em, cả người em mầu vàng óng. Em như được nhuộm nắng. Tôi lắc đầu. Anh không hiểu nổi. Diễm mỉm cười. Sẽ có lúc anh gặp anh được nhuộm trong nắng. Nhưng chắc chẳng bao giờ đâu, ở xứ này... Tôi mở lớn mắt. Sắc vàng trên thân thể thật kỳ lạ. Như lời Diễm nói. Cũng là buổi chiều cuối năm. Cũng nắng quái. Nhưng không gian bị giam hãm bởi bốn bức tường trơn lùi. Nếu đây là khoảng trời mênh mang hẳn sẽ có những cảm xúc khác. Sẽ thế nào? Tôi cố tưởng tượng, nhưng vô ích. Bốn bức tường và những nhóm tù là hiện hữu. Thứ hiện hữu lợn cợn bẻ gãy ý nghĩ. Đập vào mắt. Hiển hiện trước mặt sự thật. Đây là một trại tù. Và nắng vẫn là những hạt nắng tù. Và tôi, những cảm nhận vẫn là những cảm nhận bị vo kín, ngăn hãm. Thực thể tàn nhẫn, ngột ngạt làm tôi thèm khát nắng. Con nắng không bị vây kín bởi những hiện thể bao quanh. Phải là cơn nắng ào ạt, vỡ tung cả ý niệm thời gian.

John búng tàn thuốc vào vách tường. Điếu thuốc bật ngược, rơi xuống cái rãnh nhỏ, chút khói vương trong nắng. Quyện sắc xanh lung linh, uốn éo những hình thể dài ngoẳng, vô nghĩa. Tỏa dần và tắt ngấm. Hắn ngồi xuống cạnh tôi. Hai cánh tay xồm xoàm đám lông vàng chóe. Nắng không nhuộm trên thân thể hắn. Hắn *không được* nhuộm trong nắng. Cảm xúc giữa chúng tôi vẫn cách biệt. Hai thực thể trong một không gian vây kín. Trong một màu nắng, trong một không khí nhưng không là nhau. Tôi, nắng, không gian là một chiều cuối năm. John, nắng, không gian là giờ ra sân phơi nắng. Cái nhận được từ cái đầu đần độn đó là gì? Sự co giãn của thân thể dưới ánh nắng? Sự khoái lạc của những bắp thịt được thả trôi trong không khí —thứ không khí tự do tạm cho những thằng tù —giản dị và dễ dàng chấp nhận để những căng thẳng chùng xuống từ mớ thần kinh bị nén lại. Giản dị và dễ dàng sao tôi không có. Sao lại là cuối năm, là mẹ, là Diễm, là nắng quái? Cái nhận được quá nhiều cho buổi chiều. Trong tôi.

—Mày có vẻ buồn.

—Không có gì. Tôi im lặng. John vỗ trán. Bàn tay với những ngón to, thô kệch bám trên vầng trán thấp như những con đỉa trắng nhợ. *Mày có bàn tay sát nhân. John gật đầu. Tao đã giết mẹ tao. Hắn trả lời thản nhiên, ánh mắt rơi xuống bàn tay tôi đang cầm miếng bánh mì. Bàn tay mày đẹp, như tay đàn bà. Hắn gật gù cái đầu, mớ tóc vàng dợn nhịp cao thấp. Không phải. Bàn tay mày có những ngón thon nhỏ. Một bàn tay nghệ sĩ, sao mày lại giết người. Tôi nhìn vào đôi mắt hắn. Cặp đồng tử xanh biếc có tia sáng như mắt mèo. Tại sao mày giết người? Chưa bao giờ mày kể cho tao nghe cả. Tôi vẫn không trả lời. John nhún vai. Mày không thích nhắc đến? Tao không thích kể.*

Vậy thôi. Tôi co những ngón tay lại. Những sợi gân xanh nổi lên. Trông héo úa và rờn rợn. Bất giác tôi lợm giọng khi nghĩ đến những ngón tay đỏ ối bấu vào cổ họng gã đàn ông bụng phệ.

—Tao nhớ rồi. Chúc mừng năm mới.

John vỗ vai tôi cười cười.

—Hôm nay là năm mới của mày. Chúc mừng năm mới.

—Cám ơn.

Tôi buông thõng hai tiếng và bực bội với chính mình. Hai hôm trước, sau khi Diễm về tôi đã nhắc đến hôm nay, nhắc đến Tết Việt nam với John. Bây giờ lại nhận được lời chúc của thằng bạn tù dần độn. Vẻ hồn nhiên và vui vẻ của hắn làm tôi khó chịu. Bàn tay với những ngón thô kệch vẫn đặt lên vai tôi. Sức nặng truyền sang. Tôi nhìn xuống tay mình. Màu vàng của nắng đã không còn trên da.

9 giờ 31 phút.

Hồi chuông báo giờ ngủ vừa dứt. Âm thanh như còn trong bọng tai. Tiếng u u vướng vít đâu đó. Tôi úp mặt xuống gối. Hai tay ôm choàng lấy ót. Lồng ngực áp sát nệm. Sự đè nén thành dễ chịu, khi sợi chỉ âm thanh bị cảm giác đánh dạt. Bắt đầu một đêm trong nhà tù, như mọi đêm. Hắn John bắt đầu giấc ngủ. Tôi nghe thấy tiếng thở của hắn. Căn phòng im ắng đến ghê rợn. Khẽ ngẩng đầu khỏi mặt gối tôi từ từ mở mắt. Ánh sáng mờ nhạt của ngọn đèn trắng bệch hắt vào tường. Mặt tường ngả mầu xám trắng, bệnh hoạn. Sự yên lặng chung quanh chợt thành mênh mông. Bây giờ tôi thèm nói chuyện. Bất cứ ai. Bất cứ chuyện gì. Tôi tiếc nuối thời gian vừa rồi. Suốt buổi chiều và buổi tối tôi không nói chuyện với John. Chẳng có gì phải nói đêm nay. Tôi nghĩ thế. Nhưng lúc này, với sắc trắng bệch của khoảng tường sự trống vắng như lớn hơn. Có tiếng trở mình của John. Hơi thở đều đặn bị ngắt quãng. Tiếng động sột soạt nghe chừng lớn hơn. Tôi xoay người ra ngoài. Cuối dãy hành lang người cảnh sát đang ngồi. Chiếc đồng hồ trên đầu hắn vẫn chạy. Tôi *cảm thấy* kim đồng hồ đang nhích và tiếng tích tắc rõ ràng. Khoảng cách hơn 50 thước không còn là khoảng cách trong ý nghĩ. Nhưng ý niệm về thời gian vẫn còn. *Em vẫn đi làm đều đặn, bé Bình vẫn khỏe. Anh đừng lo gì cả. Ráng ăn ngủ cho đều chờ... Diễm bỏ lửng câu nói. Nét mặt bối rối. Tôi không dám nhìn vào mặt Diễm. Em quên anh đi... Diễm gượng cười ngắt lời tôi. Anh nói bậy quá. Tôi ngập ngừng. Anh... anh... như đã chết, suốt đời ở đây. Em còn trẻ. Diễm vẫn cười. Con bắt đầu nói được nhiều rồi anh ạ, lớn con lắm... Diễm nói nhanh về bé Bình. Tôi im lặng. Khoảng cách giữa hai chúng tôi là lối đi dài theo hai vách lưới khoảng hai thước bề rộng, nhưng xa cách. Lớp lưới đan chéo, khít khao không dủ thấy mặt nhau. Luôn luôn chỉ là những*

khuôn mặt bị cắt chéo...

Người cảnh sát đứng dậy, bắt đầu những bước chân. Nhịp giày trên nền xi măng nghe khô khan. Cái bóng hắn thun nhỏ dần khi đến gần ngọn đèn chính. Ngang mỗi phòng, nhịp chân chậm lại. Sự kiểm soát đến cả ngay trong giấc ngủ. Tôi nhắm mắt khi hắn nhìn qua chấn song phòng tôi. Nhịp chân lại vang lên. Tôi mở mắt, nhìn theo hắn. Mầu nâu nhạt của bộ đồng phục như hòa vào ánh sáng. Cái dáng lom khom khi đi chuyển của hắn đã thành quen thuộc. Ba năm của tôi và ba năm của hắn như nhau. Nhẵn những gương mặt bọn tù, như đã nhẵn thềm xi măng của lối đi. Hắn thản nhiên làm bổn phận. Nửa tiếng một vòng chừng bấy phút rồi lại trở về chiếc ghế dựa. Ngả lưng vào thành ghế chờ nửa tiếng sau. Đều đặn và buồn nản. Tội nghiệp cho hắn với 6 tiếng mỗi ngày. Không khí nhà tù cũng ôm lấy hắn. Như đã ôm tôi. Cái ngờ vực của tia mắt ném vào từng phòng đã thành mệt mỏi. *Tao thấy thằng cảnh sát đó khổ hơn bọn mình. John có lần nói trước giờ ngủ. Mày xem, tao đúng 9 giờ 30 là lên giường, kéo mền sát ngực và ngủ. Đâu phải lang thang như hắn. Hắn cũng là một thứ tù bị hành hạ phải bước đi mỗi nửa giờ. John búng tay và bật ngửa trên giường với nụ cười khoái trá. Bọn mình là tù vua, được giữ an ninh khi ngủ.* Lần đó tôi cũng đồng ý với John. Đêm nay ý nghĩ đó lại về. Nhưng đã thành ý nghĩ của tôi. Và hòa nhập giữa tôi và người cảnh sát. Đã thành một. Nhưng tôi còn Diễm, còn bé Bình và căn nhà nhỏ ở vùng Westminster. Hắn hai mẹ con Diễm đang sửa soạn đón giao thừa. *Em vẫn cúng giao thừa và đi lễ nửa đêm. Diễm nói thật tội nghiệp, má áp vào song cửa, cánh mũi lọt vào tâm của một ô song hình thoi. Bây giờ có chùa ở gần nhà lắm. Mẹ con em chẳng cần đi xe, cúng xong đi bộ đến chùa là vừa lễ... Tôi gật đầu. Em... em...* Tôi hình dung đến một căn apartment được sửa lại, chung quanh là những cây kiểng và dãy cờ Phật giáo. Trí nhớ hỗn độn với những hình ảnh chùa chiền ở Saigon pha lẫn vào hình ảnh một căn nhà ở Mỹ. Sự lạc lõng tại đây hắn có. Như mẹ con Diễm với đám đông hạnh phúc. Chẳng bao giờ còn tôi bên cạnh. Bản án chung thân là vết cắt. *Diễm rũ xuống như đã chết khi lời tuyên án vang lên. Tôi đứng yên trước vành móng ngựa. Đám đông lố nhố chung quanh như những cái bóng. Trước mắt tôi là Diễm và đứa con trong bụng. Chỉ còn thế.* Người cảnh sát đã trở lại ghế ngồi. Hắn và tôi không còn là một. Tôi đã trả hắn về với hắn. Bây giờ ý niệm tù đày lại ôm choàng lấy Diễm và bé Bình. Bản án chung thân không còn của tôi nữa. Tôi vẫn sống giữa không gian của một nhà tù. Tôi vẫn tự do sống trong phòng giam. Tôi vẫn là tôi của từng khoảng khắc thời gian vì hôm nay hay cuối đời tôi vẫn sống. Bản án đó đã dành cho Diễm. Đêm của Diễm là đêm trói buộc, khép kín giữa cuộc sống bỏ ngỏ. Tận cuối đời Diễm vẫn ngột ngạt, vẫn bị giam hãm bởi tôi vẫn có. *Anh chỉ*

Tiếng động từ quá khứ
VẠN GIÁ

Lời mật đắng rót vào hệ lụy
mở trong ta tâm thức đoạn trường
đoạn trăm năm giọng hờ chung thủy
ân huệ người là những tai ương.

Vẫn chưa cạn nỗi sầu đắng đặc
nặng đôi vai nghĩa núi tình sông
đời dâu biển tháng ngày trầm mặc
định mệnh oan khiên xiết một dòng.

Mảnh trời cũ khó khăn khuất lấp
Kiếp lưu vong mất dấu tuổi tên
Ngôn ngữ tận tình người bầm dập
Giọt máu hồng cũng ngại lãng quên

Đêm hiu quạnh buộc ràng nỗi nhớ
Bước chân xiêu đến chỗ tận cùng
Hồn vực sâu muộn phiền trăn trở
Thời gian qua trên tóc lạnh lùng.

được cái nói bậy. Diễm gượng cười. Diễm gượng cười. Diễm chỉ gượng cười. Tôi im lặng. Tôi chỉ biết im lặng. Ý nghĩ tôi trói buộc mọi người bằng sự tù hãm. Cái tự do của họ ngột ngạt trên bản án chung thân. John. Người cảnh sát. Diễm. Bé Bình. Tôi đang ôm choàng lấy họ đêm nay. Và tận hết đời.

12 giờ đêm.

Cây viết chì và một đầu nhọn là khởi đầu cho tự do. Tay đập mạnh vào đuôi viết, nơi có cục gôm mềm, tôi nhận được cảm giác buốt nhói khi thân viết xuyên qua tai. Một tiếng "bụp" vang lên trong đầu.

Ngày mai tất cả đều tự do. □

thế uyên

Tên thực Nguyễn Kim Dũng, sinh Hà Nội 1935. Học Chu Văn An Hà Nội và Sàigòn. Sau khi đỗ Tú Tài, dạy học tại Mỹ Tho, Bến Tre, học Đại học Sàigòn. Bị động viên lần thứ 1 năm 1962 trong khi dạy Văn tại Ban Mê Thuột. Sau khi tốt nghiệp Võ Khoa Thủ Đức ngành bộ binh, tình nguyện ra trận, làm trung đội trưởng rồi đại đội trưởng. Hết nhiệm kỳ 4 năm được giải ngũ, về dạy Văn tại trung học Võ Trường Toản Sàigòn. Về hành chánh, có lúc làm Phó Phòng Nghiên cứu Kế hoạch (Nha Thượng Vụ), Công cán Ủy viên (Bộ Thanh niên). Bị tái ngũ vì Tết Mậu Thân 1968, làm huấn luyện viên quân sự, rồi được biệt phái về trường cũ dạy học. Vì vẫn là trung úy bộ binh nên sau 30 tháng Tư, 1975 bị chính quyền Cộng sản đưa đi học tập cải tạo trong ba năm.

Sau khi được tha, đi học Sư Phạm Bồi Dưỡng TP HCM và dạy Văn trở lại. Sau ba niên học, xin từ chức, cùng gia đình đến Mỹ theo chương trình ODP năm 1987. Cắp sách đi học lại và tốt nghiệp Associate in Arts năm 1990, tốt nghiệp BA Khoa học Xã hội, 1992 tại The Evergreen State College, Olympia, WA. Sau khi được grant đi sưu khảo văn học Nam Kỳ tại Việt Nam, dạy Việt văn tại University of Washington, Seattle, làm Cố vấn cho EF International Language Schools (USA & Vietnam).

Tác phẩm đã xuất bản

1. Sáng tác:

- *Những hạt cát* (truyện ngắn, tác phẩm đầu tiên 1962, Thời Mới xb và tb 2, 3 Xuân Thu tb, USA)
- *Mưa trong sương* (kịch, do Thời Mới xb)
- *Ngoài đêm* (truyện ngắn, Nguyễn Đình Vượng xb 1965, Khai trí tb 1969, Xuân Thu tb USA)
- *Nỗi chết không rời* (truyện ngắn viết chung với anh là Duy Lam, Nguyễn Đình Vượng xb 1966, Văn Uyển tb),
- *Mưa trong sương* (truyện, Nguyễn Đình Vượng xb 1971, Văn Uyển tb 1966),
- *Bản Tình Ca* (truyện ngắn, Thái Độ xb 1968),
- *Căn nhà của mẹ* (truyện ngắn, Trí Đăng xb 1971),
- *Những người đã qua* (ký, Văn Uyển xb 1968),
- *Mười ngày phép của một người lính* (đoản văn, Nam Sơn xb 1965, Khai Trí tb 1971),
- *Những ý nghĩ của bọt biển* (đoản văn, Nam Sơn xb 1966),
- *Đoạn đường chiến binh* (đoản văn, Lá Bối xb 1971, Xuân Thu tb, USA).
- *Tiền đồn* (Truyện dài,Thời Mới xb 1967, Khai Trí tb 1971, Xuân Thu tb, USA).

2. Biên khảo:

- *Chiến tranh Cách mạng* (Khai Trí & Thái Độ xb 1968)
- *Nghĩ trong một xã hội tan rã* (Thái Độ xb 1967, tb 1969)
- *Tiểu Luận* (Thái Độ xb 1971)

3. Giáo khoa:

Bộ 4 cuốn *Quốc Văn* các lớp 6, 7, 8 và 9 (Thái Độ xb và tb 1972-74).

4. Dịch:

- *Tình dục*, 4 cuốn (Thái Độ xb 1969),
- *Về Miền Đất Hứa* (Leon Uris, Thanh Bình xb 1970, Xuân Thu tb, USA),
- *Kỹ thuật Tuyên truyền Chính trị* (J.M. Domenach, Thái Độ xb 1969),
- *Kỹ thuật Đảo chánh* (Cuzio Malaparte, Thái Độ xb 1970, Xuân Thu tb, USA).

Tổng cộng 20 nhan đề sách xuất bản tại Sàigòn trước 30 tháng Tư, 1975. Đã in lại ở Hoa Kỳ: *Những hạt cát*, *Ngoài đêm* (ấn bản mới),

Đoạn đường chiến binh, Về miền đất hứa (dịch Leon Uris), *Tiền đồn*.

Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, đã xuất bản 6 cuốn mới, đều do Xuân Thu xb: *Sàigòn sau 12 năm* (1989), *Con đường qua mùa đông* (1989), *Nghĩ trong mùa xuân* (1992), *Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên* (1992), *Tuyển tập dâm tình các nhà văn nữ Hoa Kỳ* (dịch, 1993), *Khu vườn mùa mưa* (1993).

Những sách đã viết chưa xuất bản:

Trước 75: *Trận Điện Biên Phủ*, dịch Jules Roy, *Quốc văn* lớp 12; tại hải ngoại: *Những người Mỹ chung quanh chúng ta, Phác thảo mùa hè, Truyện ngắn Thế Uyên*.

Văn học: Sống trong một hoàn cảnh mà thì giờ vốn hiếm hoi văn chương chữ nghĩa vốn là hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh chị tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?

Câu hỏi của Văn Học làm tôi phân vân. Có vẻ như muốn người trả lời chấp nhận một số tiền đề nào đó. Thí dụ: Hình như người đặt câu hỏi cho rằng chỉ khi đã định cư tại hải ngoại, thì giờ rảnh để viết văn mới trở thành hiếm hoi, còn ở Việt Nam trước 1975 thì nhà văn có nhiều thời gian để viết hơn? Không biết các bạn văn cùng lứa khác ra sao, riêng phần tôi trước 1975 đã có những thời kỳ bận lắm lắm. Trong thời gian ở các đơn vị xa, tôi phải cố gắng lắm mới kiếm ra thời gian để viết, và hoàn cảnh viết thì tệ hại: hai chân đặt trên đất bùn lầy, kê giấy lên gỗ mà viết trong dồn. Ngay khi đã được trở về Sàigòn, thì vừa dạy học, vừa lo báo chí xuất bản, tôi làm việc 12 giờ một ngày là thường, đôi khi hơn nữa. Chưa kể thời gian để dẫn vợ đi xi nê, đi các quán Đa La, Hầm Gió uống cà phê uống bia nghe nhạc hay ghé Queen Bee, Đêm Màu Hồng, Tự Do... Vậy mà vẫn kiếm ra thì giờ để viết, dù rằng phải hy sinh nhiều giao tiếp xã hội với bằng hữu. Bởi thế, theo ý tôi, viết được nhiều hay ít thì chủ yếu tùy ở thúc đẩy nội tâm: Anh có điều phải nói ra, có "truyện" cần phải đưa vào chữ và giấy mực không? Một khi đã có thúc đẩy nội tâm mạnh, thế nào anh cũng kiếm ra thì giờ để viết.

Dĩ nhiên hoàn cảnh khách quan cũng có tác động ghê gớm, thí dụ như trong 12 năm sống ở Việt Nam sau 1975, vì ý thức rõ cầm bút lên là Công an canh chừng liền, và khám nhà thấy bản thảo trong ngăn kéo, cũng có thể bị hốt đi cải tạo, tôi đành nghỉ viết, dù thời giờ dư ra thì nhiều, rất nhiều. Sau khi định cư ở Hoa Kỳ cuối năm 87, hoàn cảnh tương đối tự do (chỉ có 100% tự do nếu anh viết bằng Anh

hay Pháp văn), nhiều báo chí sẵn sàng đăng và có nhà xuất bản Xuân Thu sẵn sàng in, đã khiến khích tôi viết khá chăm (mặc dù cuộc sống riêng trong những năm đầu cũng bận tối tăm mặt mũi như mọi người). Kể lể dài lời như vậy cốt chỉ để góp ý đại khái như sau: Một nhà văn hải ngoại có nhiều thì giờ để viết hay không, là tùy hoàn cảnh riêng của mọi người. Không nên cho rằng sinh sống ở Mỹ, Canada hay Pháp thì đương nhiên là ít thì giờ viết hơn ở Việt Nam.

Nói về thúc đẩy nội tâm, còn có thể tạm gọi là "nhu cầu phải nói lên, viết ra một cái gì đó", cũng phức tạp lắm. Thí dụ như cá nhân tôi gần đây, sau một chuyến công tác giáo dục dài ngày ở Việt Nam, trở về Mỹ, tôi thật nhàn. Ba tháng vừa qua, toàn thời gian thuộc về tôi sử dụng, vậy mà chỉ lúi húi dọn vườn bỏ hoang suốt thu đông, trồng hoa mới, coi sách báo và phim ảnh, lang thang phố phường, đi dự những Hội Hoa của địa phương. Có lẽ tại những ngày tháng sinh sống và làm việc tại Việt Nam ấy đã làm tôi thấy nhiều điều trước kia mình thấy là quan trọng, nay bỗng dưng trở thành tương đối, nhẹ nhàng hơn. Kể cả văn chương chữ nghĩa lẫn lý tưởng. Có lẽ cũng tại tuổi tác đã cao hơn chăng, thích trở về với cõi nhàn của Đông phương, thân thiết với cỏ cây hoa lá, những vẻ đẹp của thiên nhiên cũng như phụ nữ... Cũng có lẽ tôi đã sử dụng mất khá nhiều năng lực nội tại ở Việt Nam, nay cần một thời gian xả hơi và luyện công trở lại, trước khi viết văn. Và chắc chắn là sẽ viết tiếp thôi, như một sáo ngữ cổ xưa: Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ...

Cũng trong câu hỏi Văn Học đã đặt ra tiềm tàng một tiền đề nữa: "Văn chương chữ nghĩa vốn là món hàng xa xỉ." Chữ "vốn là" hơi nặng: phải chăng các anh cho văn chương là một xa xỉ phẩm mà chỉ những người giàu có và dư thời gian mới sử dụng thôi sao? Về sự kiện chỉ người giàu và nhàn mới đọc văn chương, tôi e rằng không đúng sự thật đâu. Đa số độc giả trong bất cứ thời gian không gian nào cũng vậy, thường là những người không giàu và cũng không nhàn. Và văn chương lúc nào cũng là một nhu cầu của con người cả, dù là nhu cầu này không thuộc loại căn bản sống còn như ăn ngủ đ. và i. Không biết các anh nghĩ sao, phần tôi thấy đời sống các con người tiền sử thật gay go để sống còn, vậy mà họ vẫn kiếm thì giờ làm văn học nghệ thuật. Chưa có tiếng nói để làm văn học truyền khẩu, chưa có chữ viết để làm văn học thành văn, thì họ vẽ um xùm trên các vách đá hang động, để chính bản thân, rồi những người trong bộ lạc thưởng ngoạn.

Bàn luận như vậy cho vui thôi vì ban biên tập Văn Học đều là thân hữu của tôi, nên tôi hiểu ý chính của các bạn khi đặt câu hỏi trên

là như sau: Người Việt hải ngoại từ mấy năm nay ít chịu mua sách, các nhà xuất bản phải giảm hoạt động xuống mức tối thiểu, vậy "tại sao anh/chị còn tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương"?

Xin trở lại với cái ông nghệ sĩ thời tiền sử. Anh ta chưa biết nói và nếu có chỉ ú ớ vài chữ. Đã có một cái gì đó thúc đẩy anh tần mần kiếm đất màu than củi chi đó vẽ lên vách đá những gì anh đang cảm thấy, bị ám ảnh, đang ước mơ, sợ hãi hay thèm muốn: thường thì là cầm thú, đàn bà hay một vài sinh hoạt thường nhật. Dĩ nhiên không có ai ra lệnh cho anh phải vẽ và tác phẩm của anh chỉ có một và dĩ nhiên không thể bán được. Vậy anh vẫn cứ vẽ hơi nhiều, rồi còn nặn tượng, điêu khắc nữa. Như vậy nhà nghệ sĩ văn thi sĩ có trước, sáng tác vì mình trước đã, rồi độc giả mới tới sau.

Nói như thế không phải khẳng định người sáng tác không cần đến độc giả. Ngược lại, rất cần là đằng khác vì tự nơi người sáng tác có một nhu cầu căn bản khác nữa: nhu cầu truyền thông với đồng loại. Tôi vẽ tôi nặn tượng tôi làm thơ văn để thỏa mãn bản thân tôi trước đã, nhưng tôi cần truyền một thông điệp của tôi tới người đồng loại. Tôi cần khán giả thính giả độc giả cho nhu cầu thông giao giữa người và người.

Nhưng cần đến mức độ nào và bao nhiêu thì đủ cho nhu cầu của tôi? Vấn đề này hết sức là tương đối. Ông nghệ nhân tiền sử khoác áo lông thú chắc có không quá vài chục người trong bộ lạc chịu chui vào khe đá ngửng đầu thưởng thức các bức vẽ. Bấy nhiêu đủ nghệ nhân vui lắm rồi (còn 10,000 năm sau có đông đúc lớp hậu sinh chúng ta lặn lội chui vào hang hay thưởng thức qua hình chụp trên các sách báo, thì điều đó nằm ngoài tầm ý thức của nghệ nhân thời tiền sử ấy). Thời trung cổ ở Việt Nam giấy đắt, in bằng bản khắc gỗ phí tổn rất cao, người sáng tác trông cậy vào việc truyền khẩu và chép tay là chính. Như vậy đâu có bao nhiêu độc giả, và điều đó không hề cản trở sức sáng tạo của nhà văn thơ. Những bài hát nói nổi danh trong văn học cận đại Việt Nam của những Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, những bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương... trong lúc sinh thời của các tác giả này, phổ biến bằng truyền khẩu và các bản chép tay là chính.

Tôi không hiểu Nguyễn Du khi còn sống có được trông thấy bản in khắc gỗ tác phẩm *Đoạn Trường Tân Thanh* của mình hay không, và nếu có, thì "nhà xuất bản" in bao nhiêu bản, có đề giá bán không? (Xin độc giả nào có tài liệu gì về vấn đề này, xin chịu khó viết ra và gửi cho Văn Học phổ biến). Nhưng kỹ thuật in gỗ thô sơ, giấy thì đắt,

hẳn số ấn bản không quá vài ba trăm. Và dù thế, ở vị trí Nguyễn Du thời đó, hẳn cụ hài lòng lắm rồi, nếu quả thực cụ còn sống khi bản gỗ ra đời.

Vì số lượng độc giả và người thưởng ngoạn rất là tương đối như thế đối với người sáng tác, nên tôi nghĩ rằng không có gì khó hiểu khi tình trạng xuất bản ở hải ngoại có xuống dốc thê thảm, người sáng tác vẫn cứ sáng tác như thường. Những cuốn đầu tiên tôi viết ở hải ngoại in 1500 bản, đến truyện dài *Khu vườn mùa mưa* năm rồi tụt xuống còn 1,000. Cuốn kế tiếp dám xuống còn 500 hay 700. Và ngay cho dù không còn nhà xuất bản nào dám in sách, thì tôi vẫn còn giải pháp nhờ các con, dùng hệ thống computer / printer văn phòng ở nhà, in ra chừng 100 bản gửi tặng bạn bè năm châu bốn biển. Bạn bè đọc xong gửi thư, điện thoại tán đồng điều này, chê điều kia, bấy nhiêu chắc cũng đủ thỏa mãn nhu cầu thông giao với đồng loại của tôi lúc ấy. Hơn nữa, xin hỏi thật nhau, có ai tin rằng một vài năm nữa toàn thể báo chí Việt Nam hải ngoại, kể cả báo chợ, sẽ đình bản hết vì bán không ai mua cho không ai lấy hay không? Vậy còn báo chí, còn có chỗ đăng bài, thì dễ còn hứng thú để viết.

Nhìn vấn đề với con mắt bi quan thì mọi sự có thể là như vậy. Còn trên thực tế, có một cánh cửa mới đang mở ra. Đó là độc giả quốc nội. Cộng đồng hải ngoại ồn ào náo nhiệt, vậy mà dân số chỉ khoảng 2 triệu người, trong đó còn phải trừ đi lớp trẻ nhất thường không đọc nổi tiếng Việt nữa. Cộng đồng Việt Nam nội địa, lúc viết những dòng này, đông tới 73 triệu. Và cộng đồng này, ngày nao chính quyền nội địa chấm dứt chính sách bế quan tỏa cảng về văn hóa, chấm dứt chính sách kỳ thị văn chương hải ngoại, sẽ sẵn sàng đón mua và đọc những tác phẩm hải ngoại. Ở Trung Quốc, khi chính quyền cho phép văn chương Đài Loan, Hồng Kong được phổ biến và in lại trong nội địa, thì văn chương hải ngoại lấn át rõ rệt văn chương nội địa. Nghĩ tới độc giả tương lai nội địa không phải là một giấc mơ dâu vì đó chỉ còn là vấn đề thời gian. Hiện nay giới nhạc sĩ ca sĩ hải ngoại đã có một số lượng khán thính giả đông đảo ở nội địa rồi, qua các tape nhạc nhập cảnh. Về chữ nghĩa thì mới lác đác có một vài cuốn được phép in lại ở Việt Nam. Trong tương lai, thí dụ sang thế kỷ 21, tình hình có thể biến đổi hơn nữa và tới lúc đó chẳng có lý do gì nhà văn hải ngoại bây giờ, trong đó có tôi, không mơ tới ấn bản nội địa của những gì mình đã viết ra.

Đó là mới chỉ bàn tới cõi chữ nghĩa tiếng Việt. Còn cộng đồng thế giới lớn rộng trên hành tinh Trái Đất nữa chứ. Gần đây một số tác

phẩm của những Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương của nội địa đã có những ấn bản Anh ngữ, Pháp ngữ, dù số lượng in chưa nhiều. Một số thơ truyện của nhà văn thơ hải ngoại đã được dịch sang Anh ngữ và đang tải trên các tạp chí nghiên cứu văn học văn minh Việt Nam của các Trung tâm Văn hóa, các Đại Học Mỹ, Canada, Úc... Ở California tạp chí *Thế Kỷ 21* trong phần Anh ngữ thường hay có một đoản văn hay truyện ngắn. Phần tôi đang nghĩ đang mơ tới việc đưa những *Tiền Đồn, Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên, Khu vườn mùa mưa* vào cõi chữ nghĩa Anh, Pháp, bởi vì chỉ được in dưới hai ngôn ngữ này, văn chương mình mới hy vọng tới được các cộng đồng dân tộc khác nhau trên thế giới.

Đọc đến đây có thể một số độc giả sẽ cười tôi là mơ gì mà mơ dữ vậy, nhưng tại Văn Học hỏi "điều gì đã thúc đẩy tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương", thì tôi thành thật nói ra. Vậy thôi?

Viết về cái gì?

Với tôi, cái gì trong cuộc đời cũng có thể là đề tài được hết. Trong văn chương thực ra không có cái gì được gọi là đề tài lớn đề tài nhỏ đề tài thanh cao đề tài dâm ô đề tài chính nghĩa đề tài phản động... Vấn đề là làm sao mình đủ khả năng diễn đạt chúng thành văn chương mà thôi.

Viết văn đã 35 năm, tôi chưa bao giờ biết "bí" đề tài là vì thế. Hơn nữa, đối với riêng tôi, viết văn là một cách thế sống, hiện diện ở đời của tôi. Là MỘT chứ không phải là TẤT CẢ. Chỉ những người thật thân cận mới biết tôi không có một thái độ quá trang trọng đối với văn chương của chính mình. Tôi viết trước hết vì thích viết, như thích trồng hoa, ngắm cảnh đẹp và đàn bà đẹp, thích ăn ngon và làm tình tới nơi tới chốn. Bởi thế văn nghiệp của tôi thật tạp đa, tạp lục. Trong mọi hoàn cảnh sống nhất định, những gì tác động đến tôi thường gây phản ứng và tôi viết về những gì trong hoàn cảnh ấy. Khi chưa đi lính thì tôi viết những truyện tình lãng mạn với một chút erotic. Khi đã ngập đầu trong chiến tranh, thì tôi viết những *Mười ngày phép của một người lính, Nỗi chết không rời, Tiền Đồn*, khi lao vào lý tưởng mơ làm một cuộc cách mạng không Cộng sản cho miền Nam, tôi viết *Nghĩ trong một xã hội tan rã, Chiến tranh Cách mạng, Đoạn đường chiến binh*. Khi đã định cư ở Hoa Kỳ, đa số bài tôi viết đã lấy đề tài và chất liệu từ chính hoàn cảnh hai nước Bắc Mỹ, vắt chéo về nội địa Việt Nam.

Tiện đây tôi cũng xin được bàn thêm một điểm về vấn đề nhà văn sáng tác và nhà trí thức. Có những nhà văn thơ chỉ sáng tác không mà thôi dù họ có là gì chăng nữa trong đời sống thường. Về văn xuôi, họ trở thành những tiểu thuyết gia, *romancier, novelist* và chỉ là vậy thôi. Có những nhà văn khác, vừa có khả năng sáng tác, vừa là trí thức có khả năng tư duy, thì họ tham gia đủ hai dòng sáng tác văn chương và biên khảo đủ loại. Khoan nói tới thế giới rộng lớn, riêng trong văn học Việt Nam hiện đại, những nhà văn kiểu này, trong đó có cả tôi, vẫn hiện hữu dù không nhiều. Gần gũi nhất thì có Võ Phiến, Đỗ Quí Toàn, Võ Đình... Những vị này, ngoài sáng tác, hay luận về triết học, bàn về các vấn đề văn học nghệ thuật, kinh tế... thì tôi, do lối sống mạnh mẽ trong nhiều địa hạt khác nhau, nên đã bàn và luận đủ mọi đề tài trên thế gian, từ tôn giáo tới chiến tranh, cách mạng, văn hóa văn minh và dĩ nhiên cả tình dục nữa. Sở dĩ tôi mở ngoặc chú giải như trên cốt để trả lời một số độc giả đã có lúc xếp tôi vào loại "chính trị gia" chỉ vì tôi thỉnh thoảng luận bàn hay đôi khi thử "lập thuyết" về chính trị. Nhưng Nguyễn Tuân viết về phở không làm nhà văn này biến thành ông chủ tiệm phở và luận về cà phê (tôi sắp viết về đề tài này) không làm tôi trở thành một nhà trồng tỉa cà phê hay bán cà phê, thì có viết lách bàn luận về chính trị cũng chăng làm tôi thành chính trị gia được. Bây giờ đang là mùa xuân ấm áp hoa lá tưng bừng bao quanh, tôi cũng đang dự trù viết đoản văn về những ca sĩ và những bản nhạc đã quyến rũ, đã làm ấm làm đẹp cuộc sống đã khá dài của tôi. Và dĩ nhiên có viết như thế, đâu có biến tôi thành nhạc sĩ hay ca sĩ...

Viết như thế nào?

Như mọi nhà văn khác, trong những năm đầu, tôi viết văn bằng bút và giấy sau khi một cốt truyện và một dàn ý cùng các nhân vật đã xuất hiện rõ nét trong đầu. Không có mục ngồi vào bàn viết rồi mới suy nghĩ xem mình viết cái gì. Truyện chưa hình thành xong trong đầu, thì chưa viết. Mặc dù vậy tôi viết khá chậm. Tôi vẫn phục lăn các nhà văn nào tuyên bố viết trong một đêm xong một truyện ngắn, trong hai tuần xong một truyện dài. Thường thường một truyện ngắn tôi phải viết làm nhiều buổi kéo dài trong hai ba tuần. Và truyện dài thì lâu thật là lâu, không tính theo tháng được. Không biết các nhà văn khác ra sao, phần tôi nhận thấy "khối năng lực sáng tạo" của tôi chỉ đủ xài khoảng 2 giờ là cạn. Như bình điện hết điện cần phải sạc lại. Phải đi làm một việc gì khác đã, ít nhất cũng ra hiên ra vườn, đọc

sách báo, vui với vợ với con đã, rồi mới bắt đầu một buổi làm việc khác, cũng kéo dài khoảng hai tiếng. Nhưng ít khi tôi có những ngày cứ viết hai tiếng nghỉ hai tiếng rồi viết tiếp. Viết văn đều đặn mỗi ngày đúng giờ đúng thời lượng như Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Mộng Giác... tôi thán phục, nhưng chỉ thỉnh thoảng lắm, trong một số thời kỳ nhất định, mới bắt chước được. Nói thật, tôi ham cuộc sống muôn màu muôn vẻ với tất cả những hoạt động đủ loại, đôi khi hơn là cả viết văn.

Năm vừa rồi đang viết dang dở một truyện dài, thật dài để cạnh tranh bất chính với bạn cố tri *Mùa Biển Động* Nguyễn Mộng Giác, thì một Viện Ngôn Ngữ và Đại học Quốc tế nhờ vợ chồng tôi đi Việt Nam làm việc một thời gian. Thế là tôi xếp truyện viết lại, cùng vợ đi giang hồ Việt Nam đã, từ Sàigòn tới Hà Nội, từ cuối hè sang thu đầu đông. Trường thiên tiểu thuyết nhan đề *Không một vòng hoa cho người chiến bại* hãy cứ để đó đã. Đợi mùa thu ướt lạnh mùa đông tuyết giá nhốt tôi trong nhà, lúc đó tính tiếp.

Mạn đàm xa đề chính quá rồi, xin trở lại vấn đề kỹ thuật viết một chút: Mặc dù cốt truyện cùng dàn ý đã có sẵn trong đầu, nhưng ít khi tôi kết luận được truyện như đã dự trù. Lý do là tại tôi tôn trọng sức sống và cá tính riêng của các nhân vật. Khi tạo ra nhân vật rồi thì đến một lúc nào đó, nhân vật nổi loạn, "chê" thứ diễn tiến hay kết luận mà tôi dự định sẵn. Rút cục truyện sẽ có một kết luận ngoài dự trù ban đầu của tác giả. Ngay truyện dài *Khu vườn mùa mưa* xuất bản năm vừa rồi cũng vậy: tôi đã soạn sẵn bốn cách kết luận khác nhau, để rồi truyện kết thúc bằng kiểu kết luận thứ... năm! Không bằng nhân vật Bích Uyên đầy quyến rũ nữ tính nguyên thủy, mà bằng một hòn đá tảng!

Khi viết, tôi thường chú trọng đến nhân vật, diễn tiến và bầu khí. Nhất là bầu khí chung của truyện. Còn chữ nghĩa sử dụng chỉ được coi là phương tiện để diễn đạt mà thôi. Trước 75 tôi phục Mai Thảo, Túy Hồng và gần đây Trần Vũ, Đỗ Kh. về cách thế sử dụng từ ngữ tiếng Việt, nhưng phần riêng thì vẫn viết giản dị. Cũng là một thứ *style* riêng. Khi còn trẻ có thời kỳ tôi cầu kỳ tìm kỹ thuật viết mới, nhưng càng cao tuổi tôi càng thiên về một bút pháp giản dị. Mấy đứa con lớn thường hay chọc đùa tôi: "Không biết bố viết văn có xài quá một ngàn chữ tiếng Việt không đấy!"

Khi bản thảo đã hoàn tất, với nhiều bôi xóa, tôi mới đánh máy lại vì chữ tôi đã nhỏ lại gầy nét, gây khó khăn cho thợ xếp chữ. Vào một lúc nào đó, một ông bạn già trọng văn tài tặng tôi một máy chữ mới

có dấu tiếng Việt và tôi đã dùng máy này để đánh bài cho tập chí Thái Độ in *ronéo* cuối thập niên 60 và dần dà đánh máy khá giỏi. Đến một ngày nào đó khám phá ra có thể viết văn thẳng bằng máy chữ được thì tôi rời bỏ cây bút – chỉ viết tay thư từ cho bạn bè và người thân thôi. Chính vì sử dụng máy chữ đã làm cho tôi có thói quen mới: óc phải hình thành câu văn xong mới đưa xuống mười đầu ngón, do đó ít phải bôi xóa. Chỉ trang nào sửa nhiều quá, hoặc có cả một đoạn dài không ưng ý, mới đánh lại trang đó.

Sau khi định cư ở Hoa Kỳ cuối 87, tôi cùng vợ con theo học Đại học địa phương, và bà vợ ghi lớp nào thì tôi ghi lớp đó, cứ cặp kè bánh đa bánh dúc nên rút cục tôi học luôn mấy lớp đánh máy và computer căn bản. Biết sự kiện này nhà xuất bản Xuân Thu gửi lên tặng một *computer* kèm theo VNI đầy đủ để tôi viết văn. Đến đây thì trục trặc xảy ra: mười đầu ngón tay của tôi có một trí nhớ riêng dai dẳng về *keyboard* Việt Nam xưa kia. Nếu tôi để thả lỏng cho thứ bộ nhớ này thì chúng phá hoại ngay bộ nhớ mới của tôi về *keyboard* tiếng Anh, rất cần thiết để tôi viết bài ở trường. Sau cùng tôi chọn giải pháp khá kỳ cục: khi ngồi vào *computer* viết văn tiếng Việt thì tôi vẫn sử dụng bộ nhớ về tiếng Anh và không bỏ dấu. Viết xong, in ra đàng hoàng, tôi mới bỏ dấu tay tiếng Việt. Tuy mất công một chút nhưng bù lại, khi bỏ dấu, tôi sửa lại bản thảo lần chót. Tôi mở ngoặc hơi dài về kỹ thuật để giải thích với các chủ biên rất nhiều tạp chí đã hợp tác, là tại sao trong nhà có đủ hệ thống *computer printer* và *fax*, tôi chẳng bao giờ gửi disket hoặc fax thẳng bài cho các tòa soạn.

Viết văn bằng máy chữ rồi *computer* như vậy đã quá lâu nên tôi hơi phân vân khi nhà văn Duy Lam, anh tôi, một hôm khuyên nên thử viết văn trở lại bằng bút giấy như anh, "dám văn chương sẽ khác đi lắm." Tôi đã không nghe anh vì nói thật, viết bằng *computer* thật tiện nghi, đỡ tốn sức rất nhiều. Nghĩ tới phải viết tay hết trang này trang khác, thấy ngại quá.

Từ khi dọn nhà tới Seattle, phòng ngủ của hai vợ chồng khá rộng, đủ chỗ kê toàn bộ hệ thống *computer* cũ xì của tôi vào phòng ngủ, ngay sát cửa sổ nhìn ra sân phía sau tận cùng bằng một vách đá tảng khá cao. Tôi xén cỏ, làm luống trồng hoa, trồng luôn hoa vào các khe đá. Từ bàn viết nhìn ra, cảnh thật u tĩnh và màu sắc – ở Việt Nam xưa kia, tôi chưa bao giờ dám mơ đến một khung cảnh viết như vậy. Nếu tôi bây giờ mà lười viết hay viết dở đi, thì tại những yếu tố khác, không thể đổ tại cuộc đời không ưu đãi mình.

Viết cho ai đọc?

Câu hỏi này đã gây tranh luận từ Đông sang Tây tự cổ tới kim quá nhiều rồi nên xin được đổi thành "những ai đã đọc?" để nói riêng về độc giả của tôi thôi. Ở những năm đầu còn viết văn về tình yêu nam nữ khá lãng mạn, độc giả của tôi là lớp trẻ thành thị. Vào thời kỳ này tôi thường nhận được nhiều thư và thăm viếng của các độc giả thuộc thành phần nữ sinh cấp ba. Giả thử cuộc Nội Chiến quốc cộng không xảy ra, chắc văn nghiệp tôi rất nhiều truyện tình và thành phần độc giả chắc vẫn như cũ. Nhưng tôi đã lao ngập đầu ngập cổ vào chiến tranh, và hậu quả là đã viết khác đi. Đã thế nơi tôi có đặc điểm là ham học và ham đọc, kiến thức cứ thế tích lũy, tâm thức mở rộng ra dần, hậu quả tôi không còn viết như những năm đầu tiên nữa. Bây giờ độc giả của tôi tuổi trung bình già hơn, nếu vẫn thuộc thành phần thành thị, thì cũng có trình độ văn hóa cao hơn. Giã từ các độc giả nữ tuổi ở mái tóc thề.

Cũng bởi thế tôi chưa bao giờ là nhà văn "ăn khách" cả. Trong thời kỳ một nhà văn như Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng... in lần đầu 5,000 bản thì sách tôi chỉ in trung bình 3,000 và phải vài năm sau mới tái bản. Ra hải ngoại, trong lúc sách Nguyễn Ngọc Ngạn in lần đầu 3,000 bản hay hơn thì tôi chỉ đạt tới 1,500 bản là đã bắt đầu nửa đường đi xuống rồi. Nói giản dị ở đâu thời nào văn tôi cũng có độc giả, nhưng không nhiều. Từ Khai Trí, Nguyễn Đình Vượng ở nội địa xưa kia đến Xuân Thu ở Hoa Kỳ hiện nay, đều hay cười cười nói đại ý "văn TU kén độc giả". Mấy ông bạn già làm xuất bản này có lý vì chính tôi cũng đã ý thức điều đó từ lúc trẻ. Và ngay lúc này cũng vậy thôi. Những người đọc tôi vẫn là một thiểu số thường chung nhau các đặc điểm như có trình độ văn hóa và nhân bản, thích văn học nghệ thuật và luận bàn về những vấn đề lớn của cộng đồng, dân tộc và đất nước – nhưng ưa vẻ đẹp xanh tươi mơn mởn của cây đời hơn là màu xám xịt của các lý thuyết. Và nhất là không đạo đức giả, không đóng những vai trò giả trá trong cuộc đời.

Nói giản dị, các độc giả của tôi như đã miêu tả trên thường không có nhiều. Nhưng họ còn là hơn một độc giả nữa: họ là những người bạn của tôi dù chỉ quen biết nhau qua chữ nghĩa mà thôi. Tính thích lang thang trên hành tinh này, đi đến bất cứ nơi nào có một cộng đồng Việt, dù nhỏ bé đến đâu, tôi cũng gặp những bạn-độc giả này nở nụ cười đón tiếp như thân hữu lâu năm. Theo tôi nghĩ, làm người đi đến đâu cũng có bằng hữu như thế, là phần thưởng có lẽ lớn nhất cho một nhà văn.

truyện già Cao

thế uyên

Tôi chỉ được biết già Cao khi được anh em trong B. bầu làm bếp viên trong ban "anh nuôi" của trại cải tạo K.2 nằm trong vùng rừng của chiến khu D. cũ.

Dĩ nhiên trước đó tôi cũng đã quen mặt già Cao vì ông làm bếp trưởng và là một bếp trưởng dễ tính với anh em. Đôi khi tôi có thò cái lon gô câu vào bếp nấu ké, hay lấy cái sẻng dài xúc đại một mớ than hồng ra ngoài nấu nướng riêng, già cũng mặc kệ. Chỉ nói: "Lẹ lên ông thầy. Không ăng ten nó báo cáo thì khổ cái thân già này!"

Đám cải tạo viên gồm thiếu úy trẻ và trung úy già trong khối này gọi ông là già Cao vì chẳng biết tuổi thật của ông bao nhiêu, nhưng bộ mặt lại nhăn nheo già trước tuổi. Bởi thế lớp thiếu úy trẻ khoái chọc ông, thỉnh thoảng lại giả vờ trịnh trọng hỏi: "Bác đã đến 60 chưa nhỉ?" để ông gồng người lên cãi, mắt lấp lánh đầy thật thà. Mặc dù ông xác nhận tới xác nhận lui là chưa tới 45, cái tên gọi "già Cao" vẫn dính chặt lấy ông, gỡ không ra. Tôi thuộc lớp chuyển trại đến sau, thì ai sao ta vậy, lớp cải tạo cũ đã gọi ông là già Cao thì cứ thế mà gọi theo. Mặc dù đôi khi thấy khá khôi hài vì ông đâu có cao gì.

Tôi được cử đi làm bếp trong một trường hợp không vinh quang gì. Sau sáu tháng đi rừng, sức khỏe tôi bết bát quá rồi. Nếu được ăn no thì không đến nỗi, đằng này ăn đói đã quá lâu. Trại này cho làm khoán công tác, ai đạt chỉ tiêu trước thì nghỉ trước. Bởi thế đi rừng lấy cây lấy cột, lớp trẻ 11 giờ sáng đã xong thì lớp yếu sức như tôi có khi hai ba giờ trưa mới lết được về đến trại. Và sau hai lần về trễ như thế mà lại về tay không vì mệt quá không đủ sức vác cây về, anh em trong đội bàn tính đưa tôi đi làm bếp cho rồi. Cứ để tôi trong toán đi rừng, họ cứ phải bù sức riêng ra giúp đỡ tôi hoài.

Vào buổi sáng thôi đi rừng để vào ban bếp, tôi quả thực không vui. Trước hết tại tôi thích đi rừng vì đó là những khoảng khắc tự do nhất của đời cải tạo. Vệ binh chỉ vác súng đưa bọn tôi đến một chỗ nào đó thôi rồi mặc kệ chúng tôi túa đi các ngả. Chẳng dễ dãi như thế cũng không được vì mỗi đứa thường có một công tác riêng. Kẻ đi cắt tranh phải ra trảng, người đi lấy cột thì vào rừng xa, người đi lấy sà nhà thì kiếm khu rừng thưa. Còn người nhận đi lấy mây thì lang thang tối đa, đi không biết bao nhiêu chỗ mới chặt rồi tuốt đủ số mây qui định. Có hôm tình cờ được đi cùng với một thiếu úy trẻ quen biết, anh bạn này nhận bao sân công tác của cả hai, làm tôi có thể được ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngắm ánh

sáng mặt trời buổi sáng đang tỏa xuống khu rừng thưa. Có lúc tôi thiếp ngủ, ngồi bất động đến độ khi mở mắt ra đã thấy mấy chú sóc chảy nhẩy ngay trước mặt. Đó là những lúc đi rừng. Khi về đến trại, trao cây cột, sà ngang hay mây tranh cho ban mộc xong là có quyền phóng đi tắm rửa rồi làm gì thì làm. Còn làm bếp thì phải kiêm luôn tiếp vận, bận linh tinh tối ngày.

Tôi còn một lý do nữa để không thích đi làm bếp. Đó là tự ái của một đàn ông. Từ nhỏ đến lớn lúc nào tôi cũng tự hào là có thể làm được bất cứ nghiệp vụ gì, công việc khó khăn hay nguy hiểm nào. Tôi không chọn binh nghiệp nhưng khi bị động viên tôi đã chọn bộ binh, và trong thời kỳ làm trung đội trưởng, đại đội phó rồi đại đội trưởng, tôi đánh nhau tá đả ngày đêm với kẻ địch. Đâu có nhiệm vụ lạnh cẳng rung chân nào mà tôi không làm được. Ở trại cũ, tôi thường tình nguyện đi lao động nặng để được ra khỏi trại ngắm trời ngắm đất ngắm mây. Có lần phải đi tháo vỉ sắt sân bay, khênh lặc lè té lên té xuống, trầy cả chân tay, tôi vẫn thú vị như thường. Ngay khi phải dọn kho đạn, truyền tay nhau những trái dạn súng cối, lựu đạn đã rỉ sét, các chốt an toàn coi bộ không còn bảo đảm, tôi vẫn tỉnh như không. Vậy mà mới đến năm thứ hai của cuộc đời cải tạo, tôi đã bị loại ra khỏi thành phần khỏe mạnh bình thường. Bị thiên hạ xếp vào loại già yếu, tôi cảm thấy buồn. Sao chưa chi mình đã già rồi...

Già Cao đón tiếp tôi vào ban bếp với một thái độ thiện cảm tối đa. Tôi thuộc thành phần nhiều chữ nghĩa trong đầu trong khi già Cao lại giản dị và ít học. Ông thuộc thành phần nông dân của miền Bùi Chu Phát Diệm di cư vô Nam, học lực cỡ Tú Tài rồi đi làm công chức khiêm tốn trong một quận hành chánh của Sài Gòn. Ngoan đạo tối da, lấy vợ đẻ con êm đềm, giành giụm tiền xây được một ngôi nhà gạch nhỏ trong một xóm đạo của vùng ngoại biên. Cuộc đời ông hẳn cứ trôi qua trong khiêm tốn như thế cho tới ngày con cái đưa ông ra nằm yên nghỉ vĩnh viễn nơi đất thánh của họ đạo, nếu không có chiến tranh thấy ông lên vùng rừng xa lạ này.

Người xưa thường có nhận định rằng đôi khi những người trái ngược nhau lại dễ chơi với nhau. Tình bạn giữa tôi và già Cao có lẽ nằm trong trường hợp này. Toán bếp chia làm bốn phiên mỗi phiên hai người thì già Cao nhận tôi vào phiên của ông. Và ông vất vả liền vì tôi. Già Cao nấu bếp giỏi – nếu không giỏi chẳng ai chịu để ông làm bếp trưởng – nhưng tôi thì quả thật không biết gì về bếp núc. Tất cả khả năng nấu nướng của tôi tới lúc đó chỉ bao gồm thực đơn sau: biết đun nước sôi và biết chiên cơm. Bởi thế khi luộc rau kho cá, già Cao cũng phải chỉ cho tôi

là để rau chín tới độ nào là phải vớt, kho cá (thường là cá khô) đến mức nào là được. Quan trọng nhất là khi nấu chảo cơm cho khối thì già Cao phải có mặt để quyết định thêm lửa hay bớt, lúc nào thì đậy nắp chảo ủ cơm, rút củi để than. Rút cục tôi thành một thứ "thợ vịn" cho ông, nghĩa là tôi đi vo gạo, rửa rau, rửa cá và đẩy những cây củi rừng to bự vô bếp lò. Với thời gian, tôi có tiến bộ, nhưng cũng chỉ được tín nhiệm trong việc đun nước sôi cho anh em uống, luộc rau... là hết.

Ngoài việc bếp núc như thế, ban bếp phải lo truyện tiếp vận luôn. Ở các trại cải tạo này điều đó có nghĩa là lo lãnh đồ khênh đồ rất nhiều, không những cho cải tạo mà còn cho cả cán bộ. Mỗi sáng một phiên bốn người đi lãnh một bao gạo trên kho của tiểu đoàn, ráng cười tươi với bộ đội quản kho – về điểm này thì già Cao khéo lắm – để được phép lựa bao nào to nhất, nghĩa là ít bị hư hao so với số ký lý thuyết của mỗi bao. Khi những vật dụng linh tinh khác từ dưới đồng bằng gửi lên tới nơi, thì các ban bếp chia nhau lên bốc đồ, rồi khênh đồ về.

Tôi rất khoái những vụ đi lãnh đồ về cho trại, nhất là nếu đó là những thứ sẽ được phát cho cải tạo sau này như xà bông, thuốc rê thuốc lào, đường. Cứ hai người một đòn xóc một cần xé là đi thôi. Khi đến kho trung đoàn là nằm ngồi ngốn ngang đợi giờ lãnh, tha hồ gặp gỡ bạn bè, cũng ban bếp, của các trại khác. Vào những lúc đó tôi tin rằng cái đám nam nhân quần áo trận vá chằng dụp này ồn ào không thua bất cứ một buổi hội họp nào của các bà các cô. Đủ các truyện tào lao. Chưa kể, dăm thì mười họa thôi, toán khênh đồ cũng được hưởng một chút lộc. Thí dụ như lần đi khênh đường về, sau khi chia cho các đội xong, thì tôi và anh bạn trẻ cùng khênh được phép hưởng những đường chảy nước bám vào thùng đựng. Hai đứa chia nhau bóc những mảnh giấy có dính đường, đưa lên miệng liếm.

Cực nhất là phiên nấu cháo buổi sáng. Cứ ba ngày lại đến phiên phải dậy từ ba giờ sáng. Thường thường là già Cao phải mò đến đánh thức vì tôi ngủ say lắm. Tôi mắt nhắm mắt mở phóng xuống đất hút một điếu thuốc lào đầu tiên, phê đã đời rồi mới lò dò thắp ngọn đèo bão nhỏ, đi băng qua sân rộng lớn xuống bếp. Đêm trước, trước khi đi ngủ tôi thường múc nước sẵn đầy chảo, xếp củi và dăm bào lấy từ ban mây tre lá vào lòng lò đất sẵn sàng. Sáng sớm, già Cao chỉ việc bật một que diêm thôi là bếp cháy liền. Khi tôi xuống, tôi chỉ còn việc mang gạo ra giếng vo, một công việc phải làm cẩn thận tối đa vì ai cũng đói cả, phải bốc đúng sạn thôi, không phí một hạt gạo nào hết. Đã thế phải ngăn chặn nước vo gạo lại để ban chăn nuôi sử dụng nấu cháo cho heo. Tôi lủi thủi một mình cạnh giếng ven trảng, thỉnh thoảng mới có một anh bạn bị phù, lợi dụng trời tối, rón rén đến gần xin một lon gô nước vo gạo. Tôi

bao giờ cũng cho vì biết già Cao là người tốt, chẳng nỡ báo cáo truyện vi phạm nội qui ấy của tôi. Tôi đã từng bị phù rồi, đoạn trường đã qua cầu, đương nhiên thông cảm với người khác.

Khi đang nấu ăn, tôi cũng bắt chước già Cao trước đây ở điểm bạn bè nào xin câu gô vào bếp lò hay xin một sẻng than, tôi cho liền. Việc đẩy thêm củi mới vào, cơi lại lò gây than mới không gay go gì nhưng nhiều người làm bếp không dám cho chỉ vì nội qui không cho phép. Thậm chí nội qui còn đòi hỏi ban bếp đương phiên phải đuổi tất cả những người không phận sự ra khỏi bếp nữa. Không những tôi đã không đuổi ai, đang luộc rau mà có ai xin một gô nước, tôi nhìn quanh không thấy ai đáng mặt ăng ten, là cho múc lén.

Già Cao không hề phiền lòng về những truyện vi phạm tùm lum nội qui nấu bếp ấy của tôi, mặc dù có lần đi họp trên tiểu đoàn, ông đã bị cán bộ dũa cho về truyện đó. Khi trở về, ông chỉ bảo tôi: "Này ông thầy (kể từ ngày biết nhau, ông vẫn gọi tôi là ông thầy), thầy cho ai nước gạo nước rau thì cẩn thận cho. Ăng ten nó mách rồi đó nghe." Không than thở một lời nào khác.

Già Cao cũng không phiền lòng về truyện tôi quá kém tài nấu nướng. Ông thích nấu bếp. Lâu lâu một lần trại mổ heo, hoặc được phép đi chợ xa mua thực phẩm cho cả khối, thì già Cao vui thích vô cùng bởi vì có nhiều đồ cho ông nấu nướng. Nhưng những dịp được trổ tài như vậy khá hiếm hoi trong thời kỳ cải tạo chưa được phép tiếp thân nhân lên thăm nuôi. Tôi đói dài ra thì đành chịu chết, già Cao thì không. Một buổi trưa tôi lên nhận phiên thì thấy ông đang ăn bát cơm khẩu phần với một soong thịt nhỏ. Ông đẩy ra mời tôi ăn cùng. Dĩ nhiên là tôi phải nghi ngờ – ông lấy thịt đâu ra vậy – bởi thế đã hỏi là thịt gì. Khi ông trả lời là thịt chuột thì tôi khựng lại. Tôi gắp một miếng đưa lên ngửi: dù thịt có thơm mùi ngũ vị hương thật, nhưng mùi chuột vẫn còn. Tôi không ăn nổi thịt chuột với già Cao, cũng như không biết ăn thịt rắn nướng trui – bắt được rắn, không rửa không lột da gì hết, cứ chặt từng khúc, vứt vào lửa, lấy ra bóc da ngoài rồi ăn liền. Sau này khả năng tiến lắm, tôi mới chỉ tới chỗ biết ăn rắn cà-ri thôi.

Bởi vậy vào thời kỳ đói kém tối đa ấy, tôi chỉ còn trông cậy vào những bạn trong khối đau ốm bất ngờ. Danh sách người bệnh trong ngày được thông báo khá sớm để ban bếp lấy khẩu phần gạo của người ấy ra nấu cho một nồi cháo trắng ăn nguyên ngày. Khi cháo chín, tôi có nhiệm vụ mang đến tận láng cho người bệnh và khi trao đổi dăm ba câu lặt vặt, tôi thường xin bệnh nhân cho tôi phần măng luộc của đương sự vì lúc đó đang mùa măng mọc của vùng rừng này. Khi chia phần măng luộc đến tận từng bạn trong phòng ăn tập thể, tôi giữ phần măng của

người bệnh lại, ăn thêm cho đỡ đói. Nhưng đôi khi cũng xui, không được hưởng phần măng ấy vì bệnh nhân đã húa cho một người bạn khác.

Ăn uống thiếu và lao động cực nhu thế không có nghĩa là đám cải tạo này không vui sống. Về sau này ra hải ngoại tôi đọc nhiều hồi ký của các bạn cũ, thấy đa số hay cường điệu quá mọi sự, quá ham tố cộng nên nhiều khi bóp méo cả thực tế. Cái khổ cái đói cái hành hạ, những tác giả đó không bịa đặt, nhưng điều cần nói là dù có thế, các cải tạo đa số không phải là những kẻ mặt mũi lúc nào cũng cúi gầm xuống vì tủi nhục, vì uất hận vì căm hờn "lũ cộng nô, ác ôn cộng phỉ". Bọn tôi ráng ép mình vào kỷ luật trại, lao động đủ múc, học tập đúng giờ, nhưng vẫn thấy mình là mình, vẫn tin nơi tư cách làm sĩ quan quân lực miền Nam của mình. Bọn tôi vẫn ngửng cao đầu (dù bị mắng là "ngạo mạn" hoài), vẫn cười giỡn với nhau, và sểnh một chút, có tí trà tí cà phê là "mở quán" tụ họp nhau nói chuyện xưa, chuyện vợ con ào ào. Bọn tôi hiểu sâu xa rằng nếu bọn tôi cúi gầm đầu xuống mà than thở tối ngày, nước mắt ngắn dài, thì các quản giáo, các vệ binh hẳn sẽ thích thú lắm. Họ thắng bọn tôi về quân sự và chỉ có thể thắng về quân sự mà thôi.

Hơn nữa, càng đi cải tạo lâu bọn tôi càng hiểu các quản giáo các vệ binh đa số đều đáng thương. Họ là thành phần bị áp bức nhiều năm rồi ngoài miền bắc, bản thân cũng như gia đình nghèo xác nghèo xơ. Nay nhờ được quan hệ với cải tạo, họ lén buôn bán đường và đôi khi cả rượu nữa để có tiền mua lại áo quần dân sự cải tạo mang theo và những vật dụng linh tinh khác. Nhìn nét mặt sung sướng của họ khi mua lại được chiếc áo chiếc quần hay đồng hồ cũ ưng ý, bọn tôi đều hiểu rằng trong cuộc nội chiến vừa qua, được hưởng thành quả của thắng trận 75, không phải là những con người tội nghiệp này.

Một đêm tôi nhớ là mới thức tới khá khuya với đám bạn trẻ trong đó có một người mới nhờ được vệ binh mua giùm ít thực phẩm để "mở quán" mời tôi làm "khách danh dự", thì đã bị già Cao mò tới đánh thức: "Dậy đi ông thầy. Gà gáy rồi." Cả hai đứa đều không có đồng hồ, căn tiếng gà tiếng chim bóng mặt trời mà liệu chừng công việc thôi. Đồng hồ tôi khá tốt, nhưng đã trao cho vợ để nàng có chút gì dự trữ cho trường hợp con cái ốm đau bất chợt. Đồng hồ của già Cao thì thường thôi và cũng đã bán rồi. Già cho tôi vay năm đồng và tôi đã dùng số tiền này mua sắn luộc nóng hôm được cử đi xa làm đường – chưa bao giờ tôi ăn sắn luộc mà ngon đến mức như thế.

Nhưng khi cháo đã sôi, chảo nước uống cũng sùng sục đã lâu, hai đứa mới khám phá ra bốn bề vẫn im vắng. Tôi cho rằng già Cao đã nghe gà gáy hoảng, nghe gà gáy trong mơ chứ lúc đến đánh thức tôi, mới chỉ

12 giờ đêm là cao. Mới đầu già không chịu, cãi hoài. Nhưng khi cháo đã nhừ, chảo nước sôi bốc khói nghi ngút mà bầu trời vẫn cứ tối đen, già mới chịu là đã nghe "gà gáy trong mơ". Già xuống lán lấy chiếc võng lên treo giữa hai cột bếp nằm đu đưa đợi trời sáng. Còn tôi thì lấy bao tải ra trải ngay trên đất trước bếp lò – lúc đó còn mùa đông, trời lạnh. Tôi nằm dài ra đất và tới một lúc nào đó tôi cảm thấy một cảm giác an bình kỳ lạ. Quá khứ kể như đã qua rồi, hiện tại có muốn lo cho vợ con cũng chẳng lo được, tương lai thì mù mịt, đoán cũng chẳng ra. Thân đang ở trong trại cải tạo sẵn rồi, chẳng lo chính quyền cộng sản bắt nhốt tù như những người dân thường "bên ngoài". Tôi cứ nằm đó, êm đềm hưởng thú gió lạnh từ ngoài trảng thổi vô lưng trong khi hơi nóng từ bếp lò đỏ rực than tỏa ra sưởi ấm mặt trước.

Những người bạn trẻ trong ban bếp khai thác ngay sự kiện già Cao đã nghe "gà gáy trong mơ" trên. Họ vừa làm việc vừa thêu dệt các lý thuyết khác nhau để chọc già Cao vì tính già chất phác, dễ tin người. Một thiếu úy từng học Tâm lý học ở Đại học Văn Khoa đã đưa ra lý thuyết "dồn nén" thêu dệt rất cầu kỳ. Anh bảo già Cao đã bị dồn nén tính dục đến mức độ nguy hiểm nên mới lẫn giấc mơ với hiện thực như vậy. Một cậu khác bèn kê toa thuốc rằng già Cao phải cách nhật... thủ dâm một lần, nếu không nghe thì hỏa nó bốc lên đến đỉnh đầu là hết chữa. Tẩu hỏa nhập ma là cái chắc, sẽ lang thang vô rừng lạc mất tích không nhìn thấy mặt vợ con...

Khi đã chán truyện mang lý thuyết dồn nén ra áp dụng cho già Cao thì lớp trẻ hướng mũi dùi về bà vợ của già. Già hay nhắc đến vợ nên lớp trẻ bèn hù dọa là các bà vợ chỉ chịu đựng được thiếu thốn sinh lý tối đa là 27 tháng thôi. Họ tuyên bố khẳng định rằng chỉ còn từng này tháng nữa thôi là già Cao sẽ mọc sừng. Khi già túc quá, cãi rằng vợ ông đã già, trên bốn mươi rồi thì lớp trẻ nhâu nhâu xoay sang truyện "hồi xuân", miêu tả chi tiết tuổi hồi xuân với những chữ khoa học Anh Pháp Việt đủ cả. Già Cao bán tín bán nghi, quay sang hỏi "ông thầy" là tôi, thì tôi một phần vì kiến thức đã có, một phần vì muốn về hùa với lớp trẻ để chọc ông bạn già, đã gật gù tán đồng. Để rồi cùng tất cả cười thầm trước vẻ mặt đăm chiêu lo ngại của ông già bếp trưởng.

Đến ngày già Cao được thăm nuôi thì một huyền thoại mới được tung ra. Khi hết giờ thăm nuôi, ban quản trại yêu cầu tất cả cải tạo lẫn thân nhân phải ra cổng để chia tay thì một cơn mưa rừng chụp xuống. Trời đất xầm xì. Quản trại đành phải để mọi người chạy ngược lại vào khu thăm nuôi để chờ mưa tạnh. Lớp trẻ bèn khẳng định là già Cao đã

dẫn được bà vợ chạy vào núp riêng ở một căn trống và đã làm tình cấp tốc thành công trước khi mưa tạnh. Dĩ nhiên là già Cao gồng người lên mà cãi, nhưng huyền thoại vẫn cứ tồn tại bởi vì cái lũ đàn ông ồn ào này đã xa cách phụ nữ lâu quá rồi, bị dồn nén tối đa, nên khoái lấy ước mơ làm hiện thực... cho đỡ thèm khát.

Khi mục sex đã nhàm chán thì lớp trẻ xoay sang đề tài tôn giáo. Già Cao không biết ngoan đạo tới đâu nhưng rồi đến một ngày nào đó được anh em gọi là "đại hiệp sĩ Hố Nai". Không biết cái danh hiệu này có hại nhiều hay ít đến cuộc đời già Cao, nhưng cái tính chất phác của ông đã đưa đến một sự kiện nhân một ngày lễ, tất cả lên học tập ở Hội trường, ông đã đứng ra thay mặt hơn một ngàn cải tạo để "hạ quyết tâm thư". Khi nghe ông dõng dạc đẫn từng chữ bản quyết tâm thư, lớp trẻ ở dưới thở dài khác nhau: "Thôi chết rồi, già Cao đi năm năm là cái chắc!" Sở dĩ họ nói vậy vì đã bắt đầu có kinh nghiệm về cuộc sống cải tạo. Ai mà được ban quản trị cho chức vụ lớn, thì thường là phải đi cải tạo lâu. Ăng ten lại càng lâu hơn nữa. Cán bộ cho rằng những người đó dễ tin cậy vì "càng biết mình nặng nợ máu với nhân dân, lại càng hết sức lo lập công chuộc tội"!

Như thường lệ, truyện chuyển trại được công bố thật bất ngờ, và lần này tôi lại có tên trong danh sách những người phải đi. Ban bếp vốn có khả năng ngồi lê đôi mách như mấy bà nội trợ nên được biết tin ngầm rằng những người chuyển trại lần này sẽ được đưa về gần Sài gòn hơn. Tôi khá tin ở nguồn tin hành lang này nên đến chiều hôm ấy, khi được gọi lên bếp, tôi đã từ chối không nhận gói cá khô do già Cao tặng. Từ khi được thân nhân thăm nuôi, thức ăn của nhiều cải tạo khá hơn xưa, nhiều người đã chê món cá khô dọn ra tại phòng ăn chung, làm ban bếp cứ phải đổ đi hoài. Vốn giữ được bản tính cần kiệm của nông dân châu thổ miền Bắc, già Cao dặn tôi là giảm bớt số cá nướng hay cá kho (với nước và muối) mỗi ngày đi. Bởi thế chiều nay già Cao mở kho tặng những bạn chuyển trại mỗi người một gói cá khô. Tôi lạc quan tếu, nghĩ rằng gần Sài gòn hơn hẳn dễ có thực phẩm hơn trên rừng, nên từ chối không nhận. Một người bạn khác nhận luôn cả hai phần.

Ai dè nguồn tin của tôi đúng một cách khá cay đắng. Đúng ở điểm trại mới gần Sài gòn hơn thật, nhưng trại lại do Công an quản lý với một chế độ hà khắc hơn các trại của quân đội miền Bắc nhiều. Ở cái trại mới này tôi bị dũa thê thảm hoài và dĩ nhiên lại có mục không có gì mà ăn. Thấy tôi thiếu thức ăn như vậy, một người bạn cũ cùng chuyển trại đã thỉnh thoảng lại tặng tôi một con cá khô nướng. Tôi ăn ngon lành và khi hỏi anh bạn làm sao có lắm cá vậy thì anh cười: "Cá của già Cao tặng mà anh đã chê không nhận ấy, anh còn nhớ không?"

Sau khi tôi được tha về đã bốn năm, mới thấy già Cao quần áo sạch sẽ chỉnh tề mở cánh cửa dẫn vào hàng hiên nhà tôi. Hai đứa gặp nhau mừng rỡ và dĩ nhiên sau vài phút hàn huyên là kéo nhau ra quán cà phê gần nhà. Và cho tới tận giờ phút này tôi cũng chẳng hiểu tại sao già Cao lại phải đi cải tạo lâu đến như thế. Cuộc đời ông hiền lành như củ khoai chấm mật, sống trong trại thì chẳng bao giờ vấp váp điều gì, tại sao án lại nặng đến như thế.

Vì nhà già Cao ở ngay một xóm dạo ngoại biên không xa khu tôi mấy nên già đến thăm hoài. Còn đối với tôi, có ông bạn già này làm bạn hay không vẫn cứ thế thôi. Tâm hồn phức tạp của tôi bây giờ đã có cả đống sách báo miền Bắc làm thực phẩm – tôi tò mò muốn biết kẻ thắng trận đã nhốt tôi nhiều năm ấy thực sự là thế nào – nên lối nói chuyện chất phác giản dị về những sinh hoạt thường nhật của già Cao không làm tôi thích thú cho lắm. Bây giờ tôi có những bạn mới cùng trình độ văn hóa để bàn luận, chưa kể một vài bạn trí thức đã từng theo Mặt Trận Giải Phóng miền Nam nay trở về như kẻ thắng trận, nhưng vẫn duy trì tình bằng hữu cũ. Nhưng già Cao vẫn thăm viếng đều vì lý do nghề nghiệp: già bán vàng của vợ đi (người gốc nông dân nào cũng có tài giữ lại một đồ gì bằng vàng, dù đổi đời kiểu gì chăng nữa) mua một chiếc xích lô, hai bố con chia nhau đạp.

Chính cái nghề xích lô này đã làm hai bên chơi với nhau tiếp và mỗi ngày một thân hơn. Nhiều buổi sáng, chạy xong chuyến xe mở hàng là già Cao tà tà đạp qua tôi, ngừng xe hô lớn: "Mời thầy lên xe em chở thầy đi uống cà phê!" Dĩ nhiên là tôi vui vẻ ra liền, leo lên xe đến một quán cà phê quen. Già Cao bao giờ cũng tế nhị mua cho tôi một hay hai điếu thuốc lá để tôi hút kèm với ly cà phê – tôi thường chỉ huy thuốc lào sau hai điếu thuốc này. Đến ngày giỗ lớn hay có dịp gì vui, già mời tôi đến nhà ăn cơm. Những bữa cơm đủ thịt cá linh đình nhưng nấu theo kiểu nông thôn của miền Bắc xưa kia. Bởi thế tôi mới biết nhà của già Cao cũng như các thành phần của gia đình già – một thành phần tăng nhân số đều đặn. Kể từ khi được tha về, tôi có cảm tưởng hầu như bà vợ năm nào cũng sinh thêm con vì mỗi lần đến chơi, thấy bà không có bầu thì cũng bồng con nít bé xíu.

Già Cao và gia đình lúc nào cũng dành cho tôi sự kính trọng truyền thống của nông dân đối với kẻ dạy học. Và tôi cũng từng có lúc lợi dụng sự kính nể ấy để can thiệp vào gia đình của bạn: già Cao được giáo dục từ nhỏ là "vợ con chúng nó thuộc về mình", muốn đánh lúc nào thế nào cũng được. Có lần đang xoắn tóc vợ mà tát, con lớn xông vô can, già đã nóng tính quơ cái ly đập chảy cả máu đầu con ra. Tôi không chấp nhận

được tình trạng ấy nên can ngăn thẳng thừng. Muốn cho lời can có hiệu lực, tôi khẳng định rằng ở Mỹ – nơi hai đứa tôi đang mơ tới định cư một ngày nào đó – đánh vợ con như thế là bị cảnh sát còng liền, nhốt tù chắc chắn.

Già húa với tôi là sẽ bỏ thói đánh vợ con. Một buổi sáng già nhẩy xuống xích lô, tay cầm chiếc bánh tráng tiến vào hàng hiên, mời tôi ăn cùng. Hai đứa tì lên thềm tường hiên, vừa bẻ bánh tráng ăn vừa nói chuyện. Già kể hôm qua nổi cơn nóng dữ dội, nhưng nhất định không đánh vợ con. Nhưng chịu không nổi nên đã ra vườn sau túm cổ cả sáu con vịt đang nuôi cắt tiết một loạt luôn. Dĩ nhiên già mời tôi buổi chiều đến ăn sáo vịt, và nhờ dịp này tôi mới khám phá ra già Cao hay uống thứ thuốc hưng phấn do một người quen lấy từ một dưỡng trí viện ra cho. Già khoe nhờ thuốc này nên đạp xích lô sung lắm. Dĩ nhiên già không quên tặng tôi ít viên và khi tôi uống thử thì chỉ nửa giờ sau đứa con cưng chỉ phạm một lỗi nhỏ, tôi đã quát lên một tiếng. Cả nhà, từ vợ đến con cùng giương mắt lên ngạc nhiên vì từ bao năm tôi quen tự chủ, có bao giờ quát hay la ai to tiếng... Dĩ nhiên tôi vội vàng can già Cao ngưng uống ngay thứ thuốc viên tai quái ấy, trước khi nạn nhân của sự hưng phấn quá độ không phải chỉ là mấy con vịt.

Già Cao chất phác như thế nên già tin chắc nịch vào vụ đăng ký đi Úc đang đồn đại ào ào ở Sài gòn thời kỳ ấy. Theo tin đồn này, chỉ cần điền vào đơn xin đi Úc là xong vì hai chính quyền Việt - Úc đã thỏa thuận cho di dân bớt sang tiểu bang Queenland làm hầm mỏ và khai hoang. Già Cao trịnh trọng mua giùm mẫu đơn mang đến tận nhà cho tôi. Tôi đã không cám ơn thì chớ, còn gồng người mang sự hiểu biết về Tây phương ra mà kết ông bạn già vào tội một lần nữa "nghe gà gáy trong mơ". Mặc dù thế, hai tuần sau, vào lúc 11 giờ đêm, già còn cho con đạp xích lô tới mời tôi sang ngay. Tôi bèn đến và được ông bạn già chìa cho coi một danh sách những người sẽ được xe bus đến đón lúc 2 giờ đêm nay, đưa thẳng ra bãi Sau, lên tầu há mồm của Úc đang đợi sẵn. Già bảo: "Em quí thầy lắm nên mới đón thầy đến đó nghe. Thầy cứ điền tên vào cuối danh sách này đi. Còn kịp..." Tôi vui tính nhận lời nhưng cũng thận trọng biên tên người trong gia đình ra một tờ giấy rồi nhờ già Cao chép vào danh sách kia sau – để phòng Công an có túm được danh sách này, thì cũng không có thủ bút của tôi.

Dĩ nhiên chẳng có một ai được đi Úc bằng tầu há mồm cả. Chính quyền CSVN sau cùng cũng đã bắt được tổ chức in đơn đi Úc bán cho bà con lấy tiền ăn nhậu lai rai. Tòa án địa phương xử những người này cũng nhẹ, chỉ vài ba năm tù thôi, còn những người nhẹ dạ đã đăng ký bừa bãi, thì "tha không hỏi tội". Dân chúng thì chẳng oán hận gì ai cả, vì những

"kẻ buôn ảo mộng" ấy lấy có chút dính tiền mà mang lại cho bà con giấc mơ xứ Úc gần cả hai năm trời, thì "cũng tốt thôi".

Không biết có phải một trong những đặc tính của dân Việt Nam trong lúc khốn cùng là sống trong mơ, tin tưởng ở những hoang tưởng hay không, nhưng chỉ một thời gian sau Sài gòn và cả miền Nam lại lên cơn sốt lần nữa. Một buổi sáng già Cao đến hơi sớm, thấy tôi lên xe đi ăn sáng. Vừa dạp xe già Cao vừa khoe mới khám phá ra một quán trong hẻm chùa bán hủ tíu bò kho vừa rẻ vừa ngon. Quán bầy bàn ghế ngay bên lề đường, trên che một chiếc bạt cũ rách, khách ngồi ngay trên những ghế gỗ thấp lủn xủn, nhưng tô bò kho thật "chất lượng", nhiều chất béo thật. Sau này nhìn lại tôi hiểu rằng quán đó thầu những đồ thừa của những nhà hàng lớn trung tâm du khách quốc tế, mang về chế biến lại thôi. Nhưng ngon vẫn cứ là ngon.

Ăn xong, ra quán cà phê do bộ đội đục tường thành của Nhẩy Dù ra mà bán, già Cao mới kể cho biết tin "Mỹ sắp bốc cải tạo". Nguồn tin này nhấn mạnh ai còn cải tạo trên trại sẽ được trực thăng Mỹ đáp xuống tận sân trại, bốc đưa thẳng ra hạm đội Mỹ. Còn gia đình và những cải tạo đã được tha về rồi, thì cứ việc ngồi nhà đợi xe bus đến đón – dĩ nhiên để lại đưa ra Vũng Tàu xuống tầu há mồm đợi sẵn. Hẳn viên kỹ sư nào vẽ ra những chiếc tàu đáy bằng dùng để đổ bộ trong đệ nhị thế chiến ấy không thể ngờ rằng sau này tàu mình vẽ đã biến thành đôi cánh thiên thần ước mơ đón những kẻ bất hạnh Việt Nam lên thẳng "cõi Thiên đàng". Nhiều người còn nhấn mạnh là sang đến Mỹ là được Mỹ trả lương truy lãnh những năm tháng đã phải đi cải tạo, cấp bậc nào lãnh theo cấp bậc đó. Mỗi cải tạo vừa tới phi trường Mỹ đã có các hội đoàn quân nhân Mỹ Việt ra đón, đeo vòng hoa; diễn văn chúc mừng xong là được trao ngay một chùm chìa khóa nhà mới (tiểu bang Cali đã xây xong mấy chục cư xá sẵn sàng!) và xe mới... Kể từ đó đến lúc lìa cõi đời, là Mỹ nuôi dài dài, không những bản thân mình mà tất cả vợ con luôn – cứ việc ăn chơi thôi, không phải làm gì hết.

Không phải chỉ một mình già Cao tin tưởng ở truyện Mỹ bốc, mà rất nhiều người khác nữa cũng tin chắc chắn như vậy. Một lần nữa, tương tự như vụ tầu há mồm đón đi Úc, tôi lại cãi. Nhưng cãi vừa phải thôi vì khá am hiểu về nước Mỹ, bạn bè bà con viết thư về nói thẳng cũng nhiều, tôi biết chính quyền Mỹ chấp nhận cho các cải tạo được phép đến Mỹ làm lại cuộc đời như một di dân tị nạn, theo những qui chế đã có sẵn từ lâu đời. Mặt khác, qua một vài cán bộ bạn cũ làm chức tương đối lớn trong Thành ủy, tôi được biết rằng chính quyền CSVN sẵn sàng tống khứ cái đám cựu sĩ quan này đi nước ngoài cho rảnh. Ngày nào còn thành phần sĩ quan "ngụy" trong nước, chỉ cần tình hình rắc rối, là họ có thể cầm

quân trở lại, lật đổ Đảng như chơi. Một cán bộ kết luận đại khái rằng: Khi đám cựu sĩ quan đi rồi, thì đám quân ngụy cũ kể như rắn mất đầu, không còn là một đe dọa nào nữa.

Nhưng tôi cãi bạn bè hăng nhất ở điểm: nhà xe với tiền lương truy lãnh. Tôi bảo bạn bè rằng chúng ta đâu có là lính Mỹ, và cũng không tình nguyện đầu quân cho Mỹ hồi nào, vậy tại sao đòi trả lương truy lãnh và hưởng mọi ưu đãi giành cho cựu quân nhân Hoa Kỳ? Tôi mang hết kiến thức ra mà cãi rằng ai muốn đi chắc chắn phải nạp đơn để cả hai chính quyền Mỹ - Việt cùng cứu xét, tương tự như diện đoàn tụ gia đình mà tôi đã nạp đơn từ lâu. Bạn bè tôi sau cùng chia làm ba phe: phe thứ nhất chủ trương Mỹ bốc chắc, cứ ngồi nhà sẽ có Công an mang hồ sơ đến lo cho tất cả thủ tục, xong là cả nhà, kể cả họ hàng ở chung, con dâu con rể, tất cả được đưa ra Vũng Tàu – sau này được tăng cường thêm một cầu không vận toàn phi cơ Galaxy đáp thẳng xuống Tân Sơn Nhất. Đến Mỹ là đủ mọi quyền lợi (như đã mô tả trên). Phe này khinh chính quyền CSVN ra mặt vì "thằng Mỹ đã mua đứt thằng Nga thằng Tàu rồi!", việc gì phải làm đơn xin "chúng nó"!

Phe thứ hai thì ngược hẳn lại, chủ trương rằng "đời nào thằng CS lại chịu để cho đám sĩ quan ngụy bước chân lên máy bay sang Mỹ ăn sung mặc sướng lần nữa." Phe này chủ trương cái gì Cộng sản nói cũng không tin hết, do đó chỉ có một con đường duy nhất để tới Mỹ là vượt biên.

Phe thứ ba tương đối đông nhất, trong đó có tôi, già Cao và hai người bạn nữa trong nhóm cải tạo chơi thân với nhau thời kỳ đó. Nhóm này tin rằng muốn tới Mỹ phải xin phía Mỹ chấp nhận cho đến trước đã, sau đó lại phải xin Việt Nam chấp nhận cho đi. Thực ra già Cao ngả vào nhóm này chỉ vì tin ở tôi. Chính vì niềm tin này, mặc dù già không có một thân nhân nào ở Mỹ, cũng vẫn làm hồ sơ gửi đến Tòa Đại Sứ Mỹ tại Thái Lan. Và cái ngày được Bangkok gửi văn bản cho số IV về, già Cao cười thật tươi mang đến khoe tôi. Kể từ đó già tin tưởng ở những gì tôi nói về tương lai và nước Mỹ nhiều hơn nữa, và đến ngày chính quyền địa phương cho biết sẽ nhận đơn của những người đã có IV của Bangkok, thì già kéo tôi đi uống cà phê trò truyện đến khuya. Sáng hôm sau, già đến cơ quan Công an nạp đơn từ 6 giờ sáng để rồi phải về không vì đông quá. Hôm sau già đến từ 3 giờ đêm, để rồi cũng không xong vì Công an chỉ nhận 50 hồ sơ đầu. Đêm thứ ba, già bỏ ngủ, đến từ 12 giờ đêm xếp hàng và lần này nạp được đơn.

Trong những ngày tháng còn ở Việt Nam, và sau này khi tôi đã ở Mỹ, già Cao vẫn tin tưởng ở những kiến thức của tôi. Nghĩa là một khi đã tới Mỹ sau một thời gian trợ cấp ngắn ngủi, "Mỹ sẽ quẳng mình vào đời, lúc đó giàu nghèo sướng khổ là tùy sức lao động và cố gắng của mỗi

người." Bởi thế già đã bán gói quà nhỏ tôi gửi về mua một cassette để cả nhà học tiếng Anh, chuẩn bị một cuộc sống vất vả nơi xứ người. Già viết thư cho tôi khá thường xuyên, và hay tuyên bố rằng không sợ đời sống Mỹ vì ở Việt Nam "vợ đi may tối ngày, hai bố con dạp xích lô khùng đầu, lo gì không kiếm được việc ở Mỹ." Có một lần già làm tôi mỉm cười ngậm ngùi khi già viết trong một thư: "Nhìn hình nhà thầy chụp bữa ăn với bạn bè, ăn xong rồi mà còn cả nửa con gà bỏ đó với bao nhiêu đồ ăn, nhà em mơ giá được ăn chỗ thừa ấy thôi, cũng thấy đã rồi!" Tôi vội trả lời ngay rằng xứ Mỹ bảo đảm có đủ thực phẩm nuôi dân (nhất là gà), đủ quần áo ấm cho tất cả mọi người (dù quần áo nhà thờ), đừng có lo lắng gì cả.

Tôi kết luận ở cuối thư bằng một đoạn mà không chắc già Cao đã hiểu hết ý: "Nếu định đến Mỹ tìm tự do và cơm no áo ấm, thì chắc chắn sẽ toại nguyện. Còn nếu định tìm một điều gì khác nữa, thì chưa chắc đã thấy." Bởi thế các đấng tổ phụ lập quốc của Hoa Kỳ đã phải trịnh trọng ghi vào bản Tuyên ngôn Độc lập một thứ quyền lạ đời, là "quyền mưu cầu hạnh phúc". Tôi lắm chữ nghĩa thì viết vậy thôi chứ già Cao không cần tới thứ nhận định đầy điển tích ấy của tôi, cũng vẫn tìm thấy hạnh phúc già mong. Nạp đơn sớm, già được đến Mỹ ngay từ những đợt H.O đầu tiên và khi gia đình tôi phóng xe vượt đường xa đến thăm, gia đình già đã đón tiếp thật nồng hậu.

Nhà ở thuê một chung cư tồi, bàn ghế phòng khách chưa có, quần áo "của nhà thờ", phải trải chăn chiếu xuống sàn làm bàn ăn, già Cao vẫn linh đình và trịnh trọng mời ăn. Bà vợ và đứa con gái bưng hết đĩa này đến đĩa khác ra, đứa con trai hãnh diện bày những pack bia đầy chiếu, và dĩ nhiên không thiếu một chiếc điếu cầy. Đối với tiêu chuẩn nhà ở của Mỹ, thì căn nhà của già thuê đúng là loại nhà nghèo, nhưng điều đó đâu quan trọng gì vì nhà của già ở Việt Nam còn lâu mới được tiện nghi, tối tân như vậy. Cả gia đình già nở bưng như hoa mãn khai, giống như gia đình tôi trước đây, bởi vì ông bếp trưởng già trên rừng ngày nào với ông bếp viên vụng về là tôi, đâu có mong chờ quá nhiều ở đất nước Mỹ như những người bạn sống trong hoang tưởng khác.

Ở khá xa nhau nên hai đứa tôi thỉnh thoảng chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại. Thời gian qua dần mà già vẫn cứ tử thủ trong căn nhà trong chung cư cũ kỹ ấy mặc dù đã kiếm ra tiền thoải mái. Giọng già vẫn vui đều đều trong máy điện thoại làm tôi cứ phải hỏi thăm xem cái hộp bích quy đựng đô la xanh của gia đình già đã đầy đến đâu rồi – tương tự những người xuất thân nông thôn và ở với đảng CS quá lâu, già coi bộ không tín nhiệm ở hệ thống ngân hàng Mỹ cho lắm. Nhưng đúng như các cụ xưa đã nói, cuộc đời mấy khi được toàn hảo: già Cao rồi cũng lâm

vào rắc rối.

Một buổi tối giọng già buồn rầu kể qua điện thoại viễn liên rằng bà vợ, sau khi đi dự một buổi chiếu phim về cái hại của thuốc lá, đã về nhà vứt tọt cái điếu cầy lẫn thuốc lào vào thùng rác. Giọng già buồn quá làm tôi lại phải mách kế, mớm lời cho già đấu tranh và thuyết phục bà vợ hãy để cho cai từ từ thôi, tránh bị sốc. Ba hôm sau già lại điện thoại, cho biết là đã "giải thoát" được cái điếu cầy, rồi rụt rè xin tôi ít thuốc lào. Già cẩn thận dặn là phải bỏ ít thôi vào bao thư thường để qua khỏi sự kiểm soát (và đô hộ) của quản giá mới, là bà vợ. Dĩ nhiên cũng như biết bao nhiêu năm về trước hai đứa đã qua mặt các quản giáo trên trại cải tạo thiếu gì truyện, tiếp tế lén thuốc lào cho bạn già cũng dễ thôi.

Rồi đến một ngày giọng già Cao đầy đắc thắng loan tin qua điện thoại là đã nhờ người quen mang sang được hai ký thuốc lào thật ngon, và sẵn sàng chia cho tôi. Tôi cám ơn vì kho dự trữ của tôi cũng còn khá lắm. Giọng ông bạn già này quá vui làm tôi bắt đầu ghen tài chút đỉnh. Tôi biết chắc rằng cái hộp bích quy đựng giấy xanh của gia đình già đã cao lắm rồi, và chắc chắn sẽ mua được nhà riêng trước tôi. Bởi thế tôi dự tính khi nào già mời tôi đến ăn tân gia nhà mới ở Hoa Kỳ, tôi sẽ uống ba lon bia, hút đã đời thuốc lào, rồi sẽ trịnh trọng mang chữ nghĩa khoa học ra giềm rằng nhà của già đang nằm trên đúng cái *phay Andrea*. Động đất mà lớn, dám đổ tiêu tan trong nháy mắt. Cứ giềm như thế cho đến khi nào mặt già trở thành đăm chiêu như những ngày đã xa trên rừng, tôi mới từ từ trấn an sau.□

Đêm Phi Châu

Lệ Hằng

Hãn vừa lái xe, vừa huýt sáo theo nhịp trống đang rền lên, đập vào trần xe. Tiếng trống *bongo* bì bùng, bật lên tiếng hát khàn khàn, lúc tắt nghẹn, lúc gầm gào của người ca sĩ kể mãi đời nô lệ. Hãn nhớ Saba mỗi khi nghe bài hát tù hãm này. Chính cô ấy đã mua tặng cho Hãn cuốn băng nhạc in hình gã nô lệ bị xích quấn ngang bụng, đêm hai người rong chơi như bọn Gitan ở khu King Cross, con đường có nhiều đàn bà ở truồng nửa người, áo choàng mỏng, phong phanh, bày đủ mông đùi hang hóc bí hiểm ngay phố phường đông đảo, có những đàn ông đủ loại, phanh áo ngực, ngạo nghễ vờn quanh khu đèn đỏ. Saba, tên Hãn đặt cho Sophie, cô có vẻ thích cái tên Hãn chọn, cô đã nhảy tỡn lên, bá cổ Hãn đánh đu, hôn rồi cắn, ríu ra ríu rít như con chim se sẻ. Điệu nhạc mambo bập bùng đó bây giờ vẫn rền rĩ trong xe Hãn.

Chiều hôm đó... là mùa của hoa vàng. Hình như vậy. Hãn chẳng điên gì nhớ mãi mùa mưa hay mùa nắng... Tại vì, con đường Hãn cho xe phóng chạy hai bên mọc đầy hoa dại màu vàng. Hãn đang hầm lắm. Công ty nhập cảng vải sợi, nơi Hãn làm thêm vào buổi tối và trọn ngày thứ Bảy thình lình phát hỏa vì chạm điện. Lúc Bob hối hả gọi xe Cứu Hỏa, Hãn đánh vật với bình chữa lửa và vòi nước gần nửa giờ mới dẹp được ngọn lửa vô duyên ấy. Ba tầng lầu, một mình Hãn và anh chàng *aborigines* chia nhau chịu trách nhiệm. Chờ xe chữa lửa đến, chắc hai đứa biến thành nhựa dẻo. Đã vậy lúc Đội Cứu Hỏa đến, Hãn báo cho lão giám đốc, công ty suýt bị hỏa thiêu, lão không hề hỏi Hãn và Bob có bị phỏng dù nhẹ hay nặng, có kinh hoảng teo người với viễn ảnh cả hai có rất nhiều cơ may mắc kẹt trên cao ốc, cháy thành keo nhựa như đống sợi hóa chất trên *building* cao mười lăm tầng. Lão cứ xoắn lên xuýt xoa vì mấy trăm mét thảm công ty mới thay tháng trước bị sũng nước. Sém cháy thành tro, Bob vẫn nhơn mặt ra cười, nhưng Hãn hầm như cọp.

Thói vô nhân không thèm che giấu của lão giám đốc khiến Hãn thực sự e ngại.

Con đường hoa vàng, vòng quanh một khoảng đồi thấp ủ ê và xa vắng hơn mọi ngày thứ bảy khác. Xe Hãn đang chạy bon bon bỗng dở chứng giật lên như người mắc phong. Hãn nhấn ga, nó vùng vằng rú lên, rồi ì ra giữa đường. Hãn bối rối, thử đề máy lần nữa, rồi lần nữa. Chiếc xe cũ vẫn trơ ra như cục sắt. Hãn bật đèn vàng chớp chớp cho xe phía sau biết, con vật tồi tàn của Hãn đang làm reo ăn vạ, rồi lầm lì ngó mông lung phía trước. Đường còn xa lắm để có thể về nhà, tắm, nghe nhạc, ăn ngủ cho qua hết một tuần. Để khỏi làm phiền kẻ khác, Hãn chui ra, thả thẳng tay, gài số rồi dạng chân đẩy xe sát vào lề đường. Xe thiên hạ vùn vụt phóng qua. Không một ai thèm ngập ngừng chia bớt bục bội với một kẻ cũng là người như họ, đang kẹt cứng giữa đường. Quãng đường hai *lanes* này không có cột điện thoại. Hãn thử máy một lần thứ ba, rồi thứ bốn. Hết phương chạy, Hãn đành mở đúng *bonnet* lên, loay hoay mãi với đủ thứ máy móc trong đầu xe. Một chiếc Honda màu xám tro phóng vút qua, thổi tung chiếc mũ nhỏ của Hãn, Hãn chạy theo chụp mũ, hầm hừ dơ tay chửi thề. Lạ chưa, thằng chủ xe mắc dịch đó chắc có đôi tai thần, nó nghe rõ câu chửi thô tục của Hãn, nên lùi giật ngược để gây sự. "Được rồi, dộng cho một trận là xong hết!" Hãn càu nhàu chuẩn bị. Chiếc xe rà sát vào lề, ngừng lại cách xe Hãn một quãng ngắn. Khi người trong xe chui đầu ra, bước xuống. Hãn choáng người sửng sốt... Cô ta, hai chân dài, mặc váy da ngắn đến tận nơi không thể ngắn hơn, chiếc áo đen, mỏng dính, chấp chới như cánh bướm, mỗi bước chân đi chùng như đồi núi ngả nghiêng theo. Mái tóc đài rối lên trong gió. Mặt trời vàng chói bên hông cô, tung những chùm nắng chói lòa trên da thịt săn cứng. Tim Hãn bỗng dưng thắt lại. Rõ ràng, quen đó, và rất lạ... Sao chưa một lần Hãn choáng người mê mẩn như chiều nay. Trời đất im phắc và lặng ngắt như tờ. Hơi thở Hãn dồn lên, rối loạn. Cô gái làm Hãn ngộp thở, Hãn nuốt nước miếng cho đỡ khó chịu rồi đăm đăm nhìn cô vì không tài nào quay đi nổi. Cô ta lừng lững ra đó, hai con mắt thăm thẳm lạ kỳ, nó vừa tối đen, vừa mênh mông u uất. Hai gò má cao, kiêu lạnh, viền môi rộng và đầy, gợi lên nét cong mềm ân ái. Từ đôi môi ấy, lửa nhiệt tấy lên, nổi gai trên da thịt đàn ông của Hãn. Hãn chịu không nổi vẻ đẹp âm u bí hiểm của cô nên cứ đứng ngây ra nhìn không dám chớp mắt vì sợ cô ta biến mất.

"*Hi*! Hãn phải không?"

Hãn mừng, mặt phớn lên sáng rỡ: "Cô biết tôi?"

"Sao không? Hôm tốt nghiệp, tôi đứng sát đít anh mà!"

"Quỉ thần ơi, tôi đứng là con ngựa mù. Cô đẹp mất hồn thế này sao

hôm đó tôi không thấy nhỉ!"

"Cám ơn. Dân da màu, mặc lễ phục thùng thình, ma quỉ cũng phải chạy nữa kìa."

"Tạ ơn trời. Hèn gì thấy quen quen. Suýt nữa tôi ngá thỏ vì cô. Ăn giống chi mà dẹp dữ dội vậy bà mọi? Tôi chưa thấy con da đen nào làm tôi cứng đơ người như vầy."

Cô ta cười, hàm răng trắng, ngọt như bắp non. Hãn nhìn sững vào miệng cô không dấu nổi cơn thèm muốn trào lên che mờ cả mắt nên giả bộ làu nhàu cho đỡ nguống:

"Cô làm tôi mù cả mắt rồi nè, đứng đó mà cười, có muốn bị hiếp không?"

Cô gái cười rung rinh hai vú ngực ngon như trái cấm. Rõ ràng cô ta chịu lối tán tỉnh rất sinh vật và thực dụng của Hãn. Hàng mi dầy như cỏ nhung của cô lim dim vì chói nắng. Tiếng cười vỡ vụn như hoa thủy tinh của cô vừa hồn nhiên man mọi vừa mời mọc kích thích.

"Xe hư nặng phải không, vứt đó đi, không ai thèm nhặt của nợ này đâu, ngồi chung xe với tôi xem thử dúa nào ngá thỏ..."

Hãn ô kê liền. Chàng ta sốt sắng đóng sầm đầu xe xuống, chui vào xe rút chùm chìa khóa đút túi, chốt mọi phía cửa rồi đi theo đôi chân cao kều của người đẹp da màu không ngần ngại nửa giây. Thần Phật ơi! Bút mực nào, chấp cả máy điện toán tinh ma của bất cứ ông nhà văn dù lẫy lừng hay lùi xùi vớ vẩn đủ tài phô diễn đôi chân và dáng người Saba lúc đó. Màu da cô, trong bóng sáng chập choạng nửa ngày nửa đêm cứ hừng hực như lửa, tay chân Hãn cũng hôi hổi vì nôn nao háo hức. Lên xe xong, mặt cô lạnh ngay. Hãn cũng làm bộ lầm lì cho bõ ghét. Thình lình, cô phì ra cười:

"Ngộ chưa, sao tự nhiên tắc họng không tán nữa. Tụi con gái da trắng xì xào Hãn có nhiều ma thuật hành hạ đàn bà lắm mà."

Hãn ỡm ờ: "Thử đi rồi biết!"

Cô ta nhún vai: "Tôi không sợ bồ. Tôi thích bồ từ lâu rồi. Hãn Việt Nam phải không?"

Hãn gật đầu, dĩ nhiên theo lệ thường, cô ta bắt đầu nói về mình cho Hãn nghe. Giọng cô khao khao, hơi thở cô nồng nàn, thứ mùi vị của đàn bà da màu ném Hãn vào những cơn say choáng váng. Hãn vừa nghe cô kể về người mẹ gốc Ethiopia, về Biển Đỏ, về tằng tổ da đen, hậu duệ của nữ hoàng Saba vùng Yemen, vừa đặt tay trên đùi trần của cô. Mảnh da ấy săn mềm, ngon mắt và mướt mịn dưới ta. Thứ màu huyền hoặc, không hẳn là tro than, không là Hắc Hải. Nó đầy sức sống, đầy niềm uất nghẹn của chủng tộc da đen lẫn với giòng máu nóng hổi của người cha Tây Ban Nha. Hãn quay sang nhìn cô. Ethiopia bỏng cháy, nhạc da đen hú gọi cả

triệu năm chưa dứt, chập chùng với điệu *Paso* của bò mộng, những con bò say màu đỏ, cuồng lên cho đến chết. Cô mang trong da thịt óng ánh màu mã não hàng triệu năm lịch sử của Sừng Phi Châu. Có hàng nghìn kiếp nô lệ tưới đẫm mồ hôi trên thân hình đẹp như thần nữ. Hãn vuốt ve cánh tay của cô và thở dài. Cô ngừng xe ngay bờ dốc, gần đồi Frenchs Forest. Cả hai chui ra ngoài nhìn đêm sà xuống mặt hồ rộng bát ngát, đụng đầy bóng sao.

"Sao yên lặng vậy?" Cô hỏi Hãn, vẻ thao thức. Hãn ôm vai cô, bờ vai hơi thô, xương nhô lên, dấu tích ngàn đời của dòng tộc nô lệ. Giọng Hãn chùng hẳn xuống:

"Nói cho cùng, số phận của tôi và cô giống nhau, da vàng, da đen, nâu hay đỏ chúng ta đều bị nung nấu mấy tầng thù hận của tổ tiên..."

"Hôm đứng sau lưng anh, Sophie thích cái mùi Á Châu của anh. Bây giờ nghe anh rù rì, Sophie thích giọng anh nói."

"Tôi biết rõ một điều, ngay lúc vừa trông thấy cô, tôi chết điếng."

"Tại sao?"

"Đau khổ và hoan lạc của Phi Châu đầy ở trong cô. Chân tay, xương thịt và màu da của cô làm tôi run rẩy."

Sophie rất thích những câu nói nửa *platonic* thần tiên, nửa tà ma quỉ quái nên cọ đầu vào cổ Hãn, chọc cho Hãn nhột rồi cười khúc khích. Giọng cười làm Hãn căng lên. Hãn ôm lấy cô, tự nhiên như trời và đất phải theo nhau cho tới ngày thiên thạch xô tới, nổ tung thành mảnh vụn trong không gian vô tận. Hãn cẩn nhè nhẹ vành tai tỏa đầy mùi nguyệt quế lẫn vị ngọt nồng của chà là bóng bẩy. Cái hương gây nồng trên da tóc và mồ hôi của cô không thể nào gọi tên nổi. Rõ ràng, mỗi chủng tộc có một mùi riêng. Mùi của cô, là đêm rừng Phi Châu, là thịt cháy trong lửa than phù thủy, là hơi thở quỉ thần, là mùi ân ái còn bám đầy trong động đá tổ tiên cô... Cảm giác mê thích dậy lên trong da thịt của Hãn vẫn rờn rợn ghê người. Hãn bỗng nhớ chuyện xương người. Bộ xương cổ xưa nhất mà nhân loại tìm thấy được của một phụ nữ miền Trung Phi. Chính bộ xương già nửa triệu năm này đã cho phép các nhà khoa học tạm thời kết luận nàng Eve của nhân loại là một lão mẫu da đen. Sophie xoay người, tò mò nhìn Hãn. Với cô, Hãn vừa là một kẻ trong nhân thế, vừa xa lạc như người hành tinh. Mấy đứa bạn da trắng đã xầm xì quá nhiều về Hãn. Chúng kể chuyện Hãn, lúc ngùn ngụt như lửa, lúc băng sơn giá lạnh, khi mây mưa bão tố, rồi những lần lạ mặt thờ ơ. Ở đại học, Hãn biến thành một nhân vật bí hiểm trong cổ tích Phương Đông. Thấy mắt cô cứ rục lên, Hãn cười, hai mắt nheo lại trong bóng sáng biếng biếc chao lên từ mặt hồ:

"Hãy kiêu hãnh vì màu da của cô. Bỏ tên Sophie đi, cô phải là Saba,

bà nữ hoàng đẹp mê hồn đã làm Salomon ngất ngư điên đảo...!"

Lúc đó, Sophie nhảy lên, vít cổ Hãn xuống hôn như mưa như bão. Hãn xuôi tay chịu trận, cơn đồng thiếp màu đen. Mặt hồ lênh láng, bóng sao, bóng núi.

Đêm thứ bảy đó đầm đìa mồ hôi. Hãn lang thang khu King Cross với Saba cho đến sáng. Hát, nghêu ngao, cười la, hú gọi. Uống hết mấy chai rượu Saba bắt đầu say, vừa đi vừa níu lấy Hãn, nhiều khi hứng tình, cô quì giữa đường, mặt úp vào giữa hai đùi của Hãn, rồi ngửa mặt trông trời. Bầu trời đêm ấy trăng sao lẫn với đèn đêm. Cô ngửa cổ hát vang bài nô lệ da đen. Họ sống với nhau hai ngày. Long hổ thư hùng tả tơi rách nát. Mùi Phi Châu quấn riết trên da vàng của Hãn.

Saba có một căn flat nhìn ra biển. Ông bố Tây Ban Nha của cô làm giám đốc công ty chế biến dầu ô liu ở Bacelona. Saba được mẹ cưng như công chúa. Cô bao dung và yêu chiều thân xác của cô một cách lạ thường. Vào trận, cô không còn biết trời trăng thiên địa, cứ ngùn ngụt như hỏa sơn, phần da thịt màu đỏ của cô cũng lênh láng như Hồng Hải, vũng biển dài hai ngàn cây số, đã đưa Nữ hoàng Saba dong buồm lội đến với Salomon trong Cựu Ước. Hãn mấy phen ngộp thở trong đôi chân dài như chân hươu của cô. Đến lúc phải đi làm, Hãn mới có dịp gọi điện thoại về cho bà mẹ ưa càu nhàu than thở. Bà như ngửi thấy những âm vực rừng rú trong hơi thở con trai nên cứ dùng dằng không chịu cúp máy. Hãn phải gầm lên trong ống nghe: *"I'm all right, Mom. Bye!"*

Hãn vòng xe qua một khúc đèo, tìm ngã tắt tránh đèn xanh đỏ. Đường vòng ngặt nghèo, dốc đổ giữa hai bờ rừng. Con suối chạy quanh theo xe Hãn vi vu lá reo. Hãn quay kính xuống. Sydney đẹp như chưa một chốn nào đẹp hơn, mặt trời chưa tắt, đèn đường đã lên, xa dưới núi, đường lộ trải dài, những hàng xe nối nhau, không còn là xe sắt, chúng biến thành những giải sông vàng, sông đỏ đuổi nhau vào hư không vô tận. Hãn bỗng nhớ những mái tóc vàng, tóc hung bao lần quấn quanh rối rít trên da thịt nóng hổi. Cho nhau tới cùng, vậy mà vẫn ngoài nhau, vẫn có một trường thành không hình, không sắc ngăn chia định phận. Cách nằm ngồi, ăn uống nào khác chi nhau. Hãn nói tiếng Anh trơn chảy hơn tiếng mẹ ruột. Vậy mà họ vẫn lạc mất nhau ngay cả lúc đè nhau nghẹt thở. Những Helen, Maika, Mona... Họ tốt lòng, thân thiện, cảm thông và hiểu biết. Họ chia sẻ với Hãn những ngày tháng đại học, những cuộc biểu tình, những tranh đấu quyết liệt chống bọn kỳ thị trọc đầu. Vậy mà... Hãn vẫn một mình một xe, khi thành phố giăng đèn xanh đỏ.

Saba sinh ở Mỹ, theo cha mẹ lang thang nhiều nước, cuối cùng họ chọn Sydney như quê hương thứ nhất. Saba làm thư ký cho công ty của bố, nhưng không chịu ở chung với mẹ. Mỗi lần Hãn cao hứng hỏi cô

người nước nào, cô chống nạnh tay, mặt vênh lên: "Thì *black* đó, dân nô lệ một trăm đời, miễn không nô lệ đàn ông là được rồi. Há!" Saba như vậy đó, ngỗ nghịch nhưng đằm thắm, say sưa nhưng cứng cỏi. Cô sống hết mình cho thân xác và cho những khát vọng tràn bờ của cô. Cô đi khi muốn đi, làm tình khi cần, ăn khi đói, gào lên khi bị Hãn kích thích. Khi mặt giường phủ lại, cô đến trường, và học rất giỏi. Cô có mặt trong tất cả những buổi hội thảo căng thẳng về quyền lợi phái tính, bình đẳng chủng tộc. Tình bạn giữa hai người êm ả và thênh thang dễ chịu. Cả hai, không ai nói ra, đều tránh những ràng buộc có thể gây rắc rối lâu dài về sau.

Hãn đến với Saba, khi trời còn mưa. Biển vắng không người, chỉ có sóng gào lên với gió. Saba mặc áo choàng ngồi hút thuốc ở *balcon*. Thấy Hãn, cô vói tay kéo lại gần, úp mặt vào nơi cô thích nhất, rất lâu và không nói. Hãn vuốt ve cánh tay cô, màu da nâu ướp đầy vị mặn của gió biển làm Hãn thèm cháy họng, nỗi hạnh phúc được tan biến trong một người. Hãn kéo cô dậy, ôm ghì lấy, chiếc cằm vuông của cô ngửa lên. Biển đầy gió, những giải sóng ầm ầm xô tới, loang loáng như những nhánh bạc, tan tành bèo bọt, rồi lại rực lên như những chùm lân tinh chói lòa trên mênh mông đen thẳm.

Lúc hai người loay hoay, ngang dọc trên giường, nhạc tỏa ra từ một góc phòng nơi có cái chùm đèn hình bầu vặn vẹo như đỉnh tháp Babilon. Người đàn bà trong bức tranh *Female Nude* của Modigliani gục mặt xuống hai mắt khép lại không dám nhìn Hãn. Cái mặt nạ Phi châu cũng rung lên trên vỉ tường màu xám. Saba nói tiếng Anh bằng giọng cổ, khao khao, ngôn ngữ của cô phi thường hơn người: *"Eat me, darling!"* Có lúc cô rống lên như bị cắt cổ: "Đúng rồi đó! Đúng rồi Hãn! Đừng đổi!... Oh... *I'm coming... I'm coming!..."* Cô rít lên, không cần che giấu. Hai tay, rồi hai chân dơ lên như vó câu, mắt nhắm nghiền kêu van trời đất. Cô chưa bao giờ nói yêu Hãn. Cái lưỡi đỏ hồng của cô mải hôn, nó đốt da thịt Hãn thành than lửa mỗi lần tìm nhau dâu còn giờ nào rảnh rang để nói yêu nói ghét.

Khi đã no nê ú hụ, Hãn ngồi ở ghế bành, nhìn nàng da đen quằn quại trong một bức *printing* trên tường. Tiếng sóng, nhẹ hơn lúc ban chiều vẫn u u vọng tới đệm cho giọng hát ai vẳng ra từ dĩa nhạc CD. Saba nghịch ngợm, bò lồm cồm trên thảm lết tới ngậm ngón chân Hãn cười rúc rích như con chuột nhỏ. Hãn nhột nên kẹp cứng cô giữa hai đùi không thả. Gương mặt đen ngửa lên, vành môi rộng, mềm như trái vả, xương má cao hơn, vùng cổ nổi gân, cả một mặt người trồi lên như tượng giữa hai gối Hãn. Vực mắt tối thẳm hun hút như hớp hồn nhân thế. Bàn tay dài, rất thon, ôm vòng lên, đặt trên đùi trần của Hãn, màu da xậm

nổi lên những móng hồng ngon ngọt như kẹo. Hãn chưa bao giờ ngờ nổi, bàn tay người có thể đẹp đến chừng này. Mười ngón tay nâu mềm, mướt mịn như nhung, êm ái và gợi cảm đến nghẹn ngào. Hãn vuốt tóc cho tượng thần đen đủi, gương mặt sâu lắng. Saba, là nơi Hãn dừng chân lâu nhất trong những mối tình đại học. Một cuốn sách khó đọc, một thảo chương không bao giờ đóng lại. Yêu mê, thèm khát hay chỉ là dục tình sôi cháy? Saba dang xa, nhìn chăm vào mắt Hãn:

"Em làm Hãn buồn phải không?"

Hãn lắc đầu.

"Có mà, em biết rõ như vậy. Hãn phải hiểu, có lúc em là đàn bà, nhưng rất nhiều lúc, em muốn làm đàn ông..."

"Đừng lo, anh biết điều đó."

"Có nhiều lúc em cần anh sôi người lên. Sau lúc đó, em lạnh ngắt, và muốn một mình một nhà, không muốn nghe, muốn nhìn, bất cứ ai."

Hãn vẫn vuốt tóc cô, mái tóc rối như rừng nhiệt đới:

"Hãy sống như em muốn cưng ạ, băn khoăn đến người khác chẳng lợi lộc gì."

"Em ủng hộ quyền được sống, được bình đẳng và được bảo vệ của người đồng tính luyến ái. Với em, đó là ý muốn cá nhân, nói như nhiều người đó là một căn bệnh. *Live and let live*. Hãn biết đó, họ bị đàn áp bao nhiêu năm rồi. Họ có vẻ không đúng, về nhiều chuyện, nhưng ít nhất họ không giả hình và ích kỷ."

"Quyền được sống bình đẳng, định chế xã hội, luật công bằng là những danh từ người ta đã gào lên hàng mấy trăm năm rồi Saba à. Quan trọng vẫn là con người tìm về nhau, và chia nhau để sống còn trên quả đất. Luật sống cuối cùng vẫn là luật của yêu thương và thông cảm..."

Cô ngồi bệt trên thảm, ôm gối vào ngực, mặt ngửa lên, tâm sự:

"Đàn ông không bao giờ thỏa mãn khát vọng của bọn em... điều này ngày càng trầm trọng hơn. Nếu em đặt đời mình vào tay một gã đàn ông, dù là Hãn hay bất cứ ai, bi kịch chắc chắn sẽ xảy ra..."

Hãn cười, dí tay trên trán cô âu yếm nhưng không trả lời. Saba nhún vai châm thuốc hút phì phèo:

"Bà ngoại người Ethiopia của em kể rất rõ, hiện nay, trong rừng rậm Phi châu, vẫn có những bộ lạc theo chế độ mẫu hệ. Và họ sống rất bình an, không chiến tranh, không tội ác, không trộm cướp, hiếp dâm bạo loạn như văn minh phụ hệ. Luận án em đang soạn đặt rõ vấn đề này. Em sẽ gào lên cho đến lúc mọi người nghe thấy."

"Đừng ngại Sophie, cứ nói đi. Anh có thể tìm thêm tài liệu cho em nữa."

"Em đã đọc hàng núi tài liệu về chế độ phụ hệ. Rõ ràng đàn ông là

nguyên nhân của cái *sick society* này Hãn à."

Hãn gật gù: "Được lắm, luận án của Saba sẽ nổ tung như bom độc *sarin* ở đường hầm Tokyo cho mà coi. Tiếc là giáo sư đại học giống cái còn quá ít cưng à."

"Không lo, em đủ tài liệu để bắt mọi người tin em."

Cô bò trên thảm, lết tới gần tủ sách, chắc tại cô cầm tinh cọp rừng, hèn chi làm tình như dã thú, cô lôi ra cả một chồng sách đủ loại, lật tìm rồi đưa cho Hãn. Hãn giật mình, cô ta moi được đủ thứ của quí khắp các năm châu bốn bể đại học. Cỡi bà cọp này lơ ngơ có ngày thân tàn ma dại mất. Saba trề môi, đôi môi lai giống, ngọt hơn mật hoa:

"Hãn coi, chiến tranh lạnh dẹp tiệm, chiến tranh nguyên tử đắp mền đi ngủ, thế kỷ tới sẽ là chiến tranh phái tính. Kẻ thắng chắc chắn là đàn bà, thua ngài Đại Hãn của Đông Phương huyền bí."

"Em có đường làm giáo chủ lắm đấy, nghề giáo chủ đang ăn khách và hốt bạc mau hơn chính khách bựa nữa. Thử đi."

Saba làm lơ thói châm chọc của Hãn. Cô say sưa nói, hai mắt trợn lên, sáng quắc:

"Đàn bà đang ráo riết đòi làm linh mục, nghĩa là họ sẽ làm Hồng Y và Giáo Hoàng một ngày không xa lắm. Anh Giáo đã chịu phong linh mục cho đàn bà, giản dị quá. Giáo Chủ của Anh Giáo là bà Nữ Hoàng keo kiệt và giàu nhất thế giới."

"Ok. Nói nữa đi, muôn tâu Bà Giáo Chủ."

Saba hừ: "Hãn phải thua thôi, đừng làm bộ phách lối. Sau thời Trung Cổ đen tối mấy ông làm được trò gì? Mấy trăm năm chiến tranh, bạo động, nghèo đói, ô nhiễm toàn cầu... do ai? Thủ phạm chính là đàn ông, đúng không?"

Hãn vòng tay, gật đầu thích thú. Saba vẫn hăm hở:

"Lò thiêu người của Đức Quốc Xã, bom nguyên tử, vũ khí hóa học, trại tù cải tạo, chiến tranh vi trùng... do ai? Trò chơi của đàn ông, đúng không?"

"Đúng quá." Hãn cười cợt phụ họa để Saba bừng bừng sát khí:

"Suốt mấy trăm năm, từ khi chế độ phụ hệ leo lên dầu đàn bà, đàn ông chẳng làm được trò gì ra hồn, ngoài loạn lạc, thối nát và hư hỏng. Đàn bà rộng lượng nên im lặng nhìn đàn ông bày đủ trò chém giết. Họ đẻ con, giặt quần áo, nấu cơm. Giáo hội đòi phụ nữ phải thánh thiện như Đức Mẹ, trong lúc đó đàn ông lũ lượt rủ nhau vào động điếm."

"Vậy bây giờ Saba muốn gì? Muốn đàn ông nằm dài người ra, rúc trong phòng kín, mặc váy, che mạng, đẻ con, nấu bếp cho đàn bà tung hoành ngang dọc? Sợ đến lúc đó, các bà lại lết tới lạy lục đàn ông ra tay cứu họ thoát bệnh buồn chán. Tưởng tượng đi, ra đường chỉ còn các bà

nghênh ngang, đàn ông khúm núm ôm váy cho vợ."

Saba cười ré lên, rồi vội vàng nghiêm mặt lại: "Không phải như vậy, Sophie muốn xã hội phải phân công và tổ chức hợp lý hơn. Điều chắc chắn cái định chế đàn ông cưỡi đầu đàn bà này không thể kéo dài được nữa."

Hăn cười, bắt chước cô, Hăn cũng bò lồm cồm trên thảm giống như người tiền sử lết tới gần Saba đang hầm hừ với đống sách vở chết tiệt ấy:

"Saba biết không? Người Đông Phương có câu đạo gì cũng không bằng đạo Thờ Bà. Tổ tiên anh, ngày xưa theo chế độ mẫu hệ. Saba phải nghiên cứu kỹ văn hóa Phương Đông vào. Bảy năm, sau khi Jesus chết, ở nước anh đã có hai bà vua: Trưng Trắc và Trưng Nhị. Có thể nói đó là hai vị Vua đầu tiên của dân tộc anh, bởi những đời vua Hùng trước đó, là thời không có sử."

Saba sáng mắt lên: "Ồ! Super quá hả. Gần hai ngàn năm trước, dân nước anh đã có những hai bà vua rồi sao?"

Hăn gật đầu, cười lén khi thấy mặt mày Saba sáng lên hí hửng. Cô tiếp tục xăm soi đống tài liệu hóc búa rồi lẩu bẩu như người niệm chú, nghĩ sao, cô lại bò bằng đầu gối lết đến tủ sách. Hăn mệt phờ râu vẫn phải nuốt nước miếng cho nguội bớt người. Chắc bà cọp này biết rõ nó bò đẹp hơn đi đứng. Gò mông nổi lên bầy hết phần thịt lõm vào hang hiểm. Moi được cuốn sách bọc bìa da, cô chăm chú lật trang cần tìm, rồi lết trở lại dí vào mặt Hăn:

"Hăn coi đi, đây là bức tự họa trưng trong nhà nguyện Sister Chapel, một nhà nguyện của những người chủ trương quyền lực của đàn bà ở New York đó. Thượng đế là đàn bà. Ai dám chứng minh Thượng đế là đàn ông nào?"

Hăn cười ngất nhưng cũng làm bộ nghiêm trang khi cúi nhìn bức tranh khá đẹp, vẽ một Thượng Đế đàn bà. Bà ta dang tay, hào quang sáng lòa từ mái tóc dài, đến từng ngón chân. Chất nữ mượt mà tràn tỏa trên mặt tranh. Những vệt màu rực rỡ, lung linh trên tóc da bà Thượng Đế. Sức sống, thanh xuân, màu da thịt. Bà Thượng Đế này quả thật hấp dẫn và gần gũi hơn cụ Thượng Đế râu dài trong Cựu Ước vạn năm.

Hăn gấp sách lại, trả cho Saba: "Hình ảnh Thượng Đế có râu đã là một ấn tượng bất diệt không thể thay đổi Saba à."

Saba vẫn ngổ ngáo nhún vai: "Đó là thứ truyền tụng áp đặt của chế độ phụ quyền đấy. Tại vì Giáo Hoàng, Lạt Ma, cả Phật, cả Mohamet, đều là đàn ông nên mới có chuyện bất công này... Thế kỷ tới, mọi thứ sẽ phải thay đổi. Đã đến lúc đàn bà phải ra tay cứu cái thế giới trầm luân này. Phải theo gương tổ phụ da đen. Mẫu hệ là một chế độ ổn định nhất trong lịch sử loài người."

Thấy Saba sôi sục mãi, Hãn chỉ còn một nước để cúu vớt đời nhau. Chú chàng kéo phắt cô vào người, xiết chặt rồi vật cô trên thảm, cô thôi bai bải chuyện nữ quyền trời ơi đất hỡi, cô rú rít đòi Hãn phải hiếp cô tan như vụn cám. Hãn hóa phép cô trở lại đàn bà. Khi Saba lên thấu đỉnh trời, cô chới với bấu chặt lấy Hãn hổn hển gọi Hãn là thần linh là ma rừng ma núi. Mùi nguyệt quế tràn đầy lênh láng. Hãn hôn lên môi cô để cám ơn. Sách báo ngổn ngang lăn lóc một xó phòng. Căn phòng nồng lên mùi của hai người. Nhạc bay lên trần cao, giọng hát nhừa nhựa của Jo Lemaire chiếm lấy khoảng không còn giam đầy hơi thở: *"La nuit te ressemble! La nuit te ressemble. Et je me sentis bien dans ses bras..."*

Họ tắm chung, ăn chung rồi đua nhau xuống khu Paddington. Rừng người xô về cho ngày hội Mardis Gras. Tháng ba, không nóng và không lạnh. Trời thu vàng, Sydney trở mùa nõn nà với những công viên bát ngát màu xanh cỏ. Biển, trời, cây ven đường, cỏ hoa mênh mông. Thành phố thiên nhiên nhất của văn minh đô thị dang tay đón ngày hội lễ. Tháng ba của Mardis Parade đã biến Sidney thành Rio Carnivale. Hàng triệu du khách từ khắp nơi trên thế giới đổ về thành phố, nơi có biển có hồ, có núi non hang động, có vô số công viên không ai đếm nổi. Có bầy chim đủ màu, bay cùng trời đất, giỡn nghịch với người như bạn thân.

Xe của Saba phải đậu rất xa. Cô ôm vai Hãn như bạn trai, đi nghênh ngang, tay đút nhờ trong túi quần *baggy* của Hãn. Có lúc cô ré lên cười vì chọc được Hãn sừng cồ nơi ấy. Hãn mê thích cô, nhưng e dè né chuyện tình yêu. Cũng may, Saba xử sự như bạn trai, cô bận học, bận chơi, không rảnh rỗi để tìm tòi căn vặn đời riêng của Hãn. Hãn ôm bọc quần áo hóa trang và túi giấy cồng kềnh mũ áo cho cô. Thỉnh thoảng Saba ngừng lại giữa phố, nườm nượp những đàn ông đàn bà để chào hỏi bạn bè. Họ ăn mặc cầu kỳ, son phấn rực rỡ. Một vài người ở trần, giây tua, vải màu lóng lánh che thân. Khi Saba tíu tít cười nói với họ, Hãn một mực làm thinh. Bài học xương máu đổ ra cho những cuộc tình tan trong mưa bão đã dạy Hãn nghệ thuật đứng ngoài mọi trò ngông ngược của đàn bà. Hãy dành hết sức lực, để... một! hai! ba!... húc vào cái mục tiêu nguy nga kỳ bí trên thân thể người nữ.

Taylor Square, nơi những "chàng" "nàng" tung phèng lộn giống. Phấn son, xiêm áo trắng bạc, đỏ vàng, tím lục, xanh đen chói lọi. Du khách đổ về nao núc với những bày biện trần truồng nhất của da thịt phái tính. Những bộ ngực rung rinh, những gò mông nây tròn, những giò đùi căng cứng, nhiều mặt người ngây ra vì tò mò, phấn khích trước những thân người, bút tung mọi thói tục bình thường. Họ phô trương, uốn ẹo dài khắp ngã đường, những núi đồi, hố thẳm bày ra hết cỡ, người ốm khẳng khiu, người thổn thện thừa mỡ, kẻ no tròn kiêu hãnh, người

tóp tép xương hông... Họ túa ra chung quanh Hãn, buông tuồng, xả cảng đến mức cùng. Xã hội nghiêm ngặt ngày xưa đành quay đi, rộng lượng. Sau mấy nghìn năm bị gìm chặt vào những tập quán, đạo đức của xã hội cổ truyền. Dục tính hôm nay, bung ra, chiếm mọi góc phố, thị thành. Cuộc cách mạng tính dục ném tung vào nhà thờ, trường học, gia đình những thói tật sa đà, những kích cỡ xoay ngược chồng vợ, những kiểu cọ của vật của người. Dục tính không còn là thứ đặc nhiệm để xây dựng hôn nhân gia đình, chúng cũng vùi luôn bản năng truyền sinh của phái tính. "Vợ" có thể là một chàng thơm lừng son phấn, và cô bạn thân tình, một sớm mai thức dậy bày trò "vợ chồng" với đầy đủ phụ tùng nhân tạo của một gã đàn ông.

Hai người đẩy cửa bước vào quán nước của một khách sạn ở lầu một. Hãn gọi cho mình một lon bia, Saba gọi cà phê đen không đường. Hãn nhìn thiên hạ rước mông, rước đùi diễu qua khung kính rộng. Bàn nào cũng đầy người, họ bàn về những đoàn xe trang trí vô cùng lạ mắt, những kiểu áo lộng lẫy từ thời cổ đại, cho tới thời chiến tranh hành tinh. Đa số *gay* và *lesbian* đều có học. Họ có công ăn việc làm và không bận bịu chồng hay vợ dùm đề con cái, họ dư thừa tiền bạc và thời gian, tung hê cả năm cho một ngày đại hội. Những chiếc xe biến thành cung điện có ngai vàng, lọng che. Những rừng hoa mọc trên xe tải, những thuyền tình đầy công nương mỹ nữ, vua quan nghênh ngang mũ áo ngốn ngấu đô la như rồng cuốn nước. Những áo quần, mũ nón là những sáng tạo tân kỳ về màu sắc và kiểu cọ lạ đời. Saba nhìn đồng hồ, rồi mời Hãn nhập băng với cô. Hãn không muốn làm phiền Saba nên lắc đầu đưa túi xách cho cô để tạm biệt. Cô dùng dằng chưa muốn bỏ đi vội:

"Sau diễn hành, em chờ anh ở đây, Hãn nhớ đừng đi xa quá. Tụi em sẽ xuống cửa sau của khách sạn, ngược lại Hyde Park, diễn hành tới sáng. Hãn có thể lên xe với bọn em, họ là y tá, bác sĩ và các nhà tâm lý..."

Hãn lắc đầu: "Đừng lo cho anh. Anh chưa chuẩn bị, để dịp khác đi."

Saba chun mũi nghiêng đầu ngẫm nghĩa bạn rồi phán: "Thân hình võ sĩ của Hãn, chỉ cần quấn một chiếc khăn nhỏ ngang hông với quần *jockey* nhỏ xíu, bảo đảm thiên hạ vỡ tim hết."

Hãn phì cười: "Được rồi, sang năm..."

Hai người bạn *lesbian* của Saba đã thay xong xiêm váy. Họ mặc váy tua màu xanh biếc đầu đội vương miện cao ngất ngưởng, đang len lách đi tới, họ đột ngột dừng lại, reo lên khi thấy Hãn:

"Sao hôm nay Đại Hãn giống anh chàng Forest Gump quá vậy?"

Saba tay ôm bọc áo, mặt vênh lên, hớn hở như bé con được kẹo:

"Lầm to. Chàng ta giả vờ đấy, không Gump một tí nào. Chàng ta là Thần Rừng có ma thuật mê ly lắm đó, muốn thử không?"

Hai người ồ lên, ôm choàng lấy Hãn, rồi dơ nắm tay dứ dọa Saba:

"Được lắm, đừng có dấu Đại Hãn làm của riêng đấy nhé." Ghé sát vào tai Hãn, một cô thì thào. "Sophie nói Hãn có bùa mê. Nhớ cho bọn này một cục bùa mê làm vốn nghe."

Saba hôn vội lên môi Hãn, rồi uỡn ẹo theo bạn đi khuất vào hành lang bên trái để thay xiêm áo rồi xuống đường ở ngã sau khách sạn. Đôi mông tròn nẩy lên cong cớn. Hãn thọc tay vào túi quần bỏ đi. Hãn thấy nhẹ người. Saba đáng cho Hãn mê mẩn nhưng vẫn là một gánh nặng, trì xuống bên đời.

Họ e ngại cơn mưa, năm nào cũng rình chờ ngày hội để trút xuống. Mấy cụ già, chắc đấm ngực trong nhà nguyện dữ lắm. Các cụ nhắm nghiền mắt lại khẩn cầu Chúa cho mưa lũ ào xuống quét đi thói hư cuồng loạn này. Chúa chắc hiền hơn họ, nên trời chỉ mưa dông chút đỉnh rồi lại tạnh không cho đoàn người trần truồng mở đầu vũ hội. Họ quấn khăn nhỏ ngang người đi từng đoàn, tay chân vung vẩy bày đủ da thịt, rồi nhảy tung lên, tháo tuột khăn nhỏ dơ lên vẫy chào cái đám đông bùng lên trong tiếng nhạc inh tai hét xuống từ ba máy phóng thanh. Đám đông nêm cứng hai bên đường, sau hàng rào cản hí hửng ồ lên. Âm thanh náo nhiệt, càng lúc càng inh ỏi. Đoàn người múa may, vỗ về thân thể, rồi hồn nhiên làm đủ động tác dâm tình trên xe hoa, và trên cả mặt đường. Ảo sắc chập chờn, xe, người, xác thân, nhạc trống, kèn đồng, không thiếu một trò ngông nào của loài người từ cổ đại xa xăm cho tới hôm nay, ngày của tự do và thách thức. Julian Clary, anh chàng đẹp hơn con gái, mắt ngây thơ như nai con, giò dài ngon mắt, mặc váy đỏ, giọng khàn khàn xuất hiện trên màn hình của quán nhạc bên đường đang trực tiếp truyền hình cảnh tượng sôi động của ngày hội, cho kẻ lười nhìn đỡ khi không muốn mỏi cổ ngóng từng đoàn người diễu qua. Nàng Elle McFeast của Truyền hình ABC tròn trịa leo lên xe, tuột xuống đường, khư khư cầm *micro* phỏng vấn đủ người. Cô phải hét lên để át đi âm thanh rộn ràng của đám đông chung quanh.

Có đoàn người mang tóc giả rung rinh lông chim. Có đoàn khác, kết cả một vườn hoa trên đầu. Hoa che bụng, che ngực, hoa trĩu nặng hai chân. Có đoàn nữ binh, không thèm mang nịt vú, thân thể bầy ra, nguyên hình trong túi nhựa trong vắt. Có đoàn nô lệ, xiềng sắt buộc quanh ngực, kéo lê thuyền chiến, khom lưng rên rỉ dưới những đòn roi da của chủ nhân da trắng. Rồi đoàn ngựa bay kéo chiếc xe bạc lấp lánh trời sao đưa nữ chúa về nơi huyền thoại. Có đoàn *lesbian* miền Đông Á, mặc triều phục Mãn Thanh, bằng gấm đỏ, gấm xanh in hình rồng hình phượng, mũ mão dát ngọc rung rinh trên vai. Có những nhân ngư múa hát trên tàu ma, đuôi cá dài thả xuống thành tàu vẽ hình thủy quái. Có lông chim

của người da đỏ, có bà nữ hoàng môi đỏ tham lam. Họ trêu chọc đủ loại người từ những vị uy nghi quyền quí đến những kẻ giả hình tồi tệ. Họ hóa trang thành cha cố, hồng y, sư sãi. Họ mặc y phục Giáo Hoàng dang tay chúc lành. Thiên hạ sũng sờ nhận ân phước từ tay kẻ tà đạo to gan ấy.

Mưa thình lình trút xuống. Khách ngao du vội căng dù che tóc, nhưng vẫn hăm hở đứng coi thiên hạ mê man bày biện xác thân và khoe khoang ảo sắc. Gió hú lên, thổi về từ biển, bụi mưa nghiêng mờ mịt đường phố. Chiếc xe hình cung đình vẫn chậm chạp lướt tới, trò dâm tình của lũ vua quan trần truồng trên nệm gấm đỏ rực vẫn tiếp tục quấn quít, trước cột đền thờ, và ngay trên nệm giường đì đùng pháo nổ. Người cứ trần trụi nối nhau đi sau xe, quên mưa quên lạnh. Hãn đứng trên thềm cao nhìn trò chơi vô thường diễn qua. Năm mười phút phù du, cho một năm hồi hộp chuẩn bị. Bao nhiêu tiền của trôi tuột trong cơn mưa này?

Saba! Kìa, Saba! Cô đứng trên chiếc xe đỏ rực như máu. Máu của người bệnh AIDS. "*In Bed With Nana*" Lại trò gì nữa đây!? Hãn mỉm cười nhìn cô uốn người trên chiếc xe đỏ rực đó. Chiếc xe mang hình bệnh viện lướt chậm như trôi trong cơn mộng. Cô không quần không áo, *panty* đen dán cứng vào người, da thịt cô hằn rõ như khỏa thân. Chiếc áo choàng màu thủy ngân sũng nước bám vào hai cánh tay cô đang dơ lên đỡ quả đất in những lời kêu gọi nhân loại "làm tình, đừng làm chiến tranh". Gương mặt cô nổi lên đen thẫm lại trong những chùm sáng đỏ. Dưới chân cô, những đàn ông và những đàn bà quằn quại rên rú trong cơn đau địa ngục của chứng bệnh tàn khốc đó. Thân thể họ không có vải, chỉ có những sợi giây quấn quanh, hình như là giây thừng. Mưa giăng mờ, nên Hãn nhìn không rõ.

Hãn bỏ đi. Chàng ta ăn như Tây uống như Úc nhưng trong sâu thẳm vẫn là hậu duệ của một chủng nòi thâm trầm tế nhị. Gió quất vào ngực Hãn. Loa phóng thanh vẫn inh lên, gào la khát vọng. Hãn kéo cao cổ áo cho đỡ lạnh. Cách mạng tính dục? Tự do làm tình? Giải phóng thân xác? Về đâu nơi chặng cuối? Một nhân danh đẹp đẽ để buông tuồng da thịt, bút tung mọi ràng buộc xưa cũ rồi tự rơi mình vào một ràng buộc khác âm hiểm hơn là chính dục vọng vô bờ của mình. Kẻ thù hết là người, là Giáo Hoàng uy nghi đạo hạnh, là Khổng Tử rổn rảng dạy khôn, là thánh thần đe dọa. Kẻ thù là mình, là căn bệnh nguy nan khốc hại, là ma túy, là trùng độc HIV vô phương chạy trốn. Cuối đường chính là ta, lở lói, rên la. Trời mưa dữ hơn. Hãn làu nhàu một mình: Saba sẽ bị cảm lạnh, cô sẽ bò lê trên thảm rồi hậm hực với bà Thượng Đế của cô từ khuya cho đến sáng.□

Bờ Xa Đã Cạn

Đặng Mai Lan

Bích đưa bạn vào quán. Nàng chọn cái bàn trống mãi tận trong góc, chỗ mà có lẽ chẳng ai thèm màng đến. Mùa hè, những quán hàng hai bên phố xá tấp nập người và thường người ta vẫn thích chọn những chỗ ngồi lộ thiên mát mẻ để có thể vừa giải khát, vừa nhìn ngắm quang cảnh phố xá, người qua kẻ lại, một cách nhàn hạ thong thả. Rất hè và rất sống. Như có một chút kiêu hãnh nào đó trong cái nhàn hạ ấy, ở một xứ sở thiếu vắng mặt trời.

Hai người bạn, thoạt nhìn người ta có thể lầm tưởng là hai thiếu nữ với vóc dáng mảnh dẻ và cách ăn mặc khá trẻ trung nhưng nhìn kỹ hơn một chút mới có thể tìm ra nét già dặn chín mùi trên gương mặt, toát ra từ đôi mắt, từ điệu bộ cười nói. Tuy nhiên, dưới mắt nhìn của người bản xứ thì chẳng có gì khác biệt lắm giữa một thiếu nữ và một người đàn bà nơi họ, nên có những cặp mắt dõi theo của những chàng trai còn khá trẻ khi hai người băng ngang.

Thanh riu ríu đi theo bạn và có vẻ bực mình.

"Con khỉ, ngồi ngoài thì không ngồi, lại chui vào trong kẹt."

"Cũng cái tật lẳng lơ không chừa. Cứ thích phơi ra cho thiên hạ ngắm!"

Khi đùa bỡn bạn bằng câu nói đó Bích mới nhận ra mình thực sự trở lại là một con Bích ồn ào phá phách, nghịch ngợm của khoảng hai mươi năm về trước. Lúc đón Thanh ở phi trường, thật tình Bích lúng túng không biết phải xưng hô với Thanh như thế nào? Bà, tôi. Mày, tao. Thanh, Bích? Chết chửa, ngày xưa mình gọi Thanh bằng gì nhỉ? Bây giờ hai đứa chưa già lắm, nhưng đã có con cái lớn tồng ngồng, mày với tao sao nghe kỳ quá. Lâu rồi, từ ngày sang đây, Bích đâu có dịp nào được dùng đến thứ đại danh từ dễ thương của thời nhỏ nhít, ngây dại ấy nữa. Nàng đã già đi trong vòng thân thuộc mới, liên hệ mới. Cùng đi với đời sống

khuôn khổ, cô đơn (?). Bích chỉ ôm chầm lấy Thanh lúc đó nhưng Thanh thì không. Nó tỉnh như sáo, vẫn sôi động, rắn mắt như thuở nào. "Tao nhất định không khóc khi gặp lại mày. Diễu! Nước mắt đâu có để phí như vậy. Cười đi con khỉ!" Thanh chặt đứt thẳng thừng sợi dây xúc cảm đang bó xiết lấy Bích và cả chính nó. Bích hiểu điều đó nên cũng ráng tháo gỡ những ngượng ngập, bối rối. – Mỹ thật! Không biết thật sự mày bị chồng bỏ hay bỏ chồng đây? Nói như thế nhưng Bích vẫn cảm thấy là lạ vô duyên làm sao trong cách nói có tính cách trêu chọc của mình.

Khi uống xong hớp nước *Fun tea*, một loại trà có mùi trái anh đào và những viên đá lạnh cho qua cơn khát, Bích mới nói với Thanh.

"Thật tình lúc gặp lại mày ở phi trường tao cảm động quá sức, mày biết tại sao không?"

"Úi chà. Mày có vẻ nghiêm túc như lại tình cảm như một bà già. Khi được thông báo là máy bay sắp đáp xuống kinh đô Ba Lê ánh sáng, tao đã vẽ lại mắt mũi cho đẹp với người Ba Lê, thành ra tao sợ là phải khóc theo mày, hỏng hết, hoen hết. May mà gặp lại tao, nếu gặp lại kép cũ chẳng biết rồi mày sẽ như thế nào nhỉ?"

Thanh nhấn mạnh hai chữ "Ba Lê" làm Bích không nhịn được cười.

"Tao cảm động thật ấy chứ, vì không ngờ là mày vẫn như xưa. Đừng tưởng tao khen mày trẻ mãi không già nhé. Còn lâu! Tao mừng vì thấy mày không thay đổi. Tao cứ tưởng là mày sẽ có một cái mũi cao hơn một chút, con mắt sẽ to ra, hum húp như mắt búp bê và không chừng thêm một cái núm đồng tiền đáng giá ngàn đô nữa."

"Đồ dểu, sao mày không tưởng tượng thêm vòng đo bộ ngực và cặp mông của tao luôn cho đủ bộ."

"À cái này tao chưa kịp nghĩ đến, mày có hơi mập ra, nhưng cũng đáng nghi ngờ đấy. Độc thân, nghề nghiệp vững chắc, tiền bạc rủng rỉnh, lại trong vòng tuyển chọn, tội chó gì không làm đẹp, tăng thêm giá với các chàng nhỉ."

Một cách hóm hỉnh, Bích vừa nói vừa liếc nhìn thân thể bạn.

"Nham nhở vừa vừa thôi, đồ quỷ! Mày coi thường tao quá. Mắt mũi tao đủ tự tin để ngó ngang, ngó dọc khi ra đường. Còn mấy thứ phụ tùng khác à... Thôi tao xin, thằng nào nó mê mình chỉ vì mình có bộ ngực căng tròn, cặp mông săn cúng có nghĩa là nó chỉ muốn rước em lên giường thì bà cũng rước đi chỗ khác chơi."

Thanh lại nhấn mạnh chữ "rước" dặc sệt giọng Bắc kỳ của cô đào Hồng Vân thường hay đóng trong những phim hài hước, những vai đanh đá rất nổi tiếng tại Việt Nam và cả hai rũ ra cười. Chưa bao Bích cảm thấy mình vui đến thế. Thanh cũng nhận ra điều đó nơi bạn. Từ mấy ngày nay, Bích thường hay đùa giỡn với Thanh, nhưng có vẻ khuôn phép,

chừng mực hơn. Trong Bích thoang thoáng điều gì đó trầm tư, khép lạnh. Một dạo lâu Bích than buồn, lục đục tình cảm chi đó. Nhưng lâu lắm rồi và Thanh nghĩ mọi sự chắc đã qua. So với những dạn dày, xông xáo trong cuộc sống, những ba chìm bảy nổi của Thanh, thì Bích có một đời sống tương đối khá êm ả. Có lẽ vì thế Bích trở thành ngoan hiền thuần thục, và mang một nét yếu mềm. Nhưng ngược lại giữa những sôi nổi sống động nơi Thanh thì Bích có vẻ chín chắn, già dặn hơn. Một thứ đàn bà trẻ con, chín mùi lãng mạn. Chết người đây chứ chẳng phải chơi. Tự nhiên Thanh cảm thấy có một sự tò mò thôi thúc, muốn tìm hiểu về đời sống của bạn khi nghĩ đến điều này. Dù Bích có cười tươi hơn hôm qua, hôm kia nhưng nhất định phải có điều gì đó thầm kín, ẩn giấu sau nụ cười hồn nhiên phơi phới ấy.

"Bích này, tao không đùa nữa đâu, thật sự mày có cười to hơn nữa tao vẫn thấy mày buồn buồn làm sao ấy. Một dạo mày viết thư than thở rồi lấp lửng im hơi. Có gì nghiêm trọng lắm không? Chồng con, mày hạnh phúc hơn từ hồi còn ở bên nhà chú?"

Bích im lặng ngó mông lung khoảng đường trước mặt. Thanh hỏi nàng nhiều quá. Từ mầu quần, sắc áo. Không như lúc xưa, tại sao bây giờ nàng chỉ yêu những mầu đậm tối. Lúc xưa nàng thích ăn món này, món nọ. Tham ăn nữa là khác, lúc nào con mắt cũng to hơn cái bụng. Bây giờ chẳng thấy Bích ngon miệng thèm muốn một thứ thức ăn nào. Bích ăn nhỏ nhẹ, lười biếng như một chú mèo con. Thanh để ý từng chút, nhớ từng li từng tí những kỷ niệm và đặt vô số những câu hỏi. Trí nhớ của Thanh như một ngọn đèn treo lơ lửng trên cao, vừa được thắp lên, xoay tròn chiếu sáng đều đặn, tỏ tường nơi từng góc tối trong căn nhà quá khứ. Bích cũng chẳng hiểu mình đã thay đổi tự bao giờ và trả lời làm sao với bạn. Xưa, nay. Phải già đi và phải khác đi chứ! Chẳng bao giờ Thanh vừa lòng cái lối trả lời của Bích. Như khi Bích chọn cái góc tối lặng thinh này giữa những hoan hỉ xô bồ ngoài kia với lý do sợ nhức đầu, chóng mặt vì nắng. Trong ánh mắt của Thanh cũng có vẻ nghi ngờ, nghĩ ngợi. Bích hiểu điều đó. Bích nghĩ, mọi điều đã cũ, đã chừng mỏi mệt với thời gian. Với Thanh nàng chẳng có gì cần phải dấu nhưng nàng thực sự không biết phải nói gì, phải mở đầu như thế nào?...

"Hạnh phúc hơn là cái chắc. Nhưng khi tao có được cái hạnh phúc vẹn toàn ấy tao lại không còn muốn thiết tha cầm giữ. Ngày trước tao buồn vì Cung phản bội tao và dạo sau này tao buồn vì tao lại không thể trung thành với Cung nữa. Nhưng mà tao thông cảm chồng tao. Cung không đủ can đảm, thú thật với tao lúc ấy để tao xé bỏ tờ hôn thú, cũng như tao không thể bảo rằng tao đã yêu một người khác. Không đứa nào can đảm hơn đứa nào cả và phải xoay lưng lại với nhau suốt đời trong

một mái nhà, đồng sàng dị mộng. Mày tin là có lúc tao ngột ngạt đến muốn tự tử không? Nhưng đôi khi tao cũng thắc mắc tự hỏi. Nếu tao ly dị chẳng biết rồi tao có hạnh phúc hơn được chút nào không, đâu phải sự thay đổi nào cũng sẽ tốt đẹp."

"Người đàn bà kia còn kẹt lại ở Việt Nam đã đành, nhưng còn anh chàng ấy thì sao?"

"Sao là làm sao? Tao không rõ ý của mày."

"Mày bảo rằng cũng có lúc mày buồn đến muốn tự tử. Ngày trước mày kênh kiệu, khó tính như ma, tao nghĩ cái thằng cha này chắc phải tuyệt vời lắm. Nhưng chắc là mày chưa yêu hắn đến độ dám hất tung tất cả. Mày thừa lãng mạn, đam mê và dám làm lắm chứ chẳng phải không. Hắn ở đâu vậy?"

"Cái thằng cha, hắn...," Bích lẩm nhẩm trong đầu câu nói của bạn. Chẳng biết ai là ai cả, nó cứ gọi bừa bằng thứ danh từ không mấy gì thiện cảm... Cái thằng chồng cũ của tao, thằng *chef*, thằng giám đốc... Lúc nào Thanh cũng du côn một cách hồn nhiên. Và Bích nhớ đến Hiệp. Cái thằng cha! Nàng không biết mình có thể gọi Hiệp được như thế không? Anh ấy, anh Hiệp. Nàng ngoan ngoãn, dịu dàng mỗi khi nhắc đến chàng với người khác. Ngay cả trong những lá thư viết cho chàng. Anh Hiệp, Anh Hiệp! Chỉ có thế. Lạ lùng là nàng không bao giờ dùng được chữ "yêu" hoặc "yêu dấu" đệm theo sau như những người yêu nhau khác. Nàng nhớ, ngay từ lá thư đầu tiên, khi chấm thêm những dấu chấm dài kế tiếp chữ "Anh Hiệp," Bích đã ngập ngừng ngơ ngẩn rất lâu. Tại sao em không thể điền được một chữ gì khác vào những dấu chấm kia nhỉ? Em thấy xấu hổ, kỳ kỳ làm sao... Nàng đã nói với chàng như thế. Bích mang nhiều mặc cảm, hay là những hạng từ ấy không đủ để Bích diễn đạt bày tỏ tình cảm của mình. Ngay cả những lúc điện đàm với Hiệp. Đôi khi Bích cũng ngạc nhiên tự hỏi về mình. Có chút gì đó nguợng ngập trong nàng. Tại sao Bích chỉ quanh quẩn những chuyện không đâu, chẳng ăn nhập gì đến những liên hệ đằm thắm của hai người. Như chẳng hề có chuyện gì xảy ra. Mặc dù nàng yêu Hiệp quá sức. Chính Hiệp đã thốt lên điều ấy, nhưng hình như đó cũng chẳng phải là sự mong muốn, là hạnh phúc của Hiệp.

Bích không thể không làm sao tránh được những cay đắng bùi ngùi khi nghĩ về Hiệp. Nàng nhìn bạn với nụ cười nhạt nhẽo. Con nhỏ cứ nhắc hoài hai chữ ngày xưa. Ngoài việc ly dị, kể như một thất bại của hôn nhân. Thanh thành công về mọi mặt. Thanh đầy tự tin nơi đời sống, tự tin đến nỗi Thanh còn nói với Bích rằng, ly dị có lẽ cũng là một may mắn cho Thanh bởi vì từ đó Thanh đã vươn lên, chống chỏi lập thân để có một sự nghiệp vững vàng như hiện tại. Thanh sẽ chẳng hiểu gì nơi

Bích cả. Không những nó sẽ bảo nàng điên rồ mất thôi. Làm sao nàng có thể được như Thanh nhỉ? Hình như Thanh lúc nào cũng ở một tư thế phòng thủ, đầy đủ bản lãnh tự vệ trước đời sống và cả tình cảm.

"Bỏ cái ngày xưa của mày đi. Cũng đừng thắc mắc về cái thằng cha nào đó của tao đang ở đâu? Được một chút như xưa đã là hạnh phúc. Tao hết thời rồi, không được như mày đâu. Càng già tao thấy mình càng dại. Mày nói đúng đấy, tao thừa lãng mạn, dám sống, dám làm. Nhưng sai ở chỗ là tao yêu thằng cha ấy quá cỡ, mà hắn lại không yêu tao lắm để xúi tao bỏ chồng theo hắn. Vì thế mà tao đã không trở thành hư thân mất nết. Đạo đức, hy sinh trong tao được tuyên xưng một cách gian dối tuyệt vời từ những khiếm khuyết, những yếu tố chua cay như thế đấy. Mày hiểu không?"

Thanh tròn mắt:

"Biết hắn không yêu mình lắm lắm, vậy sao mày vẫn cứ đau khổ?"

"Nói chuyện với mày chán chết. Đau khổ mà còn cứ với lại không cứ. Đến một lúc nào yêu đi rồi biết."

"Mày làm như tao chai đá lắm, làm như tao chưa biết yêu bao giờ vậy. Bích này, tao muốn biết mặt mũi thằng cha ấy. Dạo đó mày viết thư nhưng mập mờ quá. Tao nghĩ tâm tính như mày phải có một mối tình rất đẹp, một người tình rất tuyệt vời và tao thắc mắc mãi. Mày ác thật, thà đừng nói gì cả."

Bích buồn bã.

"Tại thấy mày lo chuyện công danh. Sợ mày chửi tao điên, ăn không ngồi rồi, lãng mạn phù phiếm. Nhưng phôi phai rồi. Đẹp hay xấu là do nơi sự vẽ vời tưởng tượng của mình, đôi khi mình tự giết mình ở chỗ đó. Tao không đau khổ nữa. Chỉ tiếc đã làm những việc không nên làm, những gì giữ được, lại không thể giữ, vậy thôi."

Thanh cúi xuống nhìn ngắm những móng tay dài sơn đỏ của mình, nguệch ngoạc vẽ những đường nét vô hình trên mặt bàn lộng kiếng và thầm nghĩ về bạn. Nó cay đắng quá mà cứ bảo là phôi phai.

"Mày xạo, tao biết mày còn yêu đắm đuối và tao muốn biết mặt thằng cha ấy."

"Để đi năn nỉ hắn yêu tao hơn à?"

"Mày giấu tao mãi. Mai mốt nhớ cho tao xem cái hình, xem tao có yêu được hắn và mềm ra như mày không."

"Tao chẳng giấu gì cả. Nhưng thật tình mày có muốn xem hình cũng chẳng có đâu. Mày có tin là tao muốn một cái hình mà hắn nhất định không cho chứ? Bi đát và tàn nhẫn đến như vậy đó."

Thanh lắc đầu.

"Yêu quái gì mà một cái hình cũng không tặng được. Mày điên.

Thôi tao không tin, cũng không hỏi nữa. Từ đây đến chỗ làm của bà Thúy có xa không? Mấy giờ mình mới phải đi?"

Không trả lời bạn, Bích liếc nhìn đồng hồ trầm ngâm. Những gì nàng nói với Thanh là sự thực đấy chứ, nhưng nó lại có vẻ không thật một chút nào. Chắc Thanh nghĩ nàng đùa. Hiệp dâu tệ với nàng đến thế. Nàng nhớ đã xin Hiệp một tấm hình, cái hình mà chàng đứng một mình, bị chụp bất ngờ đâu đó và nàng nhận thấy Hiệp có vẻ hồn nhiên thư thái, tươi vui hơn bình thường. Điều hiếm thấy nơi Hiệp. Lúc đầu thì Hiệp ừ, nhưng rồi chàng từ chối. Coi chừng! Em để ở đâu? Hiệp nhiều lý do quá, cẩn thận quá và lý do nào cũng chính đáng để nàng đau lòng mà không thể trách cứ, giận dỗi.

Cũng phải tìm một tấm hình nào đó của Hiệp cho Thanh nhìn thấy trước khi nó về. Kẻo Thanh bảo là nàng không thật lòng. Nó cũng phát điên theo mình. Bích nghĩ thế và mỉm cười khi nhìn bạn đang thả tầm mắt nơi vỉa hè trước mặt, ra dáng đăm chiêu. Nắng đã trôi xa tít tắp sau dãy phố bên kia giòng sông. Không khí mát mẻ dịu dàng hơn và người qua kẻ lại cũng đông đảo hơn khi nãy. Những chỗ đậu xe hai bên đường nghẹt kín. Xe này vừa đi là có chiếc khác chạy đến, như đã chờ sẵn đâu đó. Một chạy đuổi linh động, một giành giật không ngừng nghỉ. Bích nhìn đăm đăm người đàn ông vừa mới thắng cuộc đang bẻ lại tay lái cho chiếc xe được thẳng hơn, sau khi đã tiến tới, lùi lại nhiều lần mới vào hẳn được chỗ đậu bên vệ đường quá ư chật hẹp, vừa có người rời khỏi. Chàng mở cửa bước ra nhưng lại không bước đi. Như chàng đang chờ ai đó. Đúng như điều Bích dự đoán. Hai cô gái và ba chàng thanh niên trẻ hơn đang đi đến. Họ cười với nhau và chỉ trỏ gì đó phía xa. Chắc lại còn một ai khác nữa mà họ đang chờ nhập cuộc. Chiều tàn, giờ tan sở, ngày cuối tuần. Bắt đầu cho những hò hẹn, những cuộc vui tràn trề.

...

Bích khều tay Thanh.

"Nhìn thử thằng cha kia xem, kiểu ấy mày có yêu nổi không?"

"Quỷ sứ, mày làm tao cảm tưởng tao với mày như là hai con thú cái, đang núp trong bóng tối để rình mồi, tìm con đực."

"Thì mày chẳng đang tuyển phu là gì! Tao chỉ hỏi để biết mẫu đàn ông lý tưởng dưới con mắt thương mại của mày thôi."

"Đâu, tên nào?"

"Người đang châm điếu thuốc, đứng sát bờ tường đó."

Thanh cười diễu cợt.

"Hơi già, cái thằng đứng phía ngoài coi được hơn. Nhưng thôi đừng nhảm nhí nữa. Gọi bồi trả tiền đi. Tao thấy kỳ quá, uống có hai ly nước mà ngồi hoài."

Bích cám ơn người hầu bàn dù rằng chính hắn mới là kẻ cám ơn nàng vì đã nhận hết số tiền lẻ còn lại trong chiếc đĩa có mẫu giấy tính tiền. Nàng uể oải đứng lên. Phải nửa tiếng hơn mới đến giờ hẹn với bà chị họ của Thanh. Từ đây đến đó không đầy mười phút. Có lẽ nàng sẽ nói với Thanh rằng, nàng sẽ không thể đi cùng với Thanh tối nay. Bích mệt và cần ngủ sớm. Chắc Thanh lại chê nàng lụ khụ. Nào là nhức đầu, say nắng. Nào là mệt, buồn ngủ. Nào là đau chân. Mà Bích đau chân thật đấy chứ. Lâu rồi không đi giầy cao, lại đi bộ khá nhiều. Trong thứ thời tiết oi nồng, nàng cảm tưởng như những ngón chân đang đỏ phồng lên dưới mũi giầy ôm xiết, chật hẹp. Hai ngày với Thanh chắc sẽ dài lê thê, Thanh còn nhiều nơi để thăm viếng. Và mới có một buổi chiều với Thanh thôi mà Bích đã mệt nhoài. Không biết nàng có đủ sức để theo Thanh nữa hay không? Có bà chị của Thanh, sự có mặt của Bích có lẽ cũng không cần thiết lắm. Hay là mình cũng nên về lại dưới ấy tối nay? Như cái kim đồng hồ, đổi thay theo mỗi tích tắc, Bích cũng thay đổi chóng vánh từng ý định, theo từng phút, từng phút trôi qua của thời gian. Nàng nhớ căn phòng ngủ của mình. Buổi tối mở toang hai cánh cửa, kéo kín những tấm mành. Căn phòng mát lạnh và tối đen. Sự tối đen lạnh lẽo ấy đôi khi là một thoải mái nhẹ nhàng, nhưng lắm lúc cho nàng cái cảm tưởng như đang ở trong một mộ đá bưng bít. Ngôi mộ ẩn trú. Những chiếu chăn liệm kín, từng nỗi dằn vặt buồn bã thầm kín. Mới xa có một ngày, sao không dưng mà Bích nhớ đến thiết tha.

Bích quay đầu ngó lại khoảng đường sau lưng trước khi đi về một hướng khác. Có đám lá rơi bay đâu đó từ hàng cây cuối đường, trong khoảng gió vừa bùng lên, thứ gió lạ lùng thốc tới như vẫy chào chia tay, hay đón mời điều gì đó không rõ lắm trong Bích. Có phôi phai thật không như nàng đã nói với Thanh lúc nãy. Sao Bích lại có thể tỉnh táo như đang theo dõi một khúc phim, nhìn ngắm một tấm hình? Cái thằng cha vừa đứng đấy, vừa bỏ đi. Cái thằng cha vừa đốt lên điếu thuốc. Những sợi khói mỏng như còn chao lượn chập chờn trong thinh không. Những sợi khói trắng, và lòng nàng cũng bạc trắng những ê chề nguội lạnh mà Bích không hiểu tại sao. Cái thằng cha yêu dấu của Bích. Chốc nữa nàng sẽ nói với Thanh, Thanh nhớ dai lắm và hãy ráng lục lại trí nhớ để nàng khỏi mất công tìm một tấm hình.

Nếu ở lại trên này hay đáp chuyến xe lửa cuối cùng về lại dưới ấy đêm nay, Bích nghĩ mình cũng phải cần một viên thuốc ngủ. Những viên thuốc ngủ dẫn dắt Bích vào một cõi quên tạm bợ. Quên đi những cơn xô đẩy đau đớn, những động vỡ phẫn nộ từ tâm thức sau mỗi lần gặp gỡ, mỗi nhắc nhớ đâu đó về Hiệp. Lần này, Hiệp vừa đứng đó bằng xương bằng thịt. Không phải là những ước ao mong mỏi, miên man

Kiều ơi!
THẬN NHIÊN

Em có Tiền Đường để nhảy,
anh buông tay chẳng biết rớt nơi nào
tim đập chậm và ngày im lắng
dẫu chưa chìm cũng buốt lạnh ngàn sau.

Em có nghìn vàng bán rao
để mè nheo Thúc sinh, Từ Hải
anh buông tay chắc đời rơi tới đáy
có ngoi lên cũng lem luốt phần hồn.

Em có mười lăm năm bể dâu
Son phấn truân chuyên cũng cày một job
Mỗi buổi sáng một mùi chăn ẩm mốc
Mỗi đêm trôi khuất một dấu bèo.

Em có...mà thôi, kể làm chi
Em bán thân, em đau cũng phải
Anh có quê hương mà ngoảnh mặt
Thì thân xiêu lạc chẳng trách gì...

trong tưởng tượng. Thế mà Bích đã chẳng hề bắt gặp lại những giao động cũ, những nghẹn cứng cũ. Cả một vắng lặng ủ ê, khuất lấp. Dù thế nào, trong hai ý niệm, xúc động chất ngất hay hững hờ phai nhạt, cả hai đều như nhau. Chúng đều có những âm vang dội lại và nàng không thể chịu đựng bất cứ một âm vang nào, dù là thứ âm vang rất nhẹ và êm. Nhẹ như một chiếc lá đã héo khô, rụng xuống qua những mùa xanh và những mùa khô tàn tạ. Êm như những đợt nước đang rốc rách thoát xa bờ sau những ngày biển động lê thê, để lại cồn bãi mỗi lúc mỗi tịch liêu trơ trẽn.

Quả thật như thế. Từ nỗi mất mát, cạn cùng. Từ bạc lòng năm tháng. Lòng Bích bây giờ chẳng khác nào một bờ bãi hoang vu khô cạn. Cùng đó, Bích cũng nhận ra thêm một bóng dáng khác về mình, phản chiếu trong tấm gương soi của một cửa hiệu khi nàng băng ngang qua. Một Bích rất lạ, chừng như đã già hơn vài phút trước, hơn ngày hôm qua, hôm kia hay tự bao giờ mà nàng chẳng nhớ.□

Lầu Xép

Võ Đình

Ở vùng thung lũng này, ánh sáng và bóng tối tương phản rõ rệt và dữ dội. Chiều về, mặt trời vừa lặn khỏi đỉnh núi là đất trời tối sầm. Những lùm cây mới đấy còn váng vất ánh sáng bỗng sụp tắt. Đó là lúc những con ó gà thật lớn, dang đôi cánh đen ngòm, nặng nề bay vút về phía rừng. Từ xa, bên kia núi, vẳng lại tiếng rầm rầm đoàn xe lửa xuôi Nam. Một tiếng còi dột ngột thét lên, vang dội cả thung lũng. Rồi tất cả im lìm.

Đó cũng là lúc tôi bắt đầu lắng nghe tiếng động trên trần nhà, bên trên trần nhà, trên lầu xép. Tôi ngồi yên, phập phồng, lắng nghe. Tiếng cọ xát nho nhỏ, rời rạc, khô khan. Tiếng động của một cái gì kéo lê chậm rãi trên sàn gỗ thô nhám. Ngôi nhà này xưa cũ lắm, tất cả các món xà, đòn, rui, mè toàn là thứ gỗ cứng của tay với lưỡi của dày răng lớn. Tôi ngồi yên theo dõi tiếng động tiến dần, tiến dần từ chái sau ra chái trước. Thoạt đầu, chỉ là tiếng động nhỏ, chậm chạp. Rồi lớn dần, nhanh dần. Rồi mạnh hơn, hình hịch, như thể có một vật lộn, dằng xé, quằn quại. Rồi yên lặng. Rồi một lúc sau, tiếng động lại nổi lên, đều đặn, chậm rãi. Tiếng động của một cái gì kéo lê trên mặt gỗ thô nhám bụi bặm.

Tháng trước, tôi có việc phải kéo chiếc thang trần xuống, leo lên lầu xép. Tuy rằng ở nhà đó đã lâu, đã quá quen thuộc, mỗi lần lên lầu xép tôi vẫn thấy ngài ngại. Nhất là từ ngày các con đã lớn, đi xa. Nhất là từ ngày vợ tôi qua đời. Tôi không phải là người gan góc lì lợm. Nhưng một ông già chừng này tuổi, đã sống chết với đời bấy nhiêu, thật tình tôi cũng chẳng là một kẻ yếu bóng vía. Vậy mà từ ngày ở một mình trong căn nhà xưa cổ, tôi thấy ngài ngại mỗi khi phải leo lên lầu xép. Ngại cái gì? Đã bao lần tôi tự hỏi, ngại cái gì, và tôi không biết là tôi ngại cái gì...

Mới đây thôi, tôi vô buồng ngủ, với tay bắt lấy sợi dây thừng lòng thòng ở một góc trần. Kéo mạnh thì cái thang xếp ngã xuống, nảy ngửa ra, chống lên sàn nhà. Tôi cầm đèn "pin" leo lên, lọt qua lỗ hổng, đứng

thẳng dậy. Trần lầu xép rất thấp, phải cẩn thận mới khỏi va đầu vào rui gỗ. Tất cả vàng khè trong ánh sáng leo lét của một ngọn đèn hai-mươi-lăm nến. Lầu xép có một mùi lạ kỳ. Lần nào lên đó tôi cũng ngửi thấy. Ngày xưa chưa có xi-măng, người ta đắp tường đá với đất sét trộn vôi cát và các thứ như lông bò, đuôi ngựa... Tầng trệt và gác trên của ngôi nhà: tường còn được trét cho phẳng chứ lầu xép thì khỏi. Đá khối, đá tảng để trần chất lên nhau, gồ ghề, lổn nhổn, chỉ cần chạm nhẹ là đất cát khô róm rơi rụng rào rào. Nhà là thân xác, đá là xương, đất cát là da thịt. Ngôi nhà này là một thân xác còn sống, còn thở, còn khô ráo khi quang tạnh, còn lạnh ẩm khi gió mưa, nhưng da thịt đã héo hon lắm rồi. Thân xác trơ mắt ra nhìn da thịt tan rã. Thân xác trên con đường hủy hoại là ngôi nhà tôi đang ở. Và tôi ngửi thấy hoài cái mùi đó. Gỗ, đá, đất, bụi. Mùi của tan rã, hủy hoại, nát mục, tàn phai.

Lầu xép là nơi chất chứa những cái giữ thì không cần, không dùng, mà vất thì thương, thì tiếc. Lầu xép thật là cái góc nhỏ ít ai bén mảng của cuộc đời con người. Những vụn vặt thừa thãi của quá khứ, quên đi, bỏ đi thì không đành mà nhớ đến và nâng niu thì không đáng. Biết rằng có đó như không muốn thấy nữa. Cuộc sống tuần tự tiếp diễn và con người đành đoạn để quá khứ nghỉ yên. Đụng đến chỉ làm trỗi thêm tro bụi. Ngôi nhà tôi đang ở có một lầu xép và lầu xép đó có một quá khứ xa xưa hơn cả ông cố ông sơ mấy đời của tôi.

Thế là hôm ấy tôi leo lên lầu xép. Mỗi lần lên đó tôi thường tay cầm đèn "pin", tay cầm cây gậy nhỏ. Có những hang hốc ngõ ngách tôi không dại gì thò tay vào. Mạng nhện không nhiều nhưng có ong, thú ong vàng bụng rằn đen xây tổ đất sét ngay trên xà nhà. Khi tôi sắp sửa tụt xuống lỗ hổng ở trần nhà thì nghe tiếng động nhỏ. Tôi leo lên lại, rọi đèn tìm xem. Hồi lâu không nghe động tĩnh tôi mới cầm gậy thọc thọc vô một góc dưới chỗ mái nhà tiếp giáp với sàn lầu xép. Chỗ tôi nghĩ rằng tiếng động phát xuất. Biết đâu lại là một con sóc hay con chim lọt vào đây qua một khe hở nào đó dưới chái. Đầu gậy chạm phải vật gì mềm mềm làm tôi giật mình, thụt lùi một bước.

Trong chỗ tranh tối tranh sáng, tôi chỉ thấy loáng thoáng một vật đen đen. Tôi nhìn kỹ hơn. Vật đen đen di động. Tôi thụt lùi một bước nữa, tay chiếu đèn sát hơn, tay nắm chặt cây gậy. Vật đen đen óng mượt dưới ánh đèn, phản chiếu những đốm sáng lấp lánh. Rui dọc của mái nhà cách nhau chỉ chừng hai gang tay mà chỗ này lại chất chứa lắm thứ phế thải như hộp giấy, áo quần cũ, cả một con gấu bông đã rách nát, cho nên chỉ thấy được rõ mươi, mười lăm phân tây của vật đen đó. Tuy thế tôi cũng thấy được là "nó" đang cựa quậy, đúng hơn, nó đang xê dịch, xê dịch thật chậm rãi và đều đặn.

Một lúc sau, vật đen đó biến mất, và tôi thấy được đằng sau đó, nhét sâu vào khe hở giữa sàn gỗ và chái nhà, là một vật đen khác. Vật đen này loang lổ, lấm tấm đen, không óng mượt đen nhánh như trước. Tôi thọc gậy vào sâu, khơi nó thì nó nằm yên. Cố mãi, tôi khơi nó ra được.

Đó là một cái áo lót đàn bà. Loại corset ngày xưa, có gắn ren, độn nẹp, có giây thắt ngang thắt chéo sau lưng. Cái thứ áo sáng mùa hè nọ Scarlett O'Hara được bà vú mặc cho: Bà vú da đen to béo phốp pháp, tóc hoa râm, nụ cười hiền hậu, vú đứng sau lưng, hai tay nắm hai giây thắt ra sức gò rút trong khi Scarlett uỡn người ra trước, má đỏ phừng, mắt long lanh; vú càng gò rút, ngực cô gái xinh đẹp miền Nam càng nở, eo nàng càng thon, hông nàng càng đầy... Tôi bỏ gậy và đèn lên sàn, ngồi thụp xuống, trải thẳng cái áo cũ ra. Bụi khô tỏa lên loáng thoáng. Tôi hắt hơi mấy cái. Áo đã khá nát. Những sợi dây rút không còn nguyên vẹn. Những nẹp cứng làm bằng xương cá voi (?) cái thì gãy cái thì dâm thủng áo, lòi cả ra ngoài đường may. Đăng-ten đen chỗ còn chỗ mất trên nền lụa trắng ố vàng. Chính giữa ngực, giữa hai nịt vú, có gắn một nụ hoa nhỏ kết bằng lụa hồng. Tôi tần ngần một lát rồi chắc lưỡi, xếp cái áo nát lại. Thật gọn, chắc. Rồi dùng gậy đẩy cái áo vào chỗ cũ, tận trong xa, nơi tiếp giáp giữa mái và sàn, giữa hai cái rui dọc.

Đêm đó, ngồi một mình, nhâm nhi tí rượu mạnh trước khi đi ngủ, tôi lại nghe tiếng động trên sàn lầu xép. Tôi có ý kéo chiếc thang xếp xuống, leo len, nhìn tận mắt cái gì đã gây nên tiếng động đó. Nhưng tôi sợ. Tôi chỉ ngồi yên, ly rượu nhỏ trong tay. Tôi ngồi yên theo dõi tiếng động trên trần nhà cho đến khi không nghe được gì nữa mới tắt đèn đi ngủ. Trong bóng đêm, tôi lắng tai, nhưng tất cả hoàn toàn yên tĩnh. Tôi nhớ lại mảng đăng ten đen trên nền lụa trắng, và cái hoa hồng nhỏ gắn giữa ngực. Màu hồng nụ tường vi đã phai đi nhiều tưởng chừng chạm vào cái hoa có thể bay ra thành bụi. Tôi loáng thoáng nghĩ đến người nữ nào đó đã mặc chiếc corset ấy, và tôi thấy tôi trôi bồng bềnh trên giòng thời gian, tôi vất vưởng dật dờ trong chốn không gian... Tôi mơ màng tê tái, như tiếc nuối, như lẻ loi...

Tuy thế, tôi đã mỉm cười một mình: Xưa kia, người ta không vứt áo quần cũ vào sọt rác, người ta để dành, người ta dùng chèn vào tường, vào chái nhà, như một thứ vật liệu cách hàn, cách nhiệt!

Khá lâu sau đó, tôi vẫn ngồi yên mỗi tối với ly rượu nhỏ, lắng nghe tiếng động trên lầu xép. Đôi khi, tôi nhớ lại chiếc corset đăng ten đen có gắn nụ hồng nhỏ giữa ngực. Tôi lẩn thẩn nghĩ thầm làm sao mà một chiếc áo lót đàn bà kiểu cách cầu kỳ như vậy lại chui vào nằm trong góc lầu xép một ngôi nhà thô lậu nơi thôn dã hoang vu này. Đêm đêm tôi vẫn nghe tiếng cọ xát nho nhỏ, rời rạc, khô khan như một cơ thể trần

trường trườn mình trên sàn gỗ thô nhám bụi bặm.

Hôm kia, mưa gió tầm tã. Sấm chớp dữ dội cả tiếng đồng hồ. Tạnh được một lát rồi bỗng dưng sét đánh tơi bời và mưa đổ như thác. Tôi đứng ở căn buồng sau, ngó ra cửa sổ ngắm cơn thịnh nộ đất trời. Bỗng từ máng nước chái sau, một vật gì đen đen thò ra. Mỗi lúc mỗi lớn hơn, dài hơn.

Tôi đẩy cửa sổ, ngoái đầu ra nhìn kỹ. Con rắn đen thật dài, đen nhánh. Từ ống máng, con rắn vươn đầu lên, đung đưa, đung đưa. Mưa tuôn xối xả lên nó, những giọt mưa rơi lên thân hình đen bóng, bắn ngược lại, sáng ngời. Từ lâu, tôi có nghe người trong vùng nói về rắn lớn nghe sấm bò ra tắm mưa mà bây giờ tôi mới thấy tận mắt.

Con rắn uốn mình xuống, quấn quanh ống nước, rồi từ từ thụt toàn thân ra khỏi chái nhà. Đen nhánh, to bằng bắp tay, tôi đoán chừng dài cũng trên hai thước. Sau cánh cửa hậu, tôi đứng im lìm. Và con rắn, nó chậm rãi bò ra sân cỏ, rồi lẻn đi nhanh, mất biến về phía rừng.□

Ghi chú của người viết:

Lầu xép: ở Âu Mỹ, nhà riêng thường có một tầng cao nhất, giáp với mái nhà, trần rất thấp, không ở, chỉ để chứa những thứ "hầm bà lằng", những thứ "bỏ thì thương vương thì tội". Pháp gọi là *grenier* Anh-Mỹ gọi là *attic*. Tạm dịch là lầu xép. Sau này, người ta ít cất *attic*. Cho nên những thứ "hầm bà lằng" thường chui vào nhà xe. Bạn đọc ở Mỹ chắc hẳn đã biết về cái gọi là *garage sale*.

Nha sĩ
DƯ THỊ MỸ LAN
General Dentistry
■ Nguyên trưởng phòng Nha khoa Tổng Y viện Khánh Hội, Sài gòn
■ Đã hành nghề 7 năm tại Việt Nam và 13 năm tại Mỹ
9141 Bolsa Ave., Suite 302,
Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)
Phone: (714) 898-6449

Nắng Trên Đồi

Trần Doãn Nho

Sau lưng trường là khu đồi núi. Đồi lớn, đồi nhỏ và rừng cây. Mùa đông, trường buồn bã nổi bật trên một cái nền xương xẩu với những cành cây trụi lá chĩa ngang, chĩa dọc. Mùa xuân, trường chìm xuống trong màu lá. Đồi núi hồi sinh, như muốn vươn mình che phủ lấy ngôi trường. Màu gạch bỗng đâm ra duyên dáng, mất hết cái vẻ cổ xưa tiều tụy. Nhưng khi rừng đã bát ngát, những cụm tuyết dưới các hốc đá biến hẳn, và mặt trời hàng ngày lấp lóa sau các kẽ lá, thì mùa hè lừng lững bước đến. Đám học trò bắt đầu xôn xao.

Hôm đó, học *half-day*. Trường họp. Học sinh nghỉ sớm. Đám học sinh Mỹ, từng nhóm bốn, năm đứa chun vào xe vù chạy. Đám da đen và Nam Mỹ tụ lại chơi thể thao. Hai cô gái Trung Hoa lững thững băng qua ngọn đồi nhỏ, về nhà như thường lệ. Anh chàng Triều Tiên đeo cặp đứng ở một góc trường, ngơ ngác nhìn quanh. Riêng đám học sinh Việt Nam, không biết do sáng kiến của ai, hô hào nhau làm một "Ngày Việt Nam" nho nhỏ. Tất cả các cô đều mặc áo dài, các cậu mặc quần Tây (không mặc quần Jean) áo trắng. Mỗi người làm một món ăn Việt Nam. Một nửa mang vào phòng giáo viên để mời cô thầy và nhân viên trường thưởng thức, một nửa dành ăn trưa qua một buổi picnic trong rừng. Tất cả, khoảng chừng sáu bảy chục cô cậu băng qua khu đậu xe, lần lượt níu nhau kéo lên đồi. Những chiếc áo dài đủ mầu, trắng, hồng, vàng, xanh... lay động, chuyển dịch lúng túng giữa lùm cây. Những chiếc quần trắng dính đất. Áo quần vướng víu. Các cô trèo lên, trụt xuống, níu lấy nhau, la hét, cười đùa. Núi đồi xôn xao. Có tiếng cô nào dặn bạn:

"Túm áo quần thật kỹ, nếu không thì tuột ra hết đấy!"

Đứng nghỉ sau một gốc cây, nhìn mấy cô trèo núi một cách khó khăn, Tiến bật cười, lẩm bẩm:

"Bày đặt, ai mượn mặc áo dài mà leo núi."

Thấy một cô bíu cành cây bị gãy, chới với chụp lấy một cành khác, Tiến phóng xuống đưa tay định đỡ, thì một cô gần đó la lên:

"Khỏi cần anh. Có tôi đây."

Cô gái mặc bộ đồ màu tím nhạt cầm cánh tay bạn cố sức kéo lên, nhưng "rắc" một tiếng, cành cây cô đang giữ bị gãy. Thế là hai cô đều ngã lăn. Tiến hốt hoảng nhảy xuống. Hai cô nằm chồng lên nhau. Tiến đứng cheo leo trên một hòn đá, không biết làm cách nào. Cô áo tím gượng dậy, liếc xéo Tiến một cái, rồi nhìn tà áo:

"Chết cha! Rách một lỗ rồi. Hôm nào có tổ chức gì của Cộng đồng, áo đâu mà mặc!"

Còn cô gái kia, chiếc áo trắng lấm đầy đất núi. Hai cô đứng dậy, phủi áo quần. Tiến dẫn hai cô đi vòng theo lối khác, lần lượt kéo hai cô lên. Tiến nhìn hai cô cười:

"Lúc xuống, hai cô nên đi lối đàng kia. Dốc thoai thoải hơn, lại dẫn xuống đường lộ."

Cô áo tím la lên:

"Áo quần thế này mà xuống đường lộ sao được."

Cô áo trắng nhìn quanh, hốt hoảng:

"Nữa! Bịch đồ ăn rơi đâu mất tiêu rồi?"

Hai cô nhìn nhau bũng lũng rồi phá lên cười và tiếp tục leo lên đồi. Tiến theo sau hai cô. Rừng thưa. Mặt đất phủ đầy lá rụng của mùa trước. Dưới lớp tuyết của cả mùa đông dài, chúng hầu như vẫn còn nguyên vẹn. Mùa này, rừng yên lặng hơn lúc cuối thu và đầu đông. Không có âm vang liên hồi của gió dụng vào lá và tiếng xào xạc dưới bước chân.

Tiến lên đến đỉnh đồi vừa kịp lúc mọi người bắt đầu hát. Tiếng vỗ tay đều, nhưng tiếng hát không đều. Bài hát người quên, kẻ nhớ, nhưng trông bộ ai cũng muốn hát. Chưa hết bài này, có người đã xướng lên một bài hát khác. Nhóm này hát một bản, nhóm kia hát bản khác. Anh có, Việt có. "Happy Birthday" lẫn vào với "Ta như nước dâng dâng tràn biết bao giờ tàn." Tiến trải báo ngồi kế bên một nhóm, ghé mắt vào một tờ giấy phô-tô lời bản nhạc, hát theo. Tiến vỗ tay thật lớn, nhưng hát nhỏ vì không thuộc bài hát lắm. Tiếng hát của đám thanh niên nam nữ khua động phu rừng. Lũ chim ríu rít trên các cành cây, vỗ cánh bay đi. Nắng nhún nhẩy qua các kẽ lá phơi phới, nhấp nhóa trên những mái tóc đen đông phương. Dưới kia, ngôi trường khuất hẳn sau hàng hàng lớp lớp cây rừng là một thế giới khác. Tiếng hát có vọng về nơi đó không? Tiếng hát của một nhóm chủng tộc đến đất nước này nương náu, nhân một ngày đầu hè, leo lên đỉnh đồi cố tạo nên một khung cảnh thân thương riêng biệt. Tiến nhớ lại buổi sáng nay, khi trong sân trường đột ngột xuất hiện những chiếc áo dài đủ màu tha thướt, đám học sinh các chủng tộc

khác trố mắt ra nhìn. Thực ra, chiếc áo dài không phải là xa lạ lắm đối với họ, vì thỉnh thoảng họ vẫn thấy trong các buổi trình diễn văn nghệ. Nhưng lần này, áo dài nhiều quá. Thằng Joseph hỏi nhỏ Tiến: "Bọn Á châu tụi bây định làm gì thế?" Tiến cười: "Một ngày lễ cổ truyền." "Tụi bây định làm lễ ở đây sao?" "Không, trong rừng."

Tiến nói đùa với Joseph, nhưng giờ đây, nhìn khung cảnh này, Tiến cảm thấy có phần đúng. Cô cậu nào cũng có đôi chút thành khẩn trên nét mặt. Riêng Tiến, Tiến cảm động. Tiến cảm thấy hưng phấn vì một ràng buộc kỳ bí nào đó đối với mọi người ở đây. Bình thường, trong trường, họ ít quan hệ với nhau. Nhóm nào chơi riêng nhóm đó. Thậm chí một số người chỉ thích chơi với Mỹ. Tiến biết một cô học chung với học sinh Mỹ nhiều năm, không có bất cứ một giao tiếp nào với người Việt Nam. Có lần gặp cô ta trong một tiệm bán thực phẩm, Tiến hỏi cô một câu tiếng Việt thì được trả lời bằng một câu tiếng Anh kèm theo một cái nhún vai rất Mỹ. Tiến buồn cười bỏ đi.

Hát chán, các cô cậu bắt đầu kể chuyện. Hầu hết là những chuyện cười, chuyện tiếu lâm. Hết kể chuyện, đến đọc ca dao. Hầu hết những người sang định cư lâu năm đều rất ít biết ca dao, hoặc chỉ biết đại khái, biết ý, còn câu kéo thì chắp nối lung tung. Tiến góp một câu:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Bạn về quê mẹ biết tìm nơi đâu... à nơi mô.

Tiến thấy ngường ngượng khi phát âm chữ "nơi mô", nhưng mẹ Tiến vốn gốc người Trung nói "nơi mô" nghe "tình" hơn nơi đâu. Nhân chuyện ca dao, một anh đề nghị trò chơi ghép vần bằng mấy câu:

Vân Tiên cõng mẹ chạy ra
Gặp phải bà già cõng mẹ chạy vô

và:

Vân Tiên cõng mẹ chạy vô
Gặp phải gà cồ cõng mẹ chạy ra

Anh xướng câu đầu, lần lượt vần "a" rồi vần "ô". Những người khác sẽ ghép vần vào câu thứ hai. Điều quan trọng là không được lập lại. Thế là mọi người thi nhau tìm chữ có vần "ô" và "a": xe thồ, cái mồ, đồng hồ..., trái cà, đàn bà, ma rà... Mọi người cười vang, nhất là khi hết vần nên bắt đầu ghép bậy. Một anh đọc:

Vân Tiên cõng mẹ chạy vô
Gặp phải cục... cục... cục... cục... cục... tồ cõng mẹ chạy ra.

Cả đám nhao nhao chế giễu:

"Cục tồ là cục gì?" Chữ Việt Nam không có 'cục tồ'."

Anh học sinh chống chế:

"Thì cục tồ là... là... là cục gì nhỉ?"

Tiếng cười lại được dịp vang lên.

Bóng cây rừng nhiều, nhưng nắng hè vẫn chiếu xuyên vào, oi nồng. Đám học sinh đã bắt đầu mệt mỏi với cuộc chơi. Mồ hôi ướt đẫm lưng áo. Các cô cảm thấy bực bội với chiếc áo dài và quần trắng. Quả là chúng hoàn toàn không thích hợp với một cuộc picnic, nhất là một cuộc picnic trong rừng, lại phải leo núi. Các cô, các cậu lần lượt tản ra khỏi khu đất trống, từng cặp, từng nhóm, tìm nơi nghỉ ngơi và ăn trưa.

Gặm xong ổ bánh mì "Ba lẹ" cho qua buổi, thấy bạn đồng trường cô nào, cậu nấy hầu như đều có đôi có cặp tìm các gốc cây, các hốc đá ngồi tâm sự, Tiến lững thững đi sâu vào rừng, tiến về ngọn đồi ở phía bên kia. Đây là khu đồi núi lớn nhất của thành phố. Đồi thấp, đồi cao co cụm lại thành một mảng xanh um nổi bật bên cạnh những khu dân cư chen chúc với những building ngất ngưởng. Xuyên qua kẽ hở của cây lá, Tiến nhìn thấy rõ tòa nhà cao nhất với cột "ăn-ten" và bảng quảng cáo các mặt hàng điện tử. Leo xuống hết ngọn đồi lớn, không gian bỗng trở nên yên tĩnh. Tiếng xe cộ ngoài đường không còn nghe thấy. Chỉ nghe có tiếng chim gọi bạn đâu đó trên những chòm cây cao.

Tiến đi lần về phía có tiếng nước chảy mà Tiến đoán là con suối. Trèo lên một tảng đá lớn, Tiến định níu một cành cây nhoài ra phía ngoài để nhảy xuống, thì bị trượt chân, lăn dài xuống bờ con suối nhỏ. Tiến lồm cồm ngồi dậy, tuy đau điếng, nhưng chợt bật cười khi nhớ đến cảnh hai cô gái bị trượt té sáng nay. Đang phủi áo quần, Tiến bỗng nghe có tiếng động đâu đó cùng một câu hỏi bằng tiếng Anh:

"Ông có sao không?"

Tiến quay người lại, thì thấy phía bên trái mình một cô gái đã đứng đó tự bao giờ. Tiến hơi sửng sốt. Nàng có mặt ở đây như từ cõi nào hiện về. Tiến cười bẽn lẽn, trả lời bằng tiếng Việt:

"Không sao, cô Lam Hoang à! Sao... Sao cô lại ở đây?"

Cô gái không trả lời, quay mặt đi, bước đến ngồi ở một tảng đá gần đó, nhìn xuống giòng suối. Tiến hơi bục, nhưng không nói gì. Tiến bước xuống suối, đưa hai tay vốc một ít nước rửa tay và rửa các vết trầy nơi chân. Xong Tiến bước lên, kiếm một tảng đá ngồi, cách chỗ cô gái không xa. Hai người im lặng, nhìn vơ vẩn. Một lúc khá lâu sau, cô gái lên tiếng, lần này bằng tiếng Việt:

"Anh không ở chơi với bọn nó à?"

Tiến quay sang cô gái, giọng hơi riễu cợt:

"Cô biết tiếng Việt à! Cô nói 'bọn nó' là ai?"

Làm như không để ý đến giọng châm biếm của chàng trai, cô gái nói:

"'Bọn nó' tức là những người ở trên đồi."

Tiến nói:

"Lẽ ra cô nên nói 'bọn họ' hay 'bọn chúng'. Trông bộ cô không thích gì 'bọn nó' nhỉ?"

Cô gái bĩu môi, không trả lời. Cô xoay lại thế ngồi, cố tránh không đối diện với Tiến. Tiến không bỏ lỡ cơ hội, đưa mắt quan sát cô gái một cách thoải mái. Cô mặc quần jean, áo trắng ngắn, để hở một khoảng lưng nhỏ, tóc ngắn, cột gọn. Một cụm tóc mé bên phải, ngay trên tai, nhuộm vàng hoe. Mỹ con. Tiến thầm nghĩ. Kênh kiệu. Phách lối. Khinh người... Tiến mọi óc, cố nhớ hết một số từ không hay ho gì qui cho cô gái. Hai người cứ ngồi im như thế một lúc khá lâu. Tiến đâm ra bực mình. Nhưng tự dưng Tiến bật cười. Sao lại phải ngồi đây để bực mình với một cô gái cao ngạo như thế này. Tiến dứt khoát đứng dậy, bước ngang con suối để leo lên ngọn đồi bên kia. Nghe tiếng động, cô gái quay lại, thấy Tiến đi, vội lên tiếng:

"Ông đi à?"

Tiến dừng lại:

"Bộ cứ ngồi đây để làm gì. Tôi muốn qua ngọn đồi bên kia chơi. Cô đi không?"

Nói xong Tiến bước lên một hòn đá nằm giữa giòng nước, để nhảy sang bên kia. Cô gái đứng dậy bước theo:

"Tôi muốn, tôi muốn hỏi... à... hỏi... à... ông một chuyện."

Tiến tỏ vẻ ngạc nhiên:

"Hỏi tôi?"

"Ừ."

Cô gái lần chần bước qua suối. Đá trơn, cô lảo đảo muốn ngã xuống nước. Tiến đưa tay ra. Không biết làm cách nào khác, cô nắm tay Tiến để nhảy lên bờ. Tiến thả tay ra cười:

"Xin lỗi, tôi thực tình không dám đụng đến tay cô. Nhưng sợ cô ngã xuống nước, ướt hết rồi về bị mẹ la."

Cô gái có vẻ bẽn lẽn. Khuôn mặt nhỏ nhắn bây giờ trông ít dễ ghét hơn hồi nãy. Đợi cô gái rũ nước xong, nhìn lên, Tiến hỏi:

"Tôi đợi cô hỏi đây, cô Lam Hoang, à Hoàng Lam, à cô Lam."

Cô gái cười:

"Tôi đâu có nhiều tên thế!"

À, có thế chứ. Tưởng cứ giữ cái bộ mặt khinh khỉnh, trông dễ ghét. Nụ cười để lộ ra hai chiếc răng khểnh hai bên, khiến khuôn mặt sáng lên. Tiến xao xuyến. Anh bạo dạn rủ:

"Leo đồi với tôi không?"

Cô gái gật đầu bước đi. Hai người theo một lối đi lòng vòng để lên đồi. Tiến nhìn cô gái:

"Bây giờ trông cô hiền."

"Ông thấy tôi dữ lắm hả?"

"Không dữ, nhưng trông... không được... không được vui với mọi người. Cô lạnh lùng quá."

Cô gái nhếch môi:

"Bộ tôi dễ ghét lắm há! Hèn gì bọn nó, à... bọn họ... bọn họ... ghét tôi."

"Bọn họ nào?"

"Tất cả hết, kể cả ông."

"Tôi?"

"Ừ! Không ai thèm nói với tôi, không ai thèm chơi với tôi."

Giọng cô gái có vẻ túc tối. Tiến ngạc nhiên quay lại:

"Cô giận ai vậy?"

Cô gái dừng lại:

"Ông tưởng tôi phải giận ai đó mới được à?"

Đôi mắt cô gái sáng rực lên, nhìn xoáy sâu vào anh, bất bình. Tiến đấu dịu:

"Cô làm tôi sợ. Đôi mắt cô trông như là... như là..."

"Như là... như là..."

"Như là... cô vậy."

Cô gái phá lên cười, tay hoa lên trong không như muốn phát vào vai anh một cái. Có lẽ thấy như vậy là quá tự nhiên, cô rụt tay lại. Tiến hỏi:

"Cô Lam à, nếu không giận ai, thì điều gì làm cô không vui?"

Cô gái nhìn lên:

"Tôi không phải tên Lam, mà là Lâm, Hoàng Tố Lâm. Bọn Mỹ biến tôi thành Lam."

"Hoàng Tố Lâm, tên đặc biệt thật. Nghe như tên Trung Hoa."

"Ba tôi không ưa chữ 'thị', nên đã bỏ từ hồi còn ở Việt Nam."

Hai người lên đến đỉnh đồi. Tiến nói:

"Cô muốn băng qua ngọn đồi kia nữa không?"

"Tôi mệt rồi."

"Vậy thì ngồi lại đây nhé."

Tiến chỉ cho cô gái một tảng đá tương đối phẳng phiu, còn Tiến ngồi trên một cái rễ cây lớn. Tiến nhìn Lâm:

"Tự dưng lại được đi dạo trong rừng với cô. Nhiều lần gặp cô trong chợ, cô đâu có nhìn tôi. Cô làm part-time ở "Big D" à?"

"Vâng. Kiếm tiền mua xe."

"Cô thích nói tiếng Anh hơn tiếng Việt?"

"Ờ, tôi quen thế. Nhưng tôi vẫn nói chuyện với ba má tôi bằng tiếng Việt."

"Tôi có cảm tưởng cô không thích chơi với bạn Việt Nam."

Lâm nhìn rừng cây xa xa, không trả lời. Một lát, cô quay lại:

"Ba tôi nói chơi với người Việt phức tạp lắm."

Tiến cười:

"Nhưng hôm nay thì khác."

Lâm chợt thay đổi nét mặt. Giọng cô nghe ấm ức:

"Bọn họ coi thường tôi..."

"Cô cũng đi lên đồi với chúng tôi mà."

"...Họ nói tôi về mà đi chơi với tụi Mỹ, họ nói tại sao tôi không mặc áo dài."

Tiến nhìn cô gái bật cười:

"Thì ra thế! Cô không có áo dài?"

"Tôi ở đây từ nhỏ, tôi mặc áo dài làm gì. Ba tôi nói đúng. Người Việt Nam lắm chuyện."

"Tôi không nghĩ thế, cô Lâm à. Trong số mấy chục cô leo đồi sáng nay, đâu chỉ mình cô không mặc áo dài. Có lẽ có một lý do khác sâu xa hơn."

Lâm thở dài. Cô nhìn mây bay, im lặng. Tiến đứng dậy, bước theo sườn đồi xuống một vùng cỏ dại xanh um. Tiến bứt những ngọn lá dọc lối đi, đưa lên mũi ngửi. Mùi lá thơm tinh khiết, tươi mới. Tiến băng ngang một khoảng rừng đầy cây ngấy, vì thấy lẫn trong màu xanh có những điểm đỏ. Đó là những trái ngấy đầu mùa. Tiến nếm thử một trái, thấy có mùi chua chua, dăng đắng và chợt nhớ những bụi ngấy chen lẫn trong hàng chĩa tàu ở bên nhà. Tiến hái một số và trở lại bên Lâm:

"Cô nếm thử trái này."

"À, redberry."

"Ở quê tôi, người ta gọi là trái mâm xôi, vì cô xem, nó giống như xôi đơm trong mâm những ngày giỗ."

"Mâm xôi, nghe cũng vui."

Tiến hỏi:

"Chắc Lâm cũng không biết gì về quê mình cả."

"Đúng. Nhưng nghe ba má nói nhiều."

Lâm cầm mấy trái mâm xôi nhỏ nhoi bỏ vào miệng nhai. Cô nhăn mặt. Tiến nói:

"Chẳng ngon lành gì! Trái cây ngon ở đây không thiếu, ăn mãi cũng chán. Tôi nhớ hồi nhỏ, cùng lũ bạn đi tìm mâm xôi ở các bụi bờ quanh vườn, vườn nhà mình, vườn nhà hàng xóm. Trời ơi, chộp được một trái chín mọng là sung sướng như được lên tiên."

"Độ tháng nữa, rừng cây sẽ đỏ rực trái mâm xôi của ông. Năm kia, mùa hè, tôi lủi vào rừng này, thấy cả hàng hàng... ngàn trái."

Uống trà
TRẦN MỘNG TÚ

Khum hai lòng tay
bưng mặt em lên
bưng một chén nước trà
anh cúi xuống
nhâm nhi từng ngụm nhỏ
những giọt nước trà xanh
trên môi em
làm anh mất ngủ
Mất ngủ rồi
anh uống thâu đêm.

Ngừng một lát, cô xuống giọng:

"Tiếc một điều là tôi không có gì để nhớ cả. Tôi chỉ nhớ những điềuba mẹ tôi nói, nhưng lại không hình dung ra được gì. Có một lúc, tôi xa lánh người Việt Nam vì những điều họ nói xa lạ với tôi quá. Mà sao họ cứ nói hoài, nói mãi thế?"

Cô nhìn Tiến, đôi mắt rơm rớm:

"Ông biết không, xa họ thì khỏe, nhưng buồn. Gần họ, thì họ không thân thiện."

Tiến hỏi:

"Cô thiếu gì bạn Mỹ?"

"Bọn Mỹ lịch sự, nhưng cũng không thân thiện đâu. Chúng vẫn chơi với tôi, ăn với tôi, bơi với tôi, học với tôi, đua thuyền với tôi, cưỡi ngựa với tôi. Nhưng, ông biết không, đôi mắt họ lạ lắm, lạnh. Họ vồn vã, chào đón tôi, nhưng đôi mắt... đôi mắt... vẫn cứ nhu... như thiếu cái gì đó."

Tiến gật gật đầu, tỏ dấu thông cảm, nhưng thực sự Tiến vẫn không hình dung được rõ nét những cảm giác mà cô gái muốn diễn tả. Học ở trường và thỉnh thoảng đi làm, Tiến cũng quen những người Mỹ, nhưng thực sự, chẳng có ai là bạn cả. Trước sau, họ và Tiến vẫn cư xử với nhau như những người ngoại quốc, xa lạ. Không tâm sự, không hẹn hò, không

chia sẻ, không thông cảm. Mỗi bên là một thế giới khép kín. Tiến xem đó là một chuyện thường tình, không có gì thắc mắc. Còn cô gái này thì khác.

Tiến hỏi:

"Thực ra, thì cô không thích họ hay họ không thích cô?"

Cô gái cắn môi:

"Tôi không rõ..."

Cô định nói tiếp một điều gì nữa, nhưng bỗng dừng lại, nhìn về phía đồi bên kia. Từ đó, tiếng hát vang lên. Cô lắng nghe, thành khẩn. Những bài hát lộn xộn, đầu đuôi nhập nhằng, hòa cùng tiếng vỗ tay không đều âm vang rừng núi. Một hồi, tiếng hát chợt dứt. Tất cả lặng phắt.

Tiến nói:

"Chắc mọi người đã về."

Lâm buồn bã gật đầu. Cô lặng lẽ bước xuống đồi. Tiến bước theo. Qua khỏi con suối nhỏ, cô đi gần bên Tiến, tâm sự:

"Ba má tôi thành đạt, nên thích ở chung với người Mỹ hơn người Việt. Bởi thế, từ nhỏ, tôi chỉ học và chơi với bạn Mỹ. Thỉnh thoảng, ba má tôi có cho tôi đến chơi với một vài gia đình Việt Nam chọn lọc, nghĩa là cũng có đời sống tương tự như gia đình tôi. Con họ cũng như tôi thôi. Bởi thế, tôi ít biết người Việt Nam thực sự. Gặp người Việt, tôi sợ, tôi ngại... Cái gì có vẻ Việt Nam quá khiến tôi sợ."

"Thì Việt Nam cũng như mọi người khác thôi..."

"Không phải, tôi muốn nói... tôi muốn nói... à, vì có nhiều cái xa lạ với tôi quá."

"Ví dụ như..."

"Không, tôi không biết, tôi không có ví dụ nào rõ rệt."

Lâm leo vội lên đồi. Nắng xế. Khi Tiến lên đỉnh đồi, thì thấy cô gái đang đi thơ thẩn quanh khu đất trống mà đám học sinh đã tụ tập hồi sáng. Còn vài cái vỏ chai, ít tờ giấy báo, hộp thức ăn... nằm rải rác. Lâm cầm một tờ giấy chạy đến đưa cho Tiến:

"Hẳn là một số bài hát Việt Nam. Ông đọc giùm tôi nhé. Tôi đọc chậm lắm."

Tiến cầm tờ giấy. Tờ giấy in lời hát của những bản nhạc Việt Nam thường dùng trong những sinh hoạt tập thể của sinh viên học sinh. Tiến nói:

"Lý Ngựa Ô, Nối Vòng Tay Lớn, Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ."

Lâm nhìn Tiến, đề nghị:

"Tôi muốn học một số. Ông giúp tôi được không?"

Tiến cười, gật đầu. Tiến thấy khuôn mặt cô gái như sáng lên trong nắng.□

Quà Muộn

Nguyên Hương

Văn Học xin giới thiệu độc giả truyện ngắn sau đây của Nguyên Hương vừa đoạt giải cuộc thi "Văn Học Tuổi 20" do tờ Tuổi Trẻ Chủ Nhật *tổ chức ở Việt Nam. Chi tiết cuộc thi và tác giả, xin xem thêm ở mục Ghi Chép.*

Căn nhà được qui giá trị ra vàng, ai ở lại thì đưa cho người kia một nửa. Xe, tivi, tủ lạnh... tất cả đều chia đôi. Sự phân chia êm thấm và ai cũng sẵn sàng nhường cho người kia hơn một chút.

Chỉ còn lại Thu và tôi. Áo quần của hai chị em thường để chung một ngăn giờ bề bộn đầy giường. Hai đứa tôi vừa xếp riêng áo quần của mỗi đứa ra, vừa lắng nghe ba mẹ nói với nhau về con cái. Nói qua nói lại cho đến chiều thì ba tôi không còn nhỏ nhẹ nữa, ông thẳng thừng:

"Về tài sản thì bà muốn lấy thêm gì tùy ý. Nhưng về con cái thì tôi nuôi con Linh. Khỏi cần bàn cãi nữa."

"Đành rằng tòa xử tôi một đứa, ông một đứa. Nhưng tôi muốn tụi nó có chị có em với nhau." Giọng mẹ năn nỉ.

"Vậy tôi muốn cả hai đứa bà chịu không? Tôi cũng muốn tụi nó có chị có em". Giọng ba thách thức.

Im lặng một phút rồi mẹ nói, giọng cay đắng:

"Có thật là ông muốn tụi nó có chị có em không?"

"Đủ rồi! Con Linh là con của tôi." Ba lớn tiếng.

"Đồ khốn nạn!" Cả người mẹ run lên. "Con Thu cũng là con của ông. Tôi nói đi nói lại điều này suốt bao năm nay không phải vì tôi muốn chứng tỏ sự chung thủy của tôi với ông..." Mẹ cười khẩy. "Ông không đáng có một người vợ chung thủy..."

"Đừng nói nhiều vô ích." Giọng ba lạnh ngắt.

"Tôi nói để cho hai đứa con hiểu rằng tụi nó là chị em ruột thịt."

"Đẳng nào thì con Linh cũng ở với tôi."

Mẹ đi đến giường chất đầy áo quần của hai đứa tôi. Bàn tay mẹ ấn trên vai tôi đau điếng:

"Linh... Em Thu... yếu đuối hơn con nên em cần mẹ hơn. Con hiểu mẹ không?"

Tôi không hiểu được. Cảm giác kiêu hãnh thường ngày biến mất. Thường ngày tôi luôn được khen thông minh hơn, dễ thương hơn và học giỏi hơn Thu. Thường ngày tôi luôn kiêu hãnh vì ai đến nhà cũng vuốt tóc nựng tôi và chẳng mấy ai hỏi han đến Thu. Và thường ngày, tôi cũng hay lấn áp Thu nữa... Nhưng lúc này tôi chỉ thấy tội nó. Tôi không kịp suy nghĩ về buổi chia tay đang diễn ra. Tôi nhìn đống quần áo đã phân đôi trên giường và chợt nhận ra bao nhiêu quần áo đẹp đều là của tôi! Áo quần để chung nhưng có khi nào Thu mặc đâu. Toàn là tôi mặc và quen dần ai cũng coi đó là của tôi.

Mẹ nhét áo quần của Thu vào vali và cúi hôn tôi:

"Mẹ yêu cả hai đứa! Con hay nói rằng mẹ không thương con nhưng không phải vậy đâu. Rồi con sẽ hiểu."

Để hiểu được lời mẹ nói tôi phải trải một thời gian dài. Suốt những năm tháng dài đó, tôi luôn nhớ đến hình ảnh đứa em gái xấu xí khờ khạo của tôi.

"Chị Linh, con búp bê này chia làm sao? Chị cái đầu, em cái mình nghe?" Nó giơ tay định vặn cổ con búp bê.

"Cho Thu luôn đó!" Tôi vội giật con búp bê lại nhét vào vali của mẹ, lần đầu tiên trong đời tôi nhường em mình.

Và kể từ hôm đó, những con búp bê xinh xắn trong tủ kính trưng bày ở tiệm không còn hấp dẫn tôi nữa. Một điều gì đó đã vĩnh viễn qua đi.

Hai năm đầu, Tết nào mẹ cũng gửi thư và quà cho tôi. Con dấu ngoài phong bì cho biết mẹ ở Nha Trang nhưng không cho biết rõ địa chỉ.

Đến năm sau, năm sau nữa... tôi không còn nhận được tin mẹ. Ba cười khẩy:

"Chắc mẹ mày lấy chồng rồi!"

Tôi không nghĩ đến chuyện mẹ lấy chồng. Tôi chỉ nghĩ rằng mẹ không buồn nhớ đến tôi nữa. Ngày xưa mẹ cũng ít khi nựng nịu chiều chuộng tôi, mẹ thương em Thu hơn.

Ba lấy vợ. Dì mới hai mươi ba tuổi, lớn hơn tôi tám tuổi. Nhìn dì và

tôi người ngoài dễ làm là hai chị em.

Dì không hoạnh họe tôi như những bà dì ghẻ người ta hay nói. Mà thật ra dì không chú ý đến tôi thì đúng hơn. Sáng tám giờ dì thức dậy, chải đầu thay áo quần rồi ăn sáng đến mười giờ, đi chợ, vậy là tới trưa. Ngủ trưa dậy là đã ba giờ, dì tới tiệm gội đầu hoặc làm móng tay móng chân... rồi cơm chiều. Rồi tối coi tivi hoặc đi xem phim, nghe nhạc...

Khi có bầu, da mặt bị nám một chút, dì khóc không chịu vào bếp nấu ăn vì sợ nám nhiều hơn. Ba mua bếp điện về, dì than cái thai làm dì mệt. Vậy là ba thuê một bà già ngày ngày tới lo cơm nước giặt giũ.

"Chú còn con Linh làm gì?" Đó là câu nói đầu tiên của dì ám chỉ đến tôi sau một năm sống chung.

"Để cho nó học hành!" Giọng ba như ra lệnh, dì im lặng ngay. Dường như dì hiểu được rằng ba rất cưng tôi và đặt hy vọng nơi tôi rất nhiều. Dì muốn gì thì muốn, trừ việc... gây sự với tôi.

Chỉ tội nghiệp cho bà già giúp việc. Ba tôi vốn khó tính, dì không khó tính nhưng lại nhỏng nhảnh, còn tôi thì ngủng ngoẳng với tất cả. Bà nấu mòn gì hễ tôi khen ngon thì dì chê dở, bà làm gì hễ được dì khen thì tôi lại chê. Ba tôi khi thì nghe theo dì, khi thì nghe theo tôi... và một ngày kia ông quát lên:

"Từ nay về sau ai chê thì tự làm lấy."

Dì sinh ra một đứa con gái giống em Thu như đúc. Bà già giúp việc lắc đầu:

"Đàn bà có thai mà chưng diện thì sinh con xấu xí, vô duyên là đúng rồi. Chỉ tội nghiệp con bé..."

Ba tôi cau mặt mỗi khi nhìn thấy đứa nhỏ. Dì trút bỏ áo quần đẹp, thôi son phấn, cả ngày dì ôm con vào lòng nựng nịu mong cho nó biết cười. Nhưng mặc kệ tình thương lẫn nước mắt của dì, nó vẫn cứ nhìn quanh bằng đôi mắt lờ đờ và chẳng hề vui hơn chút nào khi nghe tiếng lúc lắc của món đồ chơi.

"Sao anh chẳng bao giờ nựng con hết vậy?" Tôi nghe tiếng dì khóc và hỏi ba tôi và tiếng giày ba đi xa dần.

Đứa bé đã kéo tôi đến gần dì. Đi học về, tôi thường vào phòng dì bồng bé lên. Tôi ca hát vui đùa trêu chọc bé. Cũng như dì, tôi thiết tha mong nghe tiếng nó cười. Dì vui hơn khi thấy tôi gần gũi bé Bi của dì, nhưng không bao giờ dì hiểu được rằng tôi đang nhìn thấy mẹ nơi dì và bé Bi là em Thu ngày xưa. Giờ thì tôi hiểu được câu cuối cùng mẹ nói: "Em Thu yếu đuối hơn con nên em cần mẹ hơn."

Sau bao ngày tháng, giờ đây tôi bỗng nhớ mẹ và em Thu đến cồn cào. Tôi nhớ hồi đó tôi hay giành đồ chơi với Thu và nó chẳng biết làm gì hơn là khóc ư ử. Cuối năm học nào tôi cũng ôm về gói phần thưởng lớn nhất lớp và ba hãnh diện chở tôi đi chơi khắp nhà người quen. Mỗi lần ba nựng nịu hoặc mua quà cho tôi thì mẹ lại đưa em Thu đi loanh quanh trong xóm và mua cho em một món quà tương tự để rồi tôi giành luôn món quà đó bằng câu phụng phịu:

"Mẹ ú thương con. Mẹ chỉ thương em Thu thôi."

"Linh! Con là chị. Con phải nhường em." Mẹ dàn hòa và đôi khi mẹ nói như năn nỉ tôi:

"Khi nào đi chơi, con dắt em theo cho em biết này biết nọ với nghe con."

Tôi lắc đầu nguây nguẩy. Nó chậm chạp lù đù, dắt theo mệt lắm.

Tôi chưa bao giờ quan tâm đến em Thu. Ba đã khiến tôi nhận ra điều này!

Tôi ẩm bồng bé Bi, ru nó ngủ, may áo búp bê, mua đồ chơi cho nó... Tôi muốn làm thật nhiều cho bé để chuộc lại sự vô tâm đối với em Thu. Nhưng bé Bi là bé Bi, em Thu là em Thu và tôi bật khó mỗi khi nhớ mẹ. Tôi lục mấy phong thư cũ, tìm địa chỉ của mẹ nhưng vô ích, con dấu ngoài phong bì với hai chữ Nha Trang lạnh lùng chẳng nói được gì hơn. Nha Trang trở thành một địa danh ám ảnh.

Giấy báo tôi thi đậu á khoa Đại học Y khoa TP HCM gửi về nhà. Ba mở tiệc mừng ngay ngày hôm sau. Tiếng cụng ly của khách khứa chúc mừng tương lai tôi vọng vào phòng khiến dì run vai lặng khóc. Tôi bồng bé Bi lên, bé nhìn tôi bằng đôi mắt lờ đờ rồi mệt mỏi ngả cổ trên vai tôi.

"Mai mốt Linh đi học... Ở đây một mình... dì biết làm sao?" Dì nói nho nhỏ, thống khổ, tuyệt vọng, cô đơn. Dì già sọm như đã bốn mươi.

Tôi cắn nghiến môi lại. Mẹ cũng đã từng thống khổ tuyệt vọng và cô đơn như vậy. Mà hồi đó, tôi còn quá nhỏ để biết chia sẻ.

Tôi rời bữa tiệc mừng đi lang thang trên phố. Hàng cây hai bên đường rũ lá lặng im. Niềm kiêu hãnh trước sự quan tâm đặc biệt của ba dành cho tôi không còn nữa, điều gì đó đã nứt rạn, xót xa.

"Con gái của ba, con muốn ba thưởng gì cho con?" Ba hồ hởi hỏi khi tôi quay về sau bữa tiệc.

"Con thích đi Nha Trang." Tôi đáp và mong ba hỏi: "Tại sao con muốn đi Nha Trang?" để tôi nói với ba về nỗi ray rứt trong tôi, nhưng ba không thèm thắc mắc.

***

Mặc đám bạn vui đùa trên bãi cát, tôi đi lòng vòng khắp phố biển

như một con điên. Tôi dáo dác dòm ngó, nghểnh cổ xoay đầu nhìn quanh tựa như mẹ và em Thu vừa mới chia tay với tôi xong.

Tôi đặc biệt chú ý đến những đứa bé trạc tuổi Thu ngày ra đi, những đứa bé rách rưới nhẫn nhục chìa cái mũ trước ngực và ngước mắt chờ đợi. "Nếu bỗng nhiên một đứa bé ngửa mũ trước mặt tôi với nụ cười nhăn nhở và đó là Thu thì sao?" Câu hỏi kinh khủng lóe lên khiến tôi sụng người khiếp sợ. Mẹ sẽ không bao giờ để em Thu như vậy! Nhưng có thể là mẹ làm sao đó... Mẹ chết chẳng hạn, và chẳng còn ai trên đời này biết đến em tôi. Một con người sinh ra không có lý trí thì có thể làm được gì ngoài việc ngửa mũ xin ăn? Tôi thẫn thờ đi trên phố, lòng vừa mong gặp, vừa mong đừng gặp.

Ngày cuối cùng ở Nha Trang tôi đi quanh các cửa hàng tìm mua quà cho bé Bi. "Có món quà nào thật hay khiến cho bé cười được không?" Tôi lùng sục món quà trong trí tưởng tượng của mình một cách xét nét tỉ mỉ khiến đám bạn cùng đi kêu trời:

"Sao mày khó tính như bà già vậy Linh?"

Cuối cùng tôi tìm mua được con thuyền bằng vỏ ốc gắn vào nhau. Những cái vỏ ốc nhiều màu lấp lánh dưới nắng mặt trời.

"Cám ơn Linh đã mua quà cho bé Bi." Dì buồn bã nói. "Từ lâu rồi, dì cũng chẳng nhớ đến việc mua quà cho bé nữa."

Dì đưa chiếc thuyền cho bé và ngay lập tức, chiếc thuyền tuột khỏi đôi bàn tay lỏng lẻo của bé và rơi xuống nền xi măng khô khốc, vỏ ốc văng tung tóe.

Thật là bất ngờ, tôi gặp mẹ ngay ngày đầu tiên đến trường đại học. Trong phút giây, tôi và mẹ đứng lặng nhìn nhau. Mẹ già đi nhiều, tóc lốm đốm bạc.

"Sao mẹ... đứng ở đây?" Tôi ấp úng hỏi một câu ngu ngơ.

"Mẹ đợi con!" Giọng mẹ khàn khàn.

"Sao mẹ... không viết thư cho con?"

"Biết ba con lấy vợ nên mẹ thôi không gửi. Mẹ ngại ba nghĩ rằng mẹ quấy rầy hạnh phúc của ba con."

"Mẹ ngại... ngại... Mẹ không nhớ đến con thì có!" Tôi dằn dỗi như ngày xưa mỗi lần mẹ mua quà cho em Thu.

"Linh!" Mẹ dịu dàng gọi tên tôi. "Mẹ luôn hỏi thăm về con. Con có thấy là mẹ đang đứng đây không? Từ khi biết con đậu trường này, ngày nào mẹ cũng đến đây đợi..."

Hai mẹ con mà phải đợi chừng đó năm tháng để gặp nhau ở một nơi xa lạ. Tôi gục đầu trên vai mẹ, bật khóc:

"Con về Nha Trang tìm mẹ... mẹ ơi!"

"Hồi đó mẹ đưa em về Nha Trang với hy vọng khí hậu biển sẽ tốt hơn cho em con. Rồi nghe nói ở thành phố có nhiều bác sĩ giỏi nên mẹ đưa em về đây."

"Em Thu... sao rồi mẹ?" Tôi hồi hộp hỏi.

"Em con mất rồi!" Nước mắt mẹ rơi trên tóc tôi. "Em con không ý thức được nguy hiểm nên đút tay vào ổ điện."

Đột nhiên tôi thấy nhẹ nhõm, nỗi nhẹ nhõm tàn nhẫn, kỳ quặc và đau đớn. Mẹ nghẹn ngào:

"Chết có lúc là giải thoát phải không con?"

Nỗi đau trong mắt mẹ khiến cổ tôi cứng lại.

Tôi có thêm một đứa em trai vì mẹ đã có chồng. Chồng của mẹ là một bác sĩ khoa tâm thần. Thật khó chịu khi biết mẹ có chồng. Việc mẹ có chồng khác hẳn việc ba có vợ! Không thể giải thích được vì sao lại như vậy.

Tôi cố tạo một vẻ mặt vô tư khi gặp cậu bé. Nó có khuôn mặt tròn và sống mũi thanh tú của mẹ. Rồi khi đối diện với ông bác sĩ, tôi nhận ra đôi mắt nó là bản sao của đôi mắt ông.

Câu chào ngập ngừng trên môi rồi tôi bật ra: "Chào bác."

Ông đáp lại câu chào của tôi bằng một nụ cười.

Ông đưa mẹ và tôi ra mộ em Thu. Ngôi mộ xây theo một kiểu dáng là lạ, ngồ ngộ - những viên đá hoa đủ màu đắp quanh mộ như những món đồ chơi bày ra bừa bãi.

"Với dáng mộ này, bác mong em của cháu có được tuổi thơ ở thế giới bên kia." Ông nói bằng một giọng ấm áp, ân cần.

Tôi hình dung một cuộc sống có ông, mẹ, em Thu và đứa em tôi mới gặp. Thật khó mà hình dung được cuộc sống đó ra sao. Tuy nhiên tôi hiểu ông rất yêu mẹ tôi. Vì yêu mẹ nên ông đã tặng cho em tôi tuổi thơ, dẫu muộn màng. Cũng như tôi thân thiện với dì vì nhớ mẹ, và nựng nịu vỗ về bé Bi vì tình yêu muộn màng dành cho em Thu.

Tôi chợt hiểu ra một điều cơ bản của cuộc sống - Những ai biết yêu thương sẽ sống đẹp hơn.

Đắc Lắc, tháng 9-1994

giữa người đọc và người viết

- **Tạ Chí Đại Trường trả lời Nguyễn Anh Thăng**

Trên *Văn Học* số 109, tòa soạn có cho trích đăng những câu anh Nguyễn Anh Thăng ở Houston TX, hỏi Tạ Chí Đại Trường nhân đọc bài "Sử học và Truyền thống Hùng vương" đăng trên số 108.

Đại ý các câu hỏi như sau:

1. Trong bài phỏng vấn học giả Hoàng Xuân Hãn của Nguyễn Nam Anh, cụ Hãn cho rằng giới nghiên cứu khoa học xã hội ở Việt Nam hiện nay làm việc cũng cẩn thận lắm. Đọc Tạ Chí Đại Trường, lại thấy ngược lại. Vậy cụ Hãn đúng hay T.C.Đ.T. đúng?

2. Cụ Hãn cho rằng những nhà nghiên cứu Việt học ở hải ngoại nên về VN hợp tác với những người nghiên cứu trong nước thì công trình mới có kết quả, và việc đó bây giờ không khó khăn như trước nữa. Từ kinh nghiệm riêng, anh T.C.Đ.T. có đồng ý với cụ Hãn không?

3. Khi viết những cuốn như *Thần, Người, và Đất Việt* ở VN, T.C.Đ.T. có được sự giúp đỡ của những người có quyền không? Về việc tìm tư liệu và công bố thành quả nghiên cứu.

Để trả lời, T.C.Đ.T. đã viết một bài dài 20 trang chữ nhỏ. Văn Học không thể đăng trọn bài đó được, nên xin phép tác giả trích đăng một số đoạn trả lời trực tiếp các câu hỏi của N.A.T:

1. Trong hai câu hỏi đầu viết cho Văn Học, câu thứ nhất ghép tôi đối chọi với cụ Hoàng Xuân Hãn, , dù rằng đó là vì sự việc chứ không phải vì anh cố ý như thế. Xin nói ngay rằng tuy không đồng ý với cụ một ít như đã viết trên Văn Học số 109, nhưng tôi vẫn nghĩ là nếu ở Pháp, tôi sẽ đến nhà ông cụ coi thử có gì ông ấy dánh rơi không để lượm. Và kiếp sau, tôi muốn "làm ông Hoàng Xuân Hãn".

Bây giờ nói qua chuyện đối chọi.Lại phải lan qua các câu hỏi khác của anh, nhưng tóm tắt là như thế này: Cụ HXH không ở VN, còn tôi thì đến tháng 8/94 mới ra khỏi đó.

Nhìn kỹ lại thì thấy tuy cụ HXH

có viết vài quyển sử (Lý Thường Kiệt, La sơn phu tử), *nhưng cụ là nhà khảo chứng hơn là sử gia. Lãnh vực khảo chứng của cụ lan qua văn học sử, thư tịch, văn tự như ta đã thấy. Là nhân chứng lịch sử vì vai trò trí thức mà người cộng sản rất cần lúc đầu, cụ viết sử với lời nhẩn nhủ kín đáo (như cụ nói về Lý Thường Kiệt), lời phân trần cũng kín đáo (La sơn phu tử), viết hồi ký với giọng đĩnh đạc (về hội nghị Đà lạt). Cung cách đó hẳn phải khác đi nếu cụ phải chịu một vài cuộc kiểm thảo, phê bình. Chắc cụ cũng biết các chuyện đó. Nhưng cái biết không bằng cái sống, người tài ba nào cũng vậy thôi. Cụ HXH đã không theo dõi các khảo cứu khảo cổ học trong nước, chỉ nghe nói lại như cụ xác nhận, lại không có điều kiện để tìm hiểu những người làm việc đó. Vậy thì anh không nên để tôi "đối chọi" với cụ trong lãnh vực này làm gì.*

2.Về vấn đề liên lạc và hợp tác với những nhà nghiên cứu miền Bắc, tôi có nhiều kinh nghiệm sống hơn cụ HXH. Từ những kinh nghiệm ấy, tôi thấy chuyện hợp tác thật vô nghĩa. Chữ nghĩa không phải là chuyện của cảm tình riêng, càng không phải là chuyện cảm tình trong một xã hội coi lãnh đạo văn hóa là khâu quan trọng trong sự ổn định chính trị - có nghĩa là sự sống chết của quyền bính, của tiền bạc bản thân người cầm quyền. Mà lãnh đạo, dù gặp lúc hơi chao đảo, vẫn còn sờ sờ ra đó; thói quen tuân phục chính trị, tuân phục tuyệt đối người cầm quyền vẫn chưa hề thay đổi. Tiếng là "hợp tác", nhưng thực sự là cuộc đầu hàng của một phía, phía mình.

Làm thầy cô một thời gian, ở VN tôi đã theo sát được chuyện sách cũ trước 75 in ào ạt trong những năm cuối thập niên 80. Người ngoài thì cho là tại đổi mới, nhưng tôi thấy sự thúc đẩy hiện tượng này vượt quá ý định của người cộng sản, do những nguyên nhân tôi có nêu ra trong cuốn Việt Nam nhìn từ bên trong và bên ngoài *(Văn Lang, Hoa kỳ, xb năm 1994). Nhạc vàng, nhạc di tản dễ phổ biến vì có băng cassette bỏ vào túi gọn, thu lợi nhiều nên có tiền hối lộ hải quan, ưu thế mà sách báo hải ngoại không có. Hồi sách Quỳnh Dao chớm ra được một hai cuốn, một văn sĩ ở nhà xuất bản X cho biết: "Anh nào cũng thủ sẵn một cuốn Kim Dung, đợi có tiếng hô là chạy" Lệnh xuất phát không có nhưng sách Kim Dung cứ in bán đầy ở Hà nội. Sự việc "trong chăn" là như thế mà các anh caán bộ văn hóa tâm thành phục vụ lại được dịp ca tụng sự cởi mở sáng suốt của Đảng! Hồi sách Thụy Vũ in lại, in ầu không xin phép tác giả, tác giả réo đòi tiền, tờ Tuổi Trẻ lấy đó làm đề tài ca tụng sự "cởi trói" của Đảng. Một nhà văn miền Nam được giải thưởng Tổng thống VNCH lại có sách tái bản dưới thời cách mạng, còn bằng cớ nào hơn về sự rộng lượng của Đảng? Thế mà chỉ độ một tháng sau, cũng tờ Tuổi Trẻ công kích chuyện in sách cũ và chê bai Thụy Vũ. Thời "trói lại" đã bắt đầu. Cấm, cho, cởi, trói dễ dàng cũng chứng tỏ được quyền uy vững vàng của Đảng!*

3. Trả lời câu hỏi thứ ba của anh, có lẽ tôi phải viết cả một cuốn hồi ký khác. Chắc anh hỏi chơi, chứ anh đã có câu trả lời rồi. Nhưng anh đã hỏi thì tôi lấy từ đời sống để xin trả lời.Sau khi ở tù về tôi làm đủ thứ nghề hầm bà lằng: lăn gỗ, xúc bột giấy, phơi giấy cat-tông, làm lơ áp tải xe, làm thầy cò sửa bản vỗ nhà in, dịch tiểu thuyết trinh thám...Tôi khảo cứu theo cách nghiệp dư, tài liệu là những sách cũ của các nhà gia thế xưa kia đổ ra bán chợ trời, là kho sách ở Thư viện Khảo cổ cũ nay chỉ dành cho những người có giấy giới thiệu của cơ quan nhà nước. Té ra ở các nước xã hội chủ nghĩa, kiến thức phải từ quyền chức mới có! Chạy được cái thẻ giới thiệu ở Trung tâm Nghiên cứu Dịch thuật, vào mượn sách vẫn còn rụt rè. Tôi đọc sách tìm tài liệu vào những thời gian diện cúp, thất nghiệp. Có thời thất nghiệp trầm trọng chỉ có việc làm buổi sáng, buổi chiều ngồi ở thư viện, có người hỏi tôi: "Này, in bài ở ngoại quốc nó trả tiền khá lắm hay sao mà thảnh thơi quá vậy?". Họ không biết tôi tốn cả một tháng lương để trả cước phí gửi bản thảo Thần Người và Đất Việt, *và bưu phí gửi cuốn hồi ký* Một khoảnh VNCH nối dài *thì tốn một nửa tiền công dịch một cuốn trinh thám.*

Tại sao bài, bản thảo sách gửi đi trót lọt? Nhiều người trong nước hỏi tôi về đường dây gửi bản thảo. Có lần tôi nói với anh Doãn Quốc Sỹ, đại khái: "Anh bị bắt vì lý do in sách ở ngoại quốc vì anh có học trò, có quần chúng văn học, anh có thể động chạm tới quyền bính của họ, chứ tôi chỉ là con mọt sách gãi ngứa cho họ thôi". Tôi cố làm công dân tốt sau khi được cải tạo: tôi gửi bản thảo qua đường bưu điện, có trả tiền đàng hoàng. Dĩ nhiên tôi cũng có tính toán: gửi đi Pháp thì ít bị chú ý hơn đi Mỹ, nhất là Mỹ Cali. Tôi chọn gửi vào thời gian nhiều người gửi cho thân nhân những tập hồ sơ ODP dày cộm. Vấn đề là tính toán theo kiểu tài tử xiếc đi dây, té rán chịu!

Dù sao thì bài và sách tôi viết ở trong nước đã được in trên báo, đã thành sách phổ biến ở đây, trước khi tôi rời Việt Nam. Anh đã đọc, nhiều người khác đã đọc. Vừa qua Mỹ chưa lâu, bạn bè gửi cho tôi một bài báo chỉ trích cuốn hồi ký cải tạo "Một khoảnh VNCH nối dài", người viết thấy tôi dùng chữ "tên cải tạo", "tên ngụy", "anh cán bộ", người cách mạng"...liền cho rằng tôi miệt thị một lớp người và nịnh bợ lớp người khác. Đọc sách mà còn đánh vần thì đọc làm chi rồi lại rán viết chửi bới cả dòng họ nhà tôi trong ba bốn trang giấy in chữ nhỏ, khổ báo lớn? Cứ ở bên nhà thì co đầu rút cổ, sun soe nịnh bợ nữa là khác, rồi thấy cách kẻ thù một đại dương lại ồn ào la lối là người ở lại dám nói cứng với cộng sản ắt phải được cộng sản cho phép! Vậy thì cứ ai nhanh chân chạy trước thì là anh hùng chống cộng, còn ai chậm lụt ở lại đều là cộng sản tuốt luốt vì cùng đi trên hè phố có người cộng sản! Quan niệm về đời sống sao mà giản dị, khờ khạo quá thế!

• Ý kiến của N.H.L., Hungary.

1. Về bài "Vài cảm nghĩ về Văn học Hải ngoại" của Mai Kim Ngọc trên Văn Học 109 (tháng 5.1995).

Tôi, một kẻ mới được "nhòm ngó" vào dòng văn học hải ngoại vài năm nay, đã đọc một mạch, say sưa bài viết đầy tính lãng mạn và lạc quan của Mai Kim Ngọc. Rất hấp dẫn và "đẹp"! Nhưng tôi cũng có một vài áy náy, xin đưa ra với anh Mai Kim Ngọc:

a. Anh bảo "Những tiểu thuyết với dụng tâm chở ý, dù bởi những tư tưởng gia lỗi lạc như Sartre hay bởi những văn sĩ cộng sản trước Perestroika, cũng làm ta dội vì sự khiếm khuyết chất lượng văn học hay vì ý đồ thuyết phục tuyên truyền lộ liễu"

Đối lập với điều đó, anh nêu hàng chữ nhắn tin của người đàn bà di tản K.L., để nói "Tuy tất cả những gì chúng ta viết ra không phải là văn học, nhưng rất nhiều tác phẩm chúng ta viết với mục đích thực dụng vẫn có giá trị văn học, không trực tiếp thì gián tiếp..."

Đọc ra, thì thấy thật "lãng mạn", nhưng vẫn nẩy ra một loạt những câu hỏi mang tính nguyên tắc:

- Vậy cuối cùng như thế nào có thể được gọi là một tác phẩm văn học (hải ngoại)?

- Vẫn biết trong trường hợp lý tưởng, thì văn chương nên bỏ cái dụng tâm chuyên chở kiểu "văn dĩ tải đạo". Nhưng đã bao giờ, bao nhiêu tác giả, bao nhiêu tác phẩm đạt được điều đó? Trong một hoàn cảnh hiện thực, một tác phẩm "dụng tâm chở ý" nhưng "không tuyên truyền lộ liễu" và "không khiếm khuyết chất lượng văn học" chẳng có thể làm ta xúc động, thao thức hay thấm thía ư?

b. Nhận xét về những nhận định về văn học hải ngoại từ quốc nội, tôi cho nên có sự phân biệt. Những cố gắng nhằm xác định vị trí của văn học hải ngoại trong văn học Việt Nam của Nguyễn Huệ Chi, Phong Lê, Phạm Xuân Nguyên..., theo tôi, là nghiêm túc và đáng trân trọng. Có thể đồng tình hay không đồng tình với nhiều luận điểm của họ, nhưng bảo là "vô thưởng vô phạt" hay "xoay chiều", thì có gì không phải.

c. Mai Kim Ngọc lạc quan khi nói "Chưa bao giờ có những người cầm bút tự do hơn" và nói đến vô số những thuận lợi cho người cầm bút ở hải ngoại.. Từ đó, anh lạc quan về tương lai của văn học hải ngoại, bảo "sớm muộn sẽ có những tác phẩm với tầm mức quốc tế".

Tôi thì băn khoăn với mấy ý nghĩ vớ vẩn:

- Văn học hải ngoại tự do thật đấy, nhưng đã hoàn toàn thoát khỏi những cái *ghetto*, hay những rào chắn tự lập lên quanh mình hay chưa?

- Tại sao, chẳng những văn học hải ngoại, mà cả văn học Việt Nam nói chung, chưa có một sáng

tác nào được công nhận là "đạt tầm mức quốc tế"? Phải chăng vẫn bởi dân tộc ta dù ở đâu đi nữa, sáng tác bằng "ngôn ngữ thiểu số", vì thế "không truyền bá được cộng đồng lớn"?

d. Mai Kim Ngọc kết luận: *"Ta khác họ (tức là bạn văn dị chủng địa phương hay những bạn văn đồng chủng nơi cố quốc), vì trong cộng đồng này, ta có lợi điểm của hai thế nhìn, cho phép ta thoát ra khỏi cái nhị nguyên hạn hẹp đối chọi Đông với Tây, quốc nội với hải ngoại..."*

Mừng và hy vọng lắm thay!

Tôi rất thích mục "Ghi chép" trên *Văn Học*. Cứ nhận được tờ tạp chí, là thế nào cũng giở ngay ra coi mục này. Tôi cho rằng mở mục này, Văn Học đã cập nhật tương đối đầy đủ những thông tin về văn học cho độc giả.

Một vài nhận xét "kiểu bới lông tìm vết":

a. Trong bài "Nam Cao đãi khách" (*Văn Học* số 108, tháng 4/1995) có câu: "Các vị Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính...đều đã qua đời *vào* năm 1992". Có lẽ phải viết: *"Tính đến năm 1992, các vị....đều đã qua đời"* thì chỉnh hơn, chú Thâm Tâm và Nguyễn Bính đã tạ thế vài chục năm nay, đâu có "vào 1992" được.

Cũng về vụ "đãi khách" này, nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn trong nước dựa vào lời kể của bố anh, có viết một bài cũng đăng trên báo *Lao Động* năm 1993. Không thấy đăng lại trên Văn Học, không hiểu có trong tạp chí *Tác Phẩm Mới* số tháng 2/1994 mà *Văn Học* giới thiệu không. Tôi còn giữ bài này.

b. Trong bài "Bảo Ninh, Nỗi Buồn Chiến Tranh và Siêu lộ thông tin Internet (*Văn Học* số 111, tháng 7/1995) có nhắc đến cuốn "Ăn Mày Đi Vắng" và chua là "Không ghi tên tác giả".

Thực ra cuốn sách trên có tên là *Ăn Mày Dĩ Vãng* của Chu Lai, một nhà văn quân đội trong nước, do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành vào năm 1992. Một cuốn sách hấp dẫn.

THÔNG BÁO

Tòa soạn Văn Học hiện còn một ít báo cũ như sau:

Văn Học Nghệ thuật (bộ mới): Số .6,7. **Mỗi số $2.50**

Văn Học: Số 10, 11, 12, 13, 15. **Mỗi số $2.50**

Số 16, 18, 19, 20, 23, 27,29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 38, 39, 40, 41, 42, 44, 49, 53,54, 55, 57, 58, 59, 80. **Mỗi số $3.00**

Từ số 61 đến 92, và từ số 95 đến 107. **Mỗi số $3.50**

Số 108, 109, 110. **Mỗi số $4.00**

Bạn đọc cần mua báo cũ, gởi chi phiếu gồm tiền báo và cước phí hạng tư: **từ 1 đến 5 số, $3.00; từ 5 đến 10 số : $6.00.**

Mua nhiều hơn, xin liên lạc với toà soạn

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

• Ngày mất của Tản Đà

Trên Tuần báo *Văn Nghệ TP H.C.M.* số 203 ra trong tuần lễ từ 27.7 đến 2.8.95, nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Xương, con trai trưởng của thi sĩ Tản Đà có khẳng định rõ ràng ngày mất của thân phụ, mong giải quyết lần chót một nghi vấn lâu nay là không biết Tản Đà mất ngày 7.6.1939 hay 17.6.1939.

Nguyễn Khắc Xương nói rõ: Ngày mất của Tản Đà là 7 tháng 6 năm 1939, mà âm lịch là ngày 20 tháng 4 Kỷ Mão.

Ông còn dẫn chứng lời Nguyễn Tuân viết trong bài "Chén rượu vĩnh biệt" đăng trên *Tao Đàn* số đặc biệt về Tản Đà 1939: "Cái ngày khác rất gần đây mà tôi lại trở lại căn nhà 71 Ngã Tư Sở là ngày 20 tháng 4, tây lịch là ngày 7 tháng 6 năm 1939. Tôi trở lại để không bao giờ gặp lại ông Tản Đà nữa. Tôi, một kẻ ở, đến để ngắm chủ nhân đã là một người về. Lúc bấy giờ quá ngọ."

Một dẫn chứng khác là tập *Nhật ký Trúc Khê* của Trúc Khê Ngô văn Triện. Trúc khê viết trong nhật ký: "Ngày 7-6-39 (20-4 âm). Chiều hôm nay cùng ông Vũ Đình Long, chủ báo, xuống phố Ngã Tư Sở để thăm thi sĩ Tản Đà mới mệnh chung lúc hơn một giờ chiều" và tiếp nữa; "Ngày 9-6-39 (22-4 âm). Buổi chiều hôm nay đi đưa đám thi sĩ Tản Đà, anh em cử mình vào chấp phất (cầm dây ở góc xe tang). Quyển nhật ký này ông Ngô văn Trung là con cụ Trúc Khê còn giữ được.

• Tản Đà có bao nhiêu người con?

Đông Sơn trên Tạp chí *Nghệ thuật*, nói rằng Tản Đà có bốn người con trai, là Nguyễn Khắc Xương, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Khắc Phục, Nguyễn Khắc Phê.

Nguyễn Khắc Xương cải chính tên bốn anh em theo thứ tự lớn nhỏ như sau: Nguyễn Khắc Xương,

Nguyễn Khắc Phục, Nguyễn Khắc Cường, Nguyễn Khắc Đại, trong số này chỉ có trưởng nam là còn theo đuổi nghiệp văn của cha, những người khác không có duyên nợ gì với văn chương. Nguyễn Khắc Phục hồi đầu kháng chiến chống Pháp có làm một số ca dao ký là Chiến Bồng, nhưng đã gác bút từ 1950. Nguyễn Khắc Cường đã mất trong kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Khắc Đại thì làm việc trong ngành kinh tế thống kê. Sở dĩ ông Xương phải nói rõ về ba em của mình vì trong làng văn hiện nay trong nước có ba nhà văn có tên là Nguyễn Khắc Phục, Nguyễn Khắc Phê và Nguyễn Khắc Trường. Cả ba Khắc này không có dây mơ rễ má nào với Khắc Hiếu cả.

• Tranh luận chung quanh tập thơ *Bóng Chữ* của Lê Đạt.

Từ ngày nhà thơ Lê Đạt (một trong những nhà thơ thuộc Nhân Văn-Giai Phẩm) cho in tập thơ *Bóng Chữ*, ở Việt Nam, đã xảy ra những cuộc tranh luận sôi nổi về tập thơ này. Lý do: Lê Đạt muốn đổi mới thơ, và đổi mới cả bằng những bài lý luận lẫn sáng tác thi ca. Về lý luận, Lê Đạt chú trọng đến ngôn ngữ thơ hơn là ý thơ, ông lên án những nhà thơ thần húng và cho rằng nhà thơ phải là một anh phu chữ có tay nghề, coi trọng đúng mức "diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu thơ, bài thơ". Rồi ông viết những bài thơ mẫu như sau:

...Thành tích
Mấy trang giấy sờn
Mấy câu thơ bụi
Núi vô sơn
(Xưng danh).

Những cuộc tranh luận ấy, theo nhận xét của Võ Tấn Cường trên tuần báo *Văn Nghệ TP HCM* số 205, "cho thấy một vấn đề đáng bàn, đó là các nhà phê bình sính thơ và các nhà thơ sính lý luận". Nhà phê bình sính thơ Võ Tấn Cường ám chỉ trong bài là Đặng Tiến. Đặng Tiến có viết một bài dài ca tụng tập thơ của Lê Đạt trên hai số 14 và 15 của báo *Người Hà nội* (2.6 và 10.6.95). Quen viết theo lối thậm xưng, Đặng Tiến cho rằng tập thơ *Bóng Chữ* của Lê Đạt là ốc đảo hiếm hoi xanh tốt trên cái sa mạc thơ Việt quốc nội hai mươi năm nay. Rồi ông giải thích vì sao thơ quốc nội hai thập niên qua là sa mạc: "Lý do thì nhiều lắm: từ chủ nghĩa giáo điều, hiện thực đại chúng ngự trị lâu nay đến chủ nghĩa thực dụng, duy dụng đang khuynh loát tư tưởng Việt Nam. Từ xã hội Khổng giáo, văn hóa Việt Nam chuyển mình sang mác-xít, từ lý tưởng "ăn không cầu no" đã quá độ lên lý tưởng "ăn chỉ cần no", cái đói nó gói cái khôn."

Thế là người ta ào ào xung trận công kích Đặng Tiến, cho rằng nhà phê bình đã xúc phạm nặng nề tới giới làm thơ trong nước, chẳng những thế, còn mỉa mai cái nghèo

đói của người trong nước. Xuân Vũ-Nguyễn Kim Anh trên tuần báo *Văn Nghệ TP HCM* số 203 viết : "Thua ông Đặng Tiến, người quân tử của Khổng giáo thực vô cầu bão, ăn chẳng cần no là ăn để sống chứ không phải sống để mà ăn no căng bụng phè phỡn, đào sẵn nấm mồ cho mình bằng hai hàm răng như kiểu Tây bơ sữa..."

Giang Hồ trong mục "Vui buồn dọc đường văn nghệ" thì gọi những lời Đặng Tiến viết là "cái thất thần của kẻ được vỗ béo," ..."trong một đoạn văn ngắn, hệ trọng và mang tính chất miệt thị một dân tộc".

Kẻ được vỗ béo, kiểu Tây bơ sữa! Tất cả mũi tên phản kích đều dựa vào cái quốc tịch Pháp của Đặng Tiến. Giận dữ vì bị xúc phạm là quyền của những người cho rằng mình bị xúc phạm, nhưng cũng nên nhớ là ở Tây bây giờ, vì sợ mập lên huyết áp, người ta đua nhau "ăn chẳng cầu no." Tự vỗ béo với bơ sữa, không phải kiểu Tây nữa rồi.

• Dương Thu Hương bị "cấm cửa" ngay trên đất Mỹ

Dưới áp lực của chính quyền cộng sản Việt Nam, phần trích từ cuốn *Tiểu thuyết vô đề* của Dương Thu Hương vừa bị nhà xuất bản Mỹ loại ra khỏi tuyển tập *The Other Side of Heaven: Post-war Fiction by Vietnamese and American Writers* (Mặt bên kia Thiên đường: Tập truyện hậu chiến của các nhà văn Việt, Mỹ) do Wayne Karlin và Lê Minh Khuê chủ biên.

Trung tâm Joiner, cơ quan bảo trợ cho dự án xuất bản tuyển tập này giải thích sở dĩ phải loại bỏ trích đoạn tiểu thuyết của Dương Thu Hương là vì họ không xin được phép của nhà xuất bản. Nhưng William Schwalbe, đại diện nhà xuất bản William Morrow thì lại bảo là nhà xuất bản ông đại diện đã cho phép nhà xuất bản Curbstone dùng một phần bản dịch *Tiểu thuyết vô đề* từ hơn một năm nay.

Việc nhà xuất bản trong nước chịu áp lực của chính quyền lâu nay vẫn là điều thông thường, nhưng đây là lần đầu tiên một nhà xuất bản Mỹ chịu sự kiểm duyệt từ chính quyền Việt Nam.

Tuyển tập nói trên sẽ phát hành vào tháng Chín 1995, gồm truyện của các nhà văn quốc nội, các nhà văn hải ngoại và các nhà văn Mỹ, chủ đề chung là hậu quả chiến tranh Việt Nam. Trong các nhà văn hải ngoại có tên trong tuyển tập có Võ Phiến, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong.

• Nhà thơ Trần Hồng Châu ra mắt thi phẩm *Nhớ Đất Thương Trời*

Nhà thơ Trần Hồng Châu hôm thứ Bảy 19 tháng Tám vừa qua đã tổ chức ra mắt thi phẩm thứ hai của ông *Nhớ Đất Thương Trời*, tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt, Nam California. Khoảng trên

100 thân hữu đã đến tham dự buổi ra mắt sách của Trần Hồng Châu. Giáo sư Nguyễn Sỹ Tế và Thi sĩ Huyền Không—tức Thượng Tọa Thích Mãn Giác—đã phát biểu những điều tốt đẹp trong thơ Trần Hồng Châu.

Trần Hồng Châu yêu thích văn nghệ từ những năm thanh xuân. Ông từng cộng tác với tạp chí *Gió Mới*, *Tiền Phong* tại Hà Nội năm 1945-1946. Sau năm 1954, di cư vào Nam dạy học, làm chủ nhiệm tạp chí *Thế Kỷ Hai Mươi* tại Saigon vào những năm 60. Thời gian này ông viết cho nhiều tạp chí văn nghệ khác ở miền Nam như *Văn Hóa Á Châu*, *Văn*, *Vấn Đề*. Sau biến cố 1975, ông là một trong những người trí thức chịu đựng nhiều cảnh ngộ trên một quê hương đau khổ, và sau 15 năm ông mới đi ra nước ngoài, rồi tiếp tục viết văn, làm thơ, cộng tác các tạp chí ở hải ngoại như *Văn*, *Văn Học*, *Thế Kỷ 21*.

Tập *Nhớ Đất Thương Trời* in cách tập thơ đầu (*Nửa Khuya Giấy Trắng* do nhà Thanh Văn xuất bản) 3 năm. Sách do nhà xuất bản Thế Kỷ ấn hành.

Thơ, đối với thi sĩ Trần Hồng Châu là tâm hồn của ông. Ông Lê Đình Điểu, Giám đốc nhà xuất bản Thế Kỷ đã nói lên cái đam mê của thi sĩ Trần Hồng Châu đối với đứa con tinh thần của mình. Từ ngày đầu tập thơ được khởi sự đem in, cho đến lúc hoàn tất, Trần Hồng Châu sống bằng hơi thở của thơ, ông chăm chút từ tranh vẽ, chữ viết, trang in...

Giáo sư nhà văn Nguyễn Sỹ Tế cho rằng Trần Hồng Châu có một cảm quan đặc biệt về vũ trụ, và tình yêu thiên nhiên trong thơ ông lớn hơn cả tình yêu quê hương nữa. Thi sĩ Huyền Không nói rằng trong thơ Trần Hồng Châu có một vẻ đẹp vừa cổ kính, vừa thướt tha. Trong khi bàn về thơ Trần Hồng Châu, ông đã trích dẫn nhiều đoạn thơ và trong đó, đặc biệt ông thích nhất hai câu:

"Ngậm ngùi vạt áo Hà Đông
Một con bướm trắng bên sông những hờ"

Nhà thơ Viên Linh cho rằng, thi ca miền Nam giai đoạn 54-75, ba nhà thơ Trần Hồng Châu, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, mỗi người đã tạo cho mình một chỗ đứng riêng biệt. Và đối với Trần Hồng Châu, khác hẳn với Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, thơ ông có một sự kết hợp hài hòa của hai tâm hồn Tây Phương và Đông Phương.

Sau một số ý kiến về thơ của Trần Hồng Châu qua tập *Nhớ Đất Thương Trời* là phần diễn ngâm một số bài thơ trích trong tập này với sự phụ họa tiếng đàn dương cầm của nhạc sĩ Nguyễn Hiền, tiếng sáo Cao Đông Khánh.

• Kenzaburo Oe: "Xã hội chúng tôi rất dễ bị tổn thương."

Giải thưởng Nobel Văn Chương 1994, nhà văn Nhật Bản

Kenzaburo Oe trong một bài trả lời phỏng vấn tạp chí *Ngôi Sao*, Đức Quốc, cho biết "Xã hội Nhật rất dễ bị tổn thương." Theo Kenzaburo Oe, cách đây 20 năm, Nhật có một tầng lớp trung lưu rất đông đảo. Thế nhưng tầng lớp này ngày càng mỏng đi, và sự khác biệt giữa giàu và nghèo ngày càng gia tăng. Mức sống giảm xuống đối với nhiều người khiến họ lo sợ đi tìm kiếm người lãnh đạo. Nhưng trong sinh hoạt chính trị không có một người lãnh đạo như họ mong ước. Kenzaburo bảo: "Đây cũng là một nguyên nhân giải thích vì sao các giáo phái mới lại tìm được người ủng hộ một cách nhanh chóng như vậy. Nếu cuộc khủng hoảng kinh tế tiếp tục trầm trọng thì điểm yếu này của Nhật Bản sẽ càng rõ ràng hơn nhiều."

Nhận định này của Kenzaburo Oe cũng có thể giải thích được tại sao trong mấy năm qua, hàng chục giáo phái xuất hiện ở Nhật. Thế nhưng để giải thích việc rất nhiều người trẻ gia nhập các giáo phái này, Kenzaburo Oe nói: "Bởi vì thế hệ này không biết là họ cần phải tin vào một cái gì nữa."

Ông cho biết sau thế chiến thứ hai, ở Nhật có một phong trào dân chủ rất mạnh, và ông có tham gia vào phong trào này. Ông biết là những người trẻ cùng thế hệ ông tranh đấu cho dân chủ và tin vào dân chủ. Còn những người khác tin vào chủ nghĩa Cộng sản hay chủ nghĩa xã hội. Về sau, trong những năm 60, nhiều người đã hoạt động trong phong trào sinh viên giống như ở Mỹ hay Châu Âu. Tất cả những điều đó đã qua rồi. Các thế hệ trẻ hơn đang tìm một cái gì đó mà họ có thể tin tưởng. Và Kenzaburo Oe kết luận: "Điều này khiến tôi rất lo ngại."

• Nhà nghiên cứu văn học Huỳnh Như Phương nhận xét về các cây bút trẻ

Nhà nghiên cứu văn học Huỳnh Như Phương (trong nước), tác giả cuốn phê bình văn học *Những Tín Hiệu Mới*, trả lời phỏng vấn của báo *Thanh Niên* về những cây bút trẻ đã cho biết: "Họ (những cây bút trẻ trong nước) viết thoải mái, có không khí xã hội. Nếu Thu Huệ, Vàng Anh mà chịu áp lực tinh thần của mẹ (mẹ của hai nhà văn này cũng là những nhà văn) thì sẽ không viết được như vậy. Họ phóng khoáng trong chọn lựa chủ đề, nhân vật. Viết tự tin. Họ chọn lựa ngay trong đời sống, khai thác chuyện ở nhà, trong chung cư... Họ phát hiện những điều người khác không thấy. Điểm băn khoăn là cũng chính từ sự tự tin đó, một số ít có biểu hiện viết hơi nhanh, thí dụ Thu Huệ, chưa được tinh lắm. Nay họ viết nhanh, một đêm xong một truyện, xuất hiện liền liền. Như vậy cũng có ích, có không khí ngay. Nhưng ý tôi muốn nói phải điềm tĩnh trong sự xuất hiện, trong

chinh phục bạn đọc. Văn học là chất lượng. Bây giờ, một trang văn viết 7 lần như Tô Hoài ngày xưa không còn nữa."

Về cuốn *Hội Chợ* của Vàng Anh vừa được phát hành, Huỳnh Như Phương nhận xét:

"Có người cho là (Vàng Anh) lập lại. Chững lại. Lý do: cốt truyện vẫn như trước đây, lại không gây cấn như 'Kịch Câm,' 'Đất Đỏ.'" Nhưng ông cho là tập truyện mới này, nhân vật của Vàng Anh có cái lớn hơn trước, các nhân vật trẻ quyết liệt khẳng định mình. Họ tự thú, nhưng ý niệm về kẻ khác trong họ không rõ lắm. Tập mới này của Vàng Anh có ý niệm về kẻ khác rõ hơn, bao dung hơn, đúng đời thường hơn. Hoài trong Đất Đỏ chết để cho thấy sự hiện hữu có ý nghĩa hơn. Trong tập này, Vàng Anh không cần làm như vậy. Người bị nhiều bất hạnh vẫn sống. Cách nhìn nhận vấn đề đã thanh thản hơn."

Trên một bài báo khác, tờ *Phụ Nữ* số ra ngày 13.5.1995, dưới tựa đề "Điều quan trọng nhất: Chỗ đứng của những người cầm bút trẻ," Huỳnh Như Phương viết: "Giống như những cuộc chạy tiếp sức trong thể thao, một nền văn học lành mạnh bao giờ cũng cần có sự tiếp nối của các thế hệ. Nhưng cũng không hoàn toàn giống hiện tượng thể thao, giữa các thế hệ cầm bút trong văn học vừa có sự tiếp nối, lại vừa có sự đứt đoạn. Trong khi giẫm gót trên những đường đua có sẵn, các thế hệ nhà văn đến sau luôn luôn bị chi phối bởi nỗi cám dỗ của sự bứt phá để tìm ra những hướng đi khác, những con đường mới."

Ông cho rằng mỗi thế hệ đều mang trong lòng mình những nỗi hân hoan và niềm thống khổ riêng, do đó có cách cảm nhận riêng của mình về con người và thế giới. Sức tỏa chiếu của một thế hệ cầm bút này đối với một thế hệ cầm bút khác chỉ có ý nghĩa thật sự khi nó là nguồn kích thích cho năng lực sáng tạo. Và xét cho cùng thì bài học lớn nhất mà một tài năng để lại cho lớp nhà văn đến sau chính là bài học về sự vượt thoát khỏi cái từ trường của các thế hệ đàn anh để tự xác định cho mình chỗ đứng trong nền văn học.

• Tài năng và nhân cách của nhà văn

Tài năng và nhân cách của nhà văn có lẽ là một trong nhiều vấn đề văn học mà chúng ta có dịp sẽ đề cập đến trong những bài viết có chiều dày và chiều sâu hơn. Ở đây, xin mời quý bạn nghe một ý kiến của giáo sư Nguyễn Văn Hanh, *Phụ Nữ* bán nguyệt san số 7, 1995:

"Tầm vóc của một nền văn học được xác định bởi giá trị và ý nghĩa của những tác phẩm và tác gia mà nền văn học đó có được. Nhân vật trung tâm của văn học là nhà văn. Nhưng sự phát triển của văn học lại tùy thuộc vào rất nhiều

nhân tố, ngoài nhà văn."

Nhưng nếu nói riêng về nhà văn, thì trong lĩnh vực này điều có tác dụng quyết định là tài năng và nhân cách. Người ta hoàn toàn có căn cứ để nói rằng tài năng trong sáng tạo nghệ thuật thực chất là "thiên tài", tài năng chủ yếu có tính chất bẩm sinh, trời cho, "thiên phú", hầu như không thể đào tạo được, mà chỉ có thể phát hiện và bồi dưỡng sử dụng cho đúng cách...

Nhưng nhân cách thì ai cũng cần phải có, có thể có. Có những buổi nhân cách thậm chí còn quan trọng hơn tài năng. Những nhân cách lớn là chỗ dựa tinh thần, là niềm tin của cả cộng đồng. Mà người ta chỉ thật sự có nhân cách khi biết sống vì những lẽ phải lớn, biết tôn trọng chân lý, giữ được lòng trong sáng, trung thực trước mỗi thử thách của đời sống. Không có nhân cách thì hoặc sẽ ngông nghênh vô lối, hoặc sẽ khúm núm, xu thời, nói một đường làm một nẻo, không cần biết liêm sỉ, phải trái, xử sự miễn sao có lợi cho mình là được.

Muốn làm nhà văn thì phải sống sao cho ra người đã, phải có nhân cách. Chí lý thay!!

• Làm thế nào để những tác phẩm có thể sống lâu được?

Nhà văn Nga Tr. Anitmatov khi trả lời câu hỏi trên của Ph. Metvedev đã nói: "Đó là một câu hỏi rất phức tạp. Tôi nghĩ, chưa chắc ai có thể đưa ra câu trả lời chính xác và nói trước được rằng tác phẩm nào có thể sống lâu, tác phẩm nào sẽ chết nhanh. Mỗi tác phẩm cụ thể có số phận của nó, và cũng như số phận của nhà văn. Thời đại hiện nay tồn tại những quy luật chung của nghệ thuật, của văn học và của văn hóa..."

Liệu câu hỏi trên đây có thể là một đề tài của những người cầm bút chúng ta chăng?

• *Quà Muộn* của Nguyên Hương

Một truyện ngắn đoạt giải nhất cuộc thi "Văn Học Tuổi 20" trên tờ *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* số ra ngày 6.8.95, giới thiệu. Người đoạt giải nhất "Văn Học Tuổi 20", tác giả bài báo cho biết, vào tháng 4.1994, Nguyên Hương đã gửi đến tòa soạn *TTCN* một bản thảo "màu mực tím, nét chữ học trò không ghi địa chỉ. "Mối Tình Đầu" được viết sinh động lắm, cái tâm trạng yêu mà không dám nói của cậu học trò mới lớn, và cú ngông nghênh, vụng dại như thế cho đến lúc bạn ấy trở thành chị dâu... đã làm tòa soạn thú vị đến độ giới thiệu "Mối Tình Đầu" ra trang bìa. Sau khi tòa soạn nhắn tin muốn gặp mới biết "Nguyên Hương ở tận Đắc Lắc" và kèm theo một truyện ngắn mới nhất "Đón Bé Chào Đời." Rồi cứ thế, đều đặn, nhà văn Đắc Lắc gửi đến "Xin Tha Lỗi Cho Con," "Vòng Quay Ngày Tháng..." và vài ba

truyện nữa, khiến tòa soạn phải bị đặt vào thế: khoan dăng. Truyện nào cũng chỉ chấm hết bằng hai dòng ngắn ngủi: Đắc Lắc - Nguyên Hương khiến người phụ trách chuyện gửi nhuận bút sốt ruột.

Phải một năm sau tác giả mới ghi địa chỉ.

Và sau cùng theo đề nghị của tòa soạn, độc giả cũng được đọc lời tự giới thiệu của Nguyên Hương như sau:

Tôi sinh năm 1964 tại Buôn Ma Thuột, hiện nay là thợ may. Tôi có một con gái 10 tuổi.

Viết là ước mơ của tôi, từ thuở còn là học trò. Lớn lên, ước mơ ấy chìm dưới bao lo toan của cuộc sống thường ngày. Đôi khi tôi lại nhớ đến điều mình đã từng ước mơ với một nụ cười buồn. Một hôm tôi chợt hỏi mình: "Sao cứ hoài phải làm những điều mình cần mà không một lần làm điều mình thích?" Và tôi viết...

Khi "Mối Tình Đầu" xuất hiện tôi vô cùng sung sướng. Tôi đợi từng số báo ra như đợi đến giờ hẹn hò.

Văn Học đăng lại truyện ngắn "Quà Muộn" ở trang 133.

• Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước qua đời tại Sàigòn, thọ 82 tuổi.

Không đầy ba tuần sau ngày Văn Cao qua đời, ngày 1 tháng 8, 1995 nhạc sĩ Dương Thiệu Tước cũng vừa nằm xuống. Người báo tin buồn đầu tiên về sự ra đi của Dương Thiệu Tước là nhạc sĩ Phạm Duy. Ngay từ sáng sớm thứ Năm 3 tháng 8, 1995, Phạm Duy gọi đến toà soạn cho biết Dương Thiệu Tước không còn ở với chúng ta nữa.

Bài viết dưới đây của Phạm Duy tưởng nhớ Dương Thiệu Tước là một "điếu văn" rất cảm động của một người viết nhạc tiễn đưa một người viết nhạc.

Tưởng nhớ Dương Thiệu Tước
Phạm Duy

Khi Tân Nhạc mới được thành lập vào cuối thập niên 30, ở Hà Nội, người ta thấy xuất hiện nhiều nhóm nghệ sĩ tài tử nhưng chỉ có hai nhóm được coi là quan trọng, đó là nhóm MYOSOTIS (Hoa Lưu Ly) gồm có Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Vũ Khánh, Trần Du, Phạm Văn Nhường... và nhóm TRICEA gồm có Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn, Phạm Ngữ...

Trong nhóm MYOSOTIS, Dương Thiệu Tước là người có rất nhiều sáng kiến, vì ngay cả trong thời gian chuẩn bị của ngành nhạc khi nghệ sĩ Tự Chơi tung ra "nhạc cải cách" và phải vay mượn nhạc điệu Tây phương để soạn lời ca tiếng Việt (cho nên được gọi là "bài ta theo điệu tây")... thì Dương Thiệu Tước soạn những bài mà tôi gọi là "bài tây theo điệu ta." Đó là những bài mang những đầu đề bằng tiếng Pháp, như Joie d'Aimer Thú Yêu Đương), Souvenance (Hồi Niệm), Ton Doux Sourire (Nụ Cười Êm Ái Của Em)... Lời ca của những bài này là do

Thẩm Bích (anh ruột của Thẩm Oánh) soạn, dĩ nhiên là bằng Pháp ngữ. (Hôm qua, gọi điện cho người bạn đồng hành của Dương Thiệu Tước là nhạc sĩ Thẩm Oánh, hiện đang ở Virginia, để chia sẻ nỗi buồn với người bạn chung, tôi được biết thêm rằng nhạc điệu của bài Souvenance kể trên là nhạc điệu của bài Tâm Hồn Anh Tìm Em).

Và khi phong trào Tân Nhạc khởi sự thành lập và phát biểu thì Dương Thiệu Tước đã tung ra rất nhiều nhạc phẩm như Vầng Trăng Sáng, Tâm Hồn Anh Tìm Em, Một Ngày Mà Thôi, Bên Cây Lục Huyền Cầm, Dập Dìu Ong Bướm, Thuyền Mơ, Bến Xuân Xanh, Dưới Nắng Hồng, Sóng Lòng, Mơ Tiên v.v...

Dương Thiệu Tước là một trong những người chơi Tây Ban Cầm đầu tiên ở nước ta và ta có thể tin chắc chắn là ông đã nắm được nhạc pháp Tây phương. Cho nên những ca khúc Dương Thiệu Tước vào lúc khởi đầu, không ít thì nhiều, mang sắc thái Tây phương. Ông cũng không ngần ngại tuyên bố rằng: "Nếu đã có nhà văn Việt Nam viết văn bằng tiếng Pháp, thì nhà soạn nhạc Việt Nam cũng có thể viết được những bản nhạc có âm điệu Tây phương" khi ông được phỏng vấn về cách soạn nhạc Việt Nam (báo Việt Nhạc *số 5, ra ngày 16 tháng 10, 1948).*

Bây giờ, nghĩa là 50 năm sau khi Tân Nhạc thành hình, trong hoàn cảnh ở xa đất nước và rất thiếu thốn tài liệu, tôi đã cố gắng sưu tập những bản nhạc đầu tay của Dương Thiệu Tước để nghiên cứu những ca khúc đầu tiên của Tân Nhạc. Và tôi khám phá ra rằng: "Tuy nhạc sĩ họ Dương không câu nệ trong việc soạn ca khúc Việt Nam với âm giai Tây Phương, nhưng trong những ca khúc tuyệt vời mà ông viết trong thời kỳ thử thách này, đa số các nét nhạc đều là nhạc ngũ cung Việt Nam. Ví dụ bài Tâm Hồn Anh Tìm Em...

... Tuy ca khúc này được soạn theo thể điệu tango, do đó mang tính chất Tây phương nhưng rõ ràng nét nhạc của đoạn này nằm trong ngũ cung thuần túy:

Tâm hồn anh tìm em
Son mì son là đô
Theo lần sang lầu Thúy
Son mì son là mí
Dưới trăng ngà sao huyền
Rế đô là đô son
Lòng anh giá băng
Đô rê mí rê...

Dó là ngũ cung: Sol La Do Ré Mi

Dương Thiệu Tước nói rằng muốn dùng nhạc pháp Tây phương để soạn nhạc Việt mới, nhưng trong ông vẫn tiềm tàng cái vốn nhạc dân tộc là nhạc ngũ cung Việt Nam. Trong bản nhạc đầu tay của ông là Vừng Trăng Sáng, ta thấy về phần nhạc thuật, ông đã dùng hai hệ thống ngũ cung Do Re Fa Sol La và Sol La Do Re Mi trong bản nhạc này:

Đoạn đầu nằm trong ngũ cung Do re fa sol la:

Kìa vừng trăng sáng
Đồ rề fa lá
Chiếu in trên hồ

Lá son fa rề
Dưới làn trăng nước sóng lan nhấp nhô
Đô là đô rê fá rề fá rề

Đoạn sau nằm trong ngũ cung Sol la do re mi:
Mặt hồ rung rinh
Đồ rề fa son
Dưới khung trời tím
Son mì đồ lá
Có anh cùng em
Lá son fa son
Chúng ta vui hòa
Son mi rê sì
Trong một chiều thu
La sòn sì rê
Đắm say dưới trăng
Mí rê mí rê

Còn về nội dung thì, giống như những tác phẩm của Thẩm Oánh, Dzoãn Mẫn hay Văn Chung vào thời đó, tất cả đều mang tính chất duy nhiên hay lãng mạn, bài Vừng Trăng Sáng của Dương Thiệu Tước vẫn nói đến chuyện yêu nhau bên hồ, dưới trăng hay trong chiều thu...

Về sau, khi trong Tân Nhạc loại nhạc soạn theo dân ca được coi như phản ảnh đúng tâm hồn của dân tộc, Dương Thiệu Tước quay hẳn về nhạc ngũ cung để cống hiến cho ta những bài hát bất hủ như Tiếng Xưa, Đêm Tàn Bến Ngự... Ông học đánh đàn tranh và sử dụng nhạc cụ dân tộc này rất điêu luyện. Rồi trong ý muốn dung hòa cả hai hệ thống âm nhạc Việt, Âu cho nên ông chủ trương hình thức "cổ kim hòa điệu" nghĩa là hòa tấu những bản nhạc mới với đàn tranh Việt Nam cùng hòa điệu với giàn nhạc Tây phương.

○

Trong các tác phẩm của Dương Thiệu Tước, có nhiều bài đã đạt tới nghệ thuật rất cao như Ngọc Lan, Ước Hẹn Chiều Thu, Cánh Bằng Lướt Gió v.v... Hôm nay tôi chọn bài Trời Xanh Thẩm để thử phân tích cái đẹp của một trong những nhạc phẩm của ông.

Qua bài Trời Xanh Thẩm này, trước hết, tôi thấy trong phần giai điệu, Dương Thiệu Tước có nét nhạc đẹp hơn các nhạc sĩ vào thời đó, vì không còn là nét nhạc "âm chuỗi" (arpège) nữa.

Đoạn đầu của bài Trời Xanh Thẩm là một mệnh đề (leif-motif) nhạc ngũ cung - do re fa sol la, với mô phỏng (imitation) và tái diễn (répétition) để tạo cho ta một không khí xa xưa, khi chúng ta còn thơ, anh so phím, nắn cung đàn để dâng ngàn lời ca êm ái, rồi thì... em biệt tăm!

a) câu chính:
Còn đâu như lúc xưa
rề son la đố la
Ngày đôi chúng ta còn thơ
đồ rê fá rê đồ rê
So phím tơ bên thềm
rê fá rê đô là son
Anh hòa theo lời em
fà lá son fa rê đô là đô rê...
b) câu mô phỏng:
Ngàn lời ca êm ái
đồ rề fa son lá
Khiến anh đắm say hoài
đố lá son fa rê đồ
Và giờ đây em thấy

đồ rề fa son lá
Muôn ngàn lời không phai
đô là đô rê fá rê...

c) câu tái diễn: *(gần giống như câu đầu)*

Còn đâu như lúc xưa
Ngày đôi chúng ta còn thơ
Anh nắn cung đàn
Còn em thì biệt tăm...

Đoạn giữa của bài Trời Xanh Thẳm là nhạc dùng âm giai thất cung, giai điệu hơi giống nét nhạc của Chopin hay Schumann, kéo ta về ngày hôm nay, cũng vẫn còn buồn bã như ngày hôm xưa:

Hôm nay Đông đã trôi qua
la la la đố si la
Hôm nay Xuân đến với hoa
son son son si lá sol fa
Thấy nắng Xuân êm đềm
lá lá son fa rề
Mà chẳng thấy em tìm đến
là fá fá mi rề la
Bên song anh đứng trông trời
mi mi mi fá mi rê là
Bao la mây xanh tuyệt vời
rê rê rê si la son
Nắn nót mấy cung đàn
sí sí la sol mi
Lòng thấy như nát tan -
là fá mi lá rề...

Đoạn này có những chuyển cung (modulation) khá cổ điển, rất hợp lý, rất quyến rũ vì nét nhạc không có những "quãng" (intervalles) quá xa, quá trúc trắc mà là những nét nhạc có bán cung mềm dịu.

Cấu phong của ca khúc cũng rất là cổ điển: từ đoạn A qua B, rồi kết thúc bằng A...

Bài Trời Xanh Thẳm sẽ còn được hát mãi trong những thập niên sau vì nó đã là bản nhạc tình, nghiêng nhiều về "nhạc tình đôi lứa", không còn là thứ nhạc tình chỉ có "tha mây khóc gió" mà thôi. Đặc biệt hơn nữa, nhạc tình của Dương Thiệu Tước luôn luôn là mối tình của những nhạc sĩ, của nghệ sĩ. Có so phím tơ, có nắn cung đàn và sau này cũng vẫn có tơ chùng phím loạn trong một bản nhạc tuyệt vời của ông là bản Ngọc Lan. Nhạc Dương Thiệu Tước, theo tôi, là loại nhạc tình tú, nhưng cũng rất sang trọng. Đó là những ca khúc tình ái thốt lên từ con tim của một nghệ sĩ dòng dõi nhà quan.

Hôm nay, ở đây, vào lúc chúng ta hội họp bên nhau để tưởng nhớ Dương Thiệu Tước, tôi muốn được công khai cám ơn anh Tước đã sáng tác ra bài Trời Xanh Thẳm mà tôi vừa được hân hạnh hầu chuyện quí vị. Cách đây gần 50 năm, khi tôi đi tìm tình yêu ở một người thiếu nữ thì người đó đã ru rôi bằng bài hát Trời Xanh Thẳm. Người đó đã trở thành người bạn trăm năm của tôi. Có thể nói, anh Tước đã là người mối mai cho chúng tôi thành vợ thành chồng. Anh Dương Thiệu Tước, anh đang ở đâu đó... xin hãy nghe lời cám ơn rất nồng nàn của riêng tôi.

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Hoàng Trọng Lan Calgary Canada; Trần Quán Niệm Marlton NJ; Đỗ Đức Trọng Germany; Thúy Nga Munson Sunnyvale CA; Thân văn Thuận Wheeling IL; Tôn Thất Chiểu Langley Park MD; Đoàn Thanh Hoàn Nguyệt San Diego (mua báo tặng bạn); Lâm Chương Dorchester MA (khiếu nại mất báo); Nguyễn Tường Giang Falls Church VA, Hoàng Chiều Nhân Québec Canada; Lê Bửu Tấn Houston TX, Trần Hữu Khánh TX; Thủy Việt Trần Hawthorne CA; Nguyễn Ngọc Danh Dortmund Germany; Hung Nguyen Boston MA; Nguyen H. Lan Seattle WA; Nguyen Dinh Cuong Cerritos CA; Nguyen Chi Thanh St Paul MN; Mai Ngọc Phước Genève Suisse; Nguyen Xuan Sinh Falls Church VA (trả lại sách Văn Nghệ gửi lầm),Michael Minh Duong PQ Canada, Trần văn Sơn Van Nuys CA; Vũ công Định Bellevue WA, Đàm Quang Trung San Jose CA, Hồ Sĩ Khuê Paris France.

Báo bị trả về: My D. Do Chicago IL; Dương Quốc Hồng Bundoora, Victoria Australia;

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Người quẫn trí gửi từ Somerset NJ; Về gửi từ Burkittsville MD; Ông tướng sang sông gửi từ Falls Church VA, Thơ mông lung, thi ca phản kháng hiện đại Trung hoa, Căn nhà cho chúng mình, Cuộn khói, Con mèo, Chom-Nye gửi từ Dallas TX; Lầu xép gửi từ Burkittsville MD; Bờ xa đã cạn gửi từ Reims France; Người quẫn trí gửi từ Somerset NJ; Nắng trên đồi gửi từ Worcester MA, Tháng bảy mưa ngâu gửi từ Somerset NJ; Đồi trăng gửi từ Lancaster CA; Cuối năm gửi từ San Jose CA; Fatima Crusader Buffalo NY; Dấn thân gửi từ Santa Ana; Thiên hạ lìa xa gửi từ Gauting Germany; Rick gửi từ Bakerfield CA; Cao hơn mọi khổ đau, cao hơn niềm hạnh phúc gửi từ Westminster CA; Thư và tin của Đỗ Kh; Mỗi ngày mỗi xa, Nhìn bóng ta cho lãng quên đời gửi từ Falls Church VA; Thông điệp của thế kỷ hai mươi..., Sợi lông sợi tóc người tình trên đỉnh hư vô, Khỏa thân gửi từ San Jose CA; Thư chị Nguyễn thị Chân Quỳnh Paris France; Thông điệp chính trị trong Đoạn Tuyệt gửi từ Blythe CA; Cụ và Chắt gửi từ Artesia CA; Hãy thả linh hồn đi lang thang trong những vùng thâm u, Ngày trọng đại, Mất ngủ, Một người tuyệt vọng gửi từ Portland OR; Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc gửi từ Montreal Canada; Những ngày ở đảo, Bãi chiến (thay thế bản thảo cũ) gửi từ Somerset

NJ; Đồng đòng gửi từ Manchester CA; Rối bời gửi từ Gloucester Ontario Canada; bài thơ gửi qua e-mail của P.C.L. ở Houston TX.

• Phỏng vấn 20 năm văn học hải ngoại

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của các văn hữu: Triều Hoa Đại, Hàn Song Tường

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác. Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại.

🕮 ***Tuyển tập bình luận chính trị***, của Trần Bình Nam, Mõ Làng San Jose xuất bản và phát hành, gồm những bài nhận định chính trị tác giả viết từ 1991-1994 đã đăng trên các báo Việt ngữ hải ngoại, xếp đặt theo thứ tự Việt Nam, Thế giới, Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Trung quốc, Đông dương. Trần Bình Nam là bút hiệu của ông Trần văn Sơn, cựu sĩ quan hải quân cấp tá, cựu dân biểu Việt Nam Cộng hòa, hiện là một trong những nhân vật lãnh đạo quan trọng của tổ chức Phục Hưng. Vì theo sát thời sự Việt Nam và thế giới để viết những bài nhận định thời cuộc in trong tuyển tập, nên tác giả yêu cầu người đọc đặt mình vào thời gian viết của tác giả để có nhận định chính xác hơn. Thiết tưởng yêu cầu như vậy là thừa, vì ai cũng biết những bài bình luận thời cuộc thường dễ bị chính thời cuộc vượt qua, biến thành lỗi thời trong một thời gian ngắn. Bạn đọc tìm đọc tuyển tập này sẽ không quan tâm đến thời gian tính, mà quan tâm đến cách nhìn của Trần Bình Nam về thời cuộc nhiều hơn. Có thể bạn đọc sẽ rút ra được hai kết luận như người giới thiệu sách mới: một - tác giả là một người thiết tha yêu nước; hai - tác giả là một nhà hoạt động chính trị quá lý tưởng, vì vẫn còn tin tưởng rằng kẻ sĩ là lực lượng lãnh đạo quan

trọng của xã hội loài người.

Sách dày 350 trang, giá 15 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc:
NXB Mõ Làng
774 Geary Street
San Francisco, CA 94109
Phone: (415) 673-6836

📖 ***Một nửa đàn ông là đàn bà***, tiểu thuyết của Trương Hiền Lượng, một nhà văn hiện đại rất nổi tiếng của Trung quốc, Văn Nghệ tái bản từ nguyên bản in ở Việt Nam, bản dịch của Phan Thịnh. Sách dày 366 trang, giá 16 Mỹ kim. Trương Hiền Lượng sinh năm 1936 tại Nam Kinh, bị bắt vì tội "hữu khuynh" năm 1957 chỉ vì mấy bài thơ. Suốt hai mươi năm sau đó ông hết ở tù lại sang trại cải tạo lao động, khổ sai nông trường..., mãi đến 1979 mới được phục hồi về chính trị, được viết trở lại và làm chủ biên tạp chí văn chương ở Ninh Hạ, một tỉnh tây bắc Trung quốc. *Một nửa đàn ông là đàn bà* đưa ông lên hàng tác giả quốc tế và được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Tiểu thuyết có nhiều chất tự truyện mô tả đời sống vật chất cũng như tinh thần vô cùng nghiệt ngã trong trại lao cải Trung quốc, được lồng trong một chuyện tình ăm ắp những mâu thuẫn phức tạp của thơ mộng lãng mạn, tình dục bị ức chế, ngoại tình; sự tha hóa chính trị và guồng máy cải tạo phi nhân pha trộn với sự cao vĩ của thiên nhiên, khát vọng nhân bản của con người.

Đề tài tù cải tạo qua ngòi bút một thiên tài trở thành một đề tài phong phú, đa dạng. Có thể xem đây như một cuốn "Bác sĩ Zhivago Trung quốc", nhưng đọc Trương Hiền Lượng thú hơn đọc Pasternak vì khung cảnh đời sống gần gũi với Việt Nam hơn.

Một cuốn sách hay cần tìm đọc! Sách có bán tại các hiệu sách, hoặc liên lạc với địa chỉ:

Nhà xuất bản Văn Nghệ
PO Box 2301
Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

📖 ***Những bức tranh thủy mặc***, tập truyện rất ngắn của Trần Vĩnh Phố, Tự Do (Canada) xuất bản, sách dày 70 trang, bản đặc biệt để biếu không đề giá bán. Bạn đọc đã đọc một số truyện thật ngắn của Trần Vĩnh Phố đăng trên Văn Học, chắc đã nhận ra cái tài viết những truyện ngắn gọn mà hàm súc, nhiều thời sự tính của anh. Tác phẩm "Những bức tranh thủy mặc" có thể xem là những nét biếm họa dí dỏm mà sâu sắc của tác giả về những gì xảy ra trên quê hương, dưới chế độ cộng sản. Sách in hạn chế, Tòa soạn không biết tác giả có phát hành trên thị trường hay không. Có một ghi nhận nhỏ: Có nhiều lỗi chính tả quá, nhất là lỗi về dấu hỏi ngã.

📖 ***Đoản văn xa nước*** của Vũ Khắc Khoan, tập di cảo của tác giả *Thần Tháp Rùa* do gia đình nhà văn phối hợp với nhà xuất bản An Tiêm ở Pháp ấn hành, gồm những đoản văn, tùy bút bàng bạc mùi thiền, mà nhà văn Nghiêm Xuân Hồng xem là những tuyệt tác của Vũ Khắc Khoan. Sách in vô cùng trang nhã do công phu chăm sóc của anh Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm. Tác phẩm cuối cùng của một nhà văn quan trọng trong nhóm Quan Điểm thuở nào là một cuốn sách nên tìm mua, tìm đọc.

Cũng theo thông báo của anh Thanh Tuệ, nhà xuất bản An Tiêm ở Pháp sắp phát hành một loạt những cuốn sách giá trị, như *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* của Nguyễn Du, với chú thích và hiệu đính của Hoàng Xuân Hãn, *Truyện Quán Âm Thị Kính* với chú giải của Thiều Chửu, *Lối Xưa Xe Ngựa*... tập khảo luận sử học của Nguyễn thị Chân Quỳnh.

Đoản văn xa nước hiện có bày bán tại các hiệu sách.

📖 ***Thiên đường phàm tục*** tập truyện ngắn của Dương Thành Vũ, Thanh Văn xuất bản, với lời giới thiệu của nhà văn Bửu Ý. Dương Thành Vũ là một nhà văn hiện ở trong nước. Các truyện ngắn của ông cho bạn đọc hải ngoại một cái nhìn khá chính xác về những gì đang xảy ra trên quê hương, nhờ lối mô tả hiện thực gọn ghẽ và có chiều sâu.

Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành, địa chỉ liên lạc 2301 Westminster CA 92683. Phone: 714-527-5761.

📖 ***Thơ Nguyên Sa tập ba***, thi tập mới nhất của Nguyên Sa, Đời xuất bản, bìa của Nguyên Khai, phụ bản của Ngọc Dũng, Cao Tuân, Nguyên Khai, minh họa Nguyễn Trọng Khôi, thơ dịch của Bồ Đại Kỳ, kèm thêm một số hình ảnh tác giả và gia đình. Sách dày 144 trang, giá 10 Mỹ kim.

Thơ Nguyên Sa tập 3 gồm hai thể loại lục bát và tự do, sáng tác trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1988 cho tới tháng 6 năm 1995. Tháng 8 năm 1988 là thời điểm tác giả bị giải phẫu ung thư cổ, bài thơ đầu tiên của tập thơ Hậu Giải phẫu cũng là bài đầu tiên của thời gian này. Những bài thơ kế tiếp không xếp theo thứ tự thời gian. Do ảnh hưởng của bệnh tật và tuổi già, thơ Nguyên Sa trong tập này mang một sắc thái khác hẳn thơ Nguyên Sa lâu nay bạn đọc ưa chuộng: trầm hơn, đơn giản mà sâu lắng.

📖 ***Nhìn xuống cuộc đời***, tập tùy bút suy tư cảm nghiệm của nhà văn Quyên Di, Thời Điểm xuất bản, bìa của Phạm Hoàng, phụ bản của Ann Phong, ảnh của Nguyễn Đức Cung, sách dày 234 trang, giá 15 Mỹ kim. Quyên Di vẫn thường được bạn đọc xem là nhà văn của tuổi hoa. Nhưng trong tập suy tư cảm nghiệm này, ông còn đóng

thêm một vai trò xuất sắc khác: vai trò một người rao giảng niềm hạnh phúc được hồng ân Thiên Chúa bảo bọc. Chủ đề của những suy tư cảm nghiệm trong tập sách là Đạo, nhưng qua ngòi bút Quyên Di, Đạo có nét Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Thời Điểm, PO Box 2847 Garden Grove CA 92642, USA.

Phone: 714-530-6301.

Đính chính: Do sơ suất của tòa soạn, trên Văn Học đã có những lỗi ấn loát và sai lầm quan trọng sau đây, kính xin bạn đọc đính chính giùm:

* ***Văn Học số 111:*** Phần *Ghi chép*, trang 143, đo ghi lại bài của Stephen Denny trên Internet không có dấu Việt và thiếu tài liệu kiểm chứng, nên tác phẩm mới của Chu Lai in sai, xin sửa lại thành *"Ăn mày dĩ vãng"*. Ngoài ra *"Đống rác cũ"* không phải của Hà Minh Tuân, mà của Nguyễn Công Hoan.

* ***Văn Học số 112:*** Bài *"Thơ Hoa"* của Nguyễn Phan Thịnh, câu chót xin sửa lại thành *"Là cả thời Không rộ một khi"*.

Bài *"Đoản khúc tình"* của Phan Minh Khánh, trang 129, do lỗi kỹ thuật có hai chỗ sai vô nghĩa, xin sửa lại:

Câu 8: *Tóc* lưng trời bơ vơ;

Câu 17: *Bên* trời sông nước mỏi.

Xin cáo lỗi cùng các tác giả và bạn đọc.

Đính chính về bài "Không gian và Thời gian Trong Thơ Vương Duy"

Khi viết bài "Không gian và Thời gian Trong Thơ Vương Duy" (Văn học, số 102, th. 10.1994) chúng tôi đã dựa vào một cuốn *Sở Từ* viết bằng Hoa ngữ, nhưng không ngờ sách có nhiều chữ in sai mà lại không có bảng đính chính và vài bài đánh sai số dòng, vì thế khi dẫn chứng chúng tôi đã dẫn sai. Nay chúng tôi mua được các cuốn *Ái quốc Đại Thi nhân Khuất Nguyên* của Trịnh Hồng chi (Trang nghiêm xuất bản xã, Đài bắc, in lần 2, 1982), *Tân dịch Sở từ Độc bản* của Phó Tích nhâm (Tam Dân Thư cục, Đài bắc, in lần 4, 1984) và *Three Elegies of Ch'u* của Geoffrey R. Waters (University of Wisconsin Press, Madison, Wisconsin, 1985) xem thì mới biết có sự sai lầm.

Xin quí độc giả vui lòng sửa những sai lầm sau:

1. Tr. 34 dòng 14: "Xuân thảo sinh hề thanh thanh" xin đọc là *"Xuân thảo sinh hề thê thê."* Tuy "thanh thanh" và "thê thê" cùng diễn tả một ý là "xanh tươi, xanh um" nhưng cần sửa lại cho đúng với nguyên văn của tác giả.

2. Tr. 37 dòng 25, tr. 38 dòng 13 và 16, 17: "câu thơ 22 và 23 của Khuất Nguyên" xin đổi là *"câu thơ 21 và 22 của Khuất Nguyên."*

3. Tr. 37 dòng 27 30: "Thải bích lệ hề thủy trung/Tiềm phù dung hề mộc mạt. (Nào ai trong nước

lượm bích lệ/Hay hái phù dung trên ngọn cây) xin đọc là *"Thải tiết lệ hề thủy trung/Khiên phù dung hề mộc mạt. (Nào ai trong nước lượm tiết lệ/Hay hái phù dung trên ngọn cây)*

4. Tr. 38 dòng 5: "Liễu tiêu dao hề dung dữ" xin đọc là *"Liêu tiêu dao hề dung dữ."*

Ngoài ra, tr. 34 dòng 11 và 12 có một đoạn chúng tôi đánh máy thiếu. Xin sửa câu "bài Chiêu ẩn sĩ của Khuất Nguyên..." như sau: *"bài Chiêu ẩn sĩ của một tác giả khuyết danh, người ở trong phủ Hoài nam vương Lưu An. Vương là tác giả một bài giới thiệu và phê bình thi phẩm Ly tao của Khuất Nguyên..."*

Xin thành thật cáo lỗi cùng quí độc giả.

Tạ quốc Tuấn

"LỐI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

AN TIÊM

THÔNG BÁO

Kể từ đầu tháng 7 năm 1995, Văn Học đã hiện diện trên hệ thống CompuServe. Đây là một cố gắng của Ban Chủ trương nhằm khai thác phương tiện thông tin hiện đại, cải thiện việc liên lạc giữa văn hữu, độc giả và toà soạn. Qua hệ thống CompuServe, văn hữu và độc giả có thể gởi *e-mail* đến Văn Học, gởi các sáng tác phẩm của mình, hay bày tỏ ý kiến về các bài đăng tải và hiệu năng quản trị của Văn Học. Để việc sử dụng CompuServe được hiệu quả, Văn Học xin lưu ý các điểm sau đây:

1. Địa chỉ của Văn Học trên CompuServe là **102435,3524**
2. *E-mail* có thể viết bằng tiếng Anh hay tiếng Việt.
3. *E-mail* nên ngắn, gọn, rõ ràng.
4. Văn Học sẽ trả lời theo địa chỉ của người gởi, qua hệ thống CompuServe.

Văn Học đang chuẩn bị để có mặt trên hệ thống *Internet, World Wide Web (WWW). Web document* của Văn Học có *Home Page* với hình bìa số báo phát hành trong tháng, mục lục, một vài truyện ngắn và thơ tiêu biểu, kèm theo hình của tác giả.

Để chuẩn bị cho việc thực hiện *Web document*, Văn Học xin các văn hữu mỗi khi gởi bài, *gởi kèm theo một tấm hình* (chỉ gởi một lần, trừ khi tác giả muốn thay đổi). Nếu viết bài bằng máy điện toán, *gởi thêm đĩa (3.5")*, ghi rõ tên bài viết (file name), bộ chữ Việt (VNU, VNI, VNLabs,v.v), chương trình ứng dụng (Word, WordPerfect, Ami Pro, v.v.).

Văn Học hiện sử dụng bộ chữ Việt VNU, Word for Window 6 và PageMaker 5 để thực hiện tờ báo, nhưng có khả năng đọc và hoán chuyển bài viết dùng các nhu liệu khác.

Văn Học sẽ thông báo đến độc giả sau khi hoàn tất phần kỹ thuật và sẵn sàng lên *net*.

Lần đầu tiên Ca Đoàn ***Westminster Chorale***
của cộng đồng Mỹ sẽ hợp cùng
Ban Hợp Xướng ***Ngàn Khơi*** *hát ba bài:*
Se Chỉ Luồn Kim, America The Beautiful
và ***You'll Never Walk Alone***
trong

Đêm NGÀN KHƠI

9-9-1995

Một chương trình hòa nhạc đặc sắc để đánh dấu 20 năm người Việt lìa xa quê hương.

- **Những ca khúc Việt Nam và Hoa Kỳ được trình bày đơn ca, tứ ca, ngũ ca và hợp xướng với sự góp mặt của 100 ca viên Mỹ Việt.**
- **Dân ca Việt Nam • Hòn Vọng Phu 1, 2, 3**
- **Tổ khúc "1975" của Lê Văn Khoa (Hai hành âm Trên Biển Cả và Bài Ca Hy Vọng)**

Nhạc trưởng ***Lê Văn Khoa, Trần Chúc, Raymond Woods*** *điều khiển*

- **Dàn nhạc hòa tấu gồm 50 nhạc sĩ Việt Mỹ**
- **Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi * Ban Hợp Xướng Westminster Chorale**
- **Quỳnh Giao, Thái Hiền, Thiên Thanh, Bích Liên, Vũ Anh, Nguyễn Thành Vân, Ban Thiếu Nhi Ngàn Khơi.**

Thứ Bảy, đúng 8 PM, ngày 9 tháng 9 năm 1995

LA MIRADA THEATRE

14900 La Mirada Blvd., La Mirada, CA 90638

(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

Giá vé ân nhân $50. Giá vé đồng hạng $25. Vé có bán trước ở Bích Thu Vân, Tú Quỳnh, Tự Lực, Văn Khoa.
(Ngân phiếu xin đề tên: Ngan Khoi Chorus, và gửi về: 14265 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643. ĐT: (714) 531-2773)

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước, muốn nắm bắt những vấn đề, muốn đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, văn hóa, nghệ thuật...

Phải tìm đọc

Tạp chí ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới. Giá mỗi số $4.00 — mua dài hạn $40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ $52; Canada $58; Âu châu $76; Á, Úc $86.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về THẾ KỶ 21, PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 USA.
Tòa soạn: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.
E-mail 75504.3510@compuserve.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____ _____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THU VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

MỘT NỬA ĐÀN ÔNG LÀ ĐÀN BÀ

Tiểu thuyết của Trương Hiền Lượng,
Phan Thịnh dịch

Trương Hiền Lượng là một tiểu thuyết gia hàng đầu hiện nay của Trung Quốc. Ông bị tù năm 21 tuổi chỉ vì một bài thơ và suốt hai mươi năm bị chuyển từ trại cải tạo này đến nông trường khổ sai khác. Kinh nghiệm lao tù của ông trở thành chất liệu mang nhiều tính tự truyện của ***Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà***, tác phẩm đã đưa Trương Hiền Lượng thành nhà văn có tầm mức quốc tế. Với kinh nghiệm lao tù, những suy tư của người trí thức trong cái hỗn loạn phi nhân của "cách mạng văn hóa", Trương Hiền Lượng dùng tài năng của mình biến thành một tuyệt phẩm đa diện gồm đủ: tình yêu, tình dục, triết lý nhân sinh, triết lý chính trị, cái thi vị của thiên nhiên, cái bi hùng của đời sống... Một **"Bác sĩ Zhivago Trung Quốc"**, và đối với bạn đọc Việt Nam (nhất là những người đã từng sống dưới chế độ cộng sản), đọc Trương Hiền Lượng thú hơn đọc Boris Pasternak vì gần gũi hơn, Đông Phương hơn.

Sách dày 368 trang.
Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ thêm 3 MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

Giá:$4.00